

Tác giả: PHILIPPE GIRARDET

Dịch: PHẠM CAO TÙNG

Thể loại: Tâm Lý Học

Xuất bản năm 1956

Sachvui.com



BIẾT NGƯỜI

TÂM LÝ HỌC

ÁP DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG THỰC TIỄN



Thư viện văn học online
www.vnthuquan.net

Tác giả: PHILIPPE GIRARDET

Dịch: PHẠM CAO TÙNG

Thể loại: Tâm Lý Học

Xuất bản năm 1956



BIẾT NGƯỜI

TÂM LÝ HỌC
ÁP DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG THỰC TIỄN

Thông tin ebook

Tên sách : Biết Người

Nguyên tác : La Connaissance Des Hommes

Tác giả : Philippe Girardet

Dịch giả : Phạm Cao Tùng

Thể loại : Tâm lý học

Năm xuất bản : 1956

Đánh máy : ldlvinhquang

Chuyển sang ebook (TVE) : santseiya

Ngày hoàn thành : 26/10/2008

Nơi hoàn thành : Hà Nội

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU CỦA DỊCH GIẢ

PHẦN MỘT: CÁ TÍNH CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I - NHỮNG LỢI ÍCH CỦA TÂM LÝ HỌC

CHƯƠNG II - NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỦA TÂM LÝ HỌC

CHƯƠNG III - NHỮNG CHỨNG BỆNH TINH THÂN DO THỂ TẠNG GÂY RA

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG V - CÁ TÍNH TẬP THÀNH

CHƯƠNG VI - TÂM TRÍ

CHƯƠNG VII - TÂM TÍNH

CHƯƠNG VIII - CÁI PHƯƠNG TRÌNH CỦA CÁ TÍNH

PHẦN HAI: TÂM LÝ ĐỘNG

CHƯƠNG I - GUỒN MÁI CỦA TÂM NÃO

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

CHƯƠNG IV - Ý CHÍ

PHẦN BA: NHỮNG ÁP DỤNG CỦA TÂM LÝ HỌC

CHƯƠNG I - BẠN BÈ VÀ GIA ĐÌNH

CHƯƠNG II - HÔN NHÂN VÀ HỢP ĐOÀN

CHƯƠNG III - ÁI TÌNH VÀ PHỤ NỮ

CHƯƠNG IV - TÂM LÝ HỌC VÀ VĂN CHƯƠNG

CHƯƠNG V - TÂM LÝ HỌC VÀ NGHỆ THUẬT BÁN HÀNG

CHƯƠNG VI - VẤN ĐỀ TUYỂN TRẠCH
CHƯƠNG VII - BÀN VỀ CÁCH CHỌN
NHỮNG NGƯỜI GIÚP VIỆC
CHƯƠNG VIII - BÀN VỀ LỐI KHẢO XÉT
NGƯỜI CÁCH TRỰC TIẾP
CHƯƠNG IX - TÂM LÝ HỌC ÁP DỤNG VÀO
VIỆC CẢI TẠO BẢN THÂN
CHƯƠNG X - MÊ TÍN, TẬP TỤC VÀ TÍN
NGŨNG
CHƯƠNG XI - NHỮNG THỨ THUỐC ĐỘC
GIẾT NGƯỜI
CHƯƠNG XII - CẦN LAO, TỰ DO VÀ HẠNH
PHÚC

LỜI NÓI ĐẦU CỦA DỊCH GIẢ

Tâm lý học là một khoa học người ta thường nhắc nhở đến nhiều nhất, song cũng là một môn khoa học mà ít người hiểu nó nhất, lại càng ít người biết áp dụng một cách hữu ích trong đời sống thực tiễn.

Trong rạp hát, sau khi anh kếp cao hứng xỏ một tràng lý luận dài dòng và kết thúc bằng một câu đại để: “Tiền! Tiền! Than ôi đời này chỉ có tiền, chỉ vì tiền, tiền là tất cả. Tiền! Tiền! Vì mi mà người ta đã phạm bao nhiêu tội ác”. Một tràng pháo tay phát lên từ những hàng ghế cuối cùng, ông khán giả ngồi kế tôi cũng gật đầu nói với người bạn: “Đúng là tâm lý hết sức!”.

Cô Hai bán hàng đọc xong một quyển “tâm lý xã hội ái tình, tiểu thuyết” trong đó kể lại một câu chuyện cũ rích như quả địa cầu đại khái: Chàng yêu nàng, dan díu với nàng, nhưng sau đó nghe lời cha mẹ bỏ rời nàng để cưới một cô gái khác có bề thế hơn, bình phẩm với cô bạn đồng sự: “Thật đúng là tâm lý người đời!”.

Đó, đại để phần đông người ta chỉ hiểu tâm lý học qua một vài điểm tâm lý sơ đẳng như thế. Ngoài ra họ không biết rõ tâm lý học nghiên cứu những gì, những phương pháp hoặc công dụng của tâm lý học ra sao cả.

Chúng ta đừng nghĩ rằng những người văn hóa khá cao, những người đã từng theo học lớp triết học ban tú tài chẳng hạn có một ý niệm rõ rệt hơn về tâm lý học. Vâng, trong những lớp triết học họ có học qua môn tâm lý học thật, các giáo sư giảng giải cho họ biết những sinh hoạt của tình cảm, của trí thức, có định nghĩa cho họ hiểu thế nào là ý thức, thế nào là vô thức. Họ cũng phân loại các khuynh hướng, các cảm giác, các ảnh tượng. Họ cũng biết phân biệt thuyết chủ nghiệm khác thuyết chủ lý ra sao. Nhưng sau mấy năm đèn sách, mớ trí thức họ đã thu thập về tâm lý học vẫn lẻ tẻ, rời rạc, có thể thỏa mãn óc tò mò của trí thức nhiều hơn là giúp ích cho họ. Vì thế không mấy người biết nhận định một cách rõ rệt,

tổng quát về cái “khoa học của đời sống” ấy và khi bước ra thực tế không mấy người biết áp dụng tâm lý học một cách có ích lợi.

Về tâm lý học, ngoài các phần tâm lý học thuần túy mà người ta cũng gọi là tâm lý học ở nhà trường, còn phần tâm lý học thực tiễn, cái phần tâm lý học “có thể dùng vào một công việc gì” mà các nhà tâm lý học hiện giờ, nhất là những nhà tâm lý học Anh-Mỹ vốn vẫn có óc thực tiễn, đặc biệt chú trọng và đang hướng những tìm tòi, khảo cứu của họ vào đó.

Người ta có thể áp dụng tâm lý học vào các ngành đại để:

Về y học: Khoa phân tâm thần học, tâm lý học.

Về chức nghiệp: Hướng dẫn trong việc chọn nghề, tuyển trạch người làm, tổ chức công việc làm.

Về giáo dục: Hướng dẫn việc học, tuyển trạch, tâm lý nhi đồng, khoa sư phạm.

Về thương mại: Bán hàng, quảng cáo.

“Và ngay trong đời sống hàng ngày, người ta luôn luôn có dịp nhờ đến tâm lý học để nhận định rõ rệt cá tính của người mình giao tiếp, để hiểu rõ dự vọng, sở thích của họ, để biết họ muốn gì, suy nghĩ những gì và cảm tưởng họ ra sao. Người bán hàng cần biết gợi sự ham thích của khách hàng để họ mua hàng. Nhà y sĩ cần biết phán đoán về người bệnh. Viên sĩ quan cần hiểu những binh sĩ dưới tay mình. Nhà văn cần hiểu tâm lý các nhân vật mình tạo ra. Vợ chồng cần hiểu nhau. Cha mẹ cần hiểu con cái.

Đó âu cũng là một khuyết điểm lớn của nền giáo dục hiện tại, chỉ quan tâm đến chữ “Trí” mà ít nghĩ đến chữ “Hành”, chỉ lo dạy cho bạn trẻ “biết” thật nhiều điều mà không dạy cho chúng “biết hành động” hoặc ít ra vạch cho chúng “biết đường lối để hành động”. Các giáo sư thường nhồi nhét vào óc các sinh viên mớ hiểu biết hỗn tạp với những lý thuyết, những giả thuyết, những tài liệu, những thí nghiệm mà các nhà tâm lý

học xưa nay đã thâm thập. Có mấy người đã biết vạch cho bạn trẻ rõ: Bằng cách nào người ta có thể dùng tâm lý học để phát triển cá tính của mình, có thể dùng kỹ thuật tâm lý học nào để làm cho mình thêm sức hăng hái hoạt động hoặc thêm sức chịu đựng, dùng tâm lý học cách nào để quan sát, phân tách và nhận xét tâm tính của những người mình gần gũi?

Vì thế, đa số các bạn trẻ (kể luôn những bạn trẻ có học) rất ngỡ ngàng khi bước ra đời thực tế và họ thường tỏ ra bất lực khi phải hành động. Mớ kiến thức của họ chỉ là những món đồ trang hoàng chứ không phải là những dụng cụ có thể giúp họ xây dựng một đời sống tươi đẹp cho riêng cá nhân họ chứ đừng nói đến việc thực hiện những công cuộc gì lớn lao có thể giúp ích cho xứ sở, cho nhân loại.

Quyển “La Connaissance Des Hommes” của Philippe Girardet mà chúng tôi đã dịch và trình diện sau đây là một quyển sách thực tiễn. Tác giả vốn là một nhà văn nhưng đã từng lăn lộn trong giới doanh nghiệp, gần gũi với thực tế nên những sách ông soạn phần nhiều đều có tính cách thực tiễn. Dựa vào một lý thuyết về cá tính con người của hai giáo sư F. Achille Delmas và Marcel Boll, ông thử áp dụng thuyết ấy vào đời sống thực tiễn và theo lời ông thú nhận: “Không lúc nào ông thấy nó sai”. Đặc biệt nhất là ông đã khéo trình bày một vấn đề trừu tượng bằng một cách rất “sống”, ông đã khéo giảng giải một khoa học khúc chiết một cách rất sáng sủa.

Riêng chúng tôi, cũng nhờ may mắn có dịp đọc qua quyển “La Personnalité Humaine” của F. Achille và M. Boll mà thấy thích thú nghiên cứu về tâm lý học và cũng đặng hiểu nó một cách rõ ràng hơn. Chúng tôi cũng đã thử áp dụng tâm lý học một cách ích lợi trong nhiều ngành mà chúng tôi đã có dịp trình bày với độc giả hai quyển “Nghề Bán Hàng” và “Tâm Lý Ái Tình”. Cũng từ lâu rồi, chúng tôi có ý định giới thiệu lý thuyết của hai giáo sư ấy với độc giả trong nước nhưng chưa biết phải trình bày thế nào cho dễ hiểu vì nếu dịch thẳng quyển “La Personnalité Humaine” của F. Achille và M. Boll ra Việt văn thì chắc không bổ ích bao nhiêu vì hai nhà tâm lý học này trình bày thuyết của họ theo lối các nhà bác học nghĩa là đứng trên tầm hiểu biết của họ mà giải thích, bất chấp

trình độ hiểu biết của phần đông độc giả, thì học chẳng chỉ có ích cho một số hiếm người đã từng gần gũi với nhiều loại sách tâm lý. Tình cờ chúng tôi có dịp đọc quyển “La Connaissance Des Hommes” của Philippe Girardet trong đó tác giả cũng có ý định như chúng tôi là thử giải thích thuyết ấy cho đa số người đọc có thể hiểu, lẽ dĩ nhiên là cho độc giả Pháp, và thử áp dụng thuyết ấy vào đời sống thực tiễn.

Ông Philippe Girardet đã viết một quyển sách chúng tôi định viết. Không phải mất thì giờ để làm lại công việc đã có người khác làm và làm rất hay, chúng tôi thấy chỉ việc xin phép tác giả cho dịch sách ấy ra Việt văn là có thể thực hiện ý định của mình. Tác giả đã vui lòng cho phép và hôm nay quý độc giả có dịp đọc quyển “Biết Người”, tâm lý học áp dụng vào đời sống thực tiễn, sớm hơn chúng tôi đã tiên liệu.

Sở dĩ chúng tôi dịch quyển “Biết Người” vì muốn giới thiệu với độc giả một khoa học rất hữu ích: Tâm lý học, mà nhất là vì đó là một quyển sách phổ thông khoa học đã được viết bằng một lối văn hết sức giản dị, dễ hiểu. Đó là một thí nghiệm chúng tỏ người ta có thể giảng giải những khoa học khúc chiết bằng một lối văn thông thường cho mọi người có thể đọc và hiểu. Tác giả có nói rõ ý định của mình ở chương đầu sau đây. Riêng về phần tác giả, chúng tôi nhận thấy ông đã đạt mục đích một cách rạch ròi. Những ai từng có dịp đọc qua quyển “La Personnalité Humaine” của F. Achille và M. Boll và quyển “La Connaissance Des Hommes” của Philippe Girardet ắt cũng phải đồng ý với chúng tôi rằng chính ông sau này đã giúp chúng ta hiểu rõ lý thuyết của Delmas và M. Boll còn hơn hai người cha đẻ ra thuyết ấy.

Nhưng về phần dịch giả, chúng tôi có đạt được mục đích ấy chăng? Điều đó cũng còn tùy sự rộng lượng của độc giả. Khoa tâm lý học đối với chúng ta còn mới quá, sách về tâm lý chưa có bao nhiêu, chúng ta lại thiếu cả những danh từ về tâm lý học. Vì thế trong sách này mỗi khi phải dùng đến một danh từ hơi chuyên môn hoặc chưa được thống nhất chúng tôi có chừa thêm tiếng Pháp để độc giả có dịp đối chiếu và ở phần sau sách chúng tôi có làm một tự vựng giải thích các danh từ ấy.

Tin rằng một khi đã hiểu qua những khó khăn ấy, quý độc giả chẳng

những sẽ không “quá nghiêm khắc” đối với chúng tôi mà còn sẵn lòng chỉ bảo cho những khuyết điểm và chúng tôi xin có lời thành thật cảm ơn trước.

Dịch giả cẩn chí
Tháng 5/1956

PHẦN MỘT: CÁ TÍNH CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I - NHỮNG LỢI ÍCH CỦA TÂM LÝ HỌC

Một điều hơi lạ, trong việc đào luyện con người, người ta không mấy quan tâm đến môn tâm lý học. Trong chương trình học vấn, người ta không đếm xỉa đến nó hoặc chỉ dạy phớt qua. Có lẽ người ta nghĩ rằng những lớp triết học mà một số ít sinh viên ban trung học có dịp theo đuổi, là những hành lý đầy đủ để họ xông pha trên trường đời. Ngoài ra người ta phó thác họ cho đời chỉ dạy.

Theo ý kiến một vài nhà giáo dục, chúng ta nhồi nhét vào trí óc của trẻ em quá nhiều tri thức. Chúng ta muốn nhào nặn khối óc của chúng trở thành một bộ bách khoa toàn thư “sống”, nhưng chúng ta quên dạy chúng cái khoa học cốt yếu, quên trao cho chúng cái chìa khóa có thể mở các cánh cửa: tâm lý học.

Ngoại trừ bị giam hãm suốt đời trong một phòng thí nghiệm hoặc trong một xưởng máy, chúng ta luôn luôn cần nhờ đến người khác để áp dụng những điều hiểu biết của mình hoặc đối phó với sự thờ ơ, ghét vơ của họ.

Nên chúng ta dốt đặc về tâm lý học, nếu chúng ta không hiểu về những định luật bất dịch chi phối những thị dục của con người, nếu chúng ta không đặt dẫn dắt bởi những chân lý đã từng thí nghiệm, thì với hiểu biết của chúng ta rất có thể đưa chúng ta tới thất bại. Chúng ta có thể nói không sợ lầm rằng: sự hiểu biết của mọi người có tác dụng chẳng là tùy thuộc sự thấu đáo về tâm lý của họ.

Kiến nghiệm và khoa học:

Đành rằng, kinh nghiệm của sự đời cũng có thể giúp chúng ta nhận xét để hiểu biết người. Thường gần gũi với người đồng loại, chúng ta có thể phán đoán về họ, nếu chúng ta có chút ít khả năng về việc đánh giá con người.

Nhưng chúng ta đừng lầm lộn việc áp dụng thực tiễn một khoa học với khảo cứu những nguyên tắc của nó. Cái kinh nghiệm chúng ta thu rút khi chung đụng với đời có thể hợp thành một phương pháp kinh nghiệm. *(Phương pháp kinh nghiệm là phương pháp chỉ được căn cứ vào những kinh nghiệm, không chịu tìm hiểu nguyên do, khác với phương pháp thực nghiệm căn cứ trên những thí nghiệm khoa học. Thí dụ Đông y dựa vào phương pháp kinh nghiệm và Tây y sau khi trải qua giai đoạn kinh nghiệm, đã tiến đến giai đoạn thực nghiệm).* Dù không có ý khinh rẻ phương pháp kinh nghiệm, chúng ta cũng phải nhận thấy nó có lắm bất tiện. Muốn dùng đặng nó chúng ta phải trả một giá khá đắt: phải trải qua những lỗi lầm, đau thương, phải mất bao nhiêu thời giờ, bao nhiêu cố gắng. Đó là chưa kể muốn áp dụng đặng những kinh nghiệm ấy chúng ta phải có đôi chút khả năng thiên nhiên; trái lại, phương pháp thực nghiệm căn cứ trên những nền tảng khoa học có thể giúp ích cho một số đông người có những khả năng tầm thường.

Ở ngoài đời, chúng ta đã từng thấy có người văn hóa rất kém (mà chúng tôi đã đặt cho họ cái tên hơi bất công là “những người sơ đẳng”) đã chiếm đặng những địa vị khả quan trong xã hội. Có nên vì đó mà kết luận rằng văn hóa không cần thiết để thành công?

Có lắm tay ngang thiếu học chuyên môn những cũng cạy cục rất tài để có thể ráp nối một bộ máy vô tuyến truyền thanh rắc rối. Tuy không biết qua về lý thuyết nhưng nhờ có mó tay vào thực hành nên họ cũng có thể bàn về “tần số”, về “cuộn xen”, về “máy phát sóng”... một cách khá rành rẽ. Có phải vì thế mà chúng ta nên cho rằng muốn học về vô tuyến điện không cần phải học qua phần lý thuyết? Chắc chắn là không ai sẽ nghĩ như thế, vì ai ai cũng thấy rõ, một tay ngang thiếu cơ sở khoa học mà ráp nối bộ máy truyền thanh ấy, ắt đã mất bao nhiêu thì giờ, bao nhiêu dọ dẫm và bao nhiêu nhẩn nại mới có thể đạt đến đích, đó là chưa kể hẳn phải có nhiều tài quan sát. Một kỹ sư điện học, trái lại chỉ cần vài giờ

suy nghĩ là có thể ráp xong máy ấy nhờ áp dụng những hiểu biết về lý thuyết mà ông ta đã thu thập được khi học ở trường.

Biết người:

Bí quyết của thành công, trong đời sống cũng như doanh nghiệp gồm hai chữ “Biết Người”. Ở đây chúng ta không nên hiểu hai chữ “thành công” với cái nghĩa hẹp hòi là thu được nhiều tiền của, nhiều danh vọng, mà nên hiểu rộng là sự tiến bộ về tri thức cũng như về vật chất, là sự hoàn thành một cách hợp lý cái nhiệm vụ mà đời sống đã vạch cho mình.

Một người bán hàng, một thương gia dù sẵn có nhiều khả năng thể chất hoạt động tâm thần cũng chưa ắt đã dễ thành công nếu họ thiếu đức nhẫn nại, thiếu hiểu biết về tâm lý học để có thể gợi sự thèm thuồng của khách hàng.

Một kỹ sư khôi nguyên ở trường bách khoa xuất thân rất có thể thất bại trong những công trình của mình, nếu họ không biết gì về cá tính của những nhân viên làm việc dưới tay họ.

Một doanh nghiệp có thể suy sụp dù rằng được điều khiển bởi một viên giám đốc có tài, nếu ông ta lầm lỗi trong việc tuyển chọn những nhân viên cần thiết giúp ông ta làm tròn nhiệm vụ.

Một tay cuộc chê đi chào mời khách hàng bảo hiểm nhân mạng, dù rằng có biết rõ sự ích lợi về mặt xã hội của việc bảo hiểm, cũng chưa ắt đã có thể khuyến dụ khách hàng ký hợp đồng nếu hắn không biết cách trình bày những lý lẽ một cách khéo léo để cho khách hàng gật đầu.

Một người có thể có tài viết văn, nhưng làm báo lại rất dở nếu họ không hiểu tâm lý quần chúng. Một họa sĩ dù có sẵn thiên tư cũng cần thấu đáo cá tính của người mẫu mới mong đạt được sắc diện của người ấy nổi. Một nghị sĩ phải thấu hiểu cử tri của mình. Một trạng sư: những thân chủ của mình. Một y sĩ: những bệnh nhân của mình. Một sĩ quan: những

quân sĩ của mình. Một vị thuyền trưởng: đoàn thủy thủ của mình. Chỉ có nhân viên thu thuế là... không cần hiểu những tên dân đen.

Trong đời sống thực tiễn, những cuộc xáo xáo trong gia đình, những xích mích giữa bạn bè, những bất mãn do người giúp việc bất tín gây ra, những thất vọng về đường tình duyên thường có nguyên do bởi sự dốt nát về tâm lý học.

Như chúng ta đã thấy, bất luận trong ngành sinh hoạt nào, chúng ta cũng cần biết rõ cá tính của những người mà chúng ta có liên lạc gần hay xa.

Nghiên cứu về tâm lý học chẳng những giúp ích chúng ta rất nhiều trong phạm vi chức nghiệp, ngoài ra nó còn giúp chúng ta thấu đạt nhiều kết quả thiết thực trên đường giao thiệp.

Ngày nay, tâm lý học là một khoa học có thể truyền dạy cũng như bao nhiêu khoa học khác. Với một bộ óc thông minh trung bình người ta cũng có thể học và hiểu nó. Nó cũng không bắt buộc người học phải có số vốn về triết học. Nó căn cứ trên những yếu chỉ và những nguyên tắc có lẽ còn giản dị hơn môn hình học hoặc vật lý học. Người đã có một cơ sở tâm lý học sẽ dễ mà rút tỉa những cái hay trong mớ kinh nghiệm mà đời sống sẽ đưa đến cho họ sau này. Họ sẽ dễ thông cảm, mau hiểu người đồng loại hơn cũng như viên kỹ sư điện học dễ mò ra những bí quyết của vô tuyến điện hơn một tay gang chỉ dựa vào mớ kinh nghiệm.

Lối văn “triết học”:

Nói cho đúng, việc đọc sách khảo cứu về tâm lý học thường dễ làm cho người dù hiểu học đến đâu cũng đâm ra chán nản. Nản vì “lối văn triết học” mà phần nhiều tác giả sách này quen dùng, lối văn mà A. Abalat đã chỉ trích gắt gao trong mấy tác phẩm bàn về nghệ thuật viết văn. Kể ra “lối văn triết học” này có thể so sánh với “lối văn sở cẩm” mà André Thérive đã từng chế giễu. Và có khi nó còn tệ hơn, vì trong lối văn sau này, những danh từ dùng sai nghĩa song người ta còn có thể đoán

được chứ đọc “lối văn triết học” thì chẳng khác gì đọc sấm ký, bởi tác giả thường khéo che đậy một cái trống không to tướng dưới một lớp danh từ khúc mắc có vẻ khoa học.

Đành rằng văn của Bergson (*Nhà triết học Ly Lạp*) cũng tối mò song ít ra chúng ta còn thưởng thức được cách bố trí chặt chẽ những ức thuyết rất tân kỳ của ông. Dù vậy, tôi cũng mạn phép trách ông điều này là ông đã không biết làm cho một người chỉ có óc thông minh trung bình hiểu được tư tưởng ông. Muốn hiểu ông, phải đọc qua những sách diễn giải tư tưởng ông.

Tôi vốn nghi kỵ những lối văn chuyên môn dành riêng cho từng khoa học. Vì người ta rất dễ lạm dụng nó để lèo đời và như vậy người ta chỉ cần học qua một mớ thuật ngữ là có thể bàn đến nhiều vấn đề vô lý dưới cái vẻ sành sỏi.

Anatole France nói rất đúng: “Sự dốt nát sở dĩ có là do trong ngôn ngữ chúng ta còn lắm danh từ nghĩa không được đích xác”.

Trong quyển “*Luận Về Trí Năng Con người*” nhà đại tư tưởng Locke đã nói: “Muốn cho người ta thấu nhận những chủ nghĩa phi lý hoặc kỳ hoặc, không có cách gì hay bằng bao phủ những lý thuyết ấy dưới một lớp danh từ tối nghĩa, mù mờ hoặc không định rõ nghĩa”.

Tôi tin rằng người ta có thể bàn giải nhiều vấn đề rắc rối bằng một lối văn thông thường, với những danh từ thông dụng, chỉ dùng đến những thuật ngữ khi chúng ta không tìm thấy trong ngôn ngữ thông thường một danh từ tương đương và nếu phải dùng đến một danh từ chuyên khoa ít ra chúng ta phải định nghĩa nó cho rành mạch.

Đó cũng là quy tắc mà chúng tôi cố gắng theo khi soạn ra sách này. Chúng tôi được sung sướng nếu tất cả bạn đọc đều có thể hiểu chúng tôi, dù là người chỉ có sức học cơ sở sơ học.

Có cần gì phải nói không phải một khi gấp quyển sách này lại mà quý bạn đọc đã trở thành một nhà tâm lý sành sỏi.

Việc dò dẫm, khảo xét cá tính con người là một công việc tế nhị vì mỗi con người là mỗi trường hợp riêng biệt.

Nhưng muốn giải đáp bài toán, ít ra cần phải biết những định lý căn bản. Đây chỉ là một mớ tài liệu về khoa học của tâm hồn mà chúng tôi ước mong rằng nó sẽ giúp cho những ai muốn tìm hiểu bài giải về cá tính con người.

CHƯƠNG II - NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỦA TÂM LÝ HỌC

Đi xem một cuộc triển lãm hội họa, chúng ta nhận thấy các bức tranh trưng bày chẳng những khác nhau về đề tài, về khuôn khổ mà còn khác nhau rất nhiều về sắc độ. Bức thì màu sắc rực rỡ, bức mờ mờ, hoặc lộng lẫy, hoặc vui hoặc buồn. Có bức thì đơn sắc, có bức lại gồm có nhiều màu sắc đối chọi nhau một cách ngộ nghĩnh, có bức hình dáng chẳng khác gì một tấm thảm.

Tuy thế, tất cả những bức tranh ấy đều dựng tạo nên với một ít màu chính, lúc nào cũng thế.

Cá tính của con người cũng giống như các bức tranh nói trên. Tuy nó hiện ra dưới bao nhiêu sắc thái nhưng tựu trung nó cũng chỉ dựng tạo nên bởi một ít bầm màu căn bản. Chính sự phối hợp vô cùng phức tạp của những bầm chất này đã làm cho có sự khác nhau giữa loài người, làm thành bao nhiêu hạng người.

Tâm lý học nhằm hai mục tiêu: Tìm xem đâu là những bầm chất cốt yếu của con người và sau khi đã định rõ giá trị mỗi bầm chất ở một người, sẽ tiên đoán thái độ, lối xử sự của người ấy.

Hai cá tính của con người:

Từ lâu rồi người ta đã ngờ ngợ rằng những yếu tố cấu thành cá tính con người có thể phân làm hai loại. Người ta nhận thấy một cách mơ hồ rằng trong thâm tâm của mỗi người đều có một cái gì vững vàng, suốt đời không thay đổi và bao phủ trên cái cái phần ấy, như một cái mặt nạ, còn có một cá tính khác, uyển chuyển hơn, biến hóa hơn, lại chịu ảnh hưởng của những biến cố bên ngoài.

Một trong những thắng lợi của tâm lý học hiện giờ là đã chỉ định một cách rõ rệt rằng trong mỗi người đều có hai cá tính.

Lúc chào đời chúng ta mang sẵn trong người cái **cá tính thiên nhiên**. Những yếu tố của nó làm nòng cốt cho cái khí chất và cái trí tuệ của chúng ta. Cái cá tính thứ nhì được gọi là **cá tính tập thành** bởi nó được kết thành do những hiện tượng bên ngoài, do tất cả những biến cố của đời sống.

Đôi khi các nhà khoa học cũng gọi nó là “bản ngã căn bản”, “bản ngã ngoại diện”. Nhưng chúng ta xin miễn dùng những tiếng “lóng” ấy và chỉ có thể nói một cách giản dị là mỗi người khi sinh ra đời đều có nhận được một số dụng cụ hoặc tốt hoặc xấu, đó là cá tính thiên nhiên. Dưới ảnh hưởng của những hiện tượng đời sống, họ sẽ dùng những công cụ ấy để xây dựng cá tính tập thành.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét cái cá tính thiên nhiên ấy làm bằng những gì? Lúc sinh ra đời, chúng ta đã nhận được những dụng cụ gì? Những bẩm chất nào là những bẩm chất căn bản? Bao nhiêu câu hỏi mà bấy lâu nay người ta không tìm ra lời giải.

Tuy thế, từ lúc nào cũng như lúc nào, con người luôn luôn muốn tìm hiểu lý do những hành động của mình. Họ tự dò la, khảo sát, tự thú. Họ đã ghi chép kết quả của những cuộc khảo sát này trong bao nhiêu sách vở: tiểu thuyết, ký sự, khái luận, khảo cứu và thu thập rất nhiều tài liệu song chẳng đi đến một kết quả khả quan nào. Không thể xếp thành loại mớ tài liệu ấy, cũng không thể rút ra những quy tắc tổng quát. Ngay việc đặt đề và định nghĩa các danh từ, những tác giả cũng chưa đồng ý thay. Việc dùng “phương pháp nội quan” để tìm hiểu tâm lý con người đã thất bại.

Vì sao? Bởi khi người ta chỉ trông qua một bức tranh thì không tài nào có thể phân định những màu căn bản mà họa sĩ đã dùng để vẽ bức tranh ấy. Hẳn thí dụ rằng loài người chưa biết thuật hội họa. Có thể nào qua một bức tranh chúng ta phân tách nổi trong bức tranh ấy có bao nhiêu chất màu xanh, và cách phân phối màu xanh ấy ra sao? Chúng ta có biết màu

xanh là màu căn bản chẳng? Chắc là không, cho đến khi chúng ta tìm ra một phương pháp có thể làm nổi bật ra một màu này hoặc một màu khác trong bảy màu của cầu vồng. Lúc bấy giờ chúng ta mới rõ: chỉ có bảy màu chính, bảy màu căn bản, cách phân phối những màu ấy ra sao, và chúng ta biết rõ tất cả các sắc do sự pha trộn của hai hoặc nhiều màu trở ra.

Cách nhà tâm lý học hiện giờ đã tìm ra một thứ “thuốc thử” na ná như thế để phân tách rõ rệt những yếu tố tạo thành cá tính con người. Thuốc thử đó là bệnh điên.

Thuốc thử của bệnh điên:

Nếu khoa học tâm lý về con người ngày nay đã có một nền tảng vững chắc đó là nhờ công trình của nhiều nhà chuyên về bệnh tinh thần như Ernest Dupré chẳng hạn và nhất là nhờ những phát minh của hai nhà bác học: Giáo sư F. Achille Delmas, một tâm y sĩ có tiếng và giáo sư Marcel Boll, một nhà khoa học mà cũng là một nhà văn, một nhà phê bình nhiều người biết đến.

Họ đáng cho chúng ta ghi ân. Chính họ là những người sáng tạo ra nền tâm lý học tân thời. Chẳng những họ đã lập ra một lối phân loại rất hợp lý về các phẩm chất căn bản của cá tính con người, ngoài ra họ cũng là những người đầu tiên đã phân biệt có hai loại tâm lý học: Một thứ **tâm lý học tĩnh** khảo sát về cá tính thiên nhiên và các tính tập thành. Một thứ **tâm lý học động** khảo sát về lối cư xử, thái độ của con người. Nói một cách khác, có thứ tâm lý học chuyên khảo xét về các bộ phận của guồng máy lại có thứ chuyên khảo về cách vận dụng của guồng máy ấy.

Chính tôi đã căn cứ trên lý thuyết của hai nhà khoa học ấy để xây dựng cái nền tảng vững chắc của sách này, và trong bao nhiêu áp dụng mà tôi đã đề cập trong sách này tôi chưa hề thấy lý thuyết ấy sai chạy ở một điểm nào.

Muốn hiểu rõ tại sao người ta có thể dùng người điên để phân tích tâm trí

của người có đủ lý trí, chúng ta cần hiểu qua về những chứng bệnh tinh thần và cách xếp loại của nó.

Xưa kia người ta không biết gì về bệnh điên cả. Thấy người nào nói xàm nói nhảm hoặc có những hành động kỳ dị, người ta cho rằng họ điên hoặc khùng, không hơn không kém. Tuy rằng người ta đã nhận thấy có nhiều chứng cuồng tâm, loạn óc song không ai buồn nghiên cứu những bệnh ấy. Cho đến cuối thế kỷ XVIII người ta vẫn còn xem những người điên như loài ác thú, người ta cùm xích họ lại, họ sống một đời sống đáng thương hại.

Đến đầu thế kỷ XIX, mới có một nhà y sĩ từ tâm biết nghiêng mình xuống số phận hẩm hiu của những người bạc phúc ấy. Đó là ông Pinel. Ông đã kéo họ ra khỏi chốn cực hình, đã bắt đầu nghiên cứu về họ một cách hợp lý.

Suốt thế kỷ gần đây, nhiều người khác đã tiếp tục việc khảo cứu này và ngày nay, khoa tâm y học tức là khoa học nghiên cứu về các chứng bệnh tinh thần đã tiến bộ một cách khả quan. Những công cuộc nghiên cứu liên tục này đã giúp người ta tìm ra một lối xếp loại rất quan trọng: Phân chia các chứng bệnh tinh thần ra làm hai nhóm riêng biệt: **Những bệnh do thương tích gây ra và những bệnh do thể tạng tức là do sự cấu thành của thể chất tạo nên.**

Những bệnh điên do thương tích gây ra:

Những bệnh điên do thương tích có những đặc điểm cốt yếu sau đây:

Con bệnh luôn có những vết thương trong óc, người ta tìm thấy những vết thương này khi mổ thây người chết để khám nghiệm.

Có thể đây là một chứng bệnh tập thành chứ không phải do thiên bẩm, vì những vết thương này phát ra sau khi con người đã sinh ra hoặc nếu sớm hơn, thì cũng là khi bào thai đã tượng hình.

Tùy theo vết thương có tính chất vĩnh viễn hay tạm bợ, người ta sẽ chia những bệnh do thương tích này làm hai loại:

Loại đầu gồm những chứng mất trí, ngu đần, động kinh, bất toại, điên cuồng, lẩm cẩm vì già nua. Loại sau gồm những bệnh điên phát sinh bởi một vết thương hoặc một chất độc (rượu, thuốc phiện v.v...).

Những bệnh này thường đều bất trị, trừ những bệnh thuộc loại thứ hai và ở trường hợp mà chất độc chỉ gây những thương tích nhẹ.

Những bệnh điên do thể tạng gây ra:

Những bệnh tinh thần thuộc nhóm thứ hai, tức là những bệnh điên do thể tạng sinh ra, mới đáng cho người muốn nghiên cứu về tâm lý học quan tâm hơn.

Những bệnh thuộc nhóm này có hai thuộc tính:

Nó do thiên bẩm. Mầm gốc những chứng bệnh ấy đã sẵn có trong người con bệnh từ lúc họ mới lọt lòng. Rất có thể và thường khi như thế, bệnh ấy chưa phát triển đầy đủ lúc con bệnh còn thơ ấu, bởi sự phát triển ấy có thể hoặc sớm hoặc muộn, tuy nhiên người ta luôn luôn nhận thấy điều này là những bệnh ấy do thể tạng của con bệnh tức là do cơ cấu thể chất mà họ có sẵn từ lúc họ ra chào đời. *(Giáo sư F. Achille Delmas định nghĩa cơ cấu tâm bệnh như thế này: Đó là một nhóm xu hướng tâm thần nhất định, thuộc cá tính thiên nhiên của con bệnh, phát triển lúc người ấy mới sinh ra, và suốt đời họ, bộc lộ bởi những phản ứng mạnh hay yếu... nó có thể đi đến những chứng bệnh thần kinh tuần hoàn, thuyên giảm trong chốc lát hoặc tiệm tiến (nghĩa là bệnh điên phát triển trong một thời kỳ gần hay xa hoặc tuần tự mà tiến). – Bài phúc trình về tâm bệnh học ở hội nghị Limoges, từ ngày 25 đến 30 tháng 7 năm 1932.*

(Còn vấn đề: Bằng cách nào và do đâu bệnh điên có thể phát sinh từ một

cư cấu tâm bệnh thì người ta chỉ hiểu lơ mờ. Trong bản phúc trình nói trên, giáo sư Delmas chỉ thử tìm cách giải).

Những con bệnh này không mang vết thương tích nào trong óc cả. Khi người ta khám tử thi một người bệnh điên thuộc nhóm này, người ta thấy óc họ chẳng khác gì óc một người lành mạnh. Rất có thể sự giống nhau ấy chỉ có ở mặt ngoài, còn nếu có chỗ khác nhau thì những phương tiện tìm tòi hiện giờ cũng chưa cho phép chúng ta nhận thấy những đặc điểm của các khối óc bệnh hoạn ấy.

Điều quan trọng cũng là điều cốt yếu trong việc nghiên cứu của chúng ta là những chứng bệnh ấy chỉ là sự lệch lạc, sự phát triển quá độ hoặc sự khuyết kém những yếu tố căn bản tạo thành cá tính của một người lành mạnh.

Ở người lành mạnh, những yếu tố ấy pha trộn, phối hợp lẫn nhau một cách điều hòa khó lòng cho chúng ta phân biệt.

Ở những con bệnh tinh thần trái lại tính cách bất thường của những yếu tố ấy làm cho nó nổi bật lên trên cá tính, nhờ đó chúng ta rất dễ thấy.

Vì thế chúng ta có thể dùng những bệnh “điên” thuộc nhóm sau này như một thứ “thuốc thử” mà chúng tôi đã nói ở trước. Một khi có thể phân biệt và xếp những chứng bệnh ấy thành loại thì chúng ta cũng đã biết rõ có bao nhiêu bản chất căn bản tạo thành cá tính con người. Công trình nghiên cứu của hai ông F. A Delmas và M. Boll là đã xác định lối phân loại ấy.

CHƯƠNG III - NHỮNG CHỨNG BỆNH TINH THẦN DO THỂ TẠNG GÂY RA

Có thể chia những bệnh này làm ra năm loại. Dưới đây chúng ta sẽ nghiên cứu riêng từng loại.

Chứng cuồng vọng (paranoia):

Loại này là do sự cuồng vọng của óc đòi hỏi gây ra, y học gọi nó là bệnh *paranoia*, nhưng xét theo nguồn gốc thì danh từ này đặt chưa thật xác nghĩa, bởi theo tiếng Hy Lạp thì *paranoia* có nghĩa là “lý luận lạc đề”.

Chúng ta cứ gọi là bệnh “cuồng vọng” cho dễ hiểu.

Người bị cuồng vọng luôn luôn đòi hỏi hơn những quyền lợi hoặc quyền hạn mà họ có. Họ tự ban cho mình những tài sản phi thường, tự đặt cho mình những tước vị không thể tưởng tượng. Họ mong chờ những gia tài kếch sù, tự xưng là vua là hoàng đế đôi khi là Thượng Đế. (Ông N. P. Thiên vương nào đó mà vừa rồi báo chí có nói đến, đã tự gán cho mình ba cấp bằng thạc sĩ và tự xưng là hoàng đế Việt Nam, rõ là một con bệnh cuồng vọng (1956).

Và đương nhiên họ không bao giờ đoạt được những gì mà họ tưởng rằng họ phải có, hoặc có quyền hưởng, nên họ đâm ra bất mãn, tưởng rằng mình bị ngược đãi hoặc bị những kẻ thù tưởng tượng ám hại. Sự cuồng loạn của tinh thần bị ngược đãi là kết quả đương nhiên của bệnh cuồng vọng.

Những con bệnh cuồng vọng này cũng như những con bệnh sẽ được kể dưới đây, mới xét ra chúng ta không thấy vẻ gì tỏ ra là người cuồng trí, nhưng họ có thể trở nên nguy hiểm. Bởi như đã nói trước, họ cho rằng

nỗi khổ tâm, những thất vọng của họ là do những kẻ thù địch vô danh gây ra, và một ngày kia họ có thể nhận thấy kẻ thù địch ấy ở một cá nhân hoặc ở những người nào đó để rồi họ sẽ trả thù lại. Những án mạng do người cuồng vọng gây ra khó mà đo lường bởi tính họ vốn hay ngờ vực nên không có ai là tri kỷ, không ai biết được ý định của họ.

Chứng gian ác (la perversité):

Sự thác loạn của tâm đức tức là bệnh gian ác thuộc loại thứ hai. Người mắc phải bệnh này mất cả giác quan luân lý, họ không biết luân thường đạo lý là gì nữa. Họ có những hành động phản xã hội và như vậy không vì một nguyên do nào cả.

Trong loại này chúng ta có thể kể những người điên khát máu, giết người không gớm tay, đốt nhà cho vui mắt, những tay bạo dân tức là những người tìm thấy sự khoái trá bệnh hoạn trong sự hành hạ, giết hại người khác, những người ăn cắp vặt v.v... *(Ăn cắp vặt là một hành vi phản xã hội, lẽ dĩ nhiên phải kể nó vào bệnh gian ác. Nhưng cũng còn tùy, có những kẻ ăn cắp vặt không vì tham lam hay làm hại ai cả, song là do một sự ám ảnh bệnh hoạn khiến họ ăn cắp nhiều món đồ không ích lợi gì cho họ, ở trường hợp này phải xếp họ vào hạng đa cảm xúc mà chúng tôi sẽ nói ở phần sau).*

Những tay bạo chúa ngày xưa như hoàng đế Néron đốt thành Roma, Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, Đắt Kỷ xúi Trụ Vương xây Bá Lặc Đài đều là những người mà tâm đức bị thác loạn. Và ngày nay cứ dần dần những hồ sơ trên toàn án chúng ta cũng tìm thấy lắm vụ án mạng mà thủ phạm rõ ràng là những con bệnh thoại loại này như Landru, người Pháp đã giết bảy, tám người vợ, như Kuerten mà báo chí đã đặt tên là “con dơi hút máu ở Dusseldorf”, giết người để hút máu.

Chứng khoác lác (la mythomanie):

Bệnh thứ ba trong nhóm này là bệnh khoác lác. Người mắc phải chứng bệnh này nói dóc thì tốt bụng và nói một cách rất tự nhiên. Nhưng sự khoác lác của họ thường khi không có mục đích làm ai cả chỉ muốn làm cho người ta quan tâm đến mình, để kiếm chút danh vọng hão. Trong loại này có thể kể những tổ sư nói dóc hay bịa chuyện trên trời dưới đất để lòe đời, những người hay giả vờ, những có tính “đồng bóng”.

Thỉnh thoảng trên mặt báo chúng ta thấy kể lại một vài “kỳ công” của những con bệnh này. Một người cho rằng họ bị trộm, bị cướp, bị ám sát. Đôi khi người ta thấy quả thực họ bị nhét khăn vào cổ, bị trói thúc ké hoặc bị đánh sưng mặt, bầm mình. Nhưng nhờ sự điều tra sáng suốt của nhà chức trách, người ta mới “bật ngửa” vì “nạn nhân” đã thú nhận rằng chính họ đã giàn cảnh như thế chứ không ai cướp bóc, hành hung họ cả (*Hẳn bạn đọc còn nhớ vụ bà thiếu úy hay đại úy nào đó ở Gia Định vì thua bạc nên đã giàn xếp một vụ “bị cướp” theo lối này*). Có người xếp đặt “tấn tuồng” ấy vì một sự lợi ích nào đó, nhưng đôi khi cũng có người chỉ vì muốn thấy tên tuổi của mình được nêu trên mặt báo.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể kể những tay bip bợm thích mang những huy chương giả, thích ăn vận quân phục hoặc đeo lon giả để tự ban cho họ chức thiếu tá hay thiếu úy, những người giả vờ bị tai nạn, những người viết thư rơi (*thông báo mất*) v.v...

Nói cho đúng lối bip bợm của những con bệnh khoác lác này cũng không mấy khi làm hại ai một cách trực tiếp, song nó có thể đưa đến những vụ án oan rất tại hại bởi nói khoác một cách rất tự nhiên, ít khi tự phản lấy họ nên dù tòa án có sáng suốt cũng chưa dễ gài lật mặt nạ của họ.

Vụ án thiếu úy De La Roncière đã xảy ra bên Pháp vào giữa thế kỷ XIX là một trường hợp đặc trưng cho sự lầm lạc của tòa án gây ra bởi một con bệnh khoác lác. Một cô gái nọ tố cáo thiếu úy De La Roncière toan cưỡng bức cô, vị thiếu úy này bị tòa kêu án khổ sai, những về sau người ta mới nhận thấy nỗi oan ức của ông ta.

Chứng tâm thần bất định (la cyclothymie):

Bệnh thứ tư thuộc nhóm bệnh này là bệnh tâm thần bất định. Người mắc phải chứng này tính tình không điều hòa khi thì họ bị kích thích nên bông bột, hăng hái một cách thái quá mà như vậy không vì lý do chính đáng nào cả. Khi thì trái lại họ tỏ ra uể oải, suy nhược, biếng đi, biếng nói. Tâm thần họ bất định, luôn luôn chuyển từ thái cực này đến thái cực khác. Trong loại này chúng ta có thể kể những người điên thiếu não, ngồi ủ rũ một nơi, những người điên thả rong rêu.

Riêng tôi được biết một bà nọ không có vẻ gì mất trí hay loạn tâm, nhưng đôi khi ba ta bế cửa nằm nhà cả đôi ba tuần lễ, để rồi liền sau đó lại sống trong những ngày nhộn nhịp, tiếp tân, tiệc tùng, du lịch không ngớt. Kể đó bà ta lại trở về với cuộc đời tu tỉnh, đó là lúc tâm thần ba đang “xuống dốc”, lúc ấy, dù chẳng bệnh hoạn gì bà ta cũng nằm lỳ trên giường không chịu đi đứng.

Chứng đa cảm xúc (l'hyperémotivité):

Bệnh thứ năm cũng là bệnh chót trong nhóm này là đa cảm xúc. Người đa cảm xúc rất dễ xúc cảm, xúc cảm một cách thái quá mà không có một nguyên do nào để giải thích thái độ của họ.

Trong loại này chúng ta có thể kể những người bị ám ảnh, những người lo âu, những người lo sợ một cách không đâu, sợ cả cái bóng của họ. Đôi khi chúng ta lại thấy họ áy náy đi tìm những cảm xúc. Luôn luôn họ nghĩ đến sự chết. Mọi việc đối với họ đều rất quan trọng. Một sự bất mãn con con đối với họ đã thành một thảm kịch trong đời sống. Sự lệch lạc của cảm tính này thường gây ra bởi một việc hoặc một trạng huống nào đó đã thường trực ám ảnh họ.

Bệnh cảm tính cuồng loạn này có thể pha trộn với bệnh tâm thần bất

định để tạo ra những tên sát nhân mà chúng ta khó hiểu nổi, như trường hợp một tên sát nhân giết vợ và một đứa con, nhưng lại dung tha cho đứa khác (trường hợp bệnh sầu lo áy náy).

Đọc tiểu sử của Lucile De Chateaubrind, em gái nhà đại văn hào Pháp, chúng ta thấy rõ con bệnh thuộc loại này.

Ngoài ra chúng ta tìm thấy nhiều thí dụ khác trong lịch sử.

Sự xếp loại này rất quan trọng, chúng tôi tưởng cần tóm lược nó lại bằng một bảng kê hầu các bạn dễ nhận định.

Những bệnh do thể tạng sinh ra tức không phải do thương tích gây ra:

- **Cuồng vọng:** Óc đòi hỏi, óc nhận xét bị cuồng loạn.
- **Gian ác:** Bị kích thích làm những việc có phương hại đến xã hội.
- **Khoác lác:** Bị kích thích nói dóc, nói khoác.
- **Tâm thần bất định:** Hoạt động tính mất thăng bằng (có tật riêng, buồn bã).
- **Đa cảm xúc:** Cảm tính phát triển đến mức thái quá, bệnh hoạn.

CHƯƠNG IV

I. KHÍ CHẤT - NHỮNG BẨM CHẤT CĂN BẢN THUỘC CẢM TÍNH

Chúng ta đã nhận thấy mỗi chứng bệnh trong bảng kê trước đây tương ứng với bệnh thái của một bẩm chất căn bản thuộc cảm tính của cá tính chúng ta.

Lòng tham muốn:

Bệnh cuồng vọng chỉ là sự phát triển quá mức của một bẩm chất thiên nhiên: *lòng tham muốn*. Ở đây chúng ta không nên hiểu chữ “tham muốn” theo cái nghĩa “xấu” mà người ta thường gán cho nó. Đó là một bẩm chất thiên nhiên nó khiến chúng ta biết đòi hỏi những gì chúng ta có quyền “có” hoặc có quyền “hưởng” để nhận lấy của đời sống những tài sản vật chất hoặc tinh thần mà chúng ta thấy rằng cần thiết cho chúng ta. Đó là một bẩm chất hữu ích, nó đem lại cho chúng ta một mục đích sống mà người ta thường gọi một cách hơi thô là “lợi lộc”.

Tùy người, lòng tham muốn có nhiều giá trị khác nhau. Nếu nói về tài sản vật chất (tiền bạc, bàn ghế, nhà cửa, đất đai) nó có thể đi từ óc vô tư, bất vụ lợi đến lòng gian tham và từ sự nhún nhường hoặc khiêm tốn đến thói quen *kiêu ngạo*, nếu nói về những tài sản thuộc tinh thần hoặc danh vọng.

Lòng nhân:

Sự thác loạn của tâm đức là bệnh gian ác, do sự thiếu bẩm chất *lòng nhân* một khuynh hướng thiên nhiên nó khiến chúng ta yêu người đồng

loại, muốn kết thân với họ, lưu tâm đến họ, nghĩ đến họ cũng như chúng ta nghĩ đến mình, nói tóm lại, nó làm cho chúng ta có lòng nhân, biết thương nhau. (*Lòng nhân là sự gạt bỏ những lợi lộc riêng của mình một khi biết rằng muốn đoạt được những lợi lộc ấy tất phải làm thiệt hại kẻ khác* (A. Delmas). Sự gian ác chỉ là sự khuyết kém “lòng nhân” nó không như người ta thường tưởng là sự đối ngược với “lòng nhân”. Sự gian ác không phải luôn luôn có nghĩa là làm ác một cách cố tình, đôi khi đó chỉ là một hành động mà người đã làm không lưu tâm gì đến những thiệt hại hoặc những đau khổ gây ra cho kẻ khác. Sự gian ác nó thuộc về bệnh lý, là một sự khuyết kém, chứ không phải sự mất hẳn “lòng nhân”. Người ta nhận thấy tình thương ở người gian ác, tình thương ấy thường hướng về một người hoặc số rất hiếm người.

Không có danh từ nào riêng để chỉ về mực cao nhất của lòng nhân. Người ta có thể gọi là lòng *ái nhân vẹn toàn*.

Óc hợp đoàn:

Bệnh khoác lác là sự phát triển quá mức của một bẩm chất tự nhiên: *óc hợp đoàn*. Bẩm chất này khiến chúng ta biết làm cho người khác quan tâm đến mình, khiến cho chúng ta tìm kiếm, mua chuộc hoặc chinh phục tình cảm, sự kính nể hoặc lòng tốt của kẻ khác. Thật thế, người khoác lác là người có nhiều óc hợp đoàn nhất, họ đặt điều về chuyện để đề cao mình một cách thái quá, để đoạt được những lợi lộc về mặt xã hội, để làm người khác phải ngạc nhiên, phải bất ngờ v.v...

Óc hợp đoàn khác lòng nhân ở chỗ, một đàn thì tìm kiếm còn một đàn thì phân bố tình cảm.

Óc hợp đoàn là điều kiện tất yếu của đời sống tập thể: Nó nảy sinh ra phép lịch sự, phép xã giao, những nghi thức, những nghi lễ v.v...

Ở phần cao của nó là tính *diêm dúa*, tính *khoác lác bịp đời*, *lẻo dối*, nói một cách chung là sự *giả dối*.

Ở phần thấp nó là tính *trăng trợn*, tính nói xăng, nói thực nhưng cộc lốc, nói như “dùi đục chấm mắm”.

Được phát triển điều hòa, nó nảy sinh ra tính *thực thà*.

Hoạt động tính:

Bệnh tâm thần bất định là sự lệch lạc của bẩm chất cốt yếu thứ tư: *hoạt động tính*.

Hoạt động tính chỉ về sức hoạt động mạnh mà cũng có nghĩa là sự cần dùng hoạt động. *(Một người hoạt động không bắt buộc phải là một người khỏe về thể chất. Chúng ta thường thấy những người ốm yếu nhưng hoạt động rất hăng, trái lại có người “voi vật không ngã” nhưng lại tỏ ra bải hoải, suy nhược).* Hoạt động không cốt là vận động, nó gồm những cử chỉ, những sắc mặt, những thái độ, những lời nói, xét cách chung, nó gồm tất cả những phương cách để diễn đạt tình cảm, biểu lộ tư tưởng. Bẩm chất này giúp chúng ta chuyển tư tưởng sang hành động.

Đừng làm lộn hoạt động tính với thái độ và lối xử sự của một người nó thuộc về động lực. Hoạt động tính là một khả năng đã có trong chúng ta, là những gì chúng ta có thể làm. Thái độ và lối xử sự là tổng kết những hành động đã được thực hiện, là những gì chúng ta làm. Hoạt động tính thuộc về tiềm tế, thái độ và lối xử sự thuộc về thực tế.

Ở địa hạt trên của hoạt động tính là: *tính liến thoắng, náo động, bộc lộ, cởi mở*. Ở địa hạt dưới là tính *nhu nhược, chậm chạp, bất động*. Hoạt động tính có nhiều cấp bậc nó đi từ sự thoải mái tới sự kích động.

Hoạt động tính tùy thuộc mật thiết với một trạng thái thể chất chung mà người ta gọi là *toàn thân cảm giác*. Toàn thân cảm giác là tất cả những cảm giác bên trong con người do trạng thái thần kinh chúng ta gây ra. Khi bộ thần kinh chuyển vận điều hòa toàn thân cảm giác chúng ta tốt, chúng

ta cảm thấy một sự khoan khoái toàn thể khó tả, một cảm giác khoan khoái nó giúp cho sự chuyển vận của hoạt động tính. Trái lại khi toàn thân cảm giác chúng ta không được tốt thì hoạt động tính bị ngưng trệ.

Cảm xúc tính:

Đa cảm xúc là sự phát triển quá độ của bẩm chất *cảm xúc tính*, bẩm chất thứ năm và sau cùng của những bẩm chất thuộc cảm tính.

Cảm xúc tính là phản ứng của một người trước sự khiến dụ của ngoại giới, nó có thể là một sự đau khổ, một nguy hiểm, một niềm vui. Cảm xúc tức là buồn, vui, sợ hoặc giận dữ. Đó là bẩm chất đặc biệt giúp bản ngã phòng thủ, một bộ máy đề phòng, một con chó giữ nhà nó nhận biết đâu là thù, đâu là bạn của chủ nó. Nó giúp chúng ta đề phòng, tự vệ.

Ở phần cao nó là tính *nồng nẩy, đa cảm*. Ở phần thấp tính *lạnh lợi*, tính *thần nhiên*.

Những phản ứng sinh lý có thể làm cho những cảm xúc lộ ra ngoài: Khi chúng ta giận dữ hoặc sợ hãi, mặt chúng ta sẽ đỏ bừng hoặc tái xanh, tay chân run rẩy.

Năm bẩm chất căn bản ấy: **tham muốn, lòng nhân, óc hợp đoàn, hoạt động tính, cảm xúc tính** được gọi là những bẩm chất thuộc hoạt động và tình cảm. Đó là những trạng thái tiên nhiên, do trời sinh, do cách cấu thành thể trạng của con người.

Hai trong những bẩm chất ấy là **hoạt động tính và cảm xúc tính** có liên quan mật thiết với sinh lý và có thể biểu lộ ra ngoài mặt nên được gọi là những *bẩm chất thuộc hoạt động*. Còn lại ba bẩm chất kia **lòng tham muốn, lòng nhân, óc hợp đoàn** thì được ghép vào những *bẩm chất thuộc cảm tính*.

Đem một người ra mà xét, chúng ta thấy những bẩm chất ấy không thay đổi, lúc nào chúng cũng hiện diện và giữ nguyên giá trị. Chúng nó tồn tại

suốt một đời người và vẫn ở một mức độ, nhưng ở phần sau đây, chúng ta sẽ thấy bằng cách nào cái cá tính tập thành có thể che đậy nó, kích thích nó hoặc làm giảm sức hoạt động của nó.

II. TRÍ TUỆ - NHỮNG KHẢ NĂNG TINH THẦN

Căn cứ vào những chứng bệnh tinh thần do thể tạng sinh ra, chúng ta đã nhận định năm phẩm chất cốt yếu của khí chất, nhưng còn những phẩm chất của trí tuệ thì ra sao? Vì sao những chứng bệnh nói trên không thể giúp chúng ta biết gì về những phẩm chất của trí tuệ cả?

Thưa, bởi một lẽ giản dị là ở những chứng bệnh này trí tuệ không hề bị thương tổn. Nói cho đúng, những người mắc bệnh “tham vọng”, “khoác lác”... không phải là những người cuồng trí hẳn. Đầu óc họ chỉ bị lệch lạc ở một điểm nào đó thôi, ngoài ra họ vẫn biết suy luận đúng đắn, trí tuệ họ không hề hấn gì cả. Vì thế, lâu nay người ta vẫn cho rằng họ hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hành vi của họ (*và hiện giờ vẫn thế, tòa án vẫn kết tội họ*), họ là những người nửa khùng nửa điên. Khi họ bị giam giữ, người ta có thể dùng họ để làm những công việc cần đến trí tuệ.

Người ta có thể ngờ rằng những bệnh thuộc nhóm đầu, những bệnh do thương tích gây ra có thể giúp chúng ta biết rõ về những phẩm chất thuộc trí tuệ, vì những chứng bệnh này có ảnh hưởng đến những phẩm chất thuộc trí tuệ, và những con bệnh ấy đều là những người điên thật sự. Nhưng người ta vướng phải một lối bí. Những thương tích đã gây nên những chứng bệnh ấy cũng đã làm hư hỏng cả guồng máy trí tuệ. Bộ não của những con bệnh ấy không giống những người khác, vì thế cũng không rút tĩa được một vài nhận xét hay ho nào về những bộ não lành mạnh.

Nguồn gốc của sự sống:

Phải khảo xét ở một nguồn gốc khác: ở nguồn của sự sống, nó đã giúp chúng ta kiểm điểm những phẩm chất thuộc hoạt động và cảm tính vì lẽ đương nhiên, những phẩm chất này cũng xuất hiện cùng một nguồn gốc ấy.

Không có cách nào khác để định nghĩa sự sống hơn là dựa theo những biểu hiện của nó. Đặc tính cốt yếu của sự sống là sự liên tục. Mỗi sinh vật đều do một sinh vật khác sinh ra. Mỗi tế bào đều bắt nguồn gốc ở một tế bào khác. Nhưng ai đã sáng tạo ra tế bào đầu tiên?

Vấn đề này đã gây ra bao nhiêu cuộc bàn cãi sôi nổi cho đến nay vẫn chưa chấm dứt.

Những người tin theo thuyết “quyết định”, thuyết “duy vật” cho rằng sự sống là sự hợp thành toàn bộ những hiện tượng thuộc lý hóa học mà về cách truyền chủng, chúng ta chưa hiểu được, không phải vì không hiểu nổi bản thể của những hiện tượng ấy mà vì tính cách vô cùng phức tạp của chúng.

Những người thuộc phái “vạn vật sáng tạo” thì tin rằng phải có một đấng tối cao dựng nên vạn vật. Mỗi phái đều có một số người bênh vực cuồng nhiệt. Chúng ta không dự vào cuộc bàn cãi ấy, nó vượt qua khỏi phạm vi sách này. Chúng ta chỉ biết rằng cho đến ngày nay chúng ta chưa hề biết gì cả về nguồn gốc sự sống. Nếu chúng ta rõ được, chúng ta đã làm những bậc thần thánh, nhưng chúng ta chỉ là người, nghĩa là chưa có gì đáng kể.

Song nếu chúng ta chưa biết gì về nguồn gốc của sự sống, ít ra chúng ta cũng biết được những điều kiện căn bản của sự sống. Mỗi sinh vật sống đều biểu thị bởi bốn hiện tượng riêng biệt.

Những hiện tượng của sự sống:

Hiện tượng đầu tiên là **dinh dưỡng**. Tất cả mọi sinh vật đều biết tự dưỡng, nghĩa là ở mỗi sinh vật đều có một sự trao đổi những thực chất với hoàn cảnh mà nó đang sống. Những sinh vật thô sơ nhất chỉ gồm có một tế bào, như loài “protiste” chẳng hạn, cũng nhận được của cái hoàn cảnh mà chúng đang sinh sống, những chất bổ cần thiết nó ngấm qua cái vỏ bọc nguyên sinh chất của chúng. Càng bước cao lên trên đẳng cấp sinh vật, chúng ta sẽ thấy cơ năng dinh dưỡng được quy định vào một cơ quan do đó những cơ quan này đã trở nên phức tạp.

Hiện tượng thứ hai là hiện tượng **sinh sản**. Tất cả những sinh vật đều được truyền tồn, nối dõi. Đó là do tính cách liên tục của sự sống. Để thi hành công việc ấy, tạo vật dùng nhiều phương thức khác nhau và bất chấp cái luân lý của con người. Đôi khi, ở những sinh vật thô sơ, cái tế bào nguyên khởi tự chia ra làm đôi để sinh ra hai sinh vật mới riêng biệt; có trường hợp sinh vật ấy nảy sinh thêm bằng cách nảy mầm nở mọng, lại cũng có khi những sinh vật ấy tạo ra những tế bào đặc biệt, được gọi là tế bào tính dục. Hai tế bào trống mái sẽ kết hợp nhau để sinh ra một sinh vật mới. Đó là lối sinh sản tính biệt.

Hiện tượng thứ ba là hiện tượng **di động**. Tất cả những sinh vật đều có thể di động, tự động, vận động, chuyển động. Dù là những sinh vật sơ đẳng nhất, trông ở mặt ngoài hình như không có động lực, nhưng bên trong vẫn có nhiều sự vận chuyển dù là yếu ớt. Những sự máy động này có thể rất chậm như ở giống san hô hoặc nhanh như ở loài chim én.

Hiện tượng sau cùng là **cảm thụ tính**. Tất cả những sinh vật đều bị kích động hoặc ít hoặc nhiều bởi những kích động của hoàn cảnh bên ngoài. Tất cả đều biết cảm giác. Lẽ dĩ nhiên ở đẳng cấp dưới, những cảm giác này rất thô thiển, nó được cảm giác bởi toàn bộ của tế bào. Càng lên cao ở đẳng cấp sinh vật nó càng trở nên phức tạp. Các sinh vật cao đẳng có những cơ quan riêng biệt cho mỗi loại cảm giác.

Người ta cũng nhận thấy bốn điều kiện của sự sống này ở những vật thể vô tổ chức nhưng chỉ thấy riêng từng hiện tượng một. Một ngọn lửa chẳng hạn, cho chúng ta thấy hình ảnh của sự dinh dưỡng. Nó cũng biết hấp thụ và biến hóa những thực chất của cảnh vật bên ngoài.

Việc thành lập những tinh thể trong một thứ nước mà chất thuốc đã tan đến nung độ, gần giống như sự sinh sản. Sự vận động rất thông thường trong tạo vật: những con nước, cái trọng lực, những tinh tú, đều di chuyển.

Sau hết một vài vật thể cũng biết cảm thụ, cũng có những cảm giác thực sự. Chất thép thu nhận một vài tính chất mới khi gặp phải một từ dẫ và biến thành nam châm. Dưới ảnh hưởng của ánh sáng, chất “gélatine bichromatée” không còn tan được trong nước, và chất “gélatine bromure d’argent” (*hai chất này dùng trong việc làm phim ảnh*) sẽ trở nên đen sạm. Điện trở của chất sélénium đổi thay tùy theo sức sáng và điện trở của chất kim khí thì thay đổi tùy theo nhiệt độ v.v...

Nghiên cứu về những sinh vật, chúng ta nhận thấy điều này: bốn tính chất nói trên, xét riêng từng tính chất một thì nó chỉ thuộc về phương diện lý hóa học. Người ta chỉ có cách phân biệt một hiện tượng sinh sống với một hiện tượng vật chất bởi một cái gì đó, mà hiện tượng sau này không thể có.

Tất cả vấn đề là sự hiện diện đồng thời của bốn hiện tượng nó biểu thị cho sự sống.

Bốn tính chất này vừa “đầy đủ” vừa “bất biến”. Đầy đủ vì một khi có đủ bốn tính chất này thì có sự sống. Bất biến vì không một sinh vật nào mà không có đủ bốn tính chất này.

Người ta nhận thấy ngay hai tính chất đầu tiên (dinh dưỡng và sinh sản) là hai cơ năng bảo tồn có mục đích làm cho sinh vật được trường tồn. Còn hai tính chất kia (vận động và cảm thụ tính) là những cơ năng tiếp ngoại, giúp cho sinh vật liên lạc, giao dịch với cảnh vực bên ngoài, để hoặc tự sử dụng hoặc để tự bảo vệ.

Nguồn gốc của những bẩm chất thiên nhiên:

Những bản chất tâm lý làm cơ sở cho cá tính chúng ta, chắc chắn có liên hệ mật thiết với bốn tính chất của sự sống. Nếu không do đó mà ra thì do đâu? Sau đây chúng ta sẽ tuần tự xem xét qua.

Sự dinh dưỡng đã nảy sinh ra những bản năng thèm khát như khát ăn, khát uống, hô hấp v.v... Những bản năng này về phương diện tâm lý, đối ứng với bản chất **tham muốn**. Vả lại lời tục người ta cũng thường nói là: thèm tiền, khát danh vọng v.v...

Sự sinh sản đã tạo ra tính năng ăn sâu ở mỗi sinh vật. Về mặt sinh lý **tính năng** đã tạo ra **lòng nhân** và các giai đoạn phụ thuộc: ái tính, tình mẫu tử, tình bè bạn, tình thương, lòng ái nhân. Freud đã có nói, tuy nói hơi hổ về ảnh hưởng của tính dục trong cá tính con người.

Tình dục cũng đã gây nên gia đình và bành trướng ra để lập thành những bộ lạc, những giống dân nói tóm lại là xã hội. Trong ngành này, tính năng cũng đã phát sinh ra **óc hợp đoàn**, điều kiện cần thiết cho cuộc sống chung.

Sự di động thì chuyển thành bản năng: một thuộc về hoạt động, để tiến tới, để di chuyển, hai là thuộc về phản ứng để tự vệ. Một sinh vật có thể dùng cái cảnh vực để sinh sống hoặc để bảo vệ sự sống.

Bản năng trước là nguồn gốc của **hoạt động tính**, bản năng thứ hai là nguồn gốc của **cảm xúc tính** mà chúng tôi đã nói đó là lối phản ứng để phòng thủ.

Tính chất sau cùng là **cảm thụ tính** đã phát sinh những khả năng trí tuệ của chúng ta. Điều đó có thể đoán biết, vì cảm thụ tính là dấu vết của hoàn cảnh đã in trên sinh vật. Nhờ nó mà chúng ta có thể hiểu nổi những hiện tượng chúng ta đã chứng kiến, những hiện tượng ở bên ngoài chúng ta.

Cảm thụ tính đã sinh ra ba khả năng: **trí nhớ, trí tưởng tượng** và **óc phán đoán**.

Trí nhớ là sự hấp thụ những tri giác, sự gìn giữ, ký giữ, xếp đặt để có thể nhận biết lại những tri giác ấy khi cần. Đó là cơ năng trí tuệ thụ động.

Trí tưởng tượng là khả năng làm cho tri giác, những ký ức mà chúng đã moi móc trong trí nhớ có thể gắn gũ, tập hợp hoặc liên kết với nhau để đối chiếu, tương phản nhau và tạo thành những liên hợp mới mẻ. Đó là yếu tố cốt yếu của sự sáng tạo dưới mọi hình thức.

Óc phán đoán là khả năng giúp chúng ta phân biệt những tri giác bằng cách đối chiếu, so sánh và đánh giá những tri giác ấy.

Trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán là ba phẩm chất cốt yếu hợp thành **trí tuệ** của chúng ta.

Đến đây chúng ta có thể lập thành bảng kê cái cá tính thiên nhiên của con người như sau đây:

Những tính chất cốt yếu của sự sống	Những phẩm chất hợp thành cá tính	Cá tính thiên nhiên
Dinh dưỡng Sinh sản Di động	→ Tham muốn → Lòng nhân → Óc hợp đoàn → Hoạt động tính → Cảm xúc tính Khí chất (những phẩm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính)	
Cảm thụ tính	→ Trí nhớ → Trí tưởng tượng → Óc phán đoán Trí tuệ (Những khả năng thuộc tinh thần)	

III. NHÌN TỔNG QUÁT VỀ CÁ TÍNH THIÊN NHIÊN

Như chúng ta thấy, cá tính thiên nhiên của chúng ta căn cứ trên tám yếu tố căn bản:

Năm yếu tố thuộc cảm tính và hoạt động, hợp thành cái khí chất con người.

Ba yếu tố thuộc tinh thần, hình thành nên trí tuệ con người.

Tám bẩm chất này có tính cách **tiên nhiên, căn bản** và **thường xuyên**.

Tiên nhiên, vì chúng ta thừa hưởng những bẩm chất ấy bởi di truyền, do cha mẹ, do ông cha tổ tiên chúng ta. (*Ông Jean Rostand một nhà sinh học có tiếng chủ trương rằng: Di truyền ảnh hưởng đến trí tuệ nhiều hơn tính tình. Chúng ta không hiểu lý do. Vì những bẩm chất thiên nhiên của chúng ta có lẽ cũng phải được truyền sang bởi những yếu tố di truyền của những nhiễm thể như những đặc tính của thể chất và chắc chắn cũng do theo những định luật giống nhau*).

Căn bản, vì đó là những vật liệu làm cơ sở hành lý, là những khả năng chúng sẽ theo người trong cuộc thi chạy trên đường đời.

Thường xuyên, vì từ lúc mới sinh ra đến lúc chúng ta chết, những bẩm chất ấy không hề thay đổi. Chúng ta không thể thay đổi mức độ của chúng. Đó là những công cụ đã đặt sẵn trong tay chúng ta, chúng nó như thế nào, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc tệ, chúng ta cũng phải nhận lãnh; nhưng nhờ cái thể của cá tính tập thành, chúng ta có thể làm giảm bớt hoặc gia tăng hiệu năng của chúng.

Tám bẩm chất này được phân phát cho chúng ta không theo một cấp bậc, một phẩm trật nào cả. Nếu chúng ta nhận thấy nơi một người có một bẩm chất ở mức độ cao, điều ấy không chỉ rằng những bẩm chất khác tất cũng ở mức độ ấy. Muốn phán đoán về một người chúng ta phải biết rõ tất cả những bẩm chất của họ, vì sự liên kết giữa những bẩm chất ấy

có thể sinh ra vô số những bầm chất phụ thuộc khác mà sau đây chúng ta sẽ có dịp xét quan.

Sự khác biệt giữa khí chất và trí tuệ thực ra không quá rõ rệt như người ta có thể tưởng khi nhìn qua bảng kê trước đây. Một người không phải là một tinh thần thuần túy, họ cũng không phải là tôi đòi của những bầm chất thuộc cảm tính. Hai loại bầm chất này luôn luôn có ảnh hưởng đối lại nhau.

Một bầm chất được gọi là *quyết định* khi nó có ảnh hưởng ưu thế đối với toàn diện của cá tính. Nó được xem là *phụ trợ* khi nó chỉ đóng một vai trò phụ thuộc. Một bầm chất *quyết định* chế ngự cả cá tính, một bầm chất *phụ trợ* chỉ có thể tu chính, điều chỉnh cá tính.

Nên gọi ngay rằng ba thành phần của trí tuệ chỉ đóng một vai trò *phụ trợ*, nó không bao giờ có tính cách *quyết định*. Nói một cách khác, chúng ta thành động theo ảnh hưởng của những bầm chất thuộc cảm tính. Trí tuệ chỉ xen vào để bổ chính, tu chính những hành động của chúng ta.

Năm bầm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính có tính cách quyết định hoặc phụ trợ.

Một người quá tham đến nỗi không còn biết trọng quyền lợi của kẻ khác sẽ biết dùng những ngón xã giao, lịch thiệp, những giao du để kiếm lợi lộc. Ở đây bầm chất tham muốn chế ngự còn óc hợp đoàn thì tu chính.

Lại có người chỉ biết tìm cách đề cao mình lên, làm cho người ta yêu thích mình, thích tìm danh vọng hơn là tiền tài, họ dám tốn bạc để mua chuộc danh vọng. Ở đây lòng tham muốn là một tu chính cho óc hợp đoàn.

Ảnh hưởng của những bầm chất thuộc cảm tính:

Lòng tham muốn là một bản chất quyết định, nó là nguyên động lực mọi hành động của con người. Nói rằng “Tư lợi dẫn dắt loài người” là một điều thừa. La Rochefoucauld đã chẳng nói: “Đạo đức mất trong tư lợi cũng như con sông nào rồi cũng trở ra biển cả”. Nhưng bản chất tham muốn cũng có thể đóng vai trò tu chính khi nó ảnh hưởng để tu chính sự thái quá của một bản chất khác.

Lòng nhân thường có tính cách tu chính hơn là quyết định. Những bậc ái nhân hoàn toàn rất hiếm. Thánh Vincent de Paul, thánh Gandhi là gương sáng của những cá tính bị lòng nhân chi phối. Văn nghiệp của Tolstoi cũng tràn ngập tình yêu nhân loại.

Óc hợp đoàn vừa tu chính vừa quyết định. Nó chi phối ở những người diêm dúa hay làm dáng, những thích nói, ham nói, những người hay khoe khoang, khoác lác v.v...

Hoạt động tính là một yếu tố tu chính, nhưng nó có thể trở thành quyết định ở những người say mê hoạt động. Chúng ta há chẳng thấy có người suốt đời mình hướng về một mục tiêu: hoạt động, họ hành động để mà hành động và đôi khi thiếu suy xét.

Cảm xúc tính khi thì hỗ trợ, khi thì quyết định. Nó đóng vai trò tu chính khi nó kích động một bản chất nào đó của cá tính chúng ta.

Do đó cảm xúc tính có thể ảnh hưởng đến người hoạt động làm cho họ đam ra cuồng nhiệt và ở một người giàu bác ái nó có thể gọi ra lòng thương hại.

Cảm xúc tính có tính quyết định trong việc đi tìm những thích thú tinh thần, trong những công trình của nhà nghiên cứu, nhà bác học, nhà nghệ sĩ. Sự kích động thường can thiệp vào những sinh hoạt tinh thần có tính cách thực tiễn hơn là tư duy. Sự phối hợp của hai tính cách nói trên cũng thường thấy.

Cảm xúc tính dựa vào, với tư cách là thành phần trong việc đi tìm những thú vui xác thịt, từ thú vui lành mạnh do thể thao đem lại cho đến những thú vui về nhục dục. Ở trường hợp sau, lòng tham muốn và sự kích động liên kết với cảm xúc. Những sự đòi hỏi hạ cấp về sinh lý, không

phải chỉ tùy thuộc lòng tham muốn. Người đa cảm lắm khi cũng là người đa dục.

Ảnh hưởng của những bẩm chất thuộc trí tuệ:

Trí nhớ là một yếu tố thụ động nhưng vai tuồng của nó rất quan trọng trong việc thành lập cái cá tính tập thành mà cũng sẽ nói đến.

Trí tưởng tượng là một khả năng cần thiết cho sự sinh hoạt. Thiếu nó, đời sống khó mà tồn tại, Bergson nói: “Đời sống chúng ta hướng về tương lai”. Có những người tưởng rằng họ kém tưởng tượng, dù vậy họ cũng có dùng đến nó, dùng để tiên đoán về tương lai thiển cận.

Óc phán đoán là khả năng trọng yếu nhất của cá tính. Nó đứng trên chót vót cái tòa nhà trí tuệ vì nhờ nó mà chúng ta có thể đánh giá, đo lường sự vật. Nó cũng ảnh hưởng rất mạnh đến đời sống tình cảm chúng ta. Như thế, vai trò của óc phán đoán cũng ảnh hưởng đến tất cả mọi thể thức phô diễn, trong đời sống thực tiễn, trong trường doanh nghiệp, trong đời sống tình cảm, cũng như trong đời sống tinh thần.

Những thói mê tín, những lỗi lầm, những hớ hênh đều do phán đoán sai lầm mà ra cả, nguyên do vì óc phán đoán do bẩm sinh rất kém hoặc vì một bẩm chất nào đó thuộc cảm tính phát triển quá mạnh để có thể hủy diệt óc phán đoán trên một vài phương diện nào đó.

Mọi người đều có cái cá tính thiên nhiên và đặc tính của nó là bất di bất dịch, nó được di truyền từ lúc chúng ta sinh ra, do những tổ hợp mới mẻ song không có sự “tiến bộ” nào về phẩm cả, bởi nó được kết hợp một cách may rủi, những nhà thần học có thể dựa vào đó để bênh vực tin điều cho rằng mọi người đều mắc tội tổ tông và nhân loại cần được cứu rỗi...

Song nếu muốn bác lại, người ta cũng có thể viện lẽ rằng sở dĩ mất phạm của con người nhận thấy cái tính cách bất di bất dịch của cá tính

thiên nhiên là bởi cái thời gian của những “thời kỳ lịch sử” chỉ là một nháy mắt sánh với những “thời đại địa chất” hoặc “thời đại thiên văn”. (Một nhà bác học, ông Richard Carrington viết trong quyển *A Guide To Earth History*: Nếu chúng ta thu gọn lại lịch sử quả địa cầu trong một năm thôi chúng ta sẽ thấy rằng phải đợi đến tám tháng qua sự sống mới xuất hiện. Hai tháng kế tiếp đó chỉ có những sinh vật thô sơ, từ những vi phân, những vi trùng chỉ có một tế bào đến những con sứa. Loài vật có vú chỉ xuất hiện vào tuần lễ thứ nhì của tháng chạp. Và con người, con người như chúng ta thấy hiện giờ chỉ ra đời vào ngày 31 tháng chạp lúc 23 giờ 45 phút. Còn cái lịch sử văn minh có biên chép lại đằng hoàng thì chỉ thấy kể lại từ phút sau cùng trong năm (dẫn theo tạp chí “Sélection số tháng 4 năm 1956).

CHƯƠNG V - CÁ TÍNH TẬP THÀNH

Đời sống con người được đặc trưng bởi hai phần: con người và cái hoàn cảnh mà con người ấy sinh sống.

Con người được tiêu biểu bởi cá tính thiên nhiên mà chúng ta vừa xét qua đó, nó thọ bẩm cá tính thiên nhiên này từ lúc mới sinh ra đời. Hoàn cảnh do nhiều phản ứng khác nhau, sẽ tạo ra cho con người một cá tính thứ hai nó bao trùm cá tính trước đó. Đó là **cá tính tập thành**.

Ở đây, chúng ta thấy ngay sự lầm lạc của những triết gia ở thế kỷ XVIII như Jean Jacques Rousseau và Bernadin de Saint Pierre đã tin tưởng ở tính thiện của tạo vật và cho rằng sở dĩ con người bị hư hỏng là do những luật lệ không hay mà xã hội đã lập ra. Thực ra, nếu để con người sống riêng biệt khỏi vùng ảnh hưởng của xã hội, người ta sẽ thấy rằng cá tính của con người cũng sẽ khác nhau và không bị đúc khuôn theo một lý tưởng tốt đẹp nào. Cá tính của họ vẫn giữ nguyên hình ảnh của cá tính thiên nhiên.

Cái “tính thiện” cái “luân lý” của tạo vật, chỉ là những danh từ vô nghĩa. Tạo vật không tốt cũng không xấu, không luân lý cũng không vô lý. Nó chỉ theo đuổi một mục tiêu: làm cho sự sống được trường tồn và để đạt mục tiêu ấy, nó thường dùng nhiều phương tiện lạ lùng. (Và thường khi không phải là những phương tiện “tốt” đâu. Lắm triết gia đã từng nhấn mạnh về tính cách “thiếu hòa hợp” của tạo vật). Kỳ thực, đó chỉ là một cuộc sát sinh khốc liệt. Nhà tự nhiên học E. Fabre có thuật lại những tập tục vô cùng độc ác – lẽ dĩ nhiên là theo quan điểm của con người – của một vài loại sâu bọ. Nhưng đứng về quan điểm tạo vật, những thủ đoạn độc ác tinh tế ấy là điều cần thiết cho sự trường tồn của chủng loại.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh:

Nhưng chúng ta hãy để qua bên vấn đề của tạo vật tính vốn thiện hay không thiện, để xét về ảnh hưởng của hoàn cảnh đối với con người.

Cái hoàn cảnh mà chúng ta đang sống rất là phức tạp, nó thường biến đổi là luôn luôn tiến hóa. Hiện giờ rất hiếm người sinh trưởng, sống và chết ở một nơi. Sự phát triển của các phương tiện giao thông, sự thu hẹp của quả địa cầu bởi cơ giới làm cho con người hiện giờ nhiều dịp sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Chúng ta còn nói đến quê hương, xứ sở nhưng hiện giờ có mấy ai còn nghĩ đến “lũy tre xanh” của làng mình. Vì chức nghiệp, vì sự xê dịch, vì sự du lịch, vì những bước thăng trầm của cơ nghiệp, hoàn cảnh sinh sống chúng ta có thể thay đổi luôn.

Vấn đề cá tính tập thành vì thế rất phức tạp. Chúng ta bao giờ cũng tránh nhọc nhằn, sợ đau khổ. Do bản năng, chúng ta tự nhiên biết tìm cách thích ứng với hoàn cảnh để sống một cách tiện nghi. Do đó nảy sinh cái tính tập thành nó luôn luôn thay đổi, suốt đời chúng ta tùy theo những biến cố chúng ta đã trải qua. Cá tính thiên nhiên chúng ta vẫn không thay đổi, song cá tính tập thành nó bao phủ trên cá tính thiên nhiên ấy có thể ngăn trở hoặc đốc xuất những biểu hiện của cá tính thiên nhiên tùy trường hợp.

Càng ít chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh, cá tính thiên nhiên chúng ta càng giữ lại được cái trạng thái nguyên khởi của nó. Những người sống trong đồng bái xa thị thành hoặc trên rừng núi ít khi chung đụng với xã hội mà được có một cá tính tập thành là do chính họ tạo nên (tự giáo dục) bởi thế nó gần giống với cá tính thiên nhiên. Do đó tính tình của họ thường có tính cách độc đoán (vì thế có một số nhà văn thích nghiên cứu về hạng người ở đồng bái ấy như Balzac, Zola, Pérochon, Jean Giono v.v...), như chúng ta sẽ thấy sau đây, bởi cá tính tập thành đóng một vai trò san bằng, nó bào gột bớt những góc cạnh.

Ở tuổi thơ, cá tính tập thành dường như không có, trẻ con chịu ảnh

hưởng của cá tính thiên nhiên. Vì thế trong tâm lý học, việc nghiên cứu tâm lý trẻ con rất quan trọng. Xét qua cái thái độ hoặc lối xử sự của một người lúc họ còn thơ ấu, chúng ta có thể đoán biết được thực chất cá tính của con người ấy, dù về sau cá tính của họ có bị che đậy bởi những gì họ đã thâm nhập khi chung đụng với đời sống.

Các nhà giáo dục không nên xem thường những việc mà họ thường cho là có tính cách “trẻ con” vì thực ra đó là những dấu hiệu chắc chắn nhất có thể hướng dẫn họ trong việc giáo dục con người.

Có ba loại sự kiện có thể ảnh hưởng đến cá tính tập thành:

Trước hết là những sự kiện **thuộc thể chất**. Một tuổi thơ đau khổ, sự thiếu tình thương của cha mẹ, một đời sống bần cùng, một cảm xúc quá mạnh có thể ảnh hưởng sâu xa đến cá tính tập thành. Qua các tác phẩm của hai văn hào J. J Rousseau và Jack London chúng ta thấy rõ suốt đời họ, đã giữ mãi dấu vết của những đau khổ mà họ đã trải qua lúc thiếu thời.

Nhiều quyết định của vua Louis XIV (nhất là việc dời đô về Versailles) có nguyên do ở cái kỷ niệm không hay của ông ta về cuộc nổi loạn La Fronde. Lúc còn bé, vua Louis XIV đã bị đau khổ về tinh thần lẫn vật chất vì cuộc bạo động này, ông bị xúc động quá mạnh nên suốt đời vẫn giữ mãi cái ấn tượng ấy.

Sự đau khổ về thể chất của dân cư ở những vùng bị chiếm đóng lúc chiến tranh chắc chắn cũng có ảnh hưởng đến cá tính tập thành của họ.

Kế đó là những sự kiện **thuộc sinh học**. Một tật bệnh có ảnh hưởng đến cá tính tập thành. Bệnh cận thị chẳng hạn làm thay đổi thái độ và lối xử sự của một đứa trẻ.

Lúc thiếu thời, thi hào Byron tính tình nhút nhát hay lo sợ, hay ngờ vực, có lẽ vì ông bị tật ở chân. Về sau, mặc dù ông đã trở nên một nhân vật có tiếng tăm, ông cũng không thoát khỏi ảnh hưởng ấy.

Sau hết là những sự kiện **thuộc xã hội**. Những sự kiện này vừa nhiều và cũng vừa quan trọng. Đó là ảnh hưởng của gia đình, của nhà trường, của bạn bè, của sách vở, của giáo dục, của những cuộc du lịch, của những cuộc thành công, thất bại...

Những sự kiện xảy ra hàng ngày có thể biến chuyển ra nhiều sự kiện mới rất phức tạp. Vì thế khó mà nghiên cứu một cách tinh tế từng sự kiện một. Lúc nào chúng ta cũng bị ảnh hưởng của chúng, không nhiều thì ít, chúng ta cũng thích nghi theo chúng.

Sự phản ứng của các phẩm chất thuộc cảm tính:

Một người mà có phẩm chất tham muốn quá nhiều sẽ có nhiều tham vọng vọng đặt quá cao, trên địa vị xã hội của họ và tự nhiên họ sẽ bị nhiều thất vọng ê chề, lòng tự ái họ bị va chạm. Nhưng họ sẽ rút được mớ kinh nghiệm hay nếu họ biết phán đoán, mớ kinh nghiệm ấy có thể giúp họ đề phòng lòng tham vọng của họ, về sau họ sẽ biết “liệu cơm gắp mắm” không còn mộng ảo những việc quá xa vời. (**phẩm chất tham muốn**).

Một người vì quá tốt bụng mà bị kẻ khác lợi dụng, hoặc lấy ơn làm oán. Về sau, một khi họ định thi ân cho ai điều gì, họ không còn khinh xuất, họ sẽ biết dè dặt hơn. Luôn luôn họ vẫn muốn mở rộng lòng của họ, song những mối thất vọng vừa qua sẽ giảm bớt lại, hoặc ngưng hẳn cái nguồn nhân ái của họ. (**phẩm chất lòng nhân**).

Một đứa trẻ tinh nghịch, miêng hay bép xép, ăn nói trống trải, không biết nề nang hoặc đếm xỉa đến người khác sẽ bị cha mẹ quở mắng. Cha mẹ nó giải thích cho nó hiểu, nếu vì thiện ý mà nói thì nó sẽ làm buồn người ta, còn nếu vì muốn đề cao mình thì nó sẽ bị người ta xem rẻ v.v... (**phẩm chất óc hợp đoàn**).

Khi phẩm chất hoạt động tính phát triển quá độ nó có thể chuyển hướng

vào những cuộc hoạt động hữu ích như chơi thể thao chẳng hạn. (**bẩm chất hoạt động tính**)

Có thể cải thiện một người tính nóng nảy hoặc đa cảm do bẩm sinh bằng cách kích động một bẩm chất khác như lòng nhân, lòng tham muốn hoặc óc hợp đoàn. (**bẩm chất cảm xúc tính**).

Sự giáo dục đã dự phần rất lớn trong việc tạo nên cá tính tập thành, có thể làm giảm bớt ảnh hưởng của một bẩm chất quyết định bằng cách dùng những bẩm chất khác để diệt bớt ảnh hưởng của nó. Nó đóng một vai tuồng san bằng, điều hòa. Song giáo dục sẽ không ảnh hưởng nổi những bẩm chất đã phát triển đến một mức độ quá cao để không còn có thể làm giảm bớt, hoặc khi nó không thể cậy nhờ những bẩm chất khác can thiệp. Vì thế có những thứ tính tình “bất trị”.

Kết quả sự thích nghi của cá tính chúng ta được gọi là **kinh nghiệm**, nói về đời sống tình cảm và sự **thành thực, già dặn** nói về tinh thần.

Ký ức, ý kiến và tín ngưỡng:

Lẽ đương nhiên, trí nhớ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo thành cá tính tập thành. Nó ghi nhớ và lưu trữ tất cả những việc, những sự kiện đã ảnh hưởng chúng ta, nó thâm nhập tất cả những kinh nghiệm của chúng ta đã trải qua. Khi cần xử sự, chúng ta sẽ chọn lấy trong mớ ký ức ấy những tài liệu để cân xét. Trí nhớ có thể kém, nhưng không mấy khi đến nỗi quá tệ để chúng ta không còn biết thâm rút những kinh nghiệm. Kinh nghiệm được có là do chúng ta biết áp dụng óc phán đoán.

Những người mà chúng ta bảo rằng “họ không học được gì với đời sống cả” là những người có nhiều tham muốn song óc phán đoán kém hoặc giả óc phán đoán của họ bị ngăn trở bởi một bẩm chất phát triển quá độ như bệnh “khoác lác” chẳng hạn.

Về phương diện tinh thần, cá tính tập thành gồm có những ký ức chúng

ta đã rút tỉa trong khi nói chuyện hoặc xem sách báo, những kinh nghiệm chúng ta đã trải qua, những cảm giác chúng ta đã xúc cảm.

Dưới ảnh hưởng của óc phán đoán, một vài ký ức này sẽ kết thành hệ thống biến những phương thức tư tưởng thông thường. Óc phán đoán sẽ quyết định rằng một điều gì đó đáng tin là thực, ở một trường hợp nào đó phải có một hành động gì. Lúc bấy giờ những quyết đoán chúng ta đã chắc như “rựa chém đất” không thay đổi nữa cho đến khi một biến cố nào khác vạch cho chúng ta thấy rằng anh đã lầm lạc. Những một khi đã quyết đoán chúng ta không còn phán đoán, suy xét nữa. Những ký ức ấy đã biến thành những **tín ngưỡng** nếu đó là thuộc cảm tính, hoặc thành những **ý kiến**, những **tri thức** nếu phần trí thức chiếm ưu thế.

Tất cả những tri thức chúng ta đã thu thập trong đời sống sẽ hợp thành cái **ý thức** của chúng ta. Nhưng đừng nhầm lẫn cái **ý thức** này với cái **lương tâm** của luân lý học nó chỉ là một sắc thái đặc biệt của cái ý thức tổng quát.

Thói quen và tập tục:

Trên phương diện phát động, cá tính tập thành được kết thành bởi những **thói quen**.

Thói quen khởi đầu bằng một hành động có suy nghĩ. Hành động ấy được lập lại mãi sẽ không còn nhờ đến óc suy nghĩ và biến thành thói quen.

Những thói quen có thể có tính cách cá nhân hoặc tập thể. Những thói quen cá nhân rất nhiều và thay đổi tùy người, thí dụ lúc ra đường quen cầm cây gậy trên tay, đi mãi theo một con đường, quen đọc một thứ báo, hút một thứ thuốc v.v... Chúng ta nhận thấy trong cách áp dụng tâm lý học, mục đích của quảng cáo là gây một thói quen của khách hàng.

Những thói quen có tính cách tập thể là **phong tục, tập quán**. Những thói

quen ấy cũng có thể tạo ra lắm thói quen có tính cách xã hội khác.

Những thị hiếu và những khuynh hướng:

Về phương diện cảm tính, cá tính tập thành được kết thành bởi những **thị hiếu**, những **khuynh hướng**. Những thị hiếu liên quan với tất cả những phẩm chất, những khuynh hướng trái lại chỉ do phẩm chất lòng nhân sinh ra.

Những thị hiếu, những khuynh hướng luôn luôn phát sinh ở một cảm xúc mà người ta cho là thú vị, êm ái, bởi thích hợp với một khuynh hướng thiên nhiên. Người cũng bắt đầu tìm cách để hưởng trở lại những cảm xúc ấy. Song những cảm xúc ấy nếu được lập lại mãi sẽ sinh ra sự chán chê, nên để ý sự chán chê này chỉ có tính cách nhất thời, khi sự lập lại cách khoảng thưa thớt hơn thì người ta lại hết chán.

Lòng tham muốn gây ra những thị hiếu thuộc thú vui vật chất, nhục dục, thói mê ăn, thói giữ trật tự thuộc về vật chất. *(Thói giữ trật tự về vật chất là thói quen sắp xếp các đồ vật cho ngăn nắp và sau khi dùng đồ vật ấy rồi thì đâu để lại đó không hề sai siển. Cái trật tự này thuộc về thị hiếu, nhưng muốn tập cho có, cần phải có đôi chút “tham muốn” và “trí nhớ”. Những người không ham thích gì cả thường không biết trật tự, ngăn nắp).*

Hoạt động tính có quan hệ với thú chơi thể thao, tập thể dục, làm việc bằng tay chân, đi bộ, đi du lịch, khêu vũ hoặc tất cả những thứ gì có thể thỏa mãn phẩm chất hoạt động của con người. Sự suy nhược sẽ gây ra thói ăn không ngồi rồi, thích ấm áp. Người hoạt động chịu rét rất giỏi, người nhu nhược luôn đắp chăn bông, mặc ấm.

Cảm xúc nảy sinh ra những thị hiếu thuộc thẩm mỹ mà nền tảng là cảm xúc âm nhạc, hội họa, điêu khắc, văn chương, kịch. Thú thích chạy nhanh là do cảm xúc tính. Thú đánh bạc, thú mạo hiểm cũng do cảm xúc tính mà ra.

Nếu phải kể tất cả những thị hiếu thì rất dài dòng, vả lại, nếu muốn xếp nó thành loại tùy theo những phẩm chất đã ảnh hưởng đến nó cũng không khó.

Có những thị hiếu bị chi phối bởi nhiều phẩm chất. Thí dụ sưu tầm là do lòng tham muốn và cảm xúc tính gây ra.

Sở thích muốn có nhà cửa ấm cúng là do lòng nhân (yêu gia đình) do óc hợp đoàn (phô trương sự xa hoa) do cảm xúc tính (thích những đồ vật đẹp).

Lẽ đương nhiên, giáo dục cũng có thể tạo nên hoặc phát triển những thị hiếu song ít ra đương nhân phải sẵn có những phẩm chất thiên nhiên tương xứng và ở một mực độ kha khá.

Những khuynh hướng đều do phẩm chất lòng nhân mà ra. Nó bắt nguồn ở một hiện cảm thiên nhiên đối với một người, một vật, một chế độ, một công cuộc, một thực thể, cũng có khi là đối với một người đã quá vãng (thôi tôn sùng những ký ức).

Cũng như đối với những thị hiếu, cái thiện cảm ấy nảy nở do sự đổi mới, nó phát triển và sau cùng sẽ được kiên cố. Ở trạng thái sau này khuynh hướng có cả một đời sống riêng biệt. Nó có thể thay đổi, nảy nở, ổn định hoặc biến mất.

Những khuynh hướng kể ra thì thật nhiều, sau đây là một vài thứ: tình thương, tình bằng hữu, lòng quý chuộng, tình yêu dưới mọi hình thức, lòng hâm mộ, sự kính nể, lòng biết ân, lòng ái quốc, lòng mộ đạo, lòng từ thiện, lòng yêu súc vật. *(Danh từ tình cảm là một trong số những danh từ mù mờ không rõ nghĩa mà khi đề cập về tâm lý học người ta thường dùng đến. Ở đây tưởng cũng nên định nghĩa nó lại cho minh bạch. Thường khi người ta dùng danh từ tình cảm để ám chỉ cái mà ở đây chúng tôi gọi là khuynh hướng tức là những trạng thái đặc biệt. Nhưng chúng tôi đồng ý với Marcel Boll là nên dành danh từ tình cảm để chỉ về những trạng thái tạm bợ, chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn ngủi như sự thèm muốn, sự*

sợ sệt, sự bằng lòng, sự chán nản).

Một khuynh hướng có thể hành động ngược lại lòng nhân, thí dụ: tính khó thương, sự hiềm khích, thù oán...

Cần phân biệt rõ những khuynh hướng, những thị hiếu và những hình thức của tâm tính.

Thị hiếu, khuynh hướng là những **áp dụng đặc biệt** của các phẩm chất thiên nhiên chúng ta, còn những hình thức của tâm tính mà sau đây chúng tôi sẽ có dịp nói đến, là những lối **phối hợp thông thường** ở con người.

Tình bằng hữu chẳng hạn là một khuynh hướng, một thiện cảm chúng ta có đối với một người. Vả lại, một người hiền từ và có óc hợp đoàn bao giờ cũng là người thuần hậu. Tính thuần hậu là một trạng thái tổng quát đối với mọi người. Chúng ta có tình cảm riêng đối với một người nhưng chúng ta tỏ ra thuần hậu với mọi người. Một người rất có thể có cảm tình riêng đối với một người nào đó và tỏ ra khó thương đối với một người khác.

Những đam mê:

Khi những thị hiếu, những khuynh hướng tiến đến một mức độ quá cao, sẽ biến thành những **đam mê**.

Khi một thị hiếu trở nên khẩn khiết nó có thể lôi cuốn, bắt buộc một người phải thỏa mãn nó đến cùng, nếu người ấy không có một óc phán đoán chắc chắn để vạch cho họ thấy những tai hại của thị hiếu ấy. Quá thích đánh bạc sẽ gây ra sự mê đánh bạc. Một khuynh hướng quá mạnh thiên về một người sẽ gây ra thứ tình yêu say đắm.

Sự đam mê ít khi được phát hiện ra một cách đột ngột. Luôn luôn đam mê bắt đầu ở một thị hiếu hoặc ở một khuynh hướng nó nảy nở hoặc nhanh hoặc chậm. Cái “tình yêu sét đánh” mà người ta thường nói đến, dù sao

cũng rất hiếm. Người ta thường gặp nó ở những người đa cảm xúc. (Và thường khi người này rất dễ lầm lạc, trước một cảm xúc quá mạnh, óc phán đoán của họ đâm ra bất lực). Lắm tiểu thuyết gia và kịch gia đã từng nghiên cứu về sự phát triển của những mối tình si. Stendhai (văn sĩ Pháp, tác giả quyển “*De l’amour*”) đã từng vạch rõ sự tiến triển từ một khuynh hướng đến mối tình si khi ông nói về sự “kết tinh của tình ái”. Ông đã làm nổi bật cái điểm then chốt mà từ đó một khuynh hướng biến thành đam mê. Sự “kết tinh” ấy chẳng qua là cái ý thức đam mê về một biến cố nó vạch rõ cho một người thấy rằng khuynh hướng của mình nó nồng nhiệt là bao, khi mà trước đó họ không bao giờ ngờ.

Một khuynh hướng nồng nhiệt đối với những việc có tính cách xã hội: quê hương, tôn giáo, chính trị cũng có thể gây ra những đam mê. Lòng ái quốc có thể tiến đến mức bài ngoại, lòng mộ đạo có thể đi đến sự cuồng tín v.v...

Các nhà tâm lý học đều nhận thấy điều này: càng gặp trở ngại bao nhiêu, những đam mê càng phát triển mạnh bấy nhiêu. Hình như sự khó khăn là điều kiện cần thiết để những đam mê này nảy nở. Và cũng như nước triều dâng lên, phá vỡ các bờ đê để rồi sau đó tràn lan một cách dễ dàng khắp đồng nội, những đam mê chỉ phô trương lực lượng của nó khi nó gặp phải trở lực, nếu được thỏa mãn một cách quá dễ dàng, tự nó sẽ dập tắt nó.

Sự phát triển của mọi đam mê nhất là của tình si đều có dính dáng đến giá trị của một vài phẩm chất. Tất cả những đam mê đều là những người nhiều tham muốn, lại đa cảm xúc.

Sự ham thích là hệ luận của đam mê. Một người bất vụ lợi tự nhiên sẽ không ham thích gì cả. Cũng như một người điềm nhiên không hề bị lôi cuốn bởi một đam mê nào, bởi lúc nào họ cũng tự chủ được hoặc chỉ xúc động nhẹ thôi.

Óc phán đoán ở một mức độ cao có thể tiết chế những đam mê.

Những mối tình si chỉ có thể phát sinh ở những người nhạy “xúc cảm”, giàu “lòng nhân” và có khá nhiều “tham muốn”.

Tóm lại đam mê là một trạng thái cảm tính của cá tính do một vài thị hiếu hoặc khuynh hướng bị cản ngăn sự phát triển sinh ra.

Sự quan trọng của cá tính thiên nhiên:

Vai trò của cá tính tập thành rất quan trọng nhưng không phải là cốt yếu. Chính cá tính thiên nhiên mới thực là người điều dắt chúng ta, nó chi phối chúng ta một cách vô thức. Thường khi chúng ta hành động theo mệnh lệnh của nó mà chúng ta không ngờ tới.

Óc khôn ngoan của dân chúng đã nói rõ sự thực này trong những câu tục ngữ: “Đuổi cái bản tính đi, nó sẽ chạy sai trở lại”, “Người tính thế nào sẽ ra thế ấy”, “Không thể đổi thay tính người” v.v...

Bởi chúng ta không làm chủ được cá tính thiên nhiên và lắm khi còn bị ảnh hưởng của nó mà chúng ta không dè, cho nên trong lối xử sự và hành động, chúng ta có một phần nào có cá tính thiên nhiên chỉ định, xin nói rõ “chỉ định” chứ không phải là “tất nhiên”. Chúng ta bị cá tính thiên nhiên thúc đẩy phải hành động theo một hướng lối nào đó vì tất chúng ta đã phải bắt buộc hành động theo hướng đó. Cá tính tập thành có thể can thiệp để sửa đổi lối xử sự và hành động chúng ta và nhất là để tránh những hành vi không hay về mặt xã hội.

Óc phán đoán chúng ta dựa vào những tri thức đã có, sẽ vạch rõ đường lối nên theo, do đó chúng ta có cảm tưởng rằng mình được có “tự do ý chí” phần nào, song thực ra có lẽ đó chỉ là một ảo tưởng.

Nhưng, chúng ta có thể xét về trách nhiệm của một hành vi dưới một góc cạnh khác. Về phương diện xã hội một hành vi có thể bị trừng trị khi mà nó làm hại cho đoàn thể và khi người đã có hành vi ấy có ý thức rõ rệt là nó có phương hại. Và sự trừng phạt, theo quan niệm ấy không có nghĩa là trừng trị một hành vi nghịch với luân lý xã hội hoặc luân lý của Thượng Đế mà là một lối phản ứng để bảo vệ xã hội. Thuyết này càng ngày càng

chiếm ưu thế trong việc pháp chế. Và lịch sử của trường phật như người ta nói, chỉ là những bãi miển liên tiếp.

Dù sao sự phân định giới hạn trách nhiệm vẫn còn là một bài toán khó giải cho các quan tòa nhất là cho những y sĩ giám định luôn luôn phải giải quyết những vụ án.

Sự quan trọng của cá tính thiên nhiên là ở tính cách ổn định, vững chãi của nó và cũng bởi nó đã bắt nguồn từ huyết thống tổ tiên chúng ta, trước khi chúng ta sinh ra từ lâu. Nó được kết thành bởi một sự phát triển chậm chạp mà chúng ta chưa biết rõ, còn cá tính tập thành thì mới thành lập sau khi chúng ta ra đời và luôn luôn thay đổi.

Khi một người nào đó nói “tôi thay đổi rất nhiều”, chúng ta chớ nên tin họ bằng lời. Vì thực ra chỉ có cá tính tập thành của họ bị đổi thay do những biến cố, còn cá tính thiên nhiên của họ vẫn không thay đổi. Sự thay đổi của cá tính tập thành là việc thường xảy ra trong đời người, từ lúc xuân xanh đến tuổi già. Một vài biến cố phi phùng có thể làm nổi bật sự biến đổi của cá tính. Sự sụp đổ một cơ nghiệp, một cái tang đau đớn, việc lập nên cơ đồ một cách nhanh chóng v.v... thường khi là những yếu tố sâu xa có thể thay đổi cá tính.

Nạn chiến tranh, mà bao nhiêu người bị lôi kéo ra khỏi cái hoàn cảnh sinh sống của họ để bị đặt vào những cảnh sống rất quái đản, cũng đã làm cho cá tính tập thành của nhiều người biến chuyển rất nhiều.

Trí khôn của loài vật:

Tất cả những nhận xét trên đây giúp chúng ta rọi một ít ánh sáng vào vấn đề hơi phụ thuộc: vấn đề trí khôn của loài vật.

Đã biết rằng, cá tính chúng ta là do những điều kiện nguyên thủy của sự sống tạo thành, chúng ta có thể suy ra và cho rằng loại vật cũng có một cá thể, lẽ dĩ nhiên cá thể ấy ít phức tạp và không được tiến bộ như con

người. Descartes đã lầm lạc khi ông cho rằng loài vật chỉ là những “bộ máy” và có lẽ Gassendi, người đã chống lại Descartes, có lý hơn. Thực ra, trong đẳng cấp sinh vật, từ loài vật không xương sống đến loài người, đã từng có bao nhiêu thứ cá thể, từ thứ đơn sơ nhất cho đến thứ phức tạp. Song chỉ ở những loài vật cao cấp, gần giống loài người, chúng ta mới nhận thấy những sơ bộ của cá tính.

Loài vật gần giống chúng ta ở những phẩm chất thuộc cảm tính. Thí dụ, chúng ta nhận thấy loài chó cũng có lòng “tham muốn”, lẽ dĩ nhiên lòng “tham muốn” này chỉ tựu trung ở việc kiếm ăn. Có những con chó tham ăn đến phải ốm, lại có những con khác rất có tiết độ.

Có những con chó tự nhiên tính vốn hiền lành và có những con chó hung dữ. Có những con chó rất dễ giao du, thích người ta nâng niu, có những con lại không thích. Cũng có con lười biếng và những con rất siêng năng. Các tay đi săn đều biết rằng có những con chó bẩm sinh vốn đa cảm và có những con tính lại rất điềm nhiên. Sau hết, loài chó cũng biết ghen tuông như ai kia...

Đối với giống mèo, ngựa và đến loài chim người ta cũng có những nhận xét tương tự.

Trên địa hạt tinh thần, những phẩm chất của loài vật càng kém cỏi. Trí tuệ của chúng thường chỉ gồm có trí nhớ, thường khi được nảy nở rất khá, nhất là loài ngựa và chó.

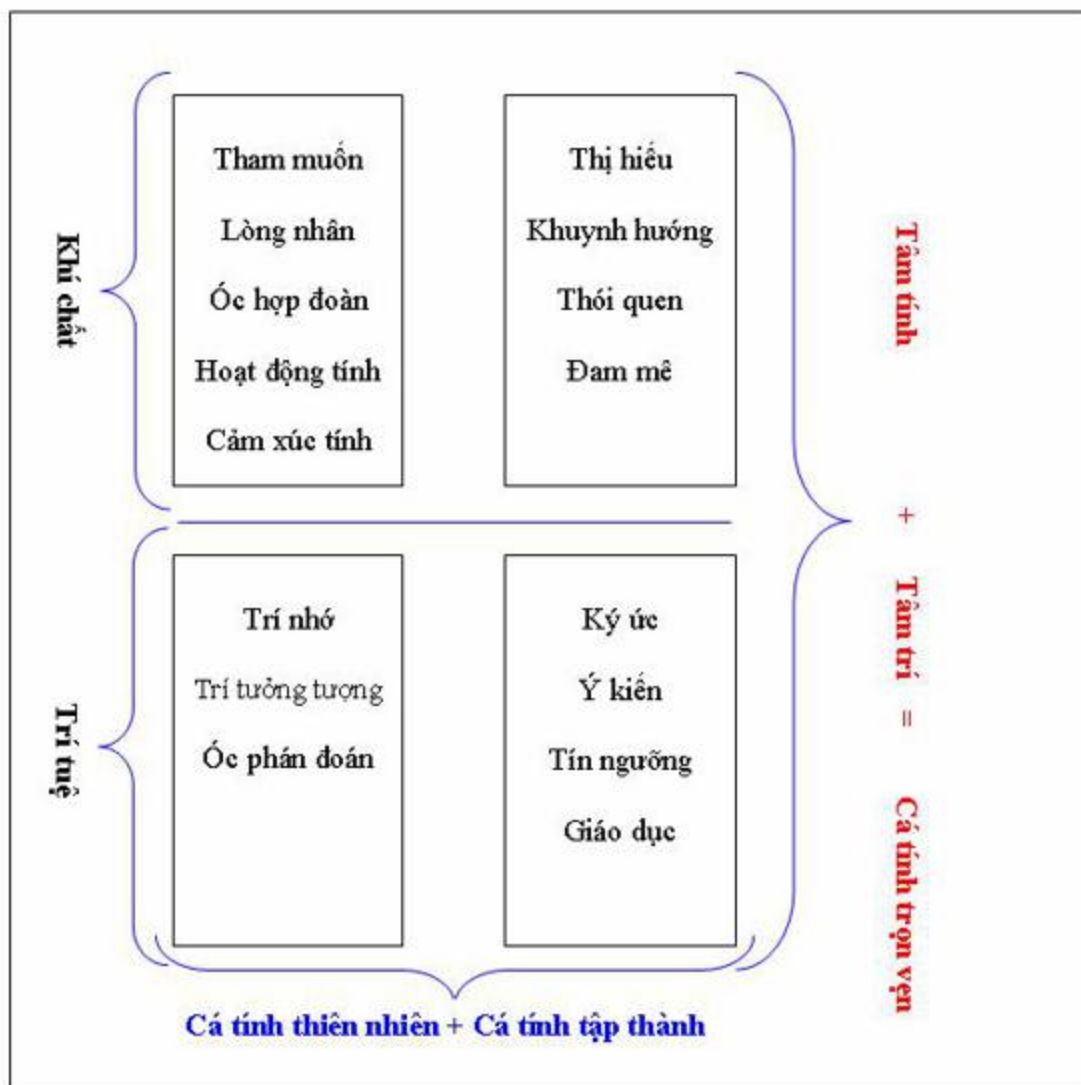
Đôi khi người ta cũng nhận thấy ở một vài loài vật có dấu vết của trí tưởng tượng, nhưng óc phán đoán thì tuyệt nhiên không có. Thỉnh thoảng người ta cũng nhận thấy ở loài vật một vài hành vi có thể làm cho chúng ta nghĩ rằng chúng biết phán đoán ít nhiều, nhưng đồng thời chúng ta cũng đã chứng kiến bao nhiêu hành vi phi lý khác của chúng.

Có thể kết luận rằng cái mà chúng ta cho là “trí khôn” ở loài vật chỉ là những biểu hiện gây ra bởi những phẩm chất thuộc cảm tính của chúng và cái “trí khôn” thực sự của chúng gần như không có. Mà như thế kể cũng hay, sở dĩ chúng ta yêu loài vật là vì chúng sống bằng tình cảm chứ không

phải bằng lý trí. Nếu loài vật có “trí khôn” thực sự thì đó cũng là sự mô phỏng rất xấu xí, rất nhố nhăng của con người. Bởi chúng bị chỉ huy bởi những bản chất thuộc cảm tính, cho nên chúng ta có dịp thấy đôi khi chúng biết tỏ ra một lòng tin tưởng rất cảm động, một tình thương không bờ bến, không toan tính đối với chúng ta, nếu những bản chất ấy tốt và nhất là chúng ta tỏ ra hiểu biết chúng. *(Những văn sĩ biết tả rất khéo loài vật là những người thuộc hạng “linh tính” và văn nghiệp của họ thường chịu ảnh hưởng rất nhiều của những bản chất thuộc cảm tính của họ. Nữ văn sĩ Colette đã làm cho chúng ta hiểu nhiều về loài vật là một gương sáng).*

Tóm luận:

Với bảng kê dưới đây, chúng ta sẽ có một cái nhìn toàn diện về cá tính con người.



Khí chất: Là tổng số những bẩm chất thiên nhiên thuộc cảm tính.

Tâm tính: Là khí chất thêm vào những thị hiếu, khuynh hướng, thói quen, đam mê của chúng ta.

Trí tuệ: Là tổng số những bẩm chất thiên nhiên thuộc tinh thần.

Tâm trí: Là trí tuệ hợp với những gì mà đời sống mang lại cho chúng ta: giáo dục, ý kiến, tín ngưỡng v.v...

Cá tính trọng vẹn: Là tổng hợp của tâm tính và tâm trí.

CHƯƠNG VI - TÂM TRÍ

Giữa tâm trí và tâm tính không có một sự khác biệt quá rõ rệt như chúng ta có thể tưởng khi nhìn qua bảng kê trước đây.

Thực ra giữa tâm trí và tâm tính luôn luôn có một sự phản ứng đối lại nhau. Tâm tính tô vẽ thêm cho tâm trí và ngược lại tâm trí cũng ảnh hưởng đến tâm tính.

Ba yếu tố cơ bản của trí tuệ: trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán khi phối hợp với nhau và sau khi đã bị ảnh hưởng của cá tính tập thành gồm có những ký ức, ý kiến, tín ngưỡng v.v... sẽ tạo nên nhiều thứ tâm trí. Chúng ta có thể nói: mỗi người đều có một tâm trí riêng biệt. Sau đây chúng ta sẽ thử xét về ảnh hưởng của những phẩm chất thuộc tinh thần.

Những người có tài nhớ giỏi:

Người có nhiều trí nhớ sẽ biết ghi và giữ lại những ký ức một cách dễ dàng. Như vậy, trí nhớ là một món đồ dùng rất tiện lợi cho sự áp dụng những quan năng khác.

Người có nhiều trí nhớ không hẳn là người thông minh. Có những người vô học có thể học và nhớ lâu lâu những bài thật dài mà họ không hiểu gì cả, có khi là những bài bằng ngoại ngữ. Người ta kể lại có người đọc qua một mạch hàng chục trang trong quyển niên giám điện thoại và có thể đọc nằm lòng lại không sót một chữ. *(Nên chú ý: những người “làm tính bằng trí” giỏi không hẳn là người có nhiều trí nhớ. Phép tính nhanh bằng trí cốt ở thuật “nhồi trộn” những con số và thấu rõ những tính chất riêng của những con số ấy).*

Trái lại, một trí nhớ thật tốt cũng có thể sống chung với một số quan năng thượng đẳng. Nguyên tổng thống Pháp, ông R. Poincaré chẳng hạn có một trí nhớ kỳ diệu, ông có thể đọc những bài diễn văn thật dài không cần nhìn vào bài mà vẫn không bỏ sót một chữ nào.

Ông Louis Loucheur, nhà kỹ nghệ và nhà chính trị Pháp vốn là một khối óc thông minh và cũng là một người có tài nhớ dai.

Như chúng ta thấy, trí nhớ là một quan năng hoàn toàn riêng biệt với những quan năng khác và những quan năng này không ảnh hưởng gì đến nó. Đó là một quan năng thụ động, một dụng cụ.

Trừ những trường hợp thuộc về bệnh lý, không ai là người không có trí nhớ, chỉ có người kém trí nhớ. Ở một phần sau chúng ta sẽ thấy, bằng cách nào giáo dục có thể bồi bổ sự suy kém trí nhớ và quan niệm chúng tôi về sự huấn luyện trí nhớ ra sao.

Những người giàu tưởng tượng:

Trí tưởng tượng có nhiều thứ, nhiều loại khác nhau. Tất cả những sáng tạo trong địa hạt nghệ thuật, khoa học, kỹ nghệ, đều đòi hỏi một trí tưởng tượng khá dồi dào. Đó là một trong những điều kiện cần thiết của việc sáng tác, nhưng đó không phải là tất cả.

Trong sinh hoạt hàng ngày, những tay thợ may sáng chế những kiểu quần áo, những chuyên viên trang trí nhà cửa, những nhà tiểu công nghệ, những nhà vẽ quảng cáo v.v... đều là những người giàu tưởng tượng.

Những người giàu óc tưởng tượng luôn luôn hướng về tương lai, ít khi nhìn về dĩ vãng. *(Người La Mã thời xưa đặt tương lai ở bên phải và dĩ vãng ở bên trái. Cũng nên để ý, những vận hành trong tạo vật đều hướng về bên phải: vỏ ốc, đợt cây đều cuốn về bên phải. Kim đồng hồ cũng quay từ bên trái sang phải).*

Sự mơ mộng và đời sống trầm tư mặc cảm đòi hỏi nhiều óc tưởng tượng. Sự tiên liệu những sự việc xảy ra trong đời sống hàng ngày cũng cần đến óc tưởng tượng. Những thương gia, kỹ nghệ gia, và nói chung, những tay chỉ huy luôn luôn cần đến óc tưởng tượng để xếp đặt chương trình hành động. Muốn làm việc ít ra chúng ta phải biết rõ những gì chúng ta sắp làm. Càng ở địa vị cao, sự tiên liệu này càng phải nhắm thật xa. Việc đặt để lời lẽ một bản hợp đồng mới xét qua có thể cho là một công việc không thơ mộng chút nào, nhưng thực ra nó cũng đòi hỏi ít nhiều óc tưởng tượng, vì muốn đặt để một bản hợp đồng cho khéo cần phải tiên liệu những hậu quả của nó trong tương lai.

Người kém trí tưởng tượng chỉ sống trong hiện tại. Ít khi họ nghĩ đến ngày mai. Không bao giờ họ biết thảo ra kế hoạch hay chương trình. Phần đông họ ít thích về mỹ thuật và chỉ hướng về những công cuộc có tính thực tiễn. Họ chỉ quan tâm đến những gì họ thấy. Những gì ở ngoài phạm vi của họ, trên trình độ hiểu biết của họ, họ kể như không thể có. Đó là những người thực tế, sống là xà ở mặt đất, những đầu óc hẹp hòi. Vì không biết tiên liệu bằng cách suy luận nên trong đời sống của họ gặp lắm thất vọng.

Những người biết suy nghĩ:

Óc phán đoán, đức tính chủ yếu của tâm trí, cũng đổi thay tùy người. Nó không ăn chịu với học vấn, giáo dục. Có những người học cao nhưng suy luận, phán đoán sai và có những người quê mùa, văn hóa kém lại biết suy luận rất đúng.

Ở đây, chúng ta nên đề phòng một sự lầm lạc rất thường thấy. Những người học cao có thể “mở mắt”, lừa phỉnh chúng ta bằng cách phô bày tri thức của họ. Sự hiểu rộng của họ có thể làm cho chúng ta lầm tưởng rằng họ có những ý kiến tân kỳ, những tư kiến.

Muốn đánh giá họ cho đúng, phải đặt họ ở những tình thế mới mẻ mà mớ trí thức của họ sẽ không giúp ích gì họ được. Lúc bấy giờ chúng ta

sẽ thấy họ lý luận lạc đề và thực ra họ chỉ biết nhai lại những phán đoán, những tư tưởng của người khác.

Óc phán đoán là nền tảng của óc phê bình. Thiếu nó, chúng ta không thể có những ý kiến riêng về người và sự vật.

Muốn đo lường phẩm chất này ở một người, chúng ta phải lưu tâm đến những phẩm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính của họ. Người ta há chẳng thường nói: “Anh này thông minh lắm, nhưng hấn xử sự như một thằng ngốc”. Đó là óc phán đoán đã bị đam mê làm mờ ám, mê đánh bạc, mê gái, mê đạo, mê chính trị v.v... Cũng nên nói rõ, họ chỉ bị tối mắt về những điểm gì có dính dáng đến đam mê ấy, còn ngoài ra họ vẫn sáng suốt, vẫn biết suy luận đúng đắn.

Thỉnh thoảng người ta thấy, và đó cũng là dấu hiệu nhiều tiểu thuyết hoặc phim ảnh, có những bậc đại nhân, đầu óc sáng suốt lại trở thành những mồn đồ chơi trong tay một người đàn bà mà trình độ kém.

Một đam mê về chính trị có thể làm cho một số người phán đoán sai, mặc dầu về văn chương hoặc mỹ thuật họ vẫn là những tay phê bình lỗi lạc. Trường hợp của Léon Daudet chẳng hạn. Khi một người đứng ra “chống đối” với một điều gì đó một cách đam mê thì họ không còn đủ tinh thần khách quan để nhận xét.

Tính hà tiện cũng có thể làm cho một người rất khôn ngoan lại có những hành động ngu xuẩn. Một tay keo kiệt khôn ngoan, học rộng và có giáo dục nhưng trong đời sống hàng ngày lại có thể tỏ ra bất lịch sự, thô lỗ, khi đụng tới một việc gì có dính dáng đến tiền nong dù là một số tiền mọn.

Nói tóm lại óc phán đoán là một khả năng giúp chúng ta nhận định một cách đúng đắn những phối hợp của tri thức tưởng tượng mà vật liệu là do trí nhớ cung cấp. Vì thế óc phán đoán là yếu tố rất quan trọng trong cá tính. Chính nó giúp chúng ta đánh giá những sự trạng tâm lý.

Sự ngu ngốc, đần độn là những chướng ngại khó vượt, là những vết xấu

đã ăn sâu, không thể chữa dù những bầm chất khác có tốt chăng nữa. Trong thương trường thà gặp một tên điếm khôn ngoan hơn là một thằng ngốc. Vì ít ra đối với tên bợm bãi kia chúng ta còn thu thập được một bài học còn đối với thằng ngốc thì chúng ta chịu...

VỀ SỰ HUẤN LUYỆN NHỮNG BẨM CHẤT THUỘC TÌNH THẦN:

Bằng cách nào chúng ta có thể dung hòa sự bất biến của cá tính thiên nhiên với việc giáo dục, việc huấn luyện những bẩm chất thuộc tình thần như trí nhớ, trí tưởng tượng, óc phán đoán?

Nếu cho rằng có thể rèn luyện những bẩm chất ấy thì làm sao có thể nói rằng cá tính thiên nhiên bất di bất dịch?

Sự mâu thuẫn ấy chỉ có ở mặt ngoài. Thực ra sự giáo dục không cải biến hẳn những khả năng thiên nhiên của chúng ta, nhưng nó có thể dạy cho chúng ta cách sử dụng những khả năng ấy một cách hay hơn, khéo hơn, có lợi hơn.

Có thể phân biệt nhiều loại trí nhớ nó tùy thuộc vào những giác quan chúng ta.

Trước hết có thứ **trí nhớ thuộc thị giác**. Những sự vật chúng ta đã trông thấy sẽ in vào trí nhớ chúng ta, hoặc nhiều hoặc ít và trong những sự vật này có cái lại dễ in vào trí nhớ chúng ta hơn những cái khác.

Thí dụ, có người nhớ giỏi về những đoạn văn, những tranh ảnh. Người khác lại giỏi nhớ về những cảnh vật, những đường xá, những thành thị, đó là **trí nhớ địa lý**. Lại có người khác lại nhớ mặt người rất tài. Người có thể nhớ giỏi những đoạn văn song hay quên mặt người hoặc địa thế những con đường.

Kế đó là **trí nhớ thuộc thính giác**. Loại trí nhớ này cũng có nhiều thứ. Có người nhớ rõ tên người hoặc tên thành phố, người khác lại có tài nhớ

những nốt nhạc: **trí nhớ âm nhạc**. Có người đọc thơ thì nhớ ngay mà đọc văn xuôi thì nhớ kém hơn.

Sau hết, có những loại trí nhớ thuộc **khứu giác**, **vị giác** và **xúc giác**, song những loại trí nhớ này không phát triển bao nhiêu. Mặc dầu người ta cũng được thấy một vài nhà chuyên môn thử rượu nho, chỉ nếm qua cốc rượu có thể biết rượu ấy thuộc vùng nào sản xuất năm nào hoặc một nhà bán len chỉ sờ vào những sợi chỉ len có thể đoán biết thứ len ấy thuộc hạng nào, cũng có những nhà hóa học chuyên môn chế nước hoa có thể nhận biết mùi gì do chất gì chế ra v.v...

Có thể so sánh trí nhớ với lớp nhựa của kính ảnh hoặc một tập ảnh dán những kính ảnh hoặc phim ảnh gồm có nhiều trang. Cái gì bất biến là cái mực độ ăn ảnh của những kính ảnh hay phim ảnh đó.

Những phim ảnh này bị tác dụng bởi những quang tuyến tế nhị nó xuyên qua những ngũ quan chúng ta, ở trong trường hợp này, những ngũ quan ấy có thể sánh với những ống kính của máy ảnh. Các thứ ống kính ấy: mắt, mũi, tai v.v... có thể tốt hoặc xấu, đó là do bẩm sinh chúng ta không thể sửa đổi nó.

Và chúng ta cũng biết rằng việc ảnh ăn vào phim tùy thuộc vào ba yếu tố: sức nhạy của kính ảnh, sức sáng của ống kính, sự chiếu sáng của đề mục chúng ta định chụp và cái thời gian chúng ta để ánh sáng lọt vào ống kính.

Xét qua thí dụ trên đây, chúng ta đã hiểu rõ guồng máy của trí nhớ và vai trò của giáo dục, của học vấn.

Người có nhiều trí nhớ về thính giác là người được có một thứ “ống kính tai” rất nhạy, một thứ ống kính đã được sửa chữa, trong đó rất có thể họ chỉ có một “ống kính mắt” rất tầm thường. Sức nhạy của trí nhớ vẫn ở một mực độ song những tri giác do lỗ tai đem vào sẽ ấn tượng sâu và mạnh hơn những tri giác do đôi mắt thu thập.

Xét riêng về trí nhớ thuộc thị giác chẳng hạn, sở dĩ một bài văn có thể ăn sâu vào trí nhớ hơn một gương mặt là do phẩm chất của “ống kính mắt” có thể để những “tri giác bài văn” lọt vào trí nhớ hơn những “tri giác

gương mặt”. (Có thể so sánh hiện tượng này với sự khác nhau của tác dụng những màu sắc đối với kính ảnh. Có những màu không ăn vào chất nhựa gélaïtino-bromure của kính ảnh thường. Nhưng có thể sánh một trí nhớ tốt với phim ảnh ăn nhiều màu).

Giáo dục có thể can thiệp vào việc rọi sáng những đề mục, nguồn gốc của tri giác, và vào việc để ánh sáng lọt vào ống kính. Khi chúng ta chú ý vào những đề mục ấy, chúng ta kéo dài cái thời gian để ánh sáng lọt vào ống kính và cũng rọi cho những đề mục ấy được thêm sáng tỏ. Nó tập chúng ta nhận xét về đề mục ấy lâu dài hơn, nó cũng giúp chúng ta nhận biết đề mục ấy rõ hơn và do đó nó giúp trí nhớ chúng ta ghi lại những tri giác ấy, để những tri giác khỏi chóng phai.

Vì thế, chúng tôi nói rằng người ta không thể luyện tập để làm tăng trí nhớ, nhưng người ta có thể tập sử dụng trí nhớ một cách khéo hơn, đặc lực hơn.

Người thường so sánh trí tưởng tượng với tấm bảng gắn màu của các họa sĩ. Có người được có một tấm bảng gắn màu thật to, gồm đủ những màu sắc khác nhau, người khác chỉ có một tấm bảng vừa phải, lại có người chỉ được một hộp đựng màu nhỏ như các em học sinh.

Hạng người trước có đủ phương tiện để tạo nên những bức tranh một cách dễ dàng. Họ không cần phải trộn màu vì họ đã sẵn có đủ màu sắc. Hạng giữa vẫn còn nhiều phương tiện nhưng ít ra họ phải biết pha trộn màu. Hạng sau cùng chỉ có thể tạo nên những bức tranh xấu xí vì họ thiếu cả những màu sắc căn bản.

Đối với hạng sau này giáo dục có thể dạy cho họ cách dùng một ít màu cốt yếu mà họ có để vẽ nên những bức tranh khả dĩ xem được. Ở đây cũng thế, giáo dục không biến đổi hẳn những miếng màu trên bảng gắn màu của họ sĩ, nó chỉ có thể chỉ cho họa sĩ biết cách sử dụng một cách hay hơn những miếng màu mà họ đã có.

Có thể sánh óc phán đoán với chiếc đồng hồ. Người biết lẽ phải là người được có một chiếc đồng hồ Thụy Sĩ chạy thật đúng, hoặc nếu có xô xích thì cũng sai chạy trong một vài sao (giây). Người khác chỉ nhận

được chiếc đồng hồ hạng thường có thể chạy sai cả năm mười phút trong một năm. Một người thứ ba nhận được một chiếc đồng hồ “ngủ gật” đi sớm hoặc đi muộn cả chục phút trong một ngày. Lại còn một anh khác nữa vợ phải chiếc đồng hồ “trời đánh” chỉ những giờ phút “theo ý riêng của nó” không giống ai cả...

Sự giáo dục có ảnh hưởng là ở chỗ nó có thể tính và đoán biết chiếc đồng hồ ấy chạy nhanh hay chậm. Đối với người mà có óc phán đoán chưa mất hẳn, sự giáo dục có thể nhắc nhở cho họ biết nên đề phòng lỗi suy luận của họ và nên kiểm tra nó. Người có giáo hóa nhờ vậy được có một “phương trình” riêng của họ và họ căn cứ vào đó để sửa đổi những phán đoán tiên khởi.

Và cái thí dụ này rất đúng, bởi giáo dục không sao cải biến anh khờ, cái anh chàng được có chiếc đồng hồ “trời đánh” lúc chạy chậm lúc thì chạy nhanh. Giáo dục không thể tạo cho chàng ta một “phương trình” riêng. Vì thế một người khờ dù có học thức bao giờ cũng vẫn là người khờ.

Một vài thứ “đầu óc”:

Một người có nhiều trí nhớ nhưng thiếu óc tưởng tượng chỉ có thể làm những công việc có tính cách biên tập, sưu tầm, tham bác. Đó là một người thừa hành hơn là chỉ huy. Họ có thể tuân theo những chỉ thị để thừa hành, nhưng không có sự sáng kiến, họ không biết sự sáng tạo dù ở địa hạt nào. Chúng ta có thể viết:

Nhà biên khảo hoặc **nhà kỹ thuật** = trí nhớ dai + óc tưởng tượng kém.
Giá trị của một chuyên viên là ở óc phán đoán của họ.

Một người bị kích thích mạnh hoặc giàu tưởng tượng sẽ có một trí óc rất tinh nhanh nhưng nếu óc phán đoán kém họ sẽ thiếu phần sâu sắc.

Trí óc tinh nhanh = kích thích + tưởng tượng dồi dào.

Óc phán đoán kém hợp với một trí tưởng tượng nghèo nàn sẽ sinh ra một

thứ trí thức dần dần, hẹp hòi.

Những người mà ba phẩm chất tinh thần: trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán được nảy nở, phát triển điều hòa họ rất sâu sắc, minh mẫn, lanh lợi. Nếu những phẩm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính của họ lại cũng tốt nữa thì họ sẽ là những người thượng đẳng, trách việc.

Tâm tính có ảnh hưởng đến tâm trí như chúng ta sẽ thấy ở những thí dụ sau đây:

Một người có trí óc điều hòa những có nhiều hoạt động tính và đa cảm xúc sẽ thành một người **bồn chồn, nóng nảy**.

Nếu hoạt động tính của họ ở một mức độ thật cao, đầu óc họ sẽ đầy nhiệt huyết, luôn luôn hâm hử những công việc thuộc trí thức.

Một người thông minh nhưng suy nhược thì trí óc sẽ chậm chạp. Họ suy nghĩ và làm việc hơi chậm nhưng việc làm của họ rất tốt và bền bỉ.

Một người thông minh được có một hoạt động tính khá sẽ thành một đầu óc nhanh lẹ hiểu mau mà làm cũng nhanh.

Nhưng nếu trong cái cá tính trên đây óc phán đoán kém, chúng ta sẽ thấy một thứ đầu có ẩu tả, hay làm xằng, làm bậy, thiếu suy nghĩ và óc phán đoán càng kém bao nhiêu thì tật xấu này càng lớn bấy nhiêu.

Trí óc sơ thiển là do óc phán đoán khuyết kém hợp với trí nhớ tệ.

Một người thông minh, hoạt động, nhiều tham vọng thường hướng về việc kinh doanh, và họ sẽ dễ thành công trên đường đời, nhất là khi óc phán đoán họ lại rất tốt.

Có thể phân tích guồng máy tâm lý của người quen sống trong ảo tưởng, trong mộng ảo, luôn luôn toan tính những công cuộc không thể thực hiện. Trí tưởng tượng quá sung mãn sẽ cung cấp cho họ những vật liệu để họ xây đắp những trù định ngông cuồng. Hoạt động tính không ngớt thúc

đẩy họ thực hiện, nhưng vì thiếu phán đoán nên họ không còn biết nhận định một cách đúng đắn những hy vọng rất là mong manh để có thể thành tựu trong những công cuộc ấy. Và lúc bấy giờ họ sẽ “nhắm mắt làm liều”.

Người ảo tưởng = Trí tưởng tượng quá sung mãn + Hoạt động tính mạnh + Óc phán đoán kém.

Óc ngoan cố là do bản chất tham muốn khá mạnh hợp với óc phán đoán kém. Lòng tham muốn kích thích những tham vọng song óc phán đoán không thể phân biệt để nhận biết những ước vọng, những tham vọng ấy có hợp lẽ chăng. Và người ta đâm ra cố lý, bướng bỉnh, ngoan cố. Những hạng người “đầu bò”, “cứng cổ như lừa” đều là những người kém óc phán đoán.

Có thể vạch cái chương trình của óc **ngịch thượng** như sau đây:

Một vài đức tính tinh thần hợp với nhiều óc hợp đoàn. Bởi bản chất này tiến đến một mức độ quá cao nên người ta hay khoác lác, dối giả, đó là nói về địa hạt tinh thần. Xét kỹ ra, sự nghịch thượng chỉ là một ý kiến kỳ quặc, phi lý nhưng được tình bày một cách khéo.

Những có óc nghịch thượng lắm khi rất thành thực với họ, vì mãi chú trọng những ý kiến trịch thượng ấy thét rồi họ tin tưởng như thật.

Người có óc hoài nghi là người không tin tưởng gì cả. Đó là một người có nhiều tham muốn nhưng trầm tĩnh và kém lòng nhân. Nếu là người thông minh, sự hoài nghi của họ có tính cách cao thượng nhưng nếu kém thông minh họ chỉ là một người vô tín ngưỡng tầm thường.

Quá thông minh cũng có thể dẫn dắt đến sự hoài nghi. Người hiểu biết hết mọi sự không còn tin tưởng ở gì cả.

Một người hiền lành, kém hoạt động và thiếu phán đoán rất dễ bị dẫn dụ. Nhận xét về họ, người ta nói: “Hắn luôn luôn nhận rằng người nào nói câu sau cùng là người có lý”. Óc phán đoán quá kém làm cho họ không

còn đủ sức chống trả với những dẫn dụ của người khác và bởi họ hiền lành và nhu nhược nên họ sẽ ngã theo ý kiến của người khác, vì sợ sệt và cũng có khi chỉ vì không muốn làm phật ý ai.

Óc tài tử là một lối sinh hoạt tinh thần làm cho người ta có thể lo lắng, mó tay vào nhiều việc trong một lúc nhưng không bao giờ đam mê việc gì và chỉ thích rút tỉa những lạc thú trong công việc ấy.

Người nào có óc tài tử biết phán đoán, có ít nhiều tưởng tượng và cũng dễ xúc cảm. Họ ít hoạt động, kém lòng nhân và không thể mê say những vấn đề họ nghiên cứu.

Cái phương trình của óc tài tử có thể viết ra như sau đây:

Óc phán đoán khá + Trí tưởng tượng dồi dào + Chút ít đa cảm + Lòng nhân và hoạt động tính kém.

Người có **óc tinh nhuệ** là người biết đánh giá sự việc một cách chắc chắn và nhất là đúng với cái phương sắc của nó. Người tinh tế là người mẫn tính, sáng suốt. Họ có nhiều óc phán đoán, trí tưởng tượng dồi dào và cảm xúc tính khá nhiều.

Óc kỷ hà đối lại với óc tinh nhuệ. Người có óc kỷ hà xét đoán sự việc một cách nghiêm khắc, không dài dòng giới thiệu cũng không bình luận. Họ đo lường và cho biết kết quả một cách khô khan. Óc kỷ hà có thể nhanh hay chậm, sôi nổi hay ôn hòa nhưng luôn luôn nó xác đáng. Biết phán đoán là đức tính đầu tiên của một người có óc kỷ hà song họ kém tưởng tượng và cũng ít nhiều cảm xúc.

Trong óc tinh nhuệ có một phần lớn cảm tính dự phần vào, do đó người có óc tinh nhuệ cũng dễ bị nó đánh lạc trong phán đoán, nhưng óc kỷ hà thì không hề lầm lạc. Trái lại, óc kỷ hà bởi bản chất vốn không quan tâm đến những hiện tượng thuộc cảm tính, có thể có những quyết định rất đúng đắn, nhưng kết quả lắm khi không hay. Đôi khi người ta có lỗi vì đã có lý hoặc ít ra bởi người ta nói quá rõ ý kiến riêng của mình – dù là ý kiến ấy có giá trị - nếu người ta không chịu hiểu rằng đó chỉ là một chi

tiết nhỏ không đáng kể trong toàn khối của vấn đề. Lắm nhà chuyên môn có óc kỷ hà này từng bị nó trác nhiều vố khá đau, khi họ phải điều khiển nhiều nhân viên dưới tay họ.

La tinh có câu phương ngôn: “Khi người ta áp dụng luật pháp quá gắt gao người ta đã phạm nhầm nhiều nỗi bất công”. Ấy thế, luật pháp là cái biểu hiện rất rõ rệt của óc kỷ hà.

Dung hòa được hai khối óc trên đây chúng ta sẽ có thứ óc siêu đẳng. Người có óc siêu đẳng biết phán đoán chín chắn, trí tưởng tượng dồi dào và trí nhớ tốt. Cảm xúc tính sẽ giúp họ biết nhận định một cách tinh nhuệ.

CHƯƠNG VII - TÂM TÍNH

Tâm tính là kết quả sự phối hợp của năm bầm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính.

Trước hết người ta nhận thấy có những thứ tâm tính đơn giản “làm bằng một khối”, bị chi phối bởi một bầm chất duy nhất.

Những người tham vọng và những người bất vụ lợi:

Lòng tham muốn quá mạnh gây ra tâm tính của một hạng người luôn luôn đòi hỏi nợ kia, bất luận ở đâu họ cũng muốn có chỗ tốt nhất lãnh phần to nhất. Luôn luôn họ kéo chần bồng về phía họ. Trong công cuộc làm ăn phải gác hơn người. Bất luận ở đâu họ cũng muốn đứng đầu dù phải lấn át người khác để vượt lên. Ngồi lại bàn họ cầm đũa trước nhất và không nhớ đến ai cả. Họ không lo lấy “tiếng” mà chỉ cần có “miếng”. Thỏa mãn dục vọng của mình trước đã, đó là khẩu hiệu của họ.

Tùy hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh sinh sống, hoặc họ sẽ có những tham vọng về tài sản thuộc vật chất và họ sẽ trở thành người tham lam hoặc giả họ sẽ tham muốn những lợi lộc về tinh thần hay trí tuệ và họ sẽ đâm ra kiêu hãnh. Những hạng người “hãnh tiến” đều là những người nhiều tham muốn.

Ngược lại đó, nếu lòng tham muốn kém, chúng ta sẽ thấy một thứ tâm tính đơn giản khác: người bất vụ lợi (*nhhiều khi tính bất vụ lợi cũng do tinh thần suy nhược mà ra*), người khiêm tốn, nhún nhường là người luôn luôn chịu nép cái phần của mình đáng hưởng luôn luôn nép mình dù có thiệt thòi cũng cam.

Người hiền và kẻ dữ:

Bẩm chất lòng nhân quá nhiều sẽ sinh ra tính ái nhân, hay thương người; quá ít, họ sẽ thành tính hung ác.

Lòng nhân được có nhiều cảm xúc phụ họa vào sẽ sinh ra tính hay thương hại. Một người hiền từ nhưng lạnh lùng có thể giấu nhem lòng nhân của họ ở bên trong và vẫn cư xử rất nhân đạo. Người đa xúc cảm trái lại biểu hiện lòng nhân của họ.

Hợp với hoạt động tính lòng nhân sẽ tạo ra tính ân cần tức là tính hay giúp đỡ người. Người có tính ân cần do hoạt động tính thúc đẩy sẽ dùng lòng nhân để giúp đỡ người khác. Thiếu óc hợp đoàn, một người hiền từ sẽ thành một gắt tính nhưng tốt bụng, “xấu miệng nhưng tốt lòng”.

Khi bẩm chất lòng nhân quá kém, đến mức độ có thể sinh ra tính hung tợn thì nó không còn chống trả nổi với những phản ứng của các bẩm chất khác.

Người ta có thể định nghĩa công đức phản ứng của lòng nhân đối với các bẩm chất khác.

Người thích giao du và người ghét đời:

Óc hợp đoàn tạo ra hai thứ tâm tính đơn giản: tính vờ vĩnh và tính trắng trợn. Molière đã vẽ rõ hai thứ tính tình này ở hai nhật vật Philinte và Alceste. *(Hai nhân vật trong vở kịch Le Misanthrope (Người Ghét Đời). Philinte tính bải buôi, dễ dãi, hay tha thứ lỗi lầm của người. Alceste trái lại tính thực thà nhưng xằng, rất gắt gao với tật xấu của người).*

Người vờ vĩnh luôn luôn tìm cách để cao mình hoặc bằng cách ăn mặc, bằng dáng điệu hoặc bằng lời nói. Luôn luôn họ đóng kịch và đóng kịch rất tài. Những người hay “kiểu cách”, người theo thời trang một

cách mù quáng đều thuộc hàng người này. *(Những người thích làm cho người khác biết đến mình hoặc phách lối là những người vừa kiêu ngạo lại vừa có nhiều óc hợp đoàn nhất).*

Nếu khả năng tinh thần của họ tốt, họ có thể làm nên miễn là họ có đủ hoạt động tính, cảm xúc tính và họ không bị lòng nhân làm trở ngại. Song không ai có thể mờ mắt người ta suốt đời và dù người vờ vĩnh có thông minh đến đâu, có ngày họ cũng bị lộ mặt nạ.

Những đàn bà diêm dúa cũng thuộc hạng người vờ vĩnh, họ thường có ý thức về vẻ đẹp của họ, thường nghĩ đến hoặc thích đề cao những ưu điểm thể chất hoặc thực sự hoặc tưởng tượng của họ. Nói dối cũng là một phương sách mà người có nhiều óc hợp đoàn quen dùng.

Người trắng trợn trái lại kém óc hợp đoàn, tính ngay thực, thẳng thắn của họ đi đến sự trắng trợn. Bụng nghĩ thế nào họ nói ra thế ấy, bất chấp lời dị nghị của người khác. Nếu lòng nhân kém, họ sẽ cảm thấy một sự khoái trá bằng cách làm cho người khác bởi sự ngay thẳng của họ. Người gắt gỏng, không thích giao thiệp là người kém óc hợp đoàn nhưng nó không biểu lộ ra ngoài. Họ thích ẩn dật sống riêng biệt ngoài vòng xã hội. Ở đây, tính thích cô độc lại đi chung với lòng nhân.

Người hoạt động và người suy nhược:

Về phương diện hoạt động tính, chúng tôi đã nói rằng người ta có thể phân biệt hai thứ tâm tính: hạng người náo động và hạng người suy nhược. Chúng tôi cũng đã nói rõ hoạt động tính liên hệ mật thiết với các trạng thái thuộc thể chất mà người ta gọi là “toàn thân cảm giác” nó do sự vận động điều hòa của toàn diện bộ giao cảm thần kinh.

Người hoạt động cừ là người được có một “toàn thân cảm giác” tốt. Họ hành động nhanh, nói nhiều, phí sức nhiều, quyết định ngay. Họ cho chúng ta cái cảm tưởng rằng họ có rất nhiều ý kiến bởi họ suy nghĩ thật nhanh. Họ thường vui tính, họ gác bỏ những tư tưởng đen tối, những

cảnh tượng đau thương. Gặp phải nghịch cảnh hay thất bại họ trấn tĩnh được ngay và nhìn thấy bộ mặt tốt của sự việc. Nếu là người đa cảm họ lại thêm tính nóng, càng gặp khó khăn bao nhiêu họ càng hăng, càng kích thích bấy nhiêu.

Những người tọc mạch, những người hay nói, những tay xài lớn, những nhà đại doanh nghiệp, những tay du lịch nhiều đều thuộc hàng người nhiều hoạt động. Nói về họ người ta bảo: “Họ không thể ngồi yên một chỗ”, hoặc “Họ như có chất nổ trong người”. Luôn luôn họ phải hoạt động, bằng cách này hay các khác. Họ quan niệm đời là một cuộc hoạt động không ngừng và không lúc nào họ nghĩ đến việc dưỡng già.

Những tay kiến quốc lừng danh, những nhà cái trị có tài đều là những người nhiều hoạt động.

Thánh Paul, dù là ốm yếu cũng là một người rất hoạt động. Colbert, Lazare Cornot, Napoléon và bao nhiêu người khác nữa cũng đều là những tay hoạt động cừ.

Những người suy nhược thường là những người bi quan, đó là những nàng Cassandre (*nhân vật trong thần thoại Hy Lạp đặc trưng cho hạng người hay tiên đoán những điều không hay*) hay tiên đoán những tai ương, thảm họa.

Ít cảm xúc họ là những người không hay nghịch ngợm, nhưng đứng đắn. Trái lại nếu đa cảm xúc họ là những người buồn bực, bi quan, những người luôn luôn có “bộ mặt đưa đám ma”.

Một thứ tâm tính khác do hoạt động tính tạo thành là tính tâm thần bất định. Đó là do sự phát triển bất thường của hoạt động tính, nhưng không phải luôn luôn nó biến thành một bệnh thái.

Thực ra trong chúng ta ai cũng có không ít thì nhiều tính tâm thần bất định này. Có lúc chúng ta thấy hăng hái, vui vẻ thích hoạt động và chúng ta vui vẻ làm việc, lúc khác chúng ta thấy uể oải, bạc nhược, biếng nói, biếng cười. Nếu sự biến chuyển từ trạng thái hăng hái đến trạng thái an tĩnh quá rõ rệt, nó có thể sinh ra thứ tính tình bất thường, tính hay dờn dỗi,

tính “ngông”.

Nhiều bậc thiên tài thuộc hạng tâm thần bất định. Lúc mà tinh thần họ suy nhược, thường khi họ rất đau khổ, họ ghi lại những cảm giác làm tài liệu cho những tác phẩm của họ, trường hợp của Jean Jacques Rousseau là một.

Người đa cảm và người thần nhiên:

Hai thứ tâm tính cực đoan do cảm xúc tính tạo thành là tính dễ cảm và tính thần nhiên.

Người dễ cảm thường xúc cảm một cách đột ngột, nhanh chóng, kèm theo đó là những phản ứng mạnh mẽ. Họ phản ứng rất dễ dàng trước một niềm vui cũng như một nỗi buồn, rất có thể họ mới vừa cười đó rồi lại khóc ngay. Luôn luôn họ ở trong một tình trạng cấp báo, mắt luôn luôn rình rập, họ run sợ vì những chuyện không đâu. Trong ngôn ngữ thường người ta gọi họ là những người “cau có”. Nếu họ lại thêm chứng tâm thần bất định thì tính dễ cảm của họ càng thêm rõ rệt.

Người thần nhiên trái lại ít cảm xúc. Nếu có cũng rất hiếm và chậm chạp. Dù là gặp cảnh huống nguy nan họ cũng không cuống quýt và luôn luôn bình tĩnh. Những biến cố dường như không ảnh hưởng đối với họ. Trước vẻ điềm nhiên bình tĩnh của họ chúng ta có cảm tưởng như đứng trước một tấm vách, một tảng đá khó bị xay sát. Nhưng thần nhiên quá mức là một tật xấu, người không biết cảm xúc quyết định rất chậm chạp.

Maurice De Fleury có thuật lại chuyện một vị đại tá mà người ta phải thuyết chuyển về hậu quân. Dưới cơn lửa đạn, ông ta điềm nhiên như bàn thạch và do đó ông không thấy những nguy hiểm, không biết phản ứng lại và gặp một cảnh ngộ bất ngờ ông không còn biết hành động nhanh chóng để đối phó lại.

Giáo dục có thể ức chế cảm xúc tính phần nào nhất là đối với những người được có một vài đức tính tốt khác, ví dụ óc phán đoán tốt. Họ có

thể đè nén những cảm xúc vào bên trong. Cảm xúc tính của họ không bị triệt hẳn. Nó chỉ không biểu lộ ra ngoài. Những người ấy thường có một đời sống bên trong phong phú, nhiều cảm xúc, do đó họ thường đau khổ nhiều hơn.

Đừng lầm lẫn cảm xúc tính với lòng nhân. Có những người đa cảm nhưng không nhân ái chút nào. Trước cảnh khổ của một người, người đa cảm có thể xúc cảm mạnh, nhưng bởi bản chất lòng nhân ở họ rất kém nên họ không thể hy sinh một phần nào của họ, và cũng không làm một điều gì để xoa dịu bớt nỗi khổ ấy. *(Cái thói thương hại vì cảm xúc này thường thấy trong văn chương. Do đó chúng ta mới có thể hiểu tại sao một người tính vốn ích kỷ lại có thể viết nên những sách đơm lòng nhân ái).* Vì thế chúng ta thấy có lắm người ứa lệ trước đau khổ của người, nhưng đó là họ khóc cho họ, khóc vì họ, bởi biết rằng rất có thể họ cũng gặp những cảnh huống không hay ấy nên họ tủi thân. Cái khóc của nàng Kiều trước mộ Đạm Tiên:

“Đau đớn thay phận đàn bà,
“Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”

Những thứ tâm tính pha trộn:

Những bản chất cốt yếu của tâm tính có thể hòa trộn phối hợp lẫn nhau, có khi hai, có khi ba bản chất phối hợp với nhau, cũng có khi nhiều hơn nữa. Kết quả của những phối hợp đó tùy thuộc cái giá trị tương đối của những bản chất đã liên kết, cũng tùy thuộc giá trị của tâm trí đã nhận súc những bản chất ấy.

Một người vừa đa cảm vừa tham lam sẽ có tính tiện tặn nếu cảm xúc của họ trội hơn lòng tham muốn. Nếu ngược lại lòng tham muốn trội hơn cảm xúc tính và nếu họ suy nhược tức là kém hoạt động tính họ sẽ đâm ra hà tiện, keo kiệt.

Một người đa cảm và nhiều lòng nhân sẽ có tính hay thương hại nếu

cảm xúc tính của họ trội hơn lòng nhân, còn trái lại thì họ là người cẩn thận biết làm việc một cách có lương tâm.

Lòng nhiệt huyết là sự phối hợp của cảm xúc tính với hoạt động tính thêm vào đó là chút lòng nhân. Người giàu nhiệt tâm là người bị kích động vừa đa cảm vừa hiền lành.

Những người có tính rụt rè, lưỡng lự, ngần ngừ, do dự là những người đa cảm và suy nhược. Bởi khuyết kém bản chất hoạt động tính nên không biết quyết định.

Người táo bạo là người thuần nhiên, hoạt động nhưng kém phán đoán. Nhờ ít cảm xúc và không biết phán đoán nên họ thường không thấy đâu là hiểm nguy.

Người nhiều tham muốn mà thiếu lòng nhân sẽ đâm ra ích kỷ. Tất cả những thói ích kỷ đều do sự phối hợp hai bản chất tham muốn và lòng nhân ở nhiều cấp độ khác nhau.

Người cao vọng là người nhiều tham muốn và nhiều óc hợp đoàn nhất. Người có óc hợp đoàn và hiền lành là người có tính nhã nhặn, khả ái.

Óc hợp đoàn và hoạt động tính phối hợp với nhau sẽ sinh tính dễ thương nếu hoạt động tính trội hơn. Trái lại, nếu óc hợp đoàn nhiều hơn thì sinh ra phách lối.

Người giả hình là người vờ vĩnh mà thiếu lòng nhân. Tính nham hiểm là tính giả dối thêm vào đó sự suy nhược.

Người keo kiệt hoàn toàn mà Molière đã bất hủ hóa trong vai Harpagon và Balzac trong vai lão Grandet, là một người tham lam đa cảm nhưng suy nhược, kém hoạt động.

Nếu trong đó có ít nhiều hoạt động tính chúng ta sẽ thấy một thứ tâm tính hà tiện khác. Người hà tiện mà hoạt động sẽ biết tiêu tiền trong một vài trường hợp, trong công cuộc làm ăn. Hoặc giả trong những thú mê say

nào khác như thú sừu tầm chẳng hạn nhưng trong những trường hợp khác thì họ vẫn “rít chúa ngô công kẹo”. Một người tham lam nhưng có óc hợp đoàn dám tiêu tốn bạc vụn trong những cuộc tiếp tân, đãi đằng hoặc trong những dịp có thể mua lấy sĩ diện với hàng xóm song ở nhà thì họ bắt vợ con ăn cơm với rau muống luộc chấm muối vừng.

Người mưu sĩ là người có nhiều óc phán đoán nó khiến họ hay nói dối; đồng thời họ có nhiều tham muốn, kém lòng nhân, song rất nhiều hoạt động tính nó khiến họ thích đua tranh với đời.

Tính ghen tuông đáng cho chúng ta nghiên cứu một cách riêng. Đó là hình thức đặc biệt của mỗi thứ tâm tính rất phức tạp mà chúng ta nhận thấy có ít ra hai hình thức.

Trước hết đó là thứ ghen tuông do lòng tham muốn gây ra. Bởi người ta cho rằng mình là chủ của một vật, của một người (hoặc giả người ta muốn là chủ) nên người ta ghen. Trí nhớ ghi lại tất cả những sự kiện có dính dáng đến người yêu và nhất là óc tưởng tượng có thể tô vẽ thêm những sự kiện ấy để phụ họa vào, và làm cho tính ghen thêm sôi nổi.

Lại có thứ ghen tuông do một cảm tính lo âu, áy náy mà Crommelynck đã nghiên cứu rất tế nhị trong vở kịch “Le cocu magnifique” (Anh chàng bị mọc sừng hiên ngang). Người ghen tuông lâm vào một tình trạng lo âu, băng khuâng áy náy không còn thể chịu nổi, nhất là khi họ chỉ ngờ vực mà không có bằng cứ xác thực nào về sự phản bội của người yêu, họ thích bị phản bội hoặc xúi người yêu phản bội họ, như vậy cốt để họ có lý lẽ để ghen tuông. Và khi đã bị phản bội thực sự, họ cảm thấy như đỡ khổ hơn và khoan khoái một cách ầm uất.

Lẽ dĩ nhiên ghen tuông có nhiều cấp bậc, nhiều mức độ khác nhau tùy theo trị số của những bầm chất đã kết thành nó. Thí dụ một người ghen mà kém tưởng tượng thì chỉ ghen “bằng mắt”, hắn không bị ngờ vực, nghi ngờ, hành hạ vì lẽ hắn không thể tưởng tượng những gì người yêu có thể làm sau lưng hắn. Hắn phải “nhìn tận mắt” mới có thể nổi cơn ghen.

Những thứ tâm tính phức tạp:

Ngoài ra còn nhiều cách phối hợp khác, phức tạp hơn. Một người hoạt động và hiền lành có thể mang tật lười biếng vì thiếu tham muốn nên không có tham vọng. Nhưng tham muốn lại cần thiết, ít ra trong một cấp độ nào đó: muốn làm việc đắc lực cần phải biết ham thích, phải có một mục đích.

Có người lười biếng do một sự suy nhược tiên thiên. Một người suy nhược kém lòng nhân hoặc kém cảm xúc cũng dễ sinh lười biếng mặc dù họ có tham muốn.

Có người hoạt động nhưng vì thiếu lòng nhân nên cũng đâm ra lười biếng, họ chỉ hướng sức hoạt động vào những cuộc chơi bời.

Nhiều bẩm chất có thể khiến cho một người trở nên siêng năng.

Người ta có thể thích làm việc vì sở thích (cảm xúc tính), vì lợi lộc (tham muốn), vì bốn phận (lòng nhân), vì tự ái (sợ dư luận người đời: óc hợp đoàn); cũng có khi chỉ vì thói quen, kết quả của sự phát triển của cá tính tập thành.

Lòng can đảm cũng có nhiều nguồn gốc. Có người tỏ ra can đảm nhờ biết đè nén sự sợ sệt (cảm xúc tính) (*cái can đảm của vị tướng Turenne lúc ra trận run sợ nhưng cố trấn tĩnh mình bằng câu: “thân xác này, mày cứ run...”*), nhờ biết suy luận (khả năng tinh thần tốt).

Cũng có thể do hoạt động tính bị kích thích hoặc vì danh vọng, vì tiếng tăm (óc hợp đoàn). Có người tỏ ra can đảm bởi có lòng ái quốc hoặc tín ngưỡng (hình thức tinh thần của lòng nhân).

Lòng tham muốn, tính ham mê của cải cũng có thể làm cho một người trở nên can đảm. Harpagon thà chết không chịu mất của. (*Tôi có biết một bà đại điền chủ ở lục tỉnh, hai phen bị bọn cướp bắt đánh, tra tấn rất dã*

man, nhưng bà ta vẫn không chịu chỉ chỗ bà ta giấu vàng bạc).

Sau hết cũng có người can đảm chỉ vì họ kém cảm xúc tính, do đó tự nhiên họ tỏ ra bình tĩnh.

Trong lúc chiến tranh, những người đa cảm xúc thường rất bị khổ, mặc dù họ có nhiều đức tính khác.

Cá tính tập thành có thể ảnh hưởng do thói quen. Một người không có khuynh hướng về hà tiện nhưng sống chung mãi với những tay keo kiệt thét rồi nhiễm lấy tật xấu ấy.

Một người tham vọng nhưng bị đời bạc đãi sẽ trở nên một người nhường nhịn, nếu họ kém hoạt động và có đôi chút lòng nhân.

Biếm nhẽ và trào lộng:

Bây giờ chúng ta thử xét qua một trường hợp hơi phức tạp, trường hợp những hình thức của tính biếm nhẽ, của tính trào lộng, tức là khuynh hướng tinh thần hay làm nổi bật cái góc cạnh lỗ lã, đáng cười của người, của sự việc.

Cơ sở của tính biếm nhẽ hoặc có óc trào lộng, thứ trào lộng có ý nhị, là óc tinh nhuệ. Đặt kết hợp với ba phẩm chất lòng nhân, óc hợp đoàn và hoạt động tính, óc tinh nhuệ sẽ nhuốm cho tính biếm nhẽ nhiều màu sắc khác nhau tùy theo cái cấp độ tương đối của ba phẩm chất ấy.

Cái biếm nhẽ chua cay chán chường là do lòng nhân kém (tính ác), thiếu óc hợp đoàn (tính trắng trợn) và thiếu hoạt động tính (tính bị quan).

Nếu trong đó có nhiều hoạt động tính thì sẽ biến thành thứ biếm nhẽ cay độc. Tính trắng trợn, tính ác độc làm cho người ta thích nói chua cay và hoạt động tính đem lại cho người ta cái tinh thần phá phách.

Nếu lòng nhân tuy kém, nhưng óc hợp đoàn và hoạt động tính khá nhiều nó nảy sinh ra cái tính khăm tức là tính ác nhưng có vẻ tử tế. Nếu ba nắm chất lòng nhân, óc hợp đoàn và hoạt động tính đều tốt cả thì chúng ta chỉ thấy những tính trêu chọc, chế giễu để mà cười xòa không có ý làm hại ai cả.

CHƯƠNG VIII - CÁI PHƯƠNG TRÌNH CỦA CÁ TÍNH

Mang dùng những ký hiệu của số học trong địa hạt tâm lý học, sợ e có người sẽ cho rằng chúng tôi có nhiều cao vọng quá chăng? Nhưng, mặc dù không có ý nghĩ rằng lối dùng ký hiệu này có thể đưa đến sự chính xác của khoa học, chúng tôi thấy rằng lối đánh số mà chúng tôi áp dụng sau đây có thể giúp ích cho chúng ta phần nào trong việc khảo xét về tính con người.

Để nhớ lại thành phần của những tâm tính và tâm trí mà chúng tôi vừa phân tách, chúng ta có thể dùng lối đánh số sau đây:

0 tiêu biểu cho trị số trung bình của một phẩm chất.

>0 tiêu biểu cho trị số trên mức trung bình.

0< tiêu biểu cho trị số dưới mức trung bình.

Có thể tượng trưng cho tám phẩm chất cốt yếu như sau đây:

M = Tham muốn.

L = Lòng nhân.

H = Hoạt động tính.

Đ = Óc hợp đoàn.

C = Cảm xúc tính.

N = Trí nhớ.

T = Trí tưởng tượng.

P = Óc phán đoán.

Bây giờ chúng ta có thể lập một bảng kê tóm lược những thứ tâm tính con người như sau đây:

Tính bông bột: $H > 0$ $C > 0$ (Tức là hoạt động tính và cảm xúc tính trên mức trung bình).

Tính chậm lụt: $H < 0$ (Tức là hoạt động tính dưới trung bình).

Tính nhanh nhẹn: $H > 0$

Tính nông nổi, ẩu tả: $P < 0$ $H > 0$

Tính nông cạn, sơ thiển: $P < 0$ $H > 0$

Óc không tưởng: $P > 0$ $H > 0$ $C > 0$ $T > 0$

Óc ngoan cố: $M > 0$ $P < 0$

Óc nghịch thượng: $Đ > 0$

Óc hoài nghi: $L < 0$ $C > 0$

Tính dễ cảm: $L > 0$ $H < 0$ $P < 0$

Óc tài tử: $P > 0$ $T > 0$

Óc sâu sắc: $P > 0$ $T > 0$ $C > 0$

Óc kỷ hà: $P > 0$ $T = 0$

Óc siêu đẳng: $P > 0 \ T > 0 \ N > 0$

Tính ân cần: $L > 0 \ H > 0$

Tính thương hại: $L > 0 \ C > 0$

Tính nhã nhặn: $L > 0 \ C > 0$

Tính gắt gỏng: $L > 0 \ Đ < 0$

Tính hà tiện: $M > 0 \ C < 0 \ H < 0$

Tính thận trọng: $L > 0 \ C > 0$

Lòng nhiệt tâm: $H > 0 \ C > 0 \ L > 0$

Tính lưỡng lự: $C > 0 \ H < 0$

Tính mạo hiểm: $H > 0 \ C < 0$

Tính ích kỷ: $M > 0 \ L < 0$

Tính giả dối: $L < 0 \ Đ > 0$

Tính nham hiểm: $L < 0 \ Đ > 0 \ H < 0$

Óc tham vọng: $M > 0 \ H > 0$

Tính mưu sĩ: $M > 0 \ H > 0 \ Đ > 0 \ L > 0$

Tính ghen tuông: $C > 0 \ M > 0 \ T > 0 \ N > 0$

Tính nhẫn nhục: $H < 0 \ L > 0$

Tính lười biếng, tính siêng năng, tính can đảm: Do nhiều nguyên nhân

khác nhau (xem trong bài).

Bây giờ chúng ta có thể thử diễn tả một cá tính bằng lối đánh số gán cho mỗi phẩm chất căn bản một trị số.

Đẳng cấp của lối đánh số này có thể đi từ 0 đến 10 hoặc từ 0 đến 20, tùy ý chúng ta đặt để. Nhưng, để làm rõ rệt thêm những trị số ở trên hoặc dưới mức trung bình trong những thứ tâm tính không thuộc bệnh lý, chúng tôi áp dụng lối đánh số mà Marcel Boll đã dùng, nó gồm có bảy trị số đi từ -3 đến +3, số 0 tiêu biểu cho mức trung bình. Khỏi phải nói, trong mỗi cá tính và đối với mỗi phẩm chất cấp bậc của mỗi trị số này rất là rộng rãi, chứ không phải chỉ có ở trong giới hạn của bảy trị số ấy.

Vì thế, chúng ta chỉ nên xem những phương trình sau đây với tính cách biểu thị. Đó chỉ là những cái khuôn thô sơ, tạm phân định một cách khái quát cái ranh mức của tâm tính và trí tuệ. Thực ra cá tính con người phức tạp hơn nhiều, nhất là trước sự hỗ trợ rất biến thiên của cá tính tập thành. Nhưng đáng có một người dẫn đường, tìm thấy một cái mối nhỏ trong cái gút cũng là điều đáng kể trong việc dò xét tâm trí và tâm tính con người.

Sau đây là một vài phương trình để làm thí dụ và những giải thích của nó:

Phương trình của một nhà doanh nghiệp, một người chỉ huy:

Tham muốn..... +1

Lòng nhân..... 0

Óc hợp đoàn..... +1

Hoạt động tính..... +3

Cảm xúc tính..... -1

Trí nhớ..... 0

Trí tưởng tượng..... +2

Óc phán đoán..... +2

Nhiều hoạt động tính hợp với lòng tham muốn vừa phải tạo ra một cao vọng hợp lệ.

Lòng nhân điều hòa, cảm xúc tính kém, hợp với óc phán đoán tốt và óc tưởng tượng dồi dào giúp cho họ biết phán đoán một cách chắc chắn, có óc công bằng và nhiều tính khí.

Óc hợp đoàn vừa phải giúp họ gieo cảm tình với những người chung quanh, họ đặt nhiều người thương, bề giao du rộng rãi giúp cho họ nhiều trong công việc làm ăn, vả lại họ sẵn có tính ân cần, bái bồi.

Phương trình của một gã gian hồ (như Casanova chẳng hạn):

Tham muốn..... +1

Lòng nhân..... +1

Óc hợp đoàn..... +3

Hoạt động tính..... +3

Cảm xúc tính..... +2

Trí nhớ..... +3

Trí tưởng tượng..... +3

Óc phán đoán..... 0

Đặc điểm của cá tính này là óc hợp đoàn phát triển quá mạnh, gần biến thành bệnh khoác lác, sức hoạt động cuồng nhiệt, một trí nhớ và trí tưởng tượng rất dồi dào. Nhưng óc phán đoán rất tầm thường không đủ sức chế ngự sự thái quá của những bẩm chất kia. Cảm xúc tính khá mạnh làm họ dễ đắm mê (mê đánh bạc, mê gái, ham du lịch, thích phiêu lưu). Nhờ có lòng nhân khá nhiều nên kể ra họ cũng khá ái. Lòng nhân của họ không nhiều đến nỗi giúp họ biết thận trọng – gặp dịp họ đắm liều lĩnh – song nó cũng khá đủ để làm cho họ thỉnh thoảng có những hành động từ tâm.

Phương trình của một người suy nhược (như vua Ngọa Triều):

Tham muốn..... -2

Lòng nhân..... +1

Óc hợp đoàn..... -1

Hoạt động tính..... -2

Cảm xúc tính..... -2

Trí nhớ..... 0

Trí tưởng tượng..... -2

Óc phán đoán..... -1

Trong cá tính này tất cả các phẩm chất đều suy nhược trừ lòng nhân. Kém hoạt động, thiếu cảm xúc, tính tình ít bộc lộ, nghèo tưởng tượng, óc phán đoán cũng kém. Trước những biến cố người suy nhược thường bó tay, họ không có một phản ứng nào dù là trong những hoàn cảnh nguy hiểm, bởi thường khi họ không thể hiểu nổi.

Phương trình của một nghệ sĩ:

Tham muốn..... -2

Lòng nhân..... +2

Óc hợp đoàn..... -1

Hoạt động tính..... +2

Cảm xúc tính..... +3

Trí nhớ..... 0

Trí tưởng tượng..... +3

Óc phán đoán..... 0

Nhà nghệ sĩ vừa đa cảm xúc vừa có óc tưởng tượng dồi dào. Lòng tham muốn kém làm cho họ ít biết quan tâm đến lợi lộc. Họ không biết bảo vệ quyền lợi vật chất của họ bởi đồng thời họ cũng nhiều lòng nhân.

Rất siêng năng, hoạt động nhưng tính hơi bất định, ít bộc lộ, họ rất khiêm tốn và không thích danh vọng cũng không thích cái xã hội phù phiếm. (Đây là nói về một nghệ sĩ chân chính).

Phương trình của một tay mưu sĩ nguy hiểm (theo kiểu Tào Tháo):

Tham muốn..... +2

Lòng nhân..... -2

Óc hợp đoàn..... +3

Hoạt động tính..... +3

Cảm xúc tính..... -2

Trí nhớ..... +2

Trí tưởng tượng..... +1

Óc phán đoán..... +1

Óc hợp đoàn phát triển thái quá hợp với nhiều tham muốn và nhiều hoạt động tính làm cho người mưu sĩ thêm nguy hiểm vì họ vốn hung ác (kém lòng nhân) rất điềm nhiên (kém cảm xúc) lại rất thông minh.

Tính khô khan, mạo hiểm, táo bạo nhưng ích kỷ và hay giả vờ, nếu cần họ không nề hà gì mà không nghiền nát những trở ngại bước đường tiến của họ. Thiếu lòng nhân và óc hợp đoàn quá nhiều là nhược điểm của cá tính này.

Làm một bài toán nhỏ, chúng ta sẽ thấy ngay tâm tính con người rất phức tạp.

Để tiện việc lập phương trình, chúng ta chỉ tạm ấn định cho mỗi phẩm chất căn bản bảy cấp bậc. Lẽ dĩ nhiên trong thực tế thì những cấp bậc

này nhiều hơn số đó bội phần, nhưng hãy cứ tạm nhận bảy cấp bậc ấy. Biết rằng có tất cả tám phẩm chất căn bản, chúng ta có thể tính ra con số những phối hợp có thể có, khác nhau ít nhất một cấp bậc là 78 tức: $7 \times 7 \times 7 \times 7 \times 7 \times 7 \times 7 = 5.764.801$.

Với cái thuyết ấy, dù kém hơn thực tế nhiều, chúng ta cũng thấy rằng với bốn chục triệu dân số, mỗi người Pháp đều có một phương trình cá tính khác nhau.

Cái hy vọng tìm thấy hai phương trình giống nhau hẳn là hẳn là không thể có.

PHẦN HAI: TÂM LÝ ĐỘNG

CHƯƠNG I - GUỒNG MÁY CỦA TÂM NÃO

Trong những chương vừa qua, chúng tôi đã định nghĩa cá tính con người, đã vạch rõ cái cơ cấu và những thành phần của nó. Có thể xem những phẩm chất căn bản của tâm tính và tâm trí là những cơ quan tinh thần của tâm não cũng như tim, gan, phổi, là những cơ quan của thân thể. Đó là chúng ta mới xét về phần tâm lý tĩnh.

Bây giờ chúng ta hãy thử nghiên cứu về cách vận dụng của những cơ quan ấy, tức là nghiên cứu về những cách phát lộ của cá tính, về cái “động” của nó, tức là phần tâm lý động.

Nói tóm lại, chúng ta xét xem bằng cách nào và do then máy nào khiến chúng ta hành động.

Cái chu kỳ tâm lý:

Nói một cách khác, bằng cách nào những tư tưởng chúng ta đặt thành lập và biến thành những tác động?

Sự diễn tiến của những tư tưởng từ lúc chúng mới phát sinh cái chung cuộc thông thường của chúng là một tác động, người ta gọi là chu kỳ tâm lý.

Chu kỳ này khởi đầu bằng một tri giác hoặc một hồi tưởng rút trong trí nhớ. Ký ức và hồi tưởng khác nhau: ký ức là hình ảnh đặt ghi kỹ vào trí nhớ, hồi tưởng là ký ức phát hiện trở lại trong trí óc. Ký ức là phim ảnh, hồi tưởng là việc chiếu lại phim ảnh ấy trên màn hình.

Nhưng dù khởi đầu bằng tri giác hay một hồi tưởng điều ấy cũng không

quan hệ đến sự diễn tiến của chu kỳ, vì thực ra hồi tưởng chỉ là sự hồi xuân của một tri giác cũ.

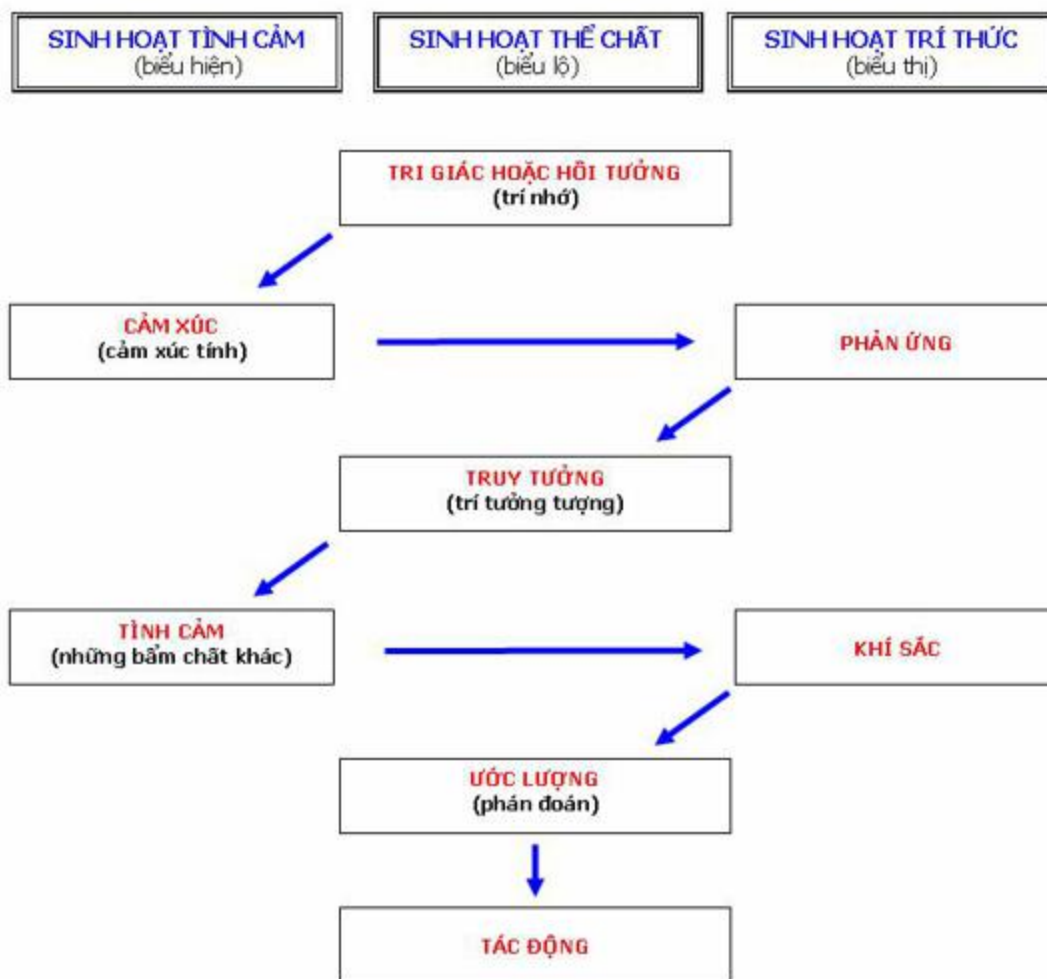
Cái ấn tượng, cái hình ảnh do tri giác hoặc do hồi tưởng ấy gọi ra sẽ gây một phản động làm vận dụng một trong những bẩm chất của cá tính chúng ta; cảm xúc tính. Sự phản động thuộc cảm xúc này có hai phương diện: một thuộc về cảm tính tức là thuộc về cái cảm xúc ấy, và một thuộc về thể chất dưới hình thức của những phản ứng sinh lý.

Lúc bấy giờ, trí tưởng tượng mới ra tuồng, chụp lấy cái cảm xúc phản ứng ấy, gộp nhặt những hình ảnh rút trong cảm xúc và trong trí nhớ rồi dựng nên một truy tưởng.

Tiếp theo sự truy tưởng là một phát hiện thuộc cảm tính và hoạt động tính: tình cảm, do sự vận dụng của những bẩm chất khác: tham muốn, óc hợp đoàn, lòng nhân. Đồng thời và song song, trên địa hạt thể chất người ta nhận thấy sự phát hiện một khí sắc tức là một trạng thái đặc biệt của sức căng của gân thịt mà ở sau đây chúng tôi sẽ có dịp nói đến.

Tình trạng ấy sẽ tồn tại trong một thời gian dài hay ngắn cho đến lúc óc phán đoán xen vào để ước lượng. Nó sẽ đối chiếu biến cố hiện tại với những ký ức và với toàn diện của cá tính tập thành để tạo ra một ý kiến về biến cố này và sau rốt, sẽ quyết định để đi đến một tác động.

Bảng lược đồ dưới đây tóm luận một chu kỳ tâm lý đầy đủ:



Như chúng ta thấy, một chu kỳ tâm lý đầy đủ vận dụng toàn diện cả tính chúng ta từ thể chất đến tinh thần. Vì thế người ta thường nói “thể chất ảnh hưởng đến tinh thần và ngược lại”.

Cái chu kỳ tâm lý là sự hòa trộn những biểu thị, những biểu hiện và những biểu lộ.

Tất cả những bản chất căn bản mà chúng tôi đã nói đều có dự phần vào và có ảnh hưởng ít nhiều.

Một vài thí dụ:

Một vài thí dụ diễn ra sau đây sẽ giúp quý bạn hiểu rõ sự diễn tiến của những chu kỳ tâm lý.

Chúng ta đang đi ngoài đường, một tiếng vang “ầm” làm chúng ta ngoái cổ lại nhìn. Hai chiếc ô tô vừa đụng nhau. Sự nhận thức tiếng kêu “ầm” ấy gọi ra cho chúng ta một cảm xúc trên địa hạt tình cảm và đồng thời gây ra những phản ứng trên địa hạt thể chất (tự nhiên chúng ta đâm ra tái mặt, nói không ra lời).

Trí tưởng tượng liền xen vào, chúng ta truy tưởng rút trong ký ức để nhớ lại những vụ tai nạn tương tự mà chúng ta đã đặng chứng kiến, hoặc chúng ta thấy kể trên báo. Chúng ta nhớ đến những thân thể bị đè bẹp, những cánh tay gãy, những mảnh óc văng ra, những máu me đầm đìa. Việc truy tưởng này gọi ra một tình cảm sợ sệt và một khí sắc lo âu, sợ hãi.

Lúc bấy giờ óc phán đoán lại xen vào để ước lượng biến cố vừa xảy ra. Có lẽ tiếng xe đụng nghe rùng rợn thật, nhưng sự thiệt hại không bao nhiêu. Sau hết chúng ta bước sang hành động, thí dụ chạy đến cấp cứu những nạn nhân hoặc đi gọi cảnh sát.

Và đây là một thí dụ khác có thật, về một chu kỳ tâm lý đầy đủ. Lần nọ nhân đi dạo theo ven bể, tôi thấy có đám đông người đang tụ tập và giữa đám đông ấy có người kêu khóc ầm ĩ. Tiến lại gần, tôi mới rõ đó là một chàng thanh niên vừa bị chết đuối và những người đang kể lể khóc than đó là cha mẹ của người bạc phúc ấy. Những tiếng khóc than thảm thiết đó làm cho tôi phải xúc động (cảm xúc) và mặt bỗng tái nhợt (phản ứng).

Trí tưởng tượng xen vào. Tôi tưởng tượng đến những mối đau khổ mà thân nhân chàng thanh niên ấy trải qua, một gia đình đang xum họp bỗng chốc lại vắng bóng một người, một cuộc đời tan vỡ và sự truy tưởng ấy dẫn dắt đến một tình cảm sợ sệt, tôi nghĩ đại, nếu một tai nạn như thế xảy ra đến cho con tôi, và tôi đâm ra lo âu.

Óc phán đoán liền dự vào, tôi ước lượng về biến cố ấy nhưng khác với thí dụ trước, sự ước lượng này không kết thúc bằng một tác động. Nó lại dẫn dắt đến một chu kỳ tâm lý khác: tôi liên tưởng đến thằng con tôi, tuy nó biết lợi khá nhưng tính hay liều lĩnh...

Như chúng ta thấy, thường khi một chu kỳ tâm lý này dẫn dắt đến một chu kỳ tâm lý khác.

Những chu kỳ tâm lý theo lối này đặng gọi là chu kỳ hoàn bị đầy đủ. Nhưng hiếm lắm. Thường khi một chu kỳ này nối tiếp, hoặc dấn lên một chu kỳ khác. Lắm chu kỳ lại không trải qua hết các giai đoạn mà ngưng lại ở một nửa. Song luôn luôn nó diễn ra một cách hết sức nhanh. Điều nữa là sự quan trọng của những sợi dây xích nối tiếp này thường không đồng đều, nó còn tùy thuộc vào sự dự phần của cảm tính hoặc trí tính.

Ngoài những chu kỳ đầy đủ này còn những chu kỳ đơn giản hơn mà sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu đến.

Những chu kỳ sinh lý:

Có những chu kỳ chỉ thuộc phạm vi sinh lý. Ở trường hợp này, nền tảng của nó là một cảm giác. Người ta thường thấy những chu kỳ thuộc loại này trong đời sống của loài vật và ở những trẻ con.

Một cảm giác sơ đẳng có thể đồng thời gây ra một cảm xúc ở địa hạt tinh thần và một phản ứng ở địa hạt thể chất, để rồi đi đến một tri giác.

Cảm giác => Cảm xúc => Phản ứng sơ đẳng => Tri giác.

Thí dụ chúng ta lỡ uống lầm một thứ nước đắng, chúng ta bị một cảm xúc khó chịu và liền sau đó, một phản ứng làm chúng ta mau mau

nhả chất nước ấy ra. Chúng ta đã nhận thức rằng mình vừa làm một việc không hay.

Người ta mời anh ngồi xuống một chiếc ghế pho tô êm ái. Cái cảm giác mà anh nhận thấy khi ngã mình trên chiếc ghế ấy gây cho anh một cảm xúc dễ chịu, êm ái và đồng thời một phản ứng làm cho anh biết duỗi thẳng tay để giãn xả các gân thịt cho nó nghỉ ngơi. Và anh nhận thức rõ rệt tác động ấy.

Những chu kỳ tinh thần:

Những chu kỳ tinh thần chỉ huy các công việc thuộc về trí thức, cảm tính không dự phần vào những chu kỳ này. Nó khởi đầu bằng một tri giác hoặc một hồi tưởng rồi bước sang một truy tưởng để rồi kết thúc ở một ước lượng.

Tri giác/Hồi tưởng => Truy tưởng => Ước lượng.

Cũng nên nói rõ: cái chu kỳ tinh thần thuần túy rất hiếm. Vì thực ra ngay trong những công việc làm bằng trí thức luôn luôn cũng có ít nhiều bản chất thuộc cảm tính xen vào. Một tiểu thuyết gia chẳng hạn khó mà che đậy cá tính của mình sau những nhân vật trong tiểu thuyết mà họ đã tạo ra. Và chẳng thường khi chúng ta làm những công việc trí thức bởi ham thích (bản chất ham muốn) bởi yêu thích (bản chất lòng nhân), hoặc bởi những thị hiếu hoặc thói quen của chúng ta.

Một thí dụ về chu kỳ tinh thần: một nhà văn định diễn tả một cảnh vật mà ông đã từng trông thấy. Với óc tưởng tượng ông đã xếp đặt, tô điểm để gọi ra một cảnh trí mới. Trong khi ấy ông cũng dùng đến óc phán đoán để ghi rõ một vài nét có thể làm nổi bật cảnh trí ấy, hoặc dùng óc phán đoán để thích ứng, để lồng khuôn cảnh trí ấy vào cốt truyện.

Hành động là cụ thể hóa những ước lượng đang nằm trên mặt giấy.

Khi một chu kỳ không tiến đến giai đoạn ước lượng nghĩa là khi óc phán đoán không dự phần vào thì nó biến thành sự mơ mộng.

Mơ mộng là một sự đánh đu, một lối chuyển bóng giữa ký ức và trí tưởng tượng. Những hồi tưởng gọi ra những truy tưởng, để rồi những truy tưởng này sẽ làm giàu trở lại cho ký ức. Cái chu kỳ này bị gián đoạn. Nó chỉ nương mình để tồn tại và nó có thể tồn tại khá lâu, nhưng hình ảnh có thể trở đi trở lại dưới những màu sắc khác.

Trong sự mơ mộng, cá tính hình như không đáng kể. Óc phán đoán không dự phần vào, có nhiều truy tưởng rất kỳ lạ nhưng chúng ta lại xem việc ấy rất tự nhiên và chúng ta càng thích thú đắm mình trong mơ mộng.

Những chu kỳ tự động:

Guồng máy những chu kỳ tự động đơn giản hơn cả. Từ trí giác bước thẳng sang tác động. Những chu kỳ tự động là kết quả của tập quán, của giáo dục. Khi một tác động, kết cục của một chu kỳ tâm lý đầy đủ hay không đầy đủ, đặt lại đi lập lại nhiều lượt thì những then xích, những giai đoạn của chu kỳ ấy bị lu mờ dần để rồi tiêu hẳn đi.

Đó là then máy của thói quen, của tự động tính nó chiếm một phần lớn trong đời sống chúng ta. Nếu không có thói quen và tự động tính chúng ta không thể sống. Nếu trước mọi tác động chúng ta đều phải suy nghĩ thì trí thức chúng ta dễ bị mỏi mệt, lụn bại. Những chu kỳ tự động giúp chúng ta tránh sự vất vả ấy. Đây là một vài thí dụ:

Một người đang lái xe sắp lên dốc, khi họ thấy xe chạy chậm lại không cần phải suy nghĩ họ biết trả số ngay. Khi họ biết sắp đến gặp phải một chướng ngại vật, tự nhiên họ liền hãm xe lại không cần suy nghĩ. Những tác động của người tài xế trong việc lái xe đều đang thực hiện một cách tự động.

Khi mắt vừa liếc thấy một nét chữ hoặc tai vừa nghe đọc thoáng qua một chữ, người đánh máy liền tự động đặt ngón tay đúng vào nút chữ đó. Người chơi dương cầm hoặc vĩ cầm cũng đã dùng đến những chu kỳ tự động. Người đàn ông tự nhiên biết dỡ nón trước khi bước vào nhà ai hoặc khi đứng trước một người đàn bà đã có một tác động tự động, kết quả của sự giáo dục.

Tất cả những thói quen, những tập quán chúng ta đều đặt trên cơ sở những chu kỳ tự động. Những thói quen này rất hệ trọng trong thuật bán hàng. Những lối làm quảng cáo, những lời lẽ chuốt ngót của người bán hàng, những lối khai thác mỗi hàng đều nhằm mục đích tạo cho những khách hàng trong tương lai những chu kỳ tự động. Sự lập đi lập lại mãi tên một thứ rượu khai vị chẳng hạn sẽ khiến cho người tiêu thụ khi vào quán rượu biết gọi tự động một cốc rượu hiệu ấy. Những tiêu ngữ dùng trong việc quảng cáo, những câu để “đập vào óc” thường đặt nhắc đi nhắc lại mãi cũng có mục đích gọi ra một cách tự động trong trí nhớ người tiêu thụ hình ảnh của món hàng.

Những chu kỳ tinh thần và những chu kỳ tự động là những phương tiện hay nhất để chúng ta thích ứng, bởi trong đó không có những yếu tố thuộc cảm tính, đầu dây mối nhợ của sự hỗn độn, sự thác loạn, sự rối rắm trong những hành vi của chúng ta.

Những chu kỳ toàn thân cảm giác:

Chúng tôi đã có dịp bàn qua về sự sinh hoạt của “toàn thân cảm giác” nó là một trạng thái chung của các cơ quan tạng phủ trong người chúng ta.

Cái “toàn thân cảm giác” này có thể là nguồn gốc của một vài chu kỳ. Nó gây ra những cảm giác vô thức ở bên trong để rồi phát hiện ra bằng một cảm xúc trên địa hạt cảm tính và một trạng thái khí sắc thuộc thể chất, sau cùng sẽ đi đến một tri giác.

Cảm giác nội tại (toàn thân cảm giác) => Tình cảm => Trạng thái khi sắc => Tri giác.

Khi bệnh cảm sốt mới bắt đầu, chúng ta có một cảm giác vô thức ở bên trong nó diễn lộ bằng một tình cảm buồn bã và một khi sắc bức rức. Cái “tình cảm khí sắc” này đưa đến việc tri giác một trạng thái “khó chịu”, “bần thần” khắp thân người mà chúng ta không định rõ nguyên nhân.

Cái “toàn thân cảm giác” thường là nguyên nhân của những trạng thái “vui đáo để”, “buồn rũ rượi” mà đôi khi chúng ta cảm thấy nhưng không giải thích nổi nguyên nhân. Có hôm, sáng thức dậy tự nhiên chúng ta thấy “bần thần” hoặc “dã dượi”, chúng ta “buồn buồn” hoặc “thấy đời đen tối”. Thường khi, nguyên nhân những trạng thái ấy đều do một tình trạng bất điều hòa trong cơ thể (bộ máy tiêu hóa có chỗ nào bị lệch lạc) mà chúng ta không tìm rõ nguyên nhân.

Những nỗi vui không duyên cớ là do một “toàn thân cảm giác” tốt. Vì thế, những người khỏe mạnh ít khi buồn.

Những chu kỳ đam mê:

Chu kỳ đam mê ngưng lại ở giai đoạn “tình cảm – khí sắc”, không tiến đến giai đoạn ước lượng, nó phát sinh do một tri giác sơ đẳng rất mạnh mẽ, cường độ của tri giác ấy càng gia tăng bởi những truy tưởng. Do đó cái “tình cảm – khí sắc” trở nên quá mạnh lấn át cả sự phán đoán, óc phán đoán đâm ra bất lực ít ra trong một thời gian nào đó.

Cái chu kỳ đam mê diễn tiến như sau đây:

Tri giác hoặc hoài tưởng => Cảm xúc => Phản ứng => Truy tưởng => Trạng thái đam mê => Xung động.

Một thí dụ: chúng ta vừa bị một người thân yêu phản bội. Sự tri giác này gây cho chúng ta một cảm xúc kèm theo những phản ứng. Sau đó trí tưởng tượng chúng ta xen vào, chúng ta hồi tưởng lại còn người phản bội, những lời thề thốt đã trao đổi, cái dĩ vãng, những ân sủng chúng ta đã thí ra cho họ. Việc truy tưởng này càng làm cho tri giác ấy thêm tỏ rõ và chúng ta càng thêm tức tối, sức giận dữ tiến đến mức đam mê nó làm tê liệt óc phán đoán và trên phương diện thể chất có thể gây ra những xung động thiếu suy nghĩ: dậm chân, dậm cẳng, đập phá đồ đạc, quơ tay quơ chân, cũng có thể gây ra ý định giết người.

Trạng thái đam mê này có thể tồn tại một thời gia khá dài và có thể tiến đến mức cực đoan nguy hại.

Những cặp tình nhân thường sống trong trạng thái này. Thường những chu kỳ của họ chỉ gồm có những tri giác liên tục, vui sướng hoặc đau buồn nhưng không bước đến giai đoạn ước lượng. Họ không cần suy nghĩ, lý luận. Vì thế họ bước sang một cách dễ dàng từ trạng thái vui cười hớn hở đến nỗi buồn rũ rượi. Họ có thể có những hành vi rất anh hùng cũng nhưng họ có thể làm những điều rồ dại. Người ta thường nói: ái tình có chiếc khăn bịt mắt, rất đúng vậy. Chiếc khăn ấy cũng bao phủ luôn óc phán đoán.

Tính cách thường xuyên của những chu kỳ:

Trong đời sống hàng ngày, những chu kỳ tâm lý liên tiếp diễn ra một cách hết sức nhanh chóng và không bao giờ ngừng. Nó nối tiếp nhau, chằng chịt lẫn nhau vì thế khó mà phân tách. Mỗi ngày trong tâm não chúng ta có bao nhiêu chu kỳ diễn ra? Điều này không ai có thể biết, tuy nhiên người ta có thể đoán biết tính cách thường xuyên của chúng.

Những chu kỳ đam mê rất hiếm (âu cũng là điều may). Những chu kỳ toàn thân cảm giác và những chu kỳ tâm lý đầy đủ cũng hiếm. Những chu kỳ tinh thần và những chu kỳ sinh lý diễn ra thường hơn. Những chu kỳ tự động diễn ra rất thường.

Bảng kê sau đây tóm luận các loại chu kỳ tâm lý:

Loại chu kỳ	Nguồn gốc	Tính cách thường xuyên
I. Chu kỳ đầy đủ.	Những biến cố quan trọng trong đời sống.	Hơi hiếm.
II. Chu kỳ không đầy đủ.	Do đời sống thường ngày.	Rất thường.
III. Chu kỳ sinh lý.	Những cảm giác.	Hơi thường.
IV. Chu kỳ tinh thần.	Công việc làm bằng trí thức.	Rất hiếm có ở trạng thái thuần túy.
V. Chu kỳ tự động.	Đời sống thường ngày.	Rất thường.
VI. Chu kỳ toàn thân cảm giác.	Sức khỏe, toàn thân cảm giác.	Hơi hiếm. Nó tùy thuộc tình trạng sức khỏe.
VII. Chu kỳ đam mê.	Những đam mê.	Rất hiếm.

CHƯƠNG II

I. TƯ TƯỞNG VÀ CHÚ Ý

Sự diễn tiến của một chu kỳ tâm lý gồm có ba tác động tinh thần: tri giác, truy tưởng và ước lượng.

Việc tri giác, dù là do đột nhiên mà có hoặc dù nhờ moi móc trong ký ức mà ra, luôn luôn đưa đến kết quả này: một cảm tưởng hoặc một ảnh tượng.

Truy tưởng là dùng trí tưởng tượng để kết hợp những ảnh tượng, những cảm tưởng ấy; là moi móc trong mớ kỷ niệm để rút lấy những ký ức nào đó có vẻ thích hợp với biến cố rồi hòa trộn tất cả lại để tạo thành một bức tranh mới, nhất định, rõ rệt.

Ước lượng là tác động tinh thần hệ trọng hơn cả, bởi nó vận dụng một phẩm chất cốt yếu: óc phán đoán. Ước lượng là việc đối chiếu các biến cố đã đăng truy tưởng với cá tính tập thành của mình, với sự giáo dục, học vấn, với những tư tưởng, với những thị hiếu của mình. Cá tính thiên nhiên đã có ra tuồng trong những tác động trước.

Cái chu kỳ sẽ đi đến một kết quả: hoặc là một ý tưởng trên địa hạt tri thức, hoặc là một quyết định trên địa hạt cảm tính.

Những ý tưởng, những quyết định chúng ta đều chịu ảnh hưởng này. Vì lẽ đó, dùng phép nội quan để xét mình chỉ đem lại những kết quả không hay cho lắm.

Trong khi tri giác, truy tưởng hoặc ước lượng chúng ta đã dùng đến ba phẩm chất thuộc về tri thức: trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán tuy nhiên trong thực tế, những công việc ấy không phải nhất thiết dành riêng cho một trong ba phẩm chất đó. Thí dụ trong việc trí tưởng tượng chọn

lựa những ký ức thì óc phán đoán cũng có xen vào ít nhiều. Trong việc hồi tưởng cũng thế.

Guồng máy của chú ý:

Đến đây chúng ta đã có thể hiểu qua guồng máy của một hiện tượng mà người ta gọi là chú ý.

Chú ý không đáng kể là một yếu tố cấu thành cá tính, nó chỉ là một trong những cách biểu lộ của cá tính. Trong ngôn ngữ thường, người ta diễn đạt rất đúng, không ai nói “người ấy có sự chú ý” mà người ta nói “người ấy biết hoặc không biết chú ý”. Chú ý là một lối biểu lộ có tính cách “động” nó không phải là một đức tính “tĩnh”, nó bị chỉ định bởi những yếu tố của cá tính.

Có thể định nghĩa chú ý như thế này: đó là sự áp dụng của óc phán đoán, sự hiện hữu hóa của óc phán đoán. Mà khi áp dụng óc phán đoán tất người ta phải vận dụng đến cái hiện tượng tương quan là chú ý.

Người ta không thể chú ý thật kỹ đến hai việc cùng trong một lúc. Đôi khi người ta ngỡ rằng có thể chú ý hai hoặc nhiều việc trong một lúc nhưng thực ra chỉ là sự đánh đu rất nhanh của sức chú ý từ việc này sang việc khác.

Trong khi nói chuyện với một người, chúng ta chú ý đến lời lẽ người ấy thốt ra. Tuy nhiên trong lúc ấy chúng ta có thể nghe lóm câu chuyện của một người khác nói, ở trường hợp này sức chú ý chúng ta đu đưa thật nhanh từ người này sang người khác. Hiện tượng này có thể sánh với việc người ta đánh nhiều điện tín cùng trong một lúc trên một luồng điện. Thực ra những phát điện của những điện tín ấy không bị chồng lên nhau, nó chỉ nối tiếp nhau, mỗi người đánh điện tín sử dụng luồng điện trong một khoảnh khắc thật ngắn.

Cũng vì thế, chúng ta có thể vừa làm một công việc nào đó lại vừa tiếp

chuyện, nhưng ở trường hợp này chúng ta chỉ chú ý đến lời nói, còn về công việc làm thì chúng ta làm một cách tự động, chúng ta đặt điều khiển bởi những loạt chu kỳ tự động.

Tri thức càng này nở người ta càng dễ chú ý đến nhiều việc trong một lúc vì ở những đầu óc thật thông minh các chu kỳ tâm lý diễn ra nhanh chóng. Người ta thường nhắc lại việc hoàng đế Nã Phá Luân có thể cùng trong một lúc đọc hai nãi thư cho hai viên thư ký viết.

Sức chú ý đến nhiều việc trong một lúc cũng có thể nảy nở ở những người chỉ sử dụng óc phán đoán trong một vài chu kỳ tâm lý nào đó. Viên thủ quân một đội binh lúc nào cũng ghé mắt đến sự đi lại của tất cả những cầu thủ trong đội binh mình. Sức chú ý và đu đưa một cách hết sức nhanh từ cầu thủ này sang cầu thủ khác. Những tay nhào lộn, đi dây, làm trò ảo thuật do nghề nghiệp rèn tập cũng quen chú ý một cách rất linh hoạt.

Những điều kiện để chú ý:

Những người biết chú ý giỏi thường là những người biết phán đoán một cách giản dị, nhanh chóng, vì phạm vi của chú ý là ở sự ước lượng. Một người có thể nhìn thấy và phán đoán nhiều việc trong một lúc tất phải có nhiều khả năng trí thức tốt. Người có trí nhớ dai thường chú ý rất giỏi. Trường hợp một vài tay danh kỳ có thể cùng trong một lúc đánh nhiều ván cờ với nhiều đối thủ.

Có thể rèn tập sức chú ý, vì một phần lớn nó tùy thuộc cá tính tập thành, nhưng một vài phẩm chất thiên nhiên phát triển thái quá có thể làm trở ngại sự rèn tập sức chú ý. Một đầu óc thông minh có thể dễ dàng trí nếu họ bị kích thích mạnh hoặc quá xúc động. Người tinh thần suy nhược, thiếu phẩm chất tham muốn không biết ham thích gì cả cũng có thể dễ dàng trí. Như chúng ta thấy, những phẩm chất thuộc tinh thần rất quan trọng trong guồng máy tinh thần chúng ta.

Chú ý và cá tính thiên nhiên:

Chú ý có nhiều cấp bậc mà ngôn ngữ thông thường đã biết phân biệt: thấy và nhìn thấy; nghe và lắng nghe. Chúng ta thấy toàn diện của sân khấu nhưng chúng ta nhìn thấy những diễn viên. Đó là hai cấp bậc khác nhau của sức chú ý.

Chú ý không cần thiết trong những công việc làm do sự tự động tính, điều đó không lạ, vì như chúng ta đã biết, trong những chu kỳ tự động óc phán đoán không cần tham dự. Một nhạc sĩ chơi dương cầm chỉ cần quan tâm đến điệu nhạc mà không phải chú ý đến những ngón tay của họ. người lái ô tô chỉ chú ý đến những khúc khuỷu của con đường mà không cần chú ý đến tay lái.

Cá tính tập thành ảnh hưởng rất lớn đến sức chú ý vì lẽ, chúng ta tự nhiên biết chú ý ngay đến những biến cố nó phù hợp với thói quen và thị hiếu, với xu hướng chúng ta.

Một người thích sưu tầm tem rảo bước theo một dãy cửa hàng có thể không chú ý đến cửa hàng nào cả, nhưng khi đi ngang một hiệu tem, sức chú ý của họ tự nhiên khiến họ dừng chân lại trước cửa hàng ấy.

Nhà bác học trong phòng thí nghiệm cũng như ở ngoài đời có thể lơ đãng với tất cả những gì không dính dáng đến công việc khảo cứu, tìm tòi của họ.

Bọn đàn ông chúng ta thường ít quan tâm đến áo quần, đến cách phục sức của các bà, song các bà thì chú ý đến từng cái đính khuy, cái vạt áo của chị em bạn.

Một người chơi sách bước vào nhà ai tự nhiên hướng mắt đến cái tủ sách trước nhất v.v...

Một người yêu súc vật đang rảo bước ngoài đường cách lơ đãng nhưng

gặp con chó hay con mèo đi ngang tự nhiên họ bước lại để xoa đầu vuốt ve con chó.

Trong việc văn hóa, chúng ta thường thấy rõ sự lợi ích của chú ý. Có biết chú ý, chúng ta mới đặt cái tính tò mò, ham hiểu, muốn hiểu biết mọi vấn đề. Xem thế chúng ta thấy rằng có thể rèn tập sức chú ý, nhưng rất hiếm người chịu khó gia công rèn tập để phát triển sức chú ý, ngoài trừ những điều gì họ ham thích.

Người ta đã thí nghiệm và nhận thấy chỉ có một số rất ít người cùng ở một đường, có thể kể nằm lòng tất cả những cửa hiệu trên con đường ấy.

Đức tính quý nhất của các nhà trinh thám là sức chú ý rất linh động của họ. Vì nghề nghiệp họ phải tập chú ý đến mọi việc, mọi chi tiết nhỏ nhất mà người thường không lưu ý đến nên họ có thể gỡ ra manh mối nhiều vụ án ly kỳ.

Sau hết, một đam mê có thể làm cho chúng ta chú ý một cách rất tỉ mỉ đến những gì có dính dáng hoặc xa hoặc gần cái đối tượng mà chúng ta mê say, nhất là tính ghen tuông. Một người đàn bà ghen, hoặc giả chỉ “yêu” thôi, cũng thường để ý, quan tâm đến tất cả những việc nhỏ nhất có dính dáng đến “người yêu”, những việc mà thời thường họ chẳng bao giờ lưu ý đến.

II. Ý THỨC VÀ VÔ THỨC

Tự điển Littré định nghĩa ý thức: là một sự nhận thức về chính mình là một thể cách của cảm giác tính tổng quát nó giúp chúng ta biết nhận xét, phán đoán về những kinh nghiệm của chính mình.

Bằng cách nào chúng ta tạo cho mình những tri thức tổng quát? Bằng cách áp dụng óc phán đoán vào một việc, bằng cách chú ý đến nó rồi ghi tạc nó vào trí nhớ.

Một sự trạng dạng xem là có ý thức khi:

1. Nó được chúng ta chú ý đến.
2. Nó được lưu lại trong ký ức chúng ta.

Tất cả những sự trạng có ý thức này hợp thành cái ý thức hiểu theo nghĩa rộng.

Cái lương tâm mà thường những sách luân lý hay đề cập đến là một trường hợp riêng của cái ý thức tổng quát nói trên. Cái lương tâm, tức là cái “ý thức đặc biệt” này hạn định trong phạm vi những sự trạng có dính dáng đến những huấn lệnh của giáo dục, của luân lý hoặc tôn giáo. Cái “tiếng nói của lương tâm” không phải như người ta tưởng, là một phẩm chất riêng biệt của cá tính chúng ta, là một vị quan tòa độc lập có nhiệm vụ khiển trách những hành động không hay của chúng ta và khen lao những việc thiện của chúng ta. Nếu thế thì trên đời này làm gì lại có bao nhiêu người suốt đời không biết hối hận gì? Vị quan tòa độc lập này phải có trong tất cả mọi người. Không, cái mà người ta cho rằng là “tiếng nói của lương tâm” thực ra chỉ là sự truy tưởng những huấn điều mà luân lý, tôn giáo, giáo dục đã uốn nắn chúng ta và nó đã ăn sâu vào cá tính tập thành chúng ta để trở thành một phần trong toàn bộ cá tính. Nhận xét này rất đúng, vì ở những người thiếu giáo dục, những người sơ khai và ở những trẻ con làm gì có “tiếng nói của lương tâm” ấy?

Chú ý giúp chúng ta nhận thức những sự trạng và trí nhớ ghi lại những sự trạng đã được ý thức ấy.

Như vậy, chúng ta có thể phân biệt hai loại sự trạng có ý thức: những sự trạng mà chúng ta tri giác và những sự trạng từ trong trí nhớ chúng ta phát hiện trở lại. Một sự trạng bị xóa nhòa trong ký ức không còn là một sự trạng ý thức nữa. Hiện tôi đang uống cốc nước, đó là một sự trạng ý thức. Tôi nhớ rằng hôm qua tôi có uống nước, đó là sự trạng ý thức từ trong trí nhớ tôi phát hiện trở lại.

Tóm lại, trí nhớ là tổng hợp những gì chúng ta đã tri thức, đã thu thập nhờ biết chú ý và những tri thức ấy đã thâm nhập vào cá tính tập thành chúng

ta dưới hình thức ký ức.

Ý thức không đẳng tự trị:

Như chúng ta thấy, ý thức không phải là một giác quan đặc biệt thuộc bên trong chúng ta, cũng không phải là một quan năng riêng biệt giúp chúng ta nhận biết những sự trạng tâm lý cũng như thị quan giúp chúng ta nhận biết hình dáng của sự vật hoặc thính quan giúp chúng ta nghe được những âm thanh. Nhiều triết gia, nhất là các triết gia thuộc phái “E-cốt” (Ecossais) và sau đó những triết gia thuộc phái “Chiết trung” (Eclectiques) chủ trương rằng ý thức ở ngoài vòng các sự trạng tâm lý. Phần nhiều các triết gia thuộc phái duy tâm cho rằng ý thức là linh hồn và xem nó như một thực thể riêng biệt.

Sở dĩ có sự lầm lẫn như thế vì mọi phát hiện của trí thức dù là phát hiện đơn giản nhất cũng đòi hỏi sức chú ý tức là có dùng đến óc phán đoán. Trong tất cả những sinh hoạt của tư tưởng, óc phán đoán đều có dự phần không ít thì nhiều.

Trí nhớ ghi lại những điều tôi đã tư tưởng mà cũng không ghi lại bằng cách nào và do quá trình nào tôi đã tư tưởng. Xem thế, cái ý thức tư tưởng không phải là một cái gì vượt trên đời sống tinh thần chúng ta, nó liên thuộc một cách chặt chẽ với sinh hoạt tâm lý chúng ta.

Vì vậy, ý thức tức là biết rõ tất cả những gì hợp thành cá tính tập thành chúng ta và tức là cũng biết rõ điều mình tri thức.

Sở dĩ những triết gia trên mắc phải ảo tưởng ấy là do khi chúng ta tư tưởng việc tư tưởng và việc chúng ta ý thức về tư tưởng ấy đồng diễn ra cùng trong một lúc. Vì thế người ta rất dễ ngỡ rằng đó là hai hiện tượng do quan năng khác nhau.

Sự thật, hai hiện tượng ấy đã không cùng diễn ra trong một lúc, nó chỉ nối tiếp nhau, nhưng nó diễn ra một cách quá nhanh cho nên chúng ta

không nhận thấy sự tiếp diễn ấy. Việc phân biệt hai hiện tượng tình thần có lẽ cũng bị lệ thuộc bởi những định luật tương tự với những định luật chỉ huy việc tiếp diễn những hình ảnh rọi sáng. Trong một khoảng thời gian nào đó, những hình ảnh ấy chồng lên nhau, ghep làm một.

Những cấp bậc của ý thức:

Cũng như sức chú ý, ý thức chúng ta có nhiều cấp bậc. Điều ấy cũng không lạ vì ý thức đang có là do sức chú ý chúng ta đặt để vào những sự trạng.

Lẽ đương nhiên, chúng ta sẽ ý thức rõ rệt nhất và những sự trạng đang chúng ta chú ý nhiều nhất. Những sự trạng ấy sẽ tồn tại lâu dài trong ý thức chúng ta. Những sự trạng mà chúng ta chỉ chú ý một cách qua loa sẽ chóng bị phai mờ.

Sự lãng quên tức là những ký ức bị phai mờ có thể can thiệp vào để thay đổi ý thức. Những ký ức in vào trí nhớ chúng ta song cũng như việc in ảnh, những chiếc ảnh nào mà thợ chụp ảnh đã in với chất thuốc pha không đúng sức sẽ chóng phai màu để rồi lu mờ hẳn đi.

Người ta nhận thấy hiện tượng này: một ông lão có thể nhớ rõ những ký ức thời thơ ấu nhưng lại không nhớ rõ những việc mới xảy ra. Những sự trạng đã đang in vào trí nhớ ông ta trong tuổi thơ ấu đang khắc sâu vì nó có tính cách mới lạ và do đó ông ta chú ý đến nó nhiều.

Cũng nên để ý điểm này: một ý ức càng đang gọi ra thường, nó càng dễ phục hồi. Việc hồi tưởng có ảnh hưởng đến ký ức như thứ thuốc làm cho kính ảnh thêm rõ.

Do sự vận dụng của lãng quên và sự chú ý nên toàn khối của ý thức luôn luôn tiến hóa, mỗi ngày mỗi khác.

Vô thức:

Vô thức là một danh từ người ta thường lạm dụng. Lắm triết gia hoặc triết gia giả hiệu cho rằng vô thức là một thế giới diệu kỳ, chất chứa nhiều nguồn lực lạ lùng nó điều khiển chúng ta mà chúng ta không hề.

Điều mà không ai chối cãi là vô thức chiếm một phần quan trọng trong đời sống chúng ta, nhưng vô thức là gì? Lẽ dĩ nhiên nó là tất cả những gì mà chúng ta không ý thức đến, nhưng tuy thế nó vẫn có ảnh hưởng đến chúng ta.

Sau khi biết rõ những gì hợp thành cá tính con người, như chúng ta đã phân tích, chúng ta sẽ hiểu dễ dàng chỉ có thể ba loại vô thức:

1) *Toàn thân cảm giác*: Chúng tôi đã giải thích toàn thân cảm giác là gì và cũng đã chứng tỏ những cảm giác bên trong con người do toàn thân cảm giác gây ra dù có ảnh hưởng đến guồng máy tâm lý nhưng vẫn ở ngoài vòng ý thức thuộc địa hạt vô thức.

Người dạ dày yếu, sau mỗi buổi ăn khí sắc thường buồn bã. Họ có biết gì đâu họ buồn bã? Không, và nếu có ai bảo họ đó là do dạ dày yếu, việc tiêu hóa không tốt nên họ không đăng vui, có lẽ họ sẽ giận là khác.

Một chứng bệnh nội thương tuy không gây ra những cơn đau rõ rệt bên ngoài cũng có thể ảnh hưởng đến khí sắc của một người. Bệnh dư ruột giả chứng không lên cơn hành, bệnh ung thư lúc mới phát, bệnh gan suy kém, rất tiêu biểu về điểm này.

Phụ nữ cho chúng ta một thí dụ rõ rệt về ảnh hưởng của toàn thân cảm giác đến guồng máy tâm lý. Lắm đàn bà tính tình bình thường rất dễ thương nhưng trong vài ngày trước khi có kinh họ lại đâm ra cau có. Và người ta cũng nhận thấy rõ là họ không biết gì về trạng thái của họ lúc bấy giờ.

Những người mà tính dục bị “dồn ép” cũng cho chúng ta thấy một thí dụ hay về ảnh hưởng của những cảm giác bên trong đối với thái độ và lối xử sự con người.

2) *Cá tính thiên nhiên*: Chúng ta đã biết cá tính thiên nhiên không thay đổi và nó tồn tại suốt đời chúng ta. Chúng ta không biết rõ về nó cho lắm, và đó là một thành phần khác của vô thức chúng ta.

Cá tính tập thành vạch cho chúng ta những mục tiêu phải đạt, chỉ cho chúng ta những lý do để hành động, những lý do mà chúng ta tưởng rằng chúng ta có, song thực ra những xung động ấy bắt nguồn từ nơi cá tính thiên nhiên mà chúng ta không có ý thức gì cả.

Một anh khờ không bao giờ nhận thấy anh ta thiếu óc phán đoán. Một người mơ mộng cho rằng mơ tưởng là một việc rất tự nhiên. Người hà tiện không thể hiểu nổi tại sao người ta lại không biết tiết tặn. Người hoạt động không hiểu nổi lý do những hoạt động của họ. Người suy nhược thì thương hại những người hay hoạt động...

Phải nhiều cố gắng, nhiều luyện tập và nhất là phải có óc phán đoán thật sáng suốt mới có thể nhận định đôi chút về cá tính thiên nhiên của mình.

3) *Những thị hiếu, những thói quen, những khuynh hướng*: Những yếu tố ấy hợp lại thành một phần khác của vô thức. Đó là những gì chúng ta đã có mà không phải chú ý đến, vì thế nó đã lọt vào tự động tính.

Phần vô thức này đã kết thành bởi vô số sự trạng mà chúng ta đã từng ý thức, nhưng sau đó vì thói quen chúng ta không còn ý thức nữa.

Thường khi chúng ta thâm trữ những ký ức để rồi chúng sẽ bị lu mờ dần và tản mát trong vô thức. Một ngày nọ, chúng sẽ phát hiện trở lại, nhưng chỉ có ký ức ấy trở lại thôi, còn về điểm: bằng cách nào, ở trường hợp nào chúng đã thâm nhập ký ức ấy thì vẫn bị chôn sâu trong cõi vô thức. Có hiểu điểm này mới có thể giải thích tại sao đôi khi đứng trước một cảnh

trí hoặc bức tranh chúng ta chợt nhớ lại hoặc nhớ mang máng rằng chúng ta đã từng thấy cảnh trí ấy đâu đây. Cũng có thể giải thích một vài vụ “đánh cắp văn” một cách vô tình. Chúng ta đọc một đoạn văn, đoạn văn ấy in vào trong trí nhớ, nhưng ký ức ấy phai mờ đi, để rồi một ngày kia nó hiện trở lại, song cái ký ức về quyển sách mà chúng ta đã đọc vẫn còn chôn sâu trong cõi vô thức chúng ta mà chúng ta tình thực lại ngỡ rằng đoạn văn ấy là do trí óc mình đẻ ra.

Tóm lại, một phần lớn của phần tâm lý tịnh chúng ta thuộc về vô thức, còn phần tâm lý động tức là thái độ và cách xử sự của chúng ta thì thuộc về ý thức.

Chúng ta chỉ có ý thức về những tác động của mình nhưng về cái căn đề của bản chất chúng ta thì chúng ta vẫn mù tịt.

CHƯƠNG III

I. NHỮNG CẢM XÚC VÀ PHẢN ỨNG

Xem qua những chương trước, chúng ta đã biết trong sự diễn tiến của chu kỳ tâm lý, trước hết là việc tri giác sau đó là sự biểu hiện một cảm xúc đi đôi với một phản ứng sinh lý.

Suốt đời sống chúng ta, luôn luôn chúng ta có những cảm xúc hoặc mạnh hoặc yếu, thường khi là những cảm xúc rất nhẹ. Vì thế xưa nay các nhà tâm lý học thường để tâm nghiên cứu về những cảm xúc.

Vả lại cách đây không mấy lâu, danh từ cảm xúc vẫn chưa đặt định nghĩa rõ rệt. Cách phân chia các loại cảm xúc cũng chưa nhất định. Người ta thường lẫn lộn cảm xúc với khuynh hướng đam mê, tình cảm, trạng thái khí sắc. Chúng ta đã biết, những khuynh hướng, những đam mê là thuộc về cá tính tập thành tức là thuộc cái phần tĩnh trong chúng ta. Còn những tình cảm mà chúng tôi sẽ định nghĩa rõ ở sau đây, và những trạng thái khí sắc là một hình thức của cảm xúc đã đặt cố định.

Chính ông Ernest Dupré, một nhà tâm lý học có tiếng đã định nghĩa những cảm xúc một cách minh bạch trong những công trình khảo cứu của ông về những bệnh thái các cảm xúc.

Trước hết, cần phân biệt cảm xúc với ngạc nhiên. Sự ngạc nhiên cũng là một tri giác song những yếu tố của tri giác ấy đều hoàn toàn mới lạ. Trước một sự kiện bất ngờ, chưa bao giờ xảy ra, cá tính chúng ta hình như “lơ lửng”. Không có sự biểu lộ nào trên địa hạt cảm tính cũng không có một phản ứng nào cả, cho đến khi biến cố ấy đặt giải thích một cách mà chúng ta có thể thừa nhận.

Cá tính tập thành là toàn thể những sự trạng mà chúng ta đã đặt chứng kiến, vì thế lẽ đương nhiên một người mà cá tính tập thành ít phát triển rất dễ bị ngạc nhiên. Cũng vì lẽ đó những trẻ nhỏ, những người bán khai

và những người học kém cũng thường dễ bị ngạc nhiên.

Bốn loại cảm xúc căn bản:

Có bốn loại cảm xúc. Hai loại thuộc hạng kích thích: vui và giận. Hai loại thuộc hạng suy nhược: khổ và sợ.

Cũng nên để ý: hai loại cảm xúc vui và khổ là kết quả của một tình trạng. Nó chỉ biểu lộ khi biến cố ấy đã xảy ra rồi. Trái lại hai cảm xúc sợ và giận là môi giới giữa hai tình trạng. Nó xảy ra trước khi sự trạng phát sinh ra nó đã kết thúc.

Mỗi cảm xúc nói trên đều có nhiều cấp độ mà ngôn ngữ thường đã biết phân biệt.

Thỏa thích, thú vị, mỹ cảm, xúc động đều là những sắc thái của vui sướng.

Rầu buồn, đau khổ tinh thần, khó chịu, bất mãn, lo âu và trong ngôn ngữ bình dân, những tiếng “khốn chữa”, “nguy quá” đều là những cấp độ khác nhau của đau khổ.

Cáu tiết, bực dọc, thịnh nộ đều là những cấp độ của giận dữ. Còn sợ hãi, kinh khủng, kinh khiếp là những biểu hiện của khiếp sợ.

Bảng kê dưới đây tóm luận cách phân chia các loại cảm xúc.

	Kết cục của một tình trạng	Môi giới giữa hai tình trạng
Cảm xúc kích thích	VUI (thích thú)	GIẬN (trở ngại)
Cảm xúc suy nhược	KHỔ (khó chịu)	SỢ (nguy biến)

Những phản ứng:

Chúng ta đã biết, khi một cảm xúc biểu hiện thì luôn luôn có kèm theo đó một phản ứng tức là có một ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều trên địa hạt sinh lý. Ở trường hợp đó, y học cho rằng có một sự biến đổi của “sức căng của các bắp thịt”.

Bình thường dù đang lúc chúng ta không cử động những bắp thịt, chúng ta cũng không đang hoàn toàn nghỉ xả. Chúng thường co rút hoặc căng thẳng ít nhiều. Sự co rút ấy, y học gọi là sức căng.

Cảm xúc làm thay đổi sức căng ấy hoặc bằng cách tăng gia hoặc giảm bớt.

Trong thân thể chúng ta có ba thứ bắp thịt:

Những bắp thịt có rạch: nó điều khiển tiếp ngoại sinh hoạt chúng ta. Thí dụ những bắp thịt ở cánh tay, ở chân, ở cổ v.v... Đó là những bắp thịt giúp chúng ta đi đứng, cử động, làm việc v.v...

Những bắp thịt trơn: nó điều khiển sự sinh dưỡng sinh hoạt chúng ta. Thí dụ những bắp thịt điều khiển sự vận động của bộ máy hô hấp.

Những bắp thịt động quản: nó điều khiển sự tuần hoàn của máu huyết trong các quản huyết.

Những cảm xúc khuếch tán khắp các bắp thịt ấy và cũng khuếch tán đến những tuyến trạng trong thân thể và nó có thể ảnh hưởng đến sự bài tiết. Những phản ứng – kết quả của sự khuếch tán của cảm xúc trên địa hạt sinh lý – rất biến thiên. Mỗi cảm xúc không phải chỉ có những phản ứng riêng thuộc của nó. Người ta có thể thét lên vì quá vui hoặc quá đau đớn, người ta có thể run rẩy vì giận dữ cũng như vì khiếp sợ, người ta có thể cuống chân vì quá vui hoặc quá buồn, người ta có thể đỏ mặt vì giận dữ cũng như quá vui v.v...

Có thể xếp những phản ứng thành loại như sau đây:

Những phản ứng của các bắp thịt thuộc tiếp ngoại sinh vật: Tất cả những gì có vận dụng đến những bắp thịt vận động, tiếng la hét, tiếng

than thở, tiếng nấc, tiếng nói lắp, sự run rẩy, sự rùng mình, những cử chỉ không đầu, sự đi đứng hối hả, sự vung tay, dậm chân đều thuộc loại này.

Những phản ứng thuộc dinh dưỡng sinh hoạt: Đó là những phản ứng kích thích các cơ quan ở bên trong cơ thể. Những chứng giật của dạ dày (nôn, mửa), của cuống họng (sợ nói qua không ra tiếng), mất thở, hoặc thở hỗn hển, những chứng giật của bộ ruột (đau thắt ruột vì buồn rầu, sợ hãi) của bàng quan, tim bị đập mạnh v.v...

Những phản ứng thuộc về sự bài tiết: Nhiều tuyến trong cơ thể cũng bị ảnh hưởng của phản ứng như: tuyến lệ (buồn hoặc vui thì sa nước mắt), những tuyến nước bọt (khi lo âu, áy náy thì miệng khô), những tuyến thuộc về da nó bài tiết mồ hôi (khiếp sợ thì trong người rỉ mồ hôi lạnh).

Những phản ứng thuộc về động quẩn: Khi bị một cảm xúc người ta nhận thấy máu tụ lại ở lớp mặt ngoài của da (mặt mày ửng đỏ), hoặc máu me ngưng lưu chuyển (mặt mày tái nhợt).

Có một độ người ta bàn cãi nhau khá lâu để biết chính những mối cảm xúc gây ra những phản ứng hay ngược lại chính những phản ứng này đã gây ra mối cảm xúc. (Vấn đề này những triết gia Herbart, de Lange, William James có những lý thuyết ngược nhau). Nhưng tranh biện như thế tưởng không ích lợi gì. Cảm xúc và phản ứng cũng đều là ảnh hưởng của một hiện tượng: việc trí thức một hoài tưởng, như chúng tôi đã giải thích ở chương trước.

Thuyết minh vừa qua giúp chúng ta hiểu về những hiện tượng “bất lực về tình dục” mà một số đàn ông đa cảm xúc (và một số đàn bà cũng thế) thường mắc phải.

Có những đàn ông đa tình mà thời thường họ vẫn làm tròn vai tuồng của người đàn ông nhưng đôi khi họ lại đâm ra “bất lực” trước một người đàn bà mà họ say mê, vì lẽ họ vốn đa cảm xúc nên khi đối diện với người yêu, họ cảm xúc quá mạnh do đó cái phản ứng sinh lý lại ảnh hưởng đến những bắp thịt thuộc quả quyết.

Có những đàn bà đâm ra “lạnh lợi” vì lúc “gần gũi” lần đầu tiên với người đàn ông họ gặp phải một người không khéo léo, đối đãi với họ bạo tợn nên họ đâm ra sợ sệt, chán ghét sự giao hợp.

Một thí dụ khác về ảnh hưởng của phản ứng sinh lý: anh chàng nọ đau răng, răng hành nhức nhối chịu không thấu nên mò đến nhà một nha sĩ để chữa, nhưng khi hần bước qua ngưỡng cửa phòng bệnh, tự nhiên hần bỗng thấy hết nhức răng bởi chàng ta cảm xúc quá mạnh.

II. TÌNH CẢM VÀ KHÍ SẮC

Theo dõi sự diễn tiến của một chu kỳ tâm lý chúng ta nhận thấy: sau cái cảm xúc – phản ứng, nó chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, thì tiếp theo sau đó là sự truy tưởng, con đẻ của trí tưởng tượng. Sự truy tưởng biểu hiện trên hai phương diện, trên phương diện cảm tính nó phát sinh một tình cảm, trên phương diện thể chất nó phát sinh một khí sắc.

Danh từ tình cảm là một danh từ mà trong môn tâm lý học người ta thường dùng một cách mù mờ không định nghĩa rõ. Thường khi người ta dùng danh từ tình cảm để chỉ về tình thương, tình bạn, lòng nhiệt huyết, lòng ái quốc v.v... Nhưng chúng tôi đã có dịp định nghĩa những trạng huống ấy và cho rằng đó là những khuynh hướng. Đó là những trạng huống vững chãi, lâu bền.

Ở đây chúng tôi dùng danh từ tình cảm để chỉ về những rạn thái tạm bợ, ngắn ngủi như: ham thích, sợ sệt, thỏa thích v.v...

Tình cảm là một biểu hiện của cảm tính trong một thời gian tương đối ngắn nếu so sánh với cá tính chúng ta.

Tựu trung, đó là sự tiến triển hoặc sự cố định tạm bợ của cảm xúc, bị sự truy tưởng thay đổi ít nhiều. Cảm xúc xâm chiếm chúng ta một cách đột ngột nhưng không tồn tại lâu dài, tình cảm trái lại len lỏi vào chúng ta và tồn tại lâu bền hơn.

Vì thế chúng ta sẽ không ngạc nhiên nhận thấy có bốn thứ tình cảm tiêu

chuẩn, tương xứng với bốn loại cảm xúc:

- Sự vui sướng gọi ra tình cảm thỏa thích.
- Sự giận dữ gọi ra tình cảm ham thích.
- Sự đau khổ gọi ra tình cảm chán nản.
- Sự khiếp sợ gọi ra tình cảm sợ sệt.

Bốn trạng thái của khí sắc:

Ở phần sau chúng ta sẽ nghiên cứu thêm về những tình cảm, nhưng ngay ở đây chúng ta hãy xét qua về trạng thái khí sắc.

Như chúng ta đã biết, việc truy tưởng có gây ra trên địa hạt thể chất một trạng thái khí sắc nào đó. Vì thế chúng ta nhận thấy có bốn trạng thái khí chất tương xứng với bốn loại cảm xúc và tình cảm.

Sự vui vẻ đi đôi với thỏa thích, sự bức dọc đi kèm với tình cảm ham thích, buồn bã đi đôi với chán nản, lo âu đi đôi với sợ sệt.

Bảng kê sau đây tóm luận cách xếp loại những tình cảm và những trạng thái khí sắc.

Cảm xúc tiên khởi	Tình cảm tương xứng	Khí sắc kết cục
VUI SƯỚNG	Thỏa thích	Vui vẻ
GIẬN DỮ	Ham thích	Bức dọc
ĐAU KHỔ	Chán nản	Buồn bã
KHIẾP SỢ	Sợ sệt	Lo âu

Như thế, chúng ta rất dễ nhận thấy rằng các trạng thái khí sắc thực ra chỉ là những hình thức của những phản ứng – cảm xúc đã định cố định ít ra trong một thời gian nào đó.

Cái sức căng của gân thịt bị cảm xúc làm xáo trộn nên chưa kịp quay về trạng thái bình thường. Nó vẫn biến đổi, thay đổi một cách trường tồn cho đến khi trạng thái khí sắc tiêu tan.

Thí dụ: sự vui sướng gây ra những phản ứng như tiếng la hét, nhảy nhót, hoặc quơ tay, múa chân, sức căng của bắp thịt bị “cảm xúc vui sướng” kích thích mạnh. Theo sau “cảm xúc vui sướng” là cái “khí sắc vui vẻ”, sức căng của gân thịt vẫn còn bị kích thích nhưng không còn mạnh như trước. Người ta cảm thấy đặng khỏe thêm, thấy cần tiêu dùng bớt nghị lực, cần làm nhẹ người đi. Người ta biểu lộ rất dễ dàng: nói nói, cười cười v.v..

Những phản ứng của giận dữ thường mãnh liệt. Chúng cũng kích thích sức căng rất mạnh. Khí sắc bức dọc là một sự cố định của những phản ứng ấy; sự kích thích quá độ ấy có thể gây ra một cảm giác đau đớn (nhăn mặt, nhú mày, quơ tay, quật chân) hoặc giả nó có thể khiến chúng ta có những hành vi thiếu suy nghĩ (đánh người, đập phá đồ vật), để rồi sau đó sức căng của gân thịt liền trở lại trạng thái bình thường.

Trong khí sắc buồn bã thì trái lại, những bắp thịt dãn ra, thân thể như xui xị, con người như suy nhược, thiếu nghị lực, đi đứng một cách uể oải, cử động một cách chậm chạp, nặng nề. Sự sút kém của sức căng này có thể truyền sang những bắp thịt trơn (ăn mất ngon, yếu tim) và ảnh hưởng đến những tuyến (rơi lệ). Trong những hình thức cấp phát, khí sắc buồn bã có thể đi đến sự liệt nhược toàn thân. Khi bị thất vọng người ta dậm ra bài hoại, biếng ăn, biếng nói.

Trong khi sắc lo âu nhất là ở những hình thức cấp phát của nó như sự ưu tư, sức căng của gân thịt biến đổi nhiều cách. Khi thì nó kích thích người ưu tư (đi đứng không ngớt, tay chân cử động luôn), khi thì nó khiến cho họ dậm ra bài hoại. Cũng có khi hai hiện tượng cùng diễn ra trong một lúc (phập phồng, trống ngực đánh và chân bước đi không nổi).

Chúng ta đã phân biệt điểm khác nhau giữa một phản ứng và một trạng

thái khí sắc. Phản ứng là một sự gián đoạn bất thành hình của sức căng gân thịt, trạng thái khí sắc là một trạng thái mới mẻ.

Những trạng thái khí sắc thường có nguyên do ở bên trong, hoặc do toàn thân cảm giác tốt hay xấu, như chúng tôi đã giải thích ở một phần trước. Thực ra không có một nỗi vui hoặc mối buồn nào mà không có lý do. Nếu đó không phải vì một nguyên do tâm lý thì cũng có một nguyên do sinh lý. Những nguyên do sinh lý không mấy rõ rệt này dẫn dắt chúng ta đến một sự truy tưởng buồn bã để rồi phát sinh một trạng thái khí sắc.

Vì thế, sự vận động như tập thể dục, chơi thể thao hoặc một công việc làm đầy hứng thú có thể cải thiện những trạng thái khí sắc vì nó làm cho toàn thân cảm giác chúng ta thêm tốt.

Trong đời sống thường ngày, những trạng thái khí sắc này tiếp diễn nhau nhanh hoặc chậm và nhất là nó thường nối tiếp nhau hoặc có chập chông lên nhau. Mới vừa khóc đó, người ta lại có thể cười nất nẻ. Người ta có thể vừa vui vẻ lại vừa bức dọc nếu đột người người ta gặp phải một biến cố may mắn mà từ lâu người ta mong đợi.

Cái khí sắc vui vẻ chông lên cái khí sắc bức dọc nó chỉ tồn tại ít lâu. Cũng vì lẽ đó người ta có thể vừa bị bức dọc lại vừa bị lo âu v.v...

Những xung động:

Những xung động do những trạng thái khí sắc mà ra. Đừng lầm lộn xung động với phản ứng. Những phản ứng có tính cách tự phát, ngẫu nhiên, vô tình, khó lòng mà ta kềm chế chúng. Chúng bắt nguồn ở cá tính thiên nhiên. Những cảm xúc bị ảnh hưởng của di truyền, chúng ta không làm chủ được chúng.

Những xung động trái lại, là do sự trầm trọng hóa của một trạng thái khí sắc. Nó tùy thuộc ý chí chúng ta phần nào, chúng ta có thể kềm chế nó ít nhiều nhờ cá tính tập thành. Thường khi, cái hoàn cảnh xung quanh có

ảnh hưởng đến trạng thái khí sắc chúng ta và có thể gây ra những xung động.

Bị một cảm xúc đau khổ, nước mắt chúng ta tự nhiên trào ra. Nhưng khi chúng ta bị một khí sắc buồn bã xâm chiếm, chúng ta có thể cố gắng cầm nước mắt lại. Chúng ta thấy rõ những ảnh hưởng của hoàn cảnh xung quanh đối với xung động, ở trường hợp này: khi một người đang buồn bã nếu chúng ta tỏ vẻ thăm não như muốn chia sẻ nỗi buồn của họ, tự nhiên nước mắt họ ràn rụa... Hình như cái vẻ mặt buồn thăm của chúng ta gia tăng cường độ cái khí sắc buồn bã của họ. Trái lại, nếu chúng ta tỏ vẻ vui tươi lên thì họ sẽ bớt buồn một phần nào, nói theo ngôn ngữ thông thường đó là chúng ta làm cho tinh thần người ấy lên.

Bị khiếp sợ tự nhiên chúng ta hét lên, đó là một phản ứng không thể ức chế, nhưng bị ai làm cho mình tức dỗi mà mình dần lòng không thốt lên một tiếng “chửi thề” đó là mình đã kềm chế đặt một xung động nhờ sự giáo dục, tức là cá tính tập thành.

Những tình cảm phức tạp:

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu trở lại về những tình cảm nó đi kèm với trạng thái khí sắc. Chúng ta đã biết có bốn loại tình cảm tiêu biểu: thỏa thích, ham thích, chán nản, sợ sệt: nhưng bốn loại tình cảm đặc trưng ấy lại có thể pha trộn với nhau để nảy sinh nhiều thứ tình cảm phức tạp khác.

Chúng ta có nhiều cách để xếp thành loại những thứ tình cảm phức tạp ấy.

- 1) Xếp theo cái tình cảm nào đã đóng vai trò chính trong tình cảm phức tạp ấy.
- 2) Xếp theo số lượng và bản chất của những tình cảm tiêu biểu nào đã hợp thành tình cảm phức tạp ấy.

3) Xếp theo bản chất của cái tình cảm nào vừa mới diễn ra trước cái tình cảm mới ấy.

Loại thứ nhất:

a) Tình cảm thỏa thích sanh ra nhiều thứ tình cảm khác trong đó nó là mấu chốt: khâm phục, tin tưởng, cảm ơn, thiện cảm, triêu mến, tình yêu đều là những biến thể của tình cảm thỏa thích.

Cái cảm xúc tiên khởi trong những mối tình cảm này là sự vui sướng và cái trạng thái khí sắc tương xứng là khí sắc vui vẻ. Cấp độ của tình cảm khí sắc đó là có thể biến đổi và hình thức của nó tùy thuộc mối tương quan của bản chất lòng nhân và đối tượng của nó.

b) Tình cảm ham thích đẻ ra những tình cảm phức tạp như: ác cảm, căm hờn, phẫn uất, uất ức, khinh rẻ, ngờ vực.

Cảm xúc tiên khởi của các mối cảm ấy là sự giận dữ, cái trạng thái khí sắc tương xứng là sự bức dọc và cái bản chất đang vận dụng là bản chất tham muốn.

c) Tình cảm chán nản biến sanh những tình cảm như: tiếc hận, hổ thẹn, thương hại, hối hận.

Cảm xúc tiên khởi là đau khổ, trạng thái khí sắc tương xứng là buồn bã và trong những mối cảm này bản chất lòng nhân đã đang vận dụng.

d) Sau hết là cái tình cảm sợ sệt sanh ra một tình cảm mới: tính dè dặt.

Cảm xúc tiên khởi là sự khiếp sợ, trạng thái khí sắc tương xứng là sự lo âu và bản chất lòng nhân là đầu dây mối nhợ của những mối cảm này.

Như chúng ta thấy, bản chất lòng nhân thường dự phần nhiều mối cảm. Những danh từ tình cảm, cảm tình, hiểu theo nghĩa thông thường đã diễn tả ý đó, khi người ta nói đến tình cảm, cảm tình, mặc nhiên ai cũng hiểu trong đó có nghĩa “thương yêu”.

Loại thứ hai:

Có thể kể một vài tình cảm phức tạp:

Lo ngại do tình cảm sợ sệt và chán nản hợp thành. Chúng ta lo sợ về một điều gì đó và chúng ta dậm ra chán nản trước.

Bất mãn là sự hòa trộn của hai tình cảm ham thích và chán nản. Khi chúng ta bất mãn về một việc gì hoặc về một người nào thì chúng ta chán nản và đồng thời chúng ta lại muốn cho việc ấy xảy ra theo ý chúng ta hoặc người ấy đối với chúng ta một cách khác hơn.

Hy vọng là một tình cảm mới, do hai tình cảm ham thích và thỏa thích hợp thành. Chúng ta mong mỏi, ước muốn một điều gì đó và bởi chúng ta tin rằng điều đó sẽ đang thực hiện nên chúng ta thỏa thích trước. Đó cũng là một hình thức khác của tình cảm ham thích trong khí sắc vui vẻ nó tùy thuộc toàn thân cảm giác (tức là tùy thuộc sức khỏe) rất nhiều. Vì thế những người khỏe mạnh thường vui vẻ, yêu đời và những người suy nhược thường buồn bực, bi quan. Sự tổng hợp ba tình cảm ham thích, thỏa thích và sợ sệt này sanh ra một tình cảm phức tạp mới mà chúng ta chưa tìm ra một danh từ nào để chỉ về nó. Đó là một thứ tình cảm khiến chúng ta quyến luyến về một vật hay một người nào đó mà chúng ta rất thèm muốn nhưng đồng thời lại cũng vừa e sợ, cái tình cảm nó khiến một số đàn bà vừa sợ bị ngã mà cũng vừa thích ngã vào tay một gã Sở Khanh.

Loại thứ ba:

Tức là các thứ tình cảm phức tạp đang xếp theo bản chất của cái tình nào vừa diễn ra liền trước đó.

Sự an ủi là tình cảm thỏa thích nối tiếp theo sự chán nản.

Tình cảm thỏa thích nối tiếp tình cảm sợ sệt nảy sinh ra khuây khỏa.

Chán nản nối tiếp một ham thích sẽ gây ra một thất vọng.

Chán nản nối tiếp theo một hy vọng (chúng ta đã biết hy vọng là do hai

tình cảm thỏa thích và ham thích hợp thành để tạo nên sự mất mộng).

Chúng ta thất vọng vì người ham thích những dục vọng chúng ta không đạt thành. Chúng ta mất mộng vì những hy vọng chúng ta đã thành ra mây khói.

Sự chán nản kế tiếp theo sự sệt để sanh ra một tình cảm mới mà cũng chưa biết phải dùng danh từ gì để chỉ về nó. Đó là một thứ tình cảm nó làm cho một người đặc ý một cách trầm uất mà nhận thấy rằng họ tiên đoán đúng, song những tiên đoán của họ thường thuộc về những tai họa, những hoạn nạn, những điều không may. Những người mà chúng ta cho rằng “miệng ăn mắm ăn muối” thường có thứ tình cảm này. Trước một biến cố không may, họ xoa tay nói “đấy, tôi nói trước mà”, “tôi đã biết trước mà”, “việc gì phải đến đã đến” v.v...

Những trạng thái đam mê:

Khi những tình cảm khí sắc tiến đến mức cấp phát nó sẽ biến thành những trạng thái đam mê.

Cái dịp nghiên cứu qua về những đam mê chúng ta đã biết: đó là những thị hiếu, những khuynh hướng đã nảy nở đến một cấp độ thái quá.

Một tình cảm khí sắc có thể biến thành một đam mê khi nó trở nên mãnh liệt hoặc giải khi nó trùng hợp với một đam mê khác kích thích nó.

Hai thí dụ sau đây sẽ vạch rõ then máy của hai lối biến đổi ấy:

Một anh nọ cậ tay một người bạn gái đi dạo phố. Cô bạn ấy bị người ta sỉ nhục. Tức khắc sau khi biết đặng điều ấy (tri giác anh ta nổi xung thiên lên – cảm xúc giận dữ) và đồng thời mặt anh tái nhợt, tay chân run rẩy, nói không nên lời hoặc cà lặc là lưỡng (phản ứng). Cũng trong nháy mắt sau đó, bao nhiêu cảnh tượng diễn ra trong trí óc anh: việc không hay này rồi sẽ gây ra bao nhiêu tai tiếng, báo chí sẽ nói đến thói vũ phu của người đã gây ra việc không hay ấy, sự sỉ nhục mà cô bạn gái anh phải

húng lấy; cô bạn gái mà do được giáo dục anh cho rằng phải đáng kính nể (truy tưởng). Sự truy tưởng này lại gây ra một tình cảm khi sắc: bất bình, sanh bất bình và sự bất bình này có thể tiến đến một cấp độ mãnh liệt làm cho anh ta sôi tiết lên, anh có thể đánh đá, hoặc chửi mắng kể thất phu kia.

Trường hợp này chúng ta thấy rằng cái tình cảm khi sắc bất bình biến thành một tình trạng đam mê là do tính cách mãnh liệt của nó chứ không phải do một đam mê khác, chúng ta hẳn thí dụ rằng cô gái đó đối với anh ta chỉ là một người bạn chứ không phải là một người tình, tức là anh ấy không phải vì một đam mê mà đâm ra có trạng thái đam mê.

Đây là một thí dụ khác: một người có tinh thần quốc gia rất mạnh khi người một người ngoại quốc nói xấu về xứ sở của mình, tự nhiên cũng giận dữ nổi xung thiên lên (tình cảm khi sắc) như anh chàng đã chứng kiến việc người bạn gái bị sỉ nhục. Song ở trường hợp này sự nộ khí của nhà ái quốc chân chính ia bắt nguồn ngay ở một sự đam mê mà họ sẵn có: lòng ái quốc cuồng nhiệt.

Tất cả những tình cảm khi sắc đều có thể biến hành những trạng thái đam mê.

Thí dụ, tình cảm thỏa thích, vui vẻ có thể gây ra trạng thái yêu say đắm. Nhưng trong đời sống thường ngày, chính những hình thức của tình cảm khi sắc ham thích bức dọc mà cảm xúc giận dữ là cơ sở, thường gây ra nhiều trạng thái đam mê quan trọng và mãnh liệt nhất.

Có thể nào chúng ta ức chế một trạng thái đam mê hoặc kềm hãm nó chẳng? Rất có thể, nhưng chỉ trong một phạm vi nào đó thôi. Nguồn gốc của đam mê là ở một cảm xúc. Mà cảm xúc có mãnh liệt hay chẳng la do cấp độ của phẩm chất cảm xúc tính chúng ta. Ở một đoạn trước chúng tôi có nói: bằng sự giáo dục chúng ta tuy không thể làm giảm bớt cấp độ của phẩm chất cảm xúc nhưng chúng ta rất có thể tiết chế cách biểu lộ của nó, tiết chế những phát hiện của nó ra ngoài. Lẽ dĩ nhiên, ở người có nhiều óc phán đoán sự giáo dục dễ có hiệu nghiệm hơn. Người thiếu suy nghĩ dễ nói gian dối hơn người biết phán đoán. Trước khi sa vào một

trạng thái đam mê, người có óc phán đoán biết ước lượng là biết đánh giá, biến nhận định một biến cố đúng giá, đúng mức của nó. Người kém phán đoán trái lại có thể “nổi xung thiên” trước một việc cỏn con không đâu. Như chúng ta thấy và điều này chúng tôi đã có nhận mạnh: biết phán đoán đúng đắn có ảnh hưởng rất lớn trong lề lối hành động của chúng ta.

CHƯƠNG IV - Ý CHÍ

Có người sẽ lấy làm lạ từ đầu đến giờ chúng tôi chưa bao giờ đề cập đến vấn đề ý chí.

Mặc dù những sách tâm lý học xưa nay thường cho rằng ý chí là một phẩm chất cốt yếu, một đức tính. Và người ta cũng thường nói đến vấn đề luyện chí, rèn chí.

Nhưng thật ra ý chí không phải là một phẩm chất độc lập, riêng biệt như lòng nhân, hoạt động tính v.v... Nó chỉ là kết quả những ảnh hưởng nhiều phẩm chất như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Ý chí vốn “động”:

Sống tức là hoạt động và như thế có nghĩa là đi đến những tác động.

Điều này rất quan trọng, cho nên ngôn ngữ có một danh từ riêng: **ý chí**, để chỉ về cái việc mà tư tưởng có thể bước sang tác động một cách khó hay dễ. Và dường như người ta muốn dùng danh từ ý chí này để chứng tỏ rằng đó là một quan năng đặc biệt của trí tuệ, nó giúp cho tư tưởng có thể đi đến tác động. Những xét kỹ ra, chúng ta thấy rằng ý chí vốn “động”, đó là sự vượt qua, sự chuyển sang có dễ dàng hay chẳng của tư tưởng đến tác động, đó là sự quyết định để hành động.

Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng quyết định còn quan trọng hơn tác động. *(Lẽ dĩ nhiên đây là nó về phương diện tâm lý. Về phương diện pháp lý chỉ có tác động là đáng kể)*. Vì tác động chỉ là một hiện tượng thể chất, một sự hợp thành, còn quyết định mới là tối thượng. Nếu sự quyết định không đặng trọn vẹn, hành động có thể bất thành. Điều đáng chú ý khác là sự bất động cũng đòi hỏi nhiều ý chí hơn, vì một tác động

có thể giải tán một trạng thái căng thẳng của thần kinh. (Chúng ta thường thấy, một người đang cơn giận dữ sau khi có dịp đập phá một vài món đồ thì cơn giận dữ cũng đã dịu bớt). Biết ước chế trước một biến cố đôi khi còn khó hơn hành động. Rốt cuộc lại, chúng ta thấy ý chí là khả năng để **quyết định theo một hướng này hoặc hướng khác**. Đó chỉ là hình thức của tâm tính như tính lười biếng, tính can đảm v.v... mà chúng ta đã có dịp xét qua, đó không phải là một khả năng biệt lập.

Những phẩm chất căn bản tạo nên ý chí:

Bây giờ chúng ta thử tìm xem những phẩm chất căn bản nào có thể chi phối tạo nên ý chí.

Trước hết, chúng ta đã thấy rõ là cần nhiều hoạt động tính, vì nó là phẩm chất hướng chúng ta hoạt động. Một người suy nhược không thích hoạt động và do đó cũng không thích quyết định một việc gì. Nhưng hoạt động tính ấy cũng không nên đi đến mức náo động, kích động một cách rời rạc.

Điều kiện khác là lòng tham muốn vừa phải, vì tham muốn và hoạt động tính là hai phẩm chất làm cho những tác động chúng ta có ý nghĩa, có mục đích.

Không nên có nhiều cảm xúc tính. Người đa cảm xúc hay rụt rè, sợ hãi, hoặc hành động thiếu suy nghĩ.

Óc phán đoán phải thật tốt để ý chí có thể hành động đúng đường lối.

Có thể gom những điều kiện ấy trong phương trình sau đây:

M vừa phải + H nhiều + C kém + P thật tốt.

Những người kém ý chí thường là những người suy nhược, những người hoàn toàn bất vụ lợi, những người đa cảm. Đó là những người mềm yếu,

không biết hoặc không dám quyết định, người ta gọi họ là những người thiếu tính khí. Lòng nhân quá nhiều cũng ảnh hưởng đến ý chí: đôi khi người ta không dám quyết định để hành động vì sợ phật ý, làm buồn người khác.

Rèn luyện ý chí:

Có thể nào chúng ta rèn luyện ý chí đặng chăng? Đã biết rõ nó tùy thuộc cá tính thiên nhiên thì khó nghĩ đến việc huấn luyện nó. Làm sao có thể sửa đổi những bẩm chất cốt yếu mà theo định nghĩa nó vốn là bất di bất dịch?

Tuy thế, đôi khi người ta cũng có thể thành công trong việc rèn luyện ý chí. Điều đó kể ra cũng có thể hiểu đặng, công việc rèn ý chí chỉ có ảnh hưởng tốt đối với những người mà do bẩm sinh họ đã sẵn có những bẩm chất để trở nên người có ý chí, nhưng họ không biết cách dùng những bẩm chất ấy. Có thể sánh họ với những người thợ sẵn có trong tay những dụng cụ tốt, nhưng lại tạo ra những môn đồ vụng về, xấu xí. Với hạng người đó, người ta có thể chỉ dạy họ cách sử dụng những dụng cụ ấy khéo léo hơn và cũng có thể rèn tập họ cách làm việc.

Nhưng đối với những người khác, những người suy nhược (thiếu hoạt động tính), những người bất vụ lợi (thiếu tham muốn) khó mà rèn tập cho họ có ý chí. Chúng ta cũng nhận thấy điều này: những người đã kiên tâm, trì chí theo học những lớp huấn luyện ý chí là những người tỏ ra họ đã có ý chí một phần nào. Những người bẩm chất vốn suy nhược, không đủ sức cố gắng để đeo đuổi đến cùng chương trình huấn luyện, thường bỏ dở nửa chừng.

Những lớp dạy rèn chí thường rêu rao những kết quả mỹ mãn mà một số môn đệ tập theo phương pháp họ chỉ dạy đã thâm nhập đặng. Song những môn đệ đó thường là những người thuộc hạng tâm thần bất định mà ở trước chúng tôi đã có nói qua. Họ bắt đầu theo những lớp rèn chí ấy vào lúc tinh thần họ đang xuống dốc. Sau thời kỳ suy vi này tất nhiên lại đến

một thời kỳ kích động và những học trò đó rất dễ ngờ rằng họ đã tìm lại定向 ý chí đã mất. Họ tưởng rằng họ đã đoạt được kết quả, đã đạt đến đích, họ rất sung sướng “làm lễ tạ thầy” nhưng sau đó, thời kỳ trầm trệ, suy vi lại đến và họ phải khởi tập lại...

Trong một bài khảo luận đăng trong tạp chí “Mer de France” Marcel Boll đã bài xích một cách cay độc những phương pháp rèn luyện ý chí như phương pháp Pelman, Coué và Christian Science.

Nhà tâm lý học chỉ có thể giúp ích những người muốn luyện ý chí bằng cách chỉ định cái phương trình cá tính của họ và giúp họ đề phòng những phản ứng nó bắt nguồn ở những bẩm chất đã phát triển một cách quá mức hoặc đã bị suy kém. Nhà tâm lý học là một y sĩ có thể đoán trúng căn bệnh nhưng than ôi, ít khi chữa được bệnh. Người ta chưa tìm ra thứ thuốc nào để ngừa bệnh hà tiện, bệnh ghen tuông, bệnh ích kỷ, bệnh nói dối.

Người ta chỉ có thể ảnh hưởng phần nào đến ý chí bằng cách tập thể dục, bằng cách tạo nên cái “toàn thân cảm giác”, nói tóm lại bằng cách tạo nên một sinh lực dồi dào. Chúng tôi đã nói, năng xuất của bẩm chất hoạt động tính có thể cải thiện khi sức khỏe được gia tăng nhờ biết giữ vệ sinh, biết tập thể dục một cách hợp lý.

Hoạt động tính là một thành phần của ý chí, một khi nó được cải thiện tự nhiên ý chí cũng được ảnh hưởng tốt.

Và đó là thêm một lý lẽ để chúng ta trao dồi sức khỏe.

PHẦN BA: NHỮNG ỨNG DỤNG CỦA TÂM LÝ HỌC

CHƯƠNG I - BẠN BÈ VÀ GIA ĐÌNH

Chúng ta có thể áp dụng tâm lý học trong nhiều địa hạt. Con người là một con vật có óc hợp quần. Trong đời sống, chúng ta luôn luôn có dịp chung đụng với người khác, những giờ khắc mà chúng ta phải sống cô lập, lẻ loi rất hiếm.

Lẽ đương nhiên không phải đối với bất luận người nào chúng ta cũng cần quan tâm, chú ý đến họ. Chúng ta chỉ lưu tâm, chỉ tò mò muốn biết đến những người nào có liên hệ đến chúng ta hoặc có một cái gì đáng cho chúng ta quan tâm và không đến nỗi lạt lẽo, vô vị, hoặc quá tầm thường. Xét ra đó cũng là một sai lầm vì đối với người biết quan sát thì bất luận một người nào cũng có thể giúp họ biết thêm một điều gì đó, lẽ dĩ nhiên đây là nói về phương diện tâm lý.

Nhưng luôn luôn chúng ta có ích lợi mà khảo xét để biết qua những nét chính về tâm tính và tâm trí của những người mà đời sống bắt buộc chúng ta phải gần gũi, hoặc của những người mà do một thiện cảm thiên nhiên khiến chúng ta muốn gần gũi họ và do đó họ đăng lọt vào đời tư chúng ta.

Bè bạn:

Kết thân với một người tức là chọn lọc và nói một cách khác, có lẽ hơi ích kỷ là hy vọng rằng giao thiệp ấy đem lại cho mình những điều hay hoặc điều lợi nào đó.

Phải nhận rằng ít có tình bè bạn nào đăng thuần túy, nghĩa là không có một sự tính toán về lợi lộc. Phân tách đa số tình bè bạn, chúng ta thấy nó đăng kết thành một phần bởi thiện cảm (do bản chất cảm xúc tính), một phần do lòng vị tha (bản chất lòng nhân) và một phần là một tình cảm ích kỷ (do bản chất tham muốn). Chúng ta yêu người bạn vì họ

cũng có, mà cũng vì những thú vui họ mang đến cho chúng ta bởi sự có mặt của họ, bởi những câu chuyện duyên dáng mà họ làm quà, bởi cái trí xảo của họ mà chúng ta biết thưởng thức; nói tóm lại, bởi những gì họ mang đến cho chúng ta về mặt tinh thần. Đó là chúng tôi không nói đến những tình bạn đặt cơ sở trên lòng ích kỷ thuần túy, vì mong đoạt những lợi lộc về vật chất hoặc định gây thế lực.

Những bất ngờ chua cay mà bạn bè đem đến cho chúng ta thường do chúng ta thiếu óc tính xác. Chúng ta nên dấm ngực và tự vấn mình trước. Đáng lý, trước khi kết thân với một người, chúng ta phải quan sát tâm lý của họ để phân tách cá tính của họ. Phương sách hay hơn hết để tránh những bất ngờ là tìm xem bạn bè có thể mang đến cho mình những gì?

Biết rõ những bạn bè:

Một người nhiều tham muốn nhưng kém lòng nhân rất có thể là một người bạn bãi bồi, khả ái nếu họ có khá nhiều trí tuệ và cảm xúc tính. Nhưng nếu một ngày kia, chúng ta có dịp cần nhờ họ về tiền bạc thì đừng mong, vì họ chỉ có thể mang đến cho chúng ta những lời khuyên.

Một người bạn suy nhược (kém hoạt động tính) vị tha và đa cảm có thể hiến cho chúng ta một tình thường nồng nàn, sẵn đón chúng ta từ việc nhỏ. Nhưng khi chúng ta trải qua một cơn giông tố, họ chỉ biết khóc, chỉ biết thông cảm nỗi khổ của chúng ta mà không giúp ích chúng ta về mặt tinh thần nào. Trái lại, một người bạn nhiều hoạt động tính thường rất điềm nhiên (ít cảm xúc) và nếu họ dặt thêm nhiều lòng nhân họ có thể làm cho chúng ta “lên tinh thần” rất nhiều trong những lúc chúng ta phải vượt ải qua truông.

Một người bạn ích kỷ có óc hợp đoàn có thể giúp ích chúng ta khi họ xét ra cái hảo ý ấy có thể mở rộng đường giao thiệp hoặc đề cao sự quan trọng của họ về mặt xã hội. Nhưng họ sẽ “tốt” lại ngay khi họ thấy bản thân họ bị thiệt phần nào. Đó là một người bạn mà chúng ta chỉ nên nhờ vả một vài việc nào đó thôi.

Một người tốt bụng (nhiều lòng nhân) nhưng óc phán đoán kém, có thể là một người bạn khả ái đáng giao thiệp, miễn họ có ít nhiều trí tưởng tượng, biết cảm xúc và tỏ ra bất vụ lợi. Nhưng đừng quá trông mong vào họ, vì họ rất dễ bị người khác ảnh hưởng và trở lại phản bội chúng ta, mặc dù họ không có ác ý. Họ sẽ “bỏ rơi” chúng ta dễ dàng.

Một người nhiều hoạt động, nhiều óc hợp đoàn, đầu óc minh mẫn (giàu trí tuệ) dù kém lòng nhân cũng đáng cho chúng ta giao thiệp, miễn là chúng ta chỉ xem họ như một người bạn vui tính, hoạt bát. Chúng ta chỉ nên trao gửi họ những gì mà... chúng ta kể như đã mất. Óc hợp đoàn phát triển quá mạnh khiến họ khoắc lác, nói nhiều. Họ thuộc hạng người có thể hy sinh một người bạn để thốt cho kỳ được một câu nói đề cao óc tinh khôn của họ.

Những điều kiện để tạo thành một tình bạn bền vững:

Chúng ta nên chọn bạn trong số những người có nhiều óc phán đoán và có ít nhiều lòng nhân. Tình bằng hữu không thể thiếu lòng vị tha. Phải biết “cho” để “nhận”, chính chúng ta cũng có lắm tật xấu và thường khi bầm chất thiên nhiên chúng ta hoặc vì suy kém hoặc vì phát triển thái quá khiến chúng ta đòi hỏi những bạn bè chúng ta quá nhiều, nhiều hơn những gì theo lẽ phải họ có thể cho chúng ta.

Óc phán đoán là đảm bảo chắc chắn nhất của óc vô tư, không thiên vị. Nó giúp cho đôi bạn tránh những xích mích do tính cố lì gây ra, mỗi người đều quá chủ quan, khư khư giữ vững lập trường của mình cho rằng chỉ mình là đúng. Những va chạm thường do lòng tự ái quá cao nhưng ngu xuẩn gây ra. Ngoài ra, nếu vì lẽ gì chúng ta không mấy tin ở những phán đoán của mình, chúng ta có thể nhờ đến người bạn biết phán đoán, nhưng lời khuyên chín chắn của họ sẽ giúp ích chúng ta rất nhiều.

Sự khôn ngoan dạy ta nên có một số bạn bè có nhiều đức tính khác nhau,

đừng quá trông mong vào họ, cũng đừng đòi hỏi họ quá nhiều, không có tình bằng hữu nào có thể đứng vững trước lòng ích kỷ của một người nhưng về phần chúng ta, nên đối xử với họ như bát nước đầy. Một nhà văn, ông Joubert đã chẳng nói: “Khi tôi nhìn một người bạn chột mắt, tôi chỉ thấy xiên”.

Về cách tuyển chọn những gia đình:

Bà chủ nhà nếu lỡ chọn một chị bếp không tốt, đó chưa phải là một mối thất vọng đáng kể, nhưng đó cũng là điều hơi đáng phiền vì tiền chợ thì bà phải lôi ra nhiều mà thức ăn không mấy dồi dào. Nếu hiểu biết chút ít về tâm lý, bà có thể tránh bao nhiêu lầm lẫn đáng tiếc. Bây giờ người ta không gọi những gia đình là những đày tớ mà chỉ gọi là những người giúp việc nhà, nhưng dù sao muốn hầu hạ chủ, “người giúp việc nhà” ấy cũng phải tận tụy, tận tâm. Đã là người trong nhà, dù sao họ cũng phải sống chung với chúng ta hằng ngày, họ cũng đăng lợt vào đời tư chúng ta ít nhiều, không tín cẩn nơi họ chúng ta không thể chấp chứa họ.

Trong việc chọn một tên gia đình, ngoài những khả năng về nghề nghiệp, điểm đáng cho chúng ta quan tâm nhất là phẩm chất lòng nhân của họ. Đành rằng đức tính liêm chính không hẳn do lòng nhân mà ra, song người ta có lòng nhân thường biết tỏ ra thận trọng, chu đáo và đó là một yếu tố tu chính những phẩm chất khác thí dụ như lòng tham nó khiến cho người ta phải gian xảo.

Theo nguyên tắc ấy, tôi không thích chọn những gia đình không biết yêu trẻ con, thương loài vật, hoặc tỏ ra khúm núm trước kẻ bề trên mà hách dịch và xử ác với kẻ dưới.

Cũng nên biết đức liêm chính có nhiều cấp bậc, nhiều hình thức vì lẽ đó là một phẩm chất tập thành. Có người giúp việc thấy chủ nhà bỏ quên hàng trăm bạc trên bàn không động lòng tham, nhưng khi chủ nhờ đi mua hàng, họ sẽ ăn bớt một vài chục.

Điều khác, đức liêm chính không phải là một yếu tố bất biến. Nó có thể gia tăng hoặc tiêu diệt vì ảnh hưởng của một đam mê: mê đánh bạc, mê gái chẳng hạn.

Một anh bồi hoặc chị bếp có tính hay trả treo, chủ nói động đến là mặt ủ mày chau hoặc có tính lý lợm là dấu hiệu một óc phán đoán kém, nhưng đa cảm lại nhiều tham muốn. Tuy nhiên người có tính lý lợm vẫn có thể có lòng nhân.

Nếu biết cách, người ta có thể dùng những người đầu đá ấy, nghĩa là biết hướng tính cố lì của họ vào những việc hữu ích và biết nương lòng tự ái hẹp hòi của họ bằng một vài sự nhượng bộ ở mặt ngoài.

Chúng ta cũng thường đòi hỏi những gia đình phải biết ăn ở có trật tự. Trật tự là một thói quen do cá tính tập thành mà ra, song nó cũng đặt nền tảng trên những bản chất thiên nhiên như: trí nhớ, hoạt động tính và lòng tham muốn. Người không biết ham thích (thiếu bản chất tham muốn) hoặc suy nhược (kém hoạt động tính) thường ở bẩn và bừa bãi. Của họ, họ còn không thiết gì, thì làm sao họ biết săn sóc, giữ gìn của người khác.

Tóm lại, chúng ta nên chọn những gia đình cần cù (có lòng nhân, nhiều hoạt động tính, cảm xúc và tham muốn chỉ cần vừa phải). Trí nhớ cũng đáng cho chúng ta chú ý. Nếu đặt thêm óc phán đoán thì càng quý nhưng cũng hiếm lắm.

Vì thế có câu người ta nói đùa: “Có bao nhiêu ông chủ đặt có những đức tính mà họ đòi hỏi ở một người giúp việc?”.

CHƯƠNG II - HÔN NHÂN VÀ HỢP ĐOÀN

Việc chọn một người bạn đời lẽ cố nhiên là quan trọng hơn việc chọn một người bạn hoặc một tên gia tộc. Tâm lý học sẽ vạch cho chúng ta biết những điều kiện để thực hiện sự hòa điệu trong gia đình.

Và sự hợp đoàn:

Trước hết nên nhận xét điều này, trong những công việc hợp tác làm ăn, tốt hơn những người hùn hạp đừng có những “phương trình cá tính” giống nhau. Hai người định cùng nhau chung sức, góp tài hoặc chung vốn để thành công trong một công cuộc, không có ích lợi gì mà giống tính nết nhau. Họ chỉ cần biết thỏa thuận với nhau.

Một người hoạt động, nhiều cao vọng, đầu óc tinh nhanh và giàu tưởng tượng rất có thể hợp tác với một người có óc kỷ hà, trầm tĩnh, biết tự tôn và phán đoán rất chín chắn. Trong sự hợp tác ấy, người trước sẽ đóng góp những sơ kiến bao quát, cái tinh thần tháo vác, những kế hoạch táo bạo. Người sau đóng vai trò phê bình, làm cái thắt siết bớt lại, và lọc đãi qua cái óc phán đoán vừa trầm tĩnh vừa chắc chắn của họ, những lý hội của người kia.

Trong mỗi xí nghiệp chúng ta thấy có một phần “động” (sản xuất, bán hàng, quảng cáo, liên lạc với bên ngoài) và một phần “tĩnh” (quản đốc, kế toán, tài chính). Hai phần ấy tương xứng với hai thứ tâm tính nói trên.

Hai người cùng hiếu động hoặc hai người cùng suy nhược cả mà hợp tác nhau sẽ không làm nên trò gì. Ít có người đặt điều hòa hoàn toàn và mỗi người trong chúng ta đều có ít nhiều tật xấu. Một sự hợp tác hợp lý phải là một đảm bảo đối với những khuyết điểm của một cá tính. Nếu phải hợp tác với một người đồng cá tính với mình thì chúng ta hành động

riêng một mình còn hơn. (Các chính khách cũng nên biết qua những định luật tâm lý, nhất là khi họ có dịp thành lập nội các chính phủ. Để ra ngoài khả năng chuyên môn của các ông bộ trưởng, chúng ta có thể quan niệm rằng trong một nội các chính phủ, mỗi bộ phải đăng điếu khiếu bởi một ông bộ trưởng có những đức tính tâm lý đặc biệt. Ông bộ trưởng tài chính không nên có cá tính giống ông bộ trưởng ngoại giao hoặc giống ông bộ trưởng quốc phòng).

Hôn nhân:

Hôn nhân cũng là một lối hợp đoàn trong đó có thêm yếu tố tính dục. Tốt hơn tính dục của đôi vợ chồng phải cùng một “điện lực” ngang nhau, có cùng ở trên một “luồng sóng điện” họ mới dễ hòa hợp, nhưng đó không phải là điều kiện tất yếu.

Sự hòa điệu của xác thịt, sự tương ứng với nhau về mặt thể chất hẳn đã là một nền tảng khá vững chắc cho việc hôn nhân. Nhưng đó không phải là một đảm bảo cho sự trường tồn của hôn nhân. Tình yêu nhục dục giữa hai người không phải là một hình “hy-pê-bol” hướng thẳng lên tận mây xanh. Nó vượt lên tuyệt đỉnh rồi sẽ chìm dần dần xuống thấp.

Nhưng trong việc hôn nhân, một khi sợi dây xích thẳng của xác thịt đã bị đứt, còn có sự tương ứng của trí thức, còn có đời sống chung, còn sự kết hợp những quyền lợi, còn những con cái và những yếu tố này cũng rất quan trọng để có thể thành những sợi dây ràng chặt hai người cùng chung một số phận.

Cũng có những đàn bà có thể yêu người đàn ông mà họ xem rẻ. Lại cũng có những đàn ông có thể say đắm người đàn bà chỉ có vỏ ngoài còn đầu óc thì rỗng tuếch, mặc dù nếu đó là một người đàn ông thông minh hẳn sẽ luôn luôn buột miệng nói với người yêu cái câu mà một thi sĩ đã thốt: “Hắn là một người đẹp, rồi im miệng”.

Trong những cuộc nhân duyên tạm bợ như thế, tâm lý học cũng đành bó

tay, khi mà hai người chỉ biết có nhục dục. Nhưng tâm lý học có quyền lên tiếng khi mà hai người nghĩ đến hôn nhân, đến việc lập gia đình. Nó sẽ giúp chúng ta biết óc phán đoán có bị lu mờ vì đam mê chẳng, nó sẽ giúp chúng ta cân nhắc những lý lẽ trong khi chọn lựa hoặc giúp chúng ta hiểu rõ lý do của một khước từ.

Những đôi vợ chồng “bổ túc”:

Lẽ dĩ nhiên, thị hiếu và ngay cả thói quen của một đôi vợ chồng mà hai người đều có cái phương trình cá tính như nhau tất đã giống nhau, bởi cách phân phối những bẩm chất thiên nhiên ở hai người cùng như nhau, miễn là những bẩm chất căn bản ấy không có cái nào phát triển quá mức. Khi những bẩm chất ấy đặt phân phối một cách trung bình ở hai người, cuộc hôn nhân có thể tồn tại lâu bền. Đôi vợ chồng ấy sẽ không có một cái gì đặc sắc, có khi hơi tẻ nhạt, nhưng họ sẽ ăn ở với nhau bền vững.

Trái lại hai người có tính hoang phí phối hợp với nhau thì sự nghèo túng chắc chắn sẽ biết tìm đường lần mò đến viếng gia đình của họ. Hai người cùng thuộc hạng đa cảm xúc ăn ở với nhau lẽ tự nhiên “sóng bất thường xáo động”. Hai vợ chồng cùng có tính ghen tuông nếu không gây ra một thảm kịch, không sớm thì muộn cũng sẽ xa nhau sau những cơn cãi vã đầy nước mắt. Hai người kém óc phán đoán không sao có đủ tư cách để lèo lái gia đình và sẽ lầm vấp vì những hành động thiếu suy nghĩ. Hai người quá tham lam sống chung với nhau sẽ bòn xén nhau từ chút một. Họ sống một cách bần tiện và làm khổ những người chung quanh không ít.

Vì thế hai người tâm tính giống nhau hẳn không có tính nết nào nổi bật quá rõ. Nhưng cũng may là rất hiếm có hai phương trình cá tính giống nhau như khuôn đúc, thường thì tâm tính con người đều khác nhau.

Nhưng điều kiện để lập thành một gia đình êm

thăm:

Cuộc hôn nhân lý tưởng là sự phối hợp giữa hai người mà cá tính có thể “bổ túc” lẫn nhau. Nhưng, cũng nên đề phòng đôi khi người này không đủ điều kiện bù đắp chỗ lệch do sự khuyết kém hoặc sự phát triển quá mức của một phẩm chất ở người kia.

Một người hoạt động tính nhiều, khó mà dung hòa với một người suy nhược, bởi những thị hiếu của họ do phẩm chất hoạt động tính sinh ra sẽ quá cách biệt nhau.

Một người đàn bà diêm dúa chỉ thích phô trương, thích sống giữa xã hội phần hoa náo nhiệt, khó mà thích ứng với người đàn ông kém óc hợp đoàn, không thích giao du, thích sống cô độc như một thầy tu.

Một người đàn ông rất thông minh cưới phải một bà vợ đần không sớm thì muộn cũng ruồng bỏ gia đình.

Hai vợ chồng tính tình không giống nhau hẳn cũng có thể hòa hợp nhau, miễn là ở họ không có sự chênh lệch quá rõ rệt ở những phẩm chất cốt yếu, nghĩa là khi lấy một phẩm chất nào đó ra mà xét ở hai người, chúng ta không thấy một sự cách biệt quá rõ rệt về cấp độ. Tuy khác nhau, họ vẫn có thể thỏa hiệp với nhau về những thị hiếu, những khuynh hướng của họ, do phẩm chất cốt yếu ấy nảy sinh sẽ không đến nỗi khác nhau đến mức không còn dung hòa với nhau được. Khi một phẩm chất đặt phân phối một cách khác nhau, nhưng vẫn ở mức trung bình thì sự bù trừ về những ưu điểm và khuyết điểm của hai tính tình càng thêm dễ dàng.

Một ông chồng vì kém tham muốn có tính tiêu hoang, nếu đặt một bà vợ có tính tiện tặn sẽ “tốt” bớt ông lại phần nào. Một bà có tính tình diêm dúa, bãi bỏ vì có nhiều óc hợp đoàn sẽ bù đắp lại cái tính xằng của ông, nó làm hại trong việc giao thiệp làm ăn. Một bà vợ hoạt động, vui tính sẽ thúc đẩy một ông chồng bi quan vì thiếu hoạt động tính. Ngược lại một bà vợ vì đa cảm xúc, quá hăng hái, nhiệt thành sẽ nhờ một ông

chồng có tính trầm tĩnh, lạnh lùng kèm hăm bốt. Một người chồng có nhiều trí nhớ sẽ giúp ích cho bà vợ có tật lãng trí v.v...

Nhưng đức tính cốt yếu cần phải có ở một người bạn đời là: lòng nhân. Việc dung hòa, bỏ tức những tật xấu cho nhau có nghĩa là đôi bên phải biết nhường nhịn, chịu đựng hoặc tha thứ lẫn nhau và như thế đôi bên phải có nhiều thiện chí. Thiếu lòng nhân, khó lòng thực hiện được sự dung hòa ấy.

Chỉ có lòng nhân mới có thể giúp chúng ta chịu đựng những thị hiếu, những khuynh hướng của người kia “để làm vui lòng họ” và cũng để buộc họ lại thỉnh thoảng phải chịu đựng tính nết của mình.

Một đôi vợ chồng hòa thuận là một đôi vợ chồng mà hai người đều biết uốn nắn cá tính tập thành của họ cách nào để họ có thể sống chung với nhau, để trong sự chung đụng hằng ngày họ không gặp phải những va chạm, những điều phật ý, méch lòng.

Với một óc phán đoán có đôi chút giá trị cũng đủ để điều khiển một gia đình. Trí nhớ và trí tưởng tượng có nhiều hay ít cũng chẳng sao. Nhưng nếu trong hai người mà có một người khuyết kém về phẩm chất lòng nhân thì cũng đủ làm tan rã một gia đình.

Phải vượt suốt đường đời đầy chông gai, nhiều tranh đấu và trong khi hành động lại tránh được điều ác đã là một việc khó thay. Vì thế cũng nên hết sức tránh những kẻ dụng tâm làm hại người hoặc không biết cố gắng để tránh những hành vi phương hại đến người khác.

Ghen tuông là thứ thuốc độc nguy hiểm nhất cho gia đình. Chứng ghen tuông mà biến thành căn bệnh nặng do phẩm chất tham muốn quá mạnh, trí tưởng tượng hơi thái quá, cảm xúc tính quá nhiều mà óc phán đoán bấp bênh. Một người đã ghen như Hoạn Thư dù có đủ “lòng nhân”, phẩm chất sau này cũng không đủ sức để chữa cái tính ghen. Chứng ghen tuông bắt nguồn ở cá tính thiên nhiên. Vì thế khó mà chạy chữa bệnh ghen, cá tính tập thành ít ảnh hưởng đến nó.

Những cô gái không thích lấy người chồng ghen nên chú ý quan sát về óc

phán đoán của đức lang quân tương lai. Người biết phán đoán không mấy khi vướng phải thói ghen. Người biết phán đoán chín chắn tức đã biết ước lượng, biết đánh giá những biến cố một cách xứng đáng. Sở dĩ một người đâm ra ghen tuông thường là vì họ phán đoán lầm lạc về những điều gì mà họ đam mê và đó là bởi óc phán đoán của họ khuyết kém.

Như chúng ta thấy, cái “tâm hồn bạn” mà các thi sĩ thường nói đến, xét theo tâm lý học thực ra không phải là cái “bản ngã thứ hai”, một người thứ hai giống như mình. Tâm lý cho chúng ta thấy, những gia đình êm thấm, hòa hợp, xứng đôi thường là những gia đình mà trong đó hai vợ chồng có hai cá tính khác nhau, bổ túc lẫn nhau. Song những đôi vợ chồng ấy cũng đừng quên rằng dù sao sự thăng bằng, sự hòa hợp ấy cũng bấp bênh. Muốn cho gia đình êm thấm mãi, muốn cho cán cân giữặng thăng bằng, khỏi nhểch lên trệ xuống, có một phương trình hay hơn cả là giao cho đàn con phận sự chêm giữ cái cán cân ấy.

Nếu hai vợ chồng cãi vã, chửi rửa nhau trước một chiếc nôi, thì thực ra họ chẳng còn chút giá trị nào...

CHƯƠNG III - ÁI TÌNH VÀ PHỤ NỮ

Yêu và... yêu:

“Anh có yêu em chẳng?” – “Em yêu quý của anh”. Mấy câu đối đáp muôn đời mà từ thuở nào những cặp tình nhân trên thế giới này đã từng thốt ra. Nhưng chúng ta nên tìm hiểu nghĩa những gì chúng ta nói. Ngôn ngữ Pháp tuy rất phong phú về những danh từ gần đồng nghĩa nhưng lại rất nghèo nàn về những danh từ để chỉ về yêu đương. Chúng ta chỉ có một danh từ là “ái tình” và những danh từ do gốc đó mà ra để diễn tả bao nhiêu trạng thái khác nhau của tâm hồn. Khi người ta nói đến ái tình một cách gọn lỏn, thoáng qua người ta không biết rõ mình nói gì. Để nói về mối tình mà câu thư sinh trao gửi cho đô đào chớp bóng, để chỉ về tình yêu của một tân lang đối với giai nhân, để chỉ về mối tình giữa một cặp tình nhân, về mối tình của nhà thơ đối với nàng thơ hoặc của gã Sở Khanh đối với cô gái sau cùng vừa sa vào cạm bẫy của hắn? Hoặc của đôi trai gái vừa ước hôn? Chúng ta nên định rõ nghĩa.

Như chúng ta đã biết, ái tình không phải là một khuynh hướng đơn giản như lòng ái quốc hay yêu súc vật. Chúng tôi cũng đã nói: ái tình đặt cơ sở trên bản chất lòng nhân, mà lòng nhân lại do tính dục, một trong những điều kiện sống mà ra, nhưng ái tình cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác. Trong ái tình người ta có thể nhận thấy trước hết là sự lôi cuốn của xác thịt, sự thèm khát về tình dục bắt nguồn nơi phần sinh lý của chúng ta. Nội một sự trạng này cũng sinh ra lắm thứ ái tình, từ thứ tình yêu thuần nhục dục đến tình yêu không tưởng.

Nhưng ngoài ra, toàn bộ cá tính chúng ta đều có dự phần trong tình yêu, những bản chất thiên nhiên chúng ta dự vào với tư cách là những yếu tố bổ chính. Một người có quá nhiều bản chất tham muốn rất dễ bị cái óc chiếm đoạt chi phối, nếu người ấy lại đa cảm xúc, tự nhiên y phải mắc chứng ghen tuông nguy hại.

Một người suy nhược sẽ yêu đương một cách nhút nhát, có khi họ chẳng dám tỏ tình trong khi người nhiều hoạt động tính chinh phục người yêu một cách tạo tợn. Người hoạt động biết chia cuộc đời ra nhiều ngăn nhờ vậy trong những lúc làm việc họ biết đuổi xua hoặc dẹp qua bên những chuyện tâm tình. Người bạc nhược, trái lại không dám thốt ra mối tình ấp ủ trong thâm tâm để rồi bị nó ám ảnh mãi. Người đa cảm sẽ yêu một cách nồng nhiệt hơn người có tính thần nhiên vì do bản chất, người thần nhiên không biểu lộ những cảm xúc của họ. Người ích kỷ theo lối các cụ già vừa yêu nhưng cũng vừa hành hạ con chó con yêu quý của họ. Người vị tha trái lại suốt đời quỳ lụy dưới chân người yêu.

Trí tuệ và nhất là óc phán đoán cũng có thể tham dự vào tình yêu, để bổ túc, để sửa đổi, để kềm giữ nó ở mực trung bình.

Điều nguy hại trong tình yêu là khi những quyến rũ của xác thịt và những tình cảm không đăng phối hợp, không đăng chống lên nhau mà lại đi song song. Có khi người đàn bà gần gũi người đàn ông mà họ yêu nhưng họ lại chỉ nếm đăng những khoái cảm tương đối thô, thường là một khoái cảm thuộc đầu óc. Cũng có khi họ yêu chỉ vì xác thịt thô. Điều này nhận xét về những đàn ông cũng đúng.

Sau hết còn bao nhiêu yếu tố khác thuộc bên ngoài cũng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của tình yêu. Không phải bình luận dài dòng, chúng ta có thể nhận thấy những yếu tố sau đây có ảnh hưởng đến tình yêu: sự tự do hoặc áp bức, sự sống chung hoặc sự xa cách, sự cách biệt về địa vị xã hội, về học vấn, về giáo dục, về hoàn cảnh sống, về tài sản và ngay những chức nghiệp cũng có ảnh hưởng đến tình yêu.

Như thế chúng ta có thể nói: tình yêu hết sức chủ quan. Không có mối tình của một người nào lại đăng giống mối tình của một người khác.

“Em không yêu anh như anh đã yêu em”. Câu phiên trách muôn đời của những cặp tình nhân. Câu phiên trách rất vô lý này lại là nguyên do của bao nhiêu thất vọng, bao nhiêu thảm kịch. Về điểm này không có cặp tình nhân nào biết nhận xét sáng suốt.

Khôn ngoan hơn, chúng ta nên nhận lấy người yêu, tìm hiểu và tìm cách dung hòa với họ. Trong tình yêu cũng như trong tình bạn đừng đòi hỏi người kia những gì mà họ không thể cho chúng ta.

Có hiểu biết nhau, mới mong có hạnh phúc. Điều cốt yếu không phải là cái sắc thái của tình yêu mà chính là cái lòng thành của người đã hiến mỗi tình ấy cho chúng ta.

Tâm lý học và đàn bà:

Những dẫn cứ của tâm lý học lẽ dĩ nhiên có thể áp dụng cho đàn bà cũng như cho đàn ông, tuy thế hai phái vẫn tố cáo lẫn nhau rằng “không ai hiểu mình cả”.

Các bà thường cho rằng “bọn đàn ông là ích kỷ” và các ông thường cho rằng “đầu óc đàn bà kém cỏi” trí thức không bằng họ.

Nếu phải luận về cái khía cạnh của thói ích kỷ của các bà, nhất là các bà đang si tình, có lẽ phải mất nhiều trang giấy. Còn về sự chê trách của các ông, nó chỉ đúng một phần nào đó thôi. Vẫn biết rằng trong những địa hạt mỹ thuật và khoa học, phái nữ không sao bì nổi với phái nam, không kể một vài trường hợp ngoại lệ, tuy thế các bà cũng chẳng kém thông minh hơn các ông. Cái trực giác, cái linh tánh mà các bà thường tự hào dằng dằng do lẽ lối giáo dục, các bà phải quan sát nhiều hơn các ông. Họ góp nhặt, phối trí cái kỷ niệm của những việc nhỏ nhặt rồi họ rút lấy kết luận... nhưng thường khi không mấy đúng.

Nhiều tiểu thuyết gia đã từng thâm dật chung quanh cái đề tài: sự bí mật của người đàn bà, về lòng nham hiểm của người đàn bà hoặc về lòng dạ khó lường của người đàn bà. Có nên nhắc lại câu thơ này của J. Samain:
*Ôi đàn bà, một cái hố sâu thẳm nó giữ miết những ai đắm mình vào đấy.
Đó là một bả mồi hay một cạm bẫy, dù sao cũng chỉ là một tấm thân dật*

toàn bằng mộng.

Thật ra cá tính người đàn bà không bí mật gì hơn của người đàn ông, nhưng khi một người bên phái này phán đoán về người bên phái kia thì luôn luôn họ bị ảnh hưởng bởi yếu tố tính dục. Do bản năng, khi gặp nhau lần đầu, họ tự xếp loại nhau theo mấy hạng: “có thể yêu” hoặc “rất có thể yêu”. *(Một cảnh thường thấy: Trong một nhà hàng hoặc ở một nơi nào khác tương tự. Khi có một người đàn bà bước vào, tất cả bọn đàn ông có mặt đều liếc mắt để rồi ngoảnh mặt liên sau đó, nếu người đàn bà ấy “không có gì hấp dẫn”. Khi có một người đàn ông bước vào? Tất cả những cặp mắt xanh cũng đều ngước lên để rồi trở nên lạnh lại nếu người đàn ông ấy chẳng có gì đặc sắc, nói theo thời đại nguyên tử này là không có “điện lực”).* Họ chỉ nhận xét theo yếu tố tình cảm, có cảm tình hay ác cảm, một yếu tố không ăn chịu với việc muốn tìm hiểu cá tính của một người. Chúng ta thấy nhận xét trên rất đúng vì khi người đàn bà đã luống tuổi, bóng sắc đã về chiều thì đối với bọn đàn ông họ cũng không còn là một cái gì bí mật nữa.

Một triết gia nói: “Người ta chọn bạn, không ai có thể chọn những kẻ thù của mình”. Dựa theo câu này chúng ta cũng có thể nói: “Người ta chọn vợ (ít ra trong một phần nào đó), không ai có thể chọn người nhân tình của mình”.

Một cuộc tình duyên có đặng nảy nở hay chẳng thường do những trường hợp thuận lợi về cảnh trí, về không khí, về cách trang phục và cũng do những điều khả dĩ đưa đến thuận chiều hay chẳng, hoặc vì người ta biết chắc mối tình ấy sẽ đặng giữ kín đáo. Đôi khi chỉ vì thiếu một trong những yếu tố thuận lợi đó mà một vài đàn bà khỏi sa ngã, giữ đặng tiết trinh, và một vài đàn ông có dịp “làm cao”. Muốn yêu, hai người chỉ cần thích nhau, dù là chỉ thích nhau trong giây lát, song tình yêu ấy có thành tựu hay sẽ tan, điều ấy không thuộc quyền của họ (mặc dù có người vẫn tưởng rằng họ có thể chi phối đặng tình yêu) nó còn tùy hoàn cảnh của mỗi người lúc gặp gỡ.

Sau đó đến đoạn “vỡ mộng” vì lúc đầu hai bên đều giữ kẽ, họ không thích vén tấm màn dĩ vãng của nhau hoặc có vén lên họ cũng chỉ trình bày

những khía cạnh nào đẹp để nhất, lẽ đương nhiên là rất sai với sự thực; điều khác, lúc bấy giờ sức quyến rũ của xác thịt làm cho họ tối mắt, và những năng lực của họ dùng để nhận xét về tâm lý hình như bị tê liệt.

Một người đàn bà, dù là người như thế nào đi nữa, cũng không có gì là bí mật. Muốn phán đoán về họ, để hiểu họ, người đàn ông chỉ cần quên mình là người đàn ông và hãy nhìn qua cách sống của họ.

Ngoài ra, trong việc khảo xét về phụ nữ, chúng ta còn vấp phải khó khăn này là cá tính tập thành của họ thường bị che kín chứ không bộc lộ như ở người đàn ông. Họ đặt giáo dục cách nghiêm ngặt hơn chúng ta. Khi còn con gái (dù là hạng tân thời) họ cũng không đặt tự do như bạn trai. Lúc đã có đôi bạn, họ thường bị câu thúc bởi những ràng buộc của xã hội, của lễ giáo. Mặc dù điều này cũng còn tùy địa vị xã hội của mỗi người. Những đàn bà thuộc hạng tiểu tư sản sống ở thành thị vì chồng bận việc suốt ngày có lẽ đặt tự do hơn những “bà lớn” thuộc hạng trưởng giả thường bị bọn gia đình rình mò, hoặc những đàn bà hạng dân giả thường bận bịu về công việc nhà.

Sở dĩ các bà thường có vẻ bí hiểm là bởi con người, một “con vật có óc địa chủ” đã xây đắp những bức thành kiên cố chung quanh họ. Từ thuở bé, người ta đã dạy họ cách giấu nhem mọi phản ứng và người ta cũng tập cho họ tính e dè, kín đáo, một cách gắt gao hơn bọn đàn ông.

Khéo léo trong cách nói chuyện, họ biết dùng lời nói để che đậy tâm tư. Luôn luôn họ dè dặt, kín đáo không phải do bẩm sinh mà do giáo dục.

Nhưng người ta vẫn có thể lột cái mặt nạ ấy ra, bằng chứng là ở giai đoạn sau đây: Có bà nọ đến nghe ông Marcel Boll diễn thuyết, lại chất vấn ông:

- Tôi tin chắc rằng không sao ông có thể biết rõ cá tính của tôi.

Diễn giả chặn ngay:

- Bà khỏi nói thêm, với câu bà vừa thách đố, tôi đã biết rõ đặc điểm của

tâm tính bà.

Đàn ông chúng ta thường không mấy người am tường về cách ăn mặc của phụ nữ. Chúng ta thường chỉ biết móc bóp phơi trả tiền công thợ may cho các bà. Ấu đó cũng là điều đáng tiếc, vì liếc qua mà có thể đoán biết chiếc áo của bà kia đang mặc nó xuất xứ từ nơi một nhà may có tiếng hay từ một nhà bán quần áo may sẵn, hoặc giả biết phân biệt thứ bít tất bằng tơ nhân tạo cũng giúp ích cho chúng ta khá nhiều trong việc xét đoán phụ nữ.

Một người đàn bà trang sức một cách giản dị nhưng rất phong nhã chứng tỏ họ có óc hợp đoàn, có nhãn thức, có tính chừng mực do óc phán đoán. Sự phong nhã không đo lường bằng xa hoa, bằng tiền của. Một người đàn bà có thể ăn vận một cách phong nhã với những thứ hàng vải rẻ tiền. Nếu họ không thuộc hạng dư giả thì sự dung dị trong cách phục sức cũng làm tỏ rõ nhãn thức của họ.

Những gì có tính chất xa hoa giả hiệu hoặc kiểu cách: kim cương giả, ví da cá sấu giả, áo viền ren không phải chỗ, những nút áo kiểu kỳ dị, giày có đính đầy kim tuyến hoặc hạt chai v.v...; sự thiếu hòa hợp trong phục sức: áo bằng hàng đắt tiền lại đi đôi với ví cầm tay kiểu tầm thường mua hở hiệu Pazar hoặc chiếc áo dài màu hồng mặc chung với chiếc áo lót màu xanh da trời v.v... tất cả những lầm lỗi về nhãn thức ấy chứng chỉ một người kém óc phán đoán.

Một người đàn bà có óc phán đoán bao giờ cũng biết ăn mặc thích hợp với địa vị xã hội của mình và như vậy họ vẫn có thể tỏ ra rất phong nhã, một sự phong nhã ăn khớp với địa vị của họ.

Cũng có những đàn bà không thiết nghĩ gì đến việc trang sức. Thường là những đàn bà có đầu óc đàn ông hoặc những đàn bà phải làm những nghề nghiệp của đàn ông.

Mối tương quan giữa tuổi tác và cách trang sức cũng là một điểm quan trọng. Một bà tuổi đã tứ tuần lại mặc áo màu tươi rói như cô gái mười tám chẳng những tỏ ra họ thiếu nhãn thức mà còn chứng tỏ họ có nhiều

tham muốn. Những người quá tham vọng dù là tham về danh vọng, về tiền tài về thú vui vật chất thường không biết sống theo tuổi.

Trái lại, người đàn bà già trước tuổi vì không chịu săn sóc vẻ ngoài của mình, chùng chỉ người có tính khiêm tốn, chịu nép mình trước những gì không thể tránh.

Người thích trang sức lòe loẹt, nếu đó không phải là sự bắt buộc về nghề nghiệp, là chứng chỉ sự thiếu nhân thức và một óc hợp đoàn phát triển quá mạnh. Người ta có thể lòe bịp bằng lời nói cũng không bằng bộ cánh.

Người đàn bà không thích son phấn vị tất là người đàn bà có giáo dục, đứng đắn, như người ta thường nghĩ. Chúng ta có thể giải thích: chẳng qua người đàn bà ấy kém óc phán đoán và tính quá khiêm tốn. Nhưng đã là người đàn bà mà không thích tô điểm thật là điều rất hiếm thấy vậy.

Thế thường và dù ở địa vị nào, người đàn bà cũng biết dùng trang sức để làm đẹp, lẽ dĩ nhiên phải dùng một cách vừa phải. Trang điểm thái quá là một lỗi lầm về nhân thức mà cũng chứng tỏ sự thiếu giáo dục. Người đàn bà tô phấn trắng toát như quét vôi chắc chắn là người thiếu óc phán đoán, vì nghệ thuật trang điểm cốt ở sự kín đáo, cốt sao cho người khác (ít ra là bọn đàn ông, vì đối với các bà thì khó qua mặt họ) đừng nhận thấy sự tô điểm của mình...

Có những cha mẹ quá gắt gao, khi thấy con gái của họ tập tễnh bôi son thì vội vã đem giấu cây son ngay. Tại sao không chỉ dạy cho cô ấy biết cách thoa son, có phải là hơn không? Biết dùng những phương thuật trang điểm, lẽ dĩ nhiên dùng cách vừa phải, để làm tăng vẻ đẹp đó cũng là một phần trong chương trình giáo dục phụ nữ. Mà như chúng ta đã biết chỉ trừ một số rất hiếm, đa số phụ nữ cũng cần đặng giáo dục qua điểm này.

Lâu nay người ta thường có thành kiến là phấn son làm “hỏng” da mặt, nhưng cũng nên biết rõ, da mặt bị hỏng là do phấn son hay là do sự không biết cách dùng son phấn?

Những hành động “vô lý” của người đàn bà:

Cảm tính đã chiếm một phần quan trọng trong cá tính của người đàn ông; ở người đàn bà có chiếm một ưu thế rõ rệt. Bởi thường hành động thiếu suy nghĩ nên người đàn bà có thể có những hành động cao quý, họ biết hy sinh, tận tụy hơn người đàn ông, nhưng họ có thể làm nhiều việc tác tệ hơn người đàn ông.

Vì thế chúng ta khó mà tiên đoán cách phản ứng của người đàn bà trước một việc đã xảy ra. Những trái chứng, những hành động “ngông cuồng” của đàn bà đã làm cho chúng ta sửng sốt, là những hành động theo cảm tính trong đó mọi luận lý đều bị gạt bỏ. Những đàn ông mà người ta cho rằng họ “rất hiểu đàn bà” (và như thế các bà rất thích họ) là những người biết tự gạt bỏ, không lọc đãi những hành động của các bà ấy qua óc phán đoán của họ và nhất là họ biết làm tuồng như không ngạc nhiên chút nào.

Trước một hành động vô lý của một người đàn bà, nếu ông biết điểm nhiên tỏ ra không ngạc nhiên chút nào về sự vô lý ấy, ông sẽ lắng nghe người đàn bà ấy thủ thỉ: “Thật, chỉ có anh là người hiểu em”. Mặc dù chính họ cũng không thể giải thích nổi lý do hành động của mình. *(Một thí dụ rất “sống” về sự vô lý của phụ nữ: Một bà nọ rất yêu quý chồng, đặt may chiếc áo. Bác thợ may mang áo đến, bà mặc thử trước mặt đức lang quân và bà thấy rằng chiếc áo ấy may hỏng không thể chữa. Bà rất bức tức và không dằn nổi sự bất mãn, nếu chẳng may ông chồng ấy lại tìm lời lẽ để an ủi bà, bà sẽ nổi xung lên và trở lại cự nự... ông chồng. Ông ta chỉ còn cách kêu trời và không còn hiểu nổi tại sao mình phải mang lấy cái vạ của bác thợ may kia. Có gì đâu, bà đặt may chiếc áo ấy chỉ vì muốn làm đẹp lòng ông, chẳng may nó không vừa ý bà thì dù sao cũng là tại... ông vậy).*

Cũng có những đàn bà có tính điềm nhiên, điềm tĩnh, song rất hiếm. Tình điềm nhiên của đàn bà thường do chức nghiệp tạo ra, một tự động tính tập thành bởi nghề nghiệp. Đó là trường hợp những bà đỡ, những cô

y tá hoặc các nữ bác sĩ. Thường hơn, người đàn bà cũ có dạng uốn nắn bởi giáo dục cũng khó đè nén cảm xúc tính của họ. Người ta đã chẳng có thành kiến nhả nhặn và tăng bốc đàn bà vốn “đa cảm”?

Bẩm chất hoạt động tính cũng trở sanh ra nhiều loại, nhiều thứ tính tình như ở người đàn ông. Có những đàn bà lù đù, suy nhược, hoạt động, vui tính, lại có những đàn bà thích bất định, khi hoạt động thái quá, khi ủ rũ nằm co như người bệnh.

Óc hợp đoàn thường phát triển quá mạnh ở phụ nữ. Có đàn bà nào không thích làm dáng? Chưa ắt họ thường nói dối hơn đàn ông, song chắc là họ nói dối khéo hơn chúng ta.

Về lòng nhân thì hai phái đều ngang nhau. Phụ nữ thường tự hào rằng họ không ích kỷ như bọn đàn ông chúng ta, đó là bởi ở họ luôn luôn có ẩn núp hình bóng một người mẹ (trừ một vài trường hợp rất hiếm). Bản năng làm mẹ là điểm làm cho đàn bà cao thượng hơn đàn ông, đó là một ân sủng riêng, bọn đàn ông chúng ta không đáng hưởng. Đừng lầm tưởng rằng tình cha con là một bản năng thiên nhiên, “lòng cha” thường tùy thuộc cá tính tập thành. Biết làm mẹ là một thiên tính, biết làm cha là do tập thành.

Xét về bẩm chất “tham muốn” chúng ta nhận thấy người đàn bà ham thích thú vui hơn tiền bạc. Nếu họ chuộng tiền bạc chẳng qua họ xem đó là phương tiện có thể giúp họ mua những thú vui. Người đàn ông hà tiện đã đáng khinh bỉ, người đàn bà mà keo kiệt thật đáng ghê tởm, bởi như thế họ đã không làm tròn nhiệm vụ xã hội của họ.

CHƯƠNG IV - TÂM LÝ HỌC VÀ VĂN CHƯƠNG

Chúng ta có thể chia các nhà văn làm hai hạng: những nhà văn có thiên tư và những nhà văn có tài năng. Xin miễn bàn đến hạng văn sĩ tin rằng họ vừa có thiên tư, vừa có tài năng.

Song phân biệt như thế nào cũng chưa mấy rõ rệt, vì có vẻ giả tạo. Làm sao phân biệt ranh giới của thiên tư, của tài năng? Trong lịch sử văn học chúng ta đã thấy lắm nhà văn viết thật nhiều song chẳng viết nên văn phẩm nào có giá trị, nhưng rồi do sự ngẫu nhiên nào đó, họ lại “để” ra một tác phẩm tuyệt tác. Người ta nói lúc ấy họ gặp hứng hoặc đang nòng thơ hậu đãi.

Chúng ta hãy thử dùng tâm lý học để xét về vấn đề này.

Những nhà văn làm việc theo phương pháp và những nhà văn làm việc theo trực giác:

Khi chúng ta nghiên cứu về phương pháp làm việc của các nhà văn, chúng ta nhận thấy họ chỉ có hai lối làm việc: có người làm việc theo phương pháp, có người làm việc theo “hứng”, theo trực giác.

Ở những người làm việc theo phương pháp, sự cấu tạo văn phẩm của họ nảy nở, phát triển cách điều hòa, từ lúc cái ý tiên khởi vừa chớm nở trong óc đến khi họ thảo nên bố cục tổng quát trên mặt giấy. Có thể nói: họ làm việc chung quanh một ý chánh rồi họ phân chia nó ra từng phần, từng đoạn để tạo ra cái khung cảnh mà họ sẽ theo đó để viết, để hoàn thành tác phẩm. Họ không bỏ qua một chi tiết nào, họ bắt đầu viết ở chỗ phải

khởi đầu và họ chấm dấu “hết” ở chỗ phải chấm dứt. Vì thế mỗi ngày họ có thể sản xuất ra đều đều đúng cái số trang mà họ đã định viết.

Từ lúc cái ý chánh của cốt truyện đã phát hiện trong trí óc, họ có thể tiên đoán trong thời hạn bao lâu họ sẽ viết xong quyển truyện ấy. Những chu kỳ tinh thần của họ luôn luôn đầy đủ và tiếp diễn rất mạch lạc. Vì thế những tác phẩm của họ thường dựng xây dựng cách chắc chắn, nhưng hình như thiếu một cái gì lôi cuốn, cái thần, nó đánh dấu một thiên tài.

Xét về tâm lý học, những nhà văn làm việc theo phương pháp là thuộc hạng đầu có kỷ hà, tâm trí điều hòa, kém cảm xúc nhưng hoạt động bền bỉ. Buffon, Boileau thuộc hạng nhà văn này (*Xét về các nhà văn Việt Nam có thể kể: Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh vào hạng này*). Thiên tư của họ nếu có, chẳng qua đó là một sự kiên nhẫn dài...

Hạng sau thường gồm có những bậc thiên tài, chúng ta nhận thấy đó là những người có tâm thần bất định phụ họa với tính đa cảm xúc. Người có tính bất định sẽ thâm nhập nhiều cảm giác lúc họ trải qua giai đoạn suy nhược, càng đa cảm xúc họ càng thâm nhập được nhiều cảm giác. Chính trong thời gian này, cái ý tổng quát của tác phẩm đã phát sinh trong óc họ, nó nảy nở một cách ngẫu nhiên, vô chùng, trong một phút mơ mộng, một buổi đi dạo, do một sự việc xảy ra, một biến cố, tuy thế nó vẫn chưa thành hình, chưa được vững chãi. Do những chu kỳ tâm lý, nhà văn sẽ mơ tưởng về ý đó, những chu kỳ này giúp họ moi móc trong ký ức, gọi ra những truy tưởng, sau rốt họ sẽ phán đoán, có khi óc phán đoán lại xen vào. Lúc bấy giờ nhà văn cũng chưa có ý niệm cụ thể sẽ như thế nào, nó sẽ dài hay ngắn, họ cũng chưa biết.

Luôn luôn người ta thấy dấu vết cái giai đoạn ám ảnh này trong thời kỳ khởi nguyên của những tác phẩm có giá trị. Giai đoạn này có thể dài hoặc ngắn. Sau đó đến giai đoạn khích động, bao nhiêu truy tưởng, bao nhiêu cảm giác thâm nhập trong giai đoạn trước sẽ tuôn trào ra như một dòng suối, không bao giờ cạn, đẩy mạnh ngọn bút của nhà văn chạy một mạch trên trang giấy. Tác phẩm đã thành hình, nó bật ra như một khối đá tảng và đôi khi mang dấu tuyệt mỹ, nó thành một tuyệt phẩm.

Những bậc thiên tài chính hiệu trong tất cả các ngành mỹ thuật đều là những người có tâm thần bất định lại đa cảm xúc. J.J. Rousseau, Molière, Beethoven, Baudelaire, Musset là những thí dụ sáng tỏ.

Sở dĩ nhiều văn nghệ sĩ hay tự tử hoặc đắm mình vào những cõi thiên đàng giả tạo, hút xách, chè chén, vì như đã nói trên, bản chất họ vốn đa cảm lại thêm tính bất định.

Gặp lúc tinh thần xuống dốc, đôi khi nhà văn phải nhờ đến những chất ma túy (như thuốc phiện) nó kích thích họ rất mạnh trong nhất thời, làm cho họ ngỡ rằng “nàng tiên nâu” đã mang đến cho họ nhiều “tù” giúp họ sáng tác dễ dàng. (Theo ông Thomas de Quincey, tác giả quyển “Hồi ký của một người nghiện thuốc phiện” (*Les Confessions d'un mangeur d'opium*) thì chất ma túy không nảy sinh ra “tứ”, nó chỉ giúp chúng ta nhớ lại những ký ức gần phai mờ. Và đây, ý kiến của ông V. Descreux, người bình luận tác phẩm của ông Quincey:

“Có thể nào nhà văn dùng thuốc phiện hoặc những chất ma túy tương tự để giúp cho tinh thần thêm sáng suốt chăng? Có thể trả lời: Có. Nếu nhà văn dùng nó để tạo nên những điều kiện thuận tiện cho công việc trước tác, để làm dịu bớt những nỗi đau đớn về thể chất hoặc tinh thần nó là trở ngại chính trong công việc trước tác. Chúng tôi sẽ trả lời: Không. Nếu nhà văn định dùng nó để sáng tạo, hoặc chỉ để nhận xét. Trong vở kịch Hamlet, Shakespeare nói: Trong thực tế có lắm điều mà với tất cả cái triết lý của anh, anh cũng không dám mơ tưởng đến”.

Như chúng ta thấy, chất ma túy chỉ có thể làm dịu bớt trong nhất thời cái trạng thái lo âu, nhưng nó không thể cung cấp cho nhà văn những tài liệu mới mẻ nào). Nhưng rồi không mấy chốc, họ sẽ phải hứng lấy những hậu quả tai hại, khốc liệt của sự đầu độc này. Xem lại tiểu sử của Verlaine, Oscar Wilde, Jarry, Musset Edgar Poe, (nhất là ở E. Poe, chúng ta thấy rõ chứng tâm thần bất định). (Ở nước ta, nhiều nhà văn thuộc thời tiền chiến đều nghiện ngập: Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Bính, Lan Khai...).

Khi cơn khủng hoảng tinh thần ấy trở nên quyết liệt, nó có thể đưa nhà văn đến chỗ tự sát. Họ sẽ mất hết tin tưởng, ngờ vực tất cả, ngờ vực cả cái thiên tư, cái văn nghiệp của mình, họ thấy chỉ còn có cách là ẩn trú trong cõi chết, trường hợp của văn sĩ Gérard de Nerval. (*Giáo sư Achille Delmas nhận thấy tinh thần bất định là nguyên nhân của 90% vụ tự sát. Định mệnh của người tự sát là do một khí chất tâm lý bất thường “Không phải ai muốn tự sát mà được” (Psycho, logie pathologique du suicide) Alcan X.B Pariss 1932*).

Việc cấu tạo một quyển tiểu thuyết:

Việc cấu tạo một tác phẩm thuộc loại tưởng tượng như tiểu thuyết, đòi hỏi nhà văn nhiều đức tính. Không bàn về lối hành văn hoặc về cốt truyện, ngay cái truyện mà nhà viết tiểu thuyết kể lại có hấp dẫn độc giả hay chẳng một phần lớn là ở điểm nhà văn ấy có biết diễn tả những phản ứng của các nhân vật trong truyện đúng với tâm lý chẳng. Nếu chúng tôi không lầm, một tiểu thuyết gia nổi tiếng, ông Paul Bourget có nói đại để: “Một quyển tiểu thuyết khó thể làm say mê độc giả nếu trong đó không có một phần nào “có thể tin được”.

Trước khi viết truyện nhà văn đã gán cho mỗi nhân vật trong truyện một cá tính nhất định. Những chủ đề của bài toán đã đặt nêu ra trước. Những phản ứng của các nhân vật đứng trước những hoàn cảnh mà truyện đã nêu ra, không còn tùy thuộc vào người viết tiểu thuyết nữa. Những nhân vật ấy phải hành động đúng theo cá tính mà nhà viết tiểu thuyết đã gán cho họ.

Quyển truyện sẽ kém phần hấp dẫn nếu cá tính của các nhân vật trong truyện lơ mờ, không đặt rõ rệt. Độc giả sẽ thấy ngay đó là những hình nộm mà tác giả giựt dây chứ không phải những con người có thật, những nhân vật “sống” và người đọc sẽ trách tác giả đặt sai vấn đề. (*Về điểm này chúng ta phải phục những tác giả đã soạn ra các pho truyện tàu như Tam Quốc, Đông Chu, Thủy Hử. Các nhân vật trong truyện ấy phần nhiều là những “nhân vật đặt trưng”, không ai có thể lầm lẫn một Quan*

Công, một Tào Tháo, một Lưu Bị. Có nhà phê bình nhận xét: Đặc biệt nhất là truyện Thủy Hử, trong đó có hằng mấy chục nhân vật chính song mỗi nhân vật lại đều có những cá tính đặc biệt không ai giống ai cả). Mặt khác, nếu những nhân vật đã dựng tác giả tạo ra có những tính năng riêng biệt, song những nhân vật ấy lại hành động không đúng với cá tính của họ thì chúng ta sẽ ngạc nhiên một cách khó chịu. (Khái Hưng là một nhà tiểu thuyết có tiếng là sành tâm lý, nhưng khi đọc truyện “Trống Mái” của ông, chúng ta không khỏi bất mãn về thái độ và cử chỉ rất khó hiểu của hai nhân vật chính trong truyện: Hiền và Vội. Hiền một cô gái trưởng giả, có học, thuộc hạng tân thời, say mê anh Vội, một anh chàng đánh cá, chỉ vì anh ta có một thân hình đẹp như pho tượng. Đọc qua truyện ấy, chúng ta có cảm tưởng là họa chăng truyện ấy chỉ có thể xảy ra bên kia trời Âu chứ không thể xảy ra bên đất Việt Nam vì nó quá cách biệt tâm lý phụ nữ Việt Nam. Tuy thế đây chỉ là tiểu thuyết và chúng ta cũng còn có thể châm chế cho óc tưởng tượng quá mức của tác giả. Nhưng khi xét đến những hành động và thái độ của Hiền và Vội thì chúng ta không sao còn hiểu nổi. Ai đời một cô gái mê trai mà không biết giấu diếm tình cảm của mình lại còn phô bày cho tất cả mọi người biết, chẳng những thế, cô gái “thông minh” ấy lại còn mời người yêu rất “ngốc tử” của mình đến dự buổi tiệc trà mà đông đủ các bạn lịch lãm và học thức của mình. Có phải cô ta muốn “chế giễu” anh Vội chăng? Không, cô ta yêu say đắm anh chàng ta. Đã “yêu say đắm” thì có ai lại nỡ đem người mình yêu ra làm “trò cười” cho thiên hạ, tại sao tác giả lại gán cho cô những cử chỉ vừa khích mạn vừa vô lý ấy?). Ở trường hợp này tác giả đặt đúng vấn đề song lại giải sai.

Những dẫn chứng của tâm lý học hiện giờ rất cần thiết cho nhà tiểu thuyết cũng như cho nhà soạn kịch. Đã để ra những nhân vật, tác giả có quyền tạo cho các nhân vật ấy một cá tính nào đó. Nhưng, khi cái phương trình cá tính của các nhân vật ấy đã dựng nêu ra, tác giả không có quyền thêm bớt nữa, tác giả bắt buộc phải làm thế nào để mỗi nhân vật ấy phải hành động, nghĩ suy phù hợp với cá tính của họ.

Trong vở kịch “Sáu nhân vật đi tìm tác giả” (Six personnages en quête d’auteur), Pirandello đã nhận thấy điểm quan trọng ấy. Bên tai tôi còn vang vang những lời phản đối hốt hoảng của một trong sáu nhân vật ấy

trong lúc tập tuồng, khi hắn thấy ông bầu gánh định sửa đổi vai tuồng của mình.

Những nhân vật trong các vở kịch cũng như trong các tiểu thuyết phải có một cá tính bất di bất dịch. Có như thế nó mới trường tồn. *(Nhiều nhân vật tiểu thuyết đã thành nhân vật điển hình: khi nói đến người hà tiện chúng ta nhớ ngay hình ảnh lão Grandet của Balzac, nói đến hạng anh hùng rơm, chúng ta liên tưởng đến chàng Don Quichotte của Cervantès, nói đến gã bợm bãi, chúng ta nhớ đến Sở Khanh và nói đến hạng buôn thịt người là chúng ta thấy ngay hình ảnh mụ Tú Bà của Nguyễn Du).* Sự trường tồn của một văn phẩm căn cứ ở điểm chính này là nó có đúng với tâm lý hay chẳng. Một quyển tiểu thuyết viết cách đây ba mươi năm vẫn còn có người thích đọc nếu nó chứa đựng được ít nhiều “thực chất của muôn đời”. Trái lại nó sẽ bị chôn vùi trong lãng quên nếu nó thuộc hạng “tâm lý giả hiệu”, nghĩa là chỉ hợp với thị hiếu thời đại. Khi cái thời ấy đã qua, không còn ai buồn xem tác phẩm ấy nữa. Xét trong văn học sử Pháp, quyển “Asirée” của Hononré là một pho tiểu thuyết rất đặng hoan nghênh ở thế kỷ XVII, nhưng hiện giờ có ai còn can đảm để đọc nó?

Hiện giờ, nếu xem lại những tác phẩm của thời kỳ lãng mạn đã từng làm rơi lụy bao nhiêu thanh niên nam nữ trong thời ấy, chúng ta bắt phì cười. Vì sao? Chỉ vì các nhân vật do những tác giả của thời ấy tạo ra không đúng với những mẫu người có thực mà chỉ là những mẫu người thích hợp với thị hiếu của thời đó, hoặc do óc tưởng tượng của các tác giả ấy đẻ ra. Họ tra cho các nhân vật ấy một “bộ cánh tâm lý” hợp với “thời trang” của thế kỷ thứ XIX thật, nhưng hiện giờ, khi thấy một người ăn mặc theo thời ấy, chúng ta sẽ tưởng chúng như họ ăn mặc theo lối trá hình. *(Xét trong văn học Việt Nam hiện giờ có ai còn tìm xem quyển “Tố Tâm” của Hoàng Ngọc Phách không? Không phải vì nó xưa, quyển “Kiều” của Nguyễn Du còn xưa hơn, song người ta vẫn đọc và vẫn thưởng thức “Kiều” nhưng không ai đọc “Tố Tâm” nữa chỉ vì các nhân vật trong truyện ấy không sát thực với tâm lý. Nhiều tiểu thuyết của Lê Văn Trương cũng ở trường hợp ấy. Có một thời tiểu thuyết của Lê Văn Trương đã đặng độc giả hoan nghênh, nhưng hiện giờ ít ai xem. Thời ấy thanh niên hoan nghênh Lê Văn Trương vì ông đề cao “triết lý sức mạnh”, nêu ra những “người hùng” rất hợp thời, bởi sau mấy mươi năm*

bị đô hộ, bị áp bức, tự nhiên con người ta phải thích cái gì “hùng”, “mạnh”. Rất tiếc là những nhân vật ông tạo ra có vẻ gò ép, những “người hùng miễn cưỡng” của ông có vẻ những hình nộm hơn là những người thực nên số mệnh của chúng cũng mong manh).

Tâm lý học và những tác phẩm cổ điển:

Chúng ta phải chịu rằng những định luật của tâm lý học hiện đại là đúng khi chúng ta nhận thấy: tất cả các nhân vật trong những tác phẩm đáng người ta cho là “cổ điển” đều có những cá tính rõ rệt.

Xem như những tác phẩm của Stendhal, lúc ông sanh tiền, tức là vào thời kỳ lãng mạn, không ai thích xem nhưng hiện giờ người ta lại hoan nghênh. (*Bạn đọc lưu ý: Thời điểm xuất bản sách này là 1956 – ldvinhquang*). Người đồng thời không hiểu ông, chỉ vì ở thời lãng mạn ấy Stendhal lại có can đảm đưa ra một Julien Sorel, nhân vật chính trong tiểu thuyết “Le Rouge et le Noir”, một mẫu người rất “thực” nhưng không hợp với phong trào lãng mạn thời bấy giờ.

Chúng ta có thể phân tách cá tính của Julien Sorel: một người nhiều hoạt động, nhiều tham muốn. Óc hợp đoàn cũng quá mạnh gần như đến mức khóa lác. Nhưng bởi kém lòng nhân nên hẳn phải giết người để thỏa mãn cao vọng của mình.

Xét ngay trong truyện “Kiều” ngoài phần văn chương trác tuyệt mà ở đây chúng tôi xin miễn bàn, chúng ta còn thấy cái tài của Nguyễn Du ở điểm: chỉ trong một tập truyện ông đã tạo ra bao nhiêu nhân vật điển hình vì mỗi nhân vật đều có một cá tính riêng biệt, những nhân vật ấy lại có những suy nghĩ và hành động hợp với cá tính của họ, tức là rất đúng với tâm lý, rất sát với “thực” do đó mà các nhân vật ấy sống mãi với thời gian.

Một nàng Kiều đa cảm lại đa tình (giàu lòng nhân, rất nhiều cảm xúc tính) nhưng ít nghĩ suy hoặc chỉ nghĩ suy bằng quả tim (kém có phán

đoán) lại quá suy nhược (thiếu hoạt động tính) nên cam sống một cuộc đời thụ động phó mặc cho định mệnh:

*“Phận sao đành vậy cũng vậy
Cầm như chẳng đổ những ngày còn xanh”*

Tính lại bất định gặp lúc tinh thần xuống dốc dám đắm mình xuống sông Tiền Đường.

Một Kim Trọng tượng trưng con người điều hòa, biết suy nghĩ, tâm tính bên trong xứng với cái mã ngoài “vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa”, vốn đa tình (giàu lòng nhân) nhưng không quá đa cảm (cảm xúc tính vừa phải), biết nhận định sự việc (nhiều óc phán đoán). Phải là người rất quân tử, có độ lượng biết suy nghĩ mới có thể thốt ra câu:

*“Bấy lâu đáy bể mò kim
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?
Ai ngờ lại hợp một nhà
Lọ là chần gối mới ra sắt cầm”.*

Một Từ Hải:

*“Giang hồ quen thói vẫy vùng
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo”.*

Tiêu biểu cho hạng người hoạt động, nhiều tham vọng (rất nhiều tham muốn, nhiều hoạt động tính) song dưới cái vỏ khô khan có ẩn núp nhiều tình cảm, khi có người biết đánh vào chỗ yếu cũng biết rung cảm như ai:

*“Khen cho con mắt tinh đời
Anh hùng đoán giở trần ai mới già
Một lời đã biết đến ta
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau”.*

Nhưng kém óc phán đoán, do đó mới phải chết một cách nông nổi vì tay Hồ Tôn Hiến, bởi nghe lời người yêu về đầu hàng. Cho nên về sau, nàng Kiều đã phải khóc:

*“Khóc rằng: trí dũng có thừa
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này”.*

Hiện giờ người ta còn tìm đọc truyện Kiều vì người ta vẫn còn nhận ra những nàng Kiều, những Kim Trọng, Từ Hải hoặc Sở Khanh, Hoạn Thư ngay trong xã hội hiện đại.

Trong số các nhà văn cận đại, có lẽ Khái Hưng là tác giả sở trường về tâm lý nhất, cũng có thể kể thêm Nhất Linh. Tuy nhiên những nhân vật ông đưa ra có giá trị không đồng đều, có những nhân vật thật “sống”, lại có những nhân vật rất “giả tạo”, khi ông cố gò ép để một vài nhân vật ấy thành ra nhân vật lý tưởng. Chẳng hạn trong “Nửa Chừng Xuân”, Mai và Lộc vẫn còn yêu nhau (theo tác giả), nhưng tác giả vẫn không để cho hợp nhau, chỉ vì muốn cho họ có thái độ “cao thượng” nhưng chính đó là chỗ hỏng vì người đọc thấy ngay tính tình giả tạo. Cô Hiền trong “Trống Mái” cũng rất giả tạo hoặc chỉ có óc tưởng tượng của tác giả vì tác giả đã tạo ra cho cô những hành động vô lý, những hành động không “người” chút nào.

Trái lại bà Ân Ba trong “Thừa Tự” rất điển hình cho hạng đàn bà tháo vác, keo kiệt (nhiều tham muốn), thương con nhưng thương vì mình chứ không vì hạnh phúc của con (kém lòng nhân và thiếu phán đoán), sống vì dư luận nhiều hơn vì mình (nhiều óc hợp đoàn). Bà định gả Cúc, con riêng của bà cho người con chồng chỉ vì muốn có chút nén hương sau khi chết và để đánh tan tất cả những điều dị nghị của thiên hạ về sự đổi dãi của bà với các con chồng.

Và giáo Hạnh, trong tiểu thuyết ngắn “Hạnh”, một thanh niên nhút nhát, mơ mộng cũng rất tiêu biểu cho con người nhút nhát vì suy nhược (rất nhiều cảm xúc tính nhưng kém hoạt động tính).

Một tiểu thuyết gia tiền bối, cụ Hồ Biểu chánh, cũng đã tạo ra nhiều nhân vật rất “sống”, dù chưa nổi bật hẳn để thành nhân vật điển hình. Tiểu thuyết của ông thiên về việc kể chuyện nhiều hơn là tả tình, tức là

ít phân tách tâm lý, tuy nhiên phần nhiều các nhân vật ông đã nêu ra đều diễn đúng tính tình của họ qua những hành vi và thái độ. Có lẽ nhờ chất “thực” này mà hiện nay độc giả (nhất là độc giả miền Nam) vẫn thích xem tiểu thuyết của ông.

Nhiều tác phẩm có tính cách nội quan như: hồi ký, tiểu thuyết tự thuật, ký ức v.v... cũng có thể tồn tại với thời gian mặc dầu trong những văn phẩm thuộc loại này tác giả thường vô tình hay “gia vị” phần nào, nhưng tựu trung nó cũng phản ảnh đáng một cá tính có thực. Vì lẽ đó những tác phẩm của P. Loti, của bà Colette được nhiều người mến chuộng. Những tác phẩm tác giả tự đem mình ra để phân tách như bộ “Essais” của Montaigne, “Pensées” của Pascal vẫn trường tồn cũng vì lý do nói trên. Trong văn học cận đại Việt Nam, chúng ta thấy có Nguyễn Tuân (Nguyễn Tuân trong thời tiền chiến) là nhà văn phô bày “con người” của mình một cách thành thực trong nhiều tác phẩm của ông. Qua những tác phẩm như “Thiếu Quê Hương”, “Một Chuyến Đi”, “Chiếc Lư Đồng Mắt Cua” người đọc hiểu rõ tâm hồn của tác giả một cách không mấy sai chạy, một tâm hồn ngời vức nên đâm ra khích bác, bất mãn hoàn cảnh hiện tại nhưng vì tâm thần suy nhược lại bất định nên chỉ biết đối phó bằng cách trốn đời, thích xê dịch mà ông ta gọi là “phiêu lưu”.

Tâm lý học và môn kịch:

Nhà soạn kịch vẫn phải thấu hiểu tâm lý học hơn nhà tiểu thuyết. Một quyển tiểu thuyết có khuyết kém về tâm lý, đôi khi có thể nhờ câu văn bay bướm hoặc màu sắc của những khung cảnh trong truyện che lấp đi phần nào. Nhiều tác phẩm của Chateaubriand chẳng hạn chỉ nhờ câu văn quyến rũ mà hiện nay còn đáng người tan ham thích, chứ xét về nội dung thực ra không còn đáng cho chúng ta chú ý. (Trừ tác phẩm “Mémoires d’outre-tombe” của ông nó thuộc loại nội quan. Mà thực vậy, hiện giờ trong số những tác phẩm của Chateaubriand chỉ có tác phẩm này là đáng người ta thường nhắc nhở nhất. Trong dịp kỷ niệm bách châu niên Chateaubriand gần đây người ta đã ấn hành lại tác phẩm này). Nhưng trên sân khấu, chúng ta đang thấy các diễn viên “sống” với vai

tuồng của họ. Khi những vai tuồng này không cấu tạo sát với tâm lý, chỗ khuyết điểm ấy sẽ nổi bật lên ngay và dù không sành về kịch người ta cũng dễ nhận thấy.

Chúng ta thường thấy khuyết điểm này trong nhiều phim ảnh hiện nay, lăm cốt truyện phim rất ngây ngô làm sao ấy, bởi những nhân vật trong phim dựng nên một cách giả tạo. Cái lộng lẫy của hình ảnh, sự rực rỡ của cảnh trí không làm cho chúng ta quên rằng các nhân vật hoạt động trên màn bạc là những con người. Ở điểm này chúng ta càng nhận thấy rõ thiên tài của Charlie Chaplin. Có lẽ ông là nhà soạn phim và diễn viên duy nhất có thể sắm tuồng trên một cách đồng hoang mà khán giả sẽ không một ai nhận thấy sự thiếu thốn về bối cảnh.

CHƯƠNG V - TÂM LÝ HỌC VÀ NGHỆ THUẬT BÁN HÀNG

Có một định nghĩa rất hay về thuật bán hàng: “Bán hàng tức là nghệ thuật làm sao cho khách hàng mua những món hàng và khách sẽ trở lại mà trong tay không mang theo những món hàng ấy”.

Định nghĩa này chứng tỏ: nghệ thuật bán hàng không cốt ở việc “tống” món hàng đi cho bằng được mà còn phải quan tâm đến việc “giữ khách”.

Như vậy, bán được một món hàng là vừa gọi cho khách ham thích món hàng và đồng thời cũng phải biết thỏa mãn khách hàng để khách có thể tín nhiệm nơi người bán.

Xem thế, sự thấu hiểu tâm lý rất cần thiết cho người đứng bán hàng cũng như cho những chuyên viên làm quảng cáo mà nhiệm vụ là cốt làm cho khách vừa biết đến món hàng vừa ham thích, muốn mua lấy món hàng ấy.

Những điều kiện để bán hàng:

Muốn bán được hàng phải có một vài điều kiện nào đó mà hai điều kiện cốt yếu là hiểu biết về món hàng và biết rõ khả năng mua hàng của khách tức là biết rõ sức mua của họ. Những điều kiện khác như: sức ham muốn của khách đối với món hàng, sự cần dùng món hàng của khách chỉ có ích nhưng không cần thiết.

Nghệ thuật của người bán hàng cốt ở chỗ biết gây ra cho khách hàng sự ham thích ấy và làm cho họ cảm thấy cần dùng món hàng.

Sự ham thích là một tình cảm bắt nguồn ở bản chất tham muốn và ở óc

tưởng tượng. Người ta thích có một vật gì đó và đồng thời người ta cũng tưởng tượng trước những lợi ích hoặc những thích thú mà vật ấy sẽ mang lại. Có thể nói lòng tham muốn là nền tảng của mọi việc mua chác, song như chúng ta sẽ thấy sau đây, những bản chất khác của cá tính cũng có xen vào trong một vài trường hợp nào đó.

Người ta quan sát và nhận thấy rằng sự ham thích của khách hàng đã phát sinh từ trước, trong cái thời kỳ “ấp trứng” mà khách hàng bị ảnh hưởng của quảng cáo, vì đã xem qua những tập in mẫu hàng, hoặc đã trông thấy mặt hàng.

Trong thời kỳ “ấp trứng” này, sự ham thích của khách hàng nảy nở thêm, song người bán hàng hoặc việc chào hàng phải đến cho kịp thời, vì nếu khách hàng không đăng chào đón đúng dịp, lòng ham thích của họ sẽ bị giảm đi, nhất là khi lúc ấy có món hàng nào khác thu hút sự chú ý của họ. Sự ham thích một vật gì đó có thể bị một sự ham thích khác bóp chết từ trong trứng.

Sự ham thích phát sinh do lòng tham muốn và óc tưởng tượng, cần được bồi bổ bằng những hình ảnh.

Vì thế, muốn gợi lòng ham thích của khách hàng chúng ta nên cung cấp cho họ những ảnh tượng hoặc là những giải thích. Đó là vai trò của những cáo bạch bằng tranh ảnh, những tập catalogue, những bích chương.

Các hiệu buôn lớn như “Au bon Marché”, “Galerie Lafayette” Canufactures d’armes et cycles de Sainte-Etienne” v.v... luôn luôn biết áp dụng nguyên tắc này. Trong những tập catalogue của các hiệu ấy, khi họ rao một món hàng nào đó thì luôn luôn có kèm tranh vẽ hoặc ảnh chụp món hàng.

Các sở du lịch khiêu gợi sở thích du ngoạn của hành khách bằng cách phô bày các phong cảnh đẹp của những phương trời xa lạ, kiểu mẫu những chiếc máy bay vững chãi, nhưng chiếc tàu thủy điện đầy tiện nghi v.v...

Những công ty xây dựng nhà phố để bán còn đi xa hơn nữa. Chẳng những họ trình bày họa đồ của những gian nhà, họ còn biết trình kiểu mẫu thầu hợp lại của những gian nhà ấy như nó đã dựng cất xong.

Biết áp dụng điểm quan sát tâm lý nói trên nên các hiệu buôn tân tiến hiện giờ biết bày biện tủ hàng của mình một cách hấp dẫn.

Tóm lại, luôn luôn nên giải thích với khách hàng bằng ảnh tượng, nói bằng hình ảnh, kích thích óc tưởng tượng, đánh mạnh vào phương diện tình cảm hơn là phương diện lý trí của cá tính.

Bán hàng là một công việc đặt cơ sở trên tâm lý học:

Chúng tôi đã nói, động lực chính trong việc mua hàng là tham muốn, vì muốn một món hàng tức là chuyển sang quyền làm chủ một món hàng từ trong tay nhà buôn về tay mình.

Tuy nhiên, lòng ham thích mua hàng lắm khi cũng phát sinh do sự kích thích của một trong những bản chất thiên nhiên nào đó của chúng ta hoặc một vài nét phức tạp nào đó thuộc tâm tính chúng ta.

Có nghiên cứu kỹ về cách bán hàng nhất định nào đó, chúng ta mới dễ nhận thấy bản chất nào đã làm động lực thúc đẩy việc mua hàng.

Đối với những món hàng thuộc nhu cầu khẩn thiết như cơm, thịt, rau cải hoặc những món đồ hộp, chỉ có nhu cầu sinh lý dự vào. Dù vậy, trong việc mua các món hàng cần thiết ấy, những bản chất như lòng tham muốn, óc hợp đoàn cũng có xen vào. Các nhà bán thịt luôn luôn biết chưng bày những khúc thịt hảo hạng, nếu nhà bán thịt mời khách mua những món thịt hạng thường, khách có thể lầm tưởng rằng nhà hàng khinh rẻ họ.

Ngoài một số ít món hàng nói trên, đa số những dịp bán hàng đều căn cứ trên một trong những bản chất thiên nhiên của chúng ta.

Việc bán các thức điểm trang như son, phấn chẳng hạn, căn cứ trên óc hợp đoàn (tính làm dáng) của người khách.

Có nhiều lý do khiến người ta mua cái máy hát hoặc chiếc máy radio. Có người mua vì thích nghe nhạc (cảm xúc tính) hoặc thích khoe vũ (hoạt động tính). Có người mua vì lòng nhân thúc đẩy, mua về để vợ con cùng có dịp vui chơi, cũng có khi do óc hợp đoàn xui khiến: trong những buổi họp giữa anh em, đừng có thêm chút nhạc đệm vào thì không khí buổi họp sẽ thú vị hơn. Cũng có khi do phần tâm trí thuộc cá tính tập thành làm động lực (khao khát học hỏi, thích mở mang sở học phổ thông).

Việc mua một chiếc ô tô vận dụng tất cả những bản chất thuộc cảm tính. Do tham muốn (dùng ô tô đi làm ăn), do lòng nhân (thích làm vui lòng vợ con), do óc hợp đoàn (để “lên mặt với hàng xóm”), do hoạt động tính (thích hành động nhanh chóng), do cảm xúc tính (thích mạo hiểm, thích chạy nhanh).

Động cơ thúc đẩy việc mua một quyển sách còn tùy nội dung của sách ấy. Người mua một quyển sách giáo khoa hay một quyển sách khảo cứu là do lòng tham muốn (muốn mở mang kiến thức) hoặc giả chỉ vì ham thích học hỏi, để thỏa mãn óc tò mò về khoa học (hoạt động tính).

Người mua một quyển tiểu thuyết tình là do cảm xúc tính, mua một quyển truyện phiêu lưu là để thỏa mãn trí tưởng tượng v.v...

Việc mua những trái phiếu, những cổ phần hội buôn là do lòng tham muốn, nếu chủ tâm người mua chỉ để dành tiền; những người mua cổ phần với mục đích đầu cơ trên thị trường chứng khoán là do lòng tham muốn mà cũng do cảm xúc tính (sự khoái trá vì hồi hộp trong khi đánh cuộc với may rủi mà những con bạc đều biết).

Trái lại, những việc mua chác có tính cách để dành vốn như việc mua

phiếu tiết kiệm, bảo hiểm sinh mạng là do tính phòng xa thúc đẩy. Tính phòng xa là sự phối hợp của tham muốn và lòng nhân.

Một thương gia sắm dụng cụ văn phòng là do tham muốn: lời thời gian, lợi tiền bạc mà cũng do hoạt động tính: muốn công việc chạy nhanh chóng.

Có nhiều lý do phức tạp thúc đẩy viên chủ hãng trang hoàng cửa hiệu lại cho tiện nghi hơn, cho mới mẻ và đẹp hơn. Trước hết là do lòng tham muốn (hy vọng sẽ bán hàng chạy hơn), do óc hợp đoàn (vì muốn sĩ diện với các đồng nghiệp), do cảm xúc tính (óc thẩm mỹ, có nhiều người thích làm việc trong những văn phòng lộng lẫy) và cũng có khi là do lòng nhân (để nhân viên có thể làm việc trong hoàn cảnh ấm cúng, đầy tiện nghi).

Một chủ gia mua sắm bàn tủ trang hoàng nhà cửa là do bản năng gia đình, thích sống yên vui (lòng nhân). Có khi là do tính thích tiếp tân, đãi đằng bè bạn hoặc vì sĩ diện (óc hợp đoàn) và một cách gián tiếp là do tham muốn (để gây thế trên địa hạt xã hội). Ngoài ra cũng có thể là do cảm xúc tính (óc thẩm mỹ, yêu chuộng những đồ vật đẹp).

Việc mua một cái tủ sắt là do bản năng bảo vệ tài sản (tham muốn), do cảm xúc tính (sợ mất cắp, bị cháy nhà). Người lo bảo hiểm nhà cửa cũng do những lý do nói trên.

Có nhiều lý do khiến người ta mua sắm quần áo. Những lý do này thay đổi tùy theo loại y phục người ta định mua sắm.

Bà khách đặt may chiếc áo dạ hội lộng lẫy là do óc hợp đoàn thúc đẩy (muốn làm đẹp, làm dáng) cũng có thể do cảm xúc tính (óc thẩm mỹ) hoặc do lòng tham muốn của ông chồng (tính kiêu ngạo).

Một ông sắm “bồ đồ vía” để đi giao thiệp làm ăn là do lòng tham muốn (ăn mặc bảnh bao mới có thể áp phe lớn).

Một “bà lớn” sắm chiếc áo da lông cừu đắt giá là do lòng tham muốn và

óc hợp đoàn (tính phô trương của sự xa hoa).

Việc bán bánh, bán mứt kẹo căn cứ trên tham muốn (tính tham ăn) nhưng cũng có thể do óc hợp đoàn (đối với các nhà bán bánh mứt vào dịp Tết Nguyên Đán hoặc Tết Trung Thu) khách mua bánh mứt không cốt để ăn mà để làm quà.

Người đặt một chiếc máy điện thoại là do óc hợp thích hoạt động mà cũng do tham muốn.

Người bán hàng da (rương, va li, các món đồ hành lý) có thể kích động hoạt động tính của khách hàng (thích thú xê dịch), óc hợp đoàn của khách hàng (đặng dịp phô trương các hành lý đặc tiền trong các lễ quán).

Nhà bán dụng cụ thể thao sẽ biết kích động hoạt động tính (thích vận động), cảm xúc tính (những cảm giác thể thao) và óc hợp đoàn của khách hàng (nhất là về các môn thể thao quý phái như quần vợt, đấu kiếm, đấu ngựa v.v...).

Người ta mua những món đồ phụ tùng ô tô vì muốn phô trương chiếc xe (óc hợp đoàn) vì óc thẩm mỹ, đối với một vài món đồ phụ tùng taxi để tô điểm chiếc xe (cảm xúc tính), vì tính tiết kiệm xăng nhớt hoặc giả có thể giúp chiếc xe khỏi hư hao (lòng tham muốn). Đôi khi vì là muốn chiếc xe thêm tiện lợi, chạy nhanh hơn hoặc khỏi sang số tay (hoạt động tính).

Người chủ nhà in có thể kích thích khách muốn in một tập catalogue đẹp bằng cách gợi lòng tham muốn (gia tăng thương vụ), gợi óc hợp đoàn (lấy sĩ diện, thêm tiếng tăm) hoặc gợi cảm xúc tính của khách hàng (óc thẩm mỹ).

Việc bán những mỹ phẩm như tranh, lọ sứ, tượng v.v... căn cứ trên cảm xúc tính (óc thẩm mỹ, lòng yêu cái đẹp) trên tham muốn (hy vọng sẽ có lãi, óc đầu cơ), (có những tay đầu cơ, lẽ dĩ nhiên là những người vừa rất am hiểu hội họa lại rất tinh mắt, mua tranh của một họa sĩ lúc họa sĩ ấy chưa có tiếng, nhờ đó họ mua với giá rẻ, đợi lúc họa sĩ ấy nổi tiếng sẽ bán những tranh ấy với giá đắt gấp nghìn lần) trên óc hợp đoàn (theo lối

các nhà giàu mới “nổi lên” mua tranh để khoe với bạn bè rằng mình cũng biết “thưởng thức” nghệ thuật như ai kia).

Người thích sưu tầm cũng như người thích đầu cơ là người vừa có nhiều tham muốn vừa can đảm. Song người sưu tầm có nhiều cảm xúc tính hơn tham muốn. Chúng ta đang thấy nhiều nhà sưu tầm khi mê say một món đồ vật nào đó, họ chẳng tiếc công tiếc của, lo kiếm cho bằng được những đồ vật ấy để sưu tầm. *(Có người sưu tầm tem bưu chính, sách quý, tranh đẹp, đồ cổ, lại có những người thích sưu tầm nhiều đồ vật lạ: các kiểu ống pip, các búp-bê, các kiểu mặt nạ, gươm giáo v.v...)*. Nhưng một khi họ đã rút hết các cảm xúc thích thú sưu tầm mang đến, khi họ không còn khoái trá ngắm nhìn các đồ vật ấy nữa, họ lại bán đi không chút luyến tiếc. Người bán đồ cổ sẽ biết nhấn mạnh ở hai điểm nói trên, nhưng ngoài ra, việc mua một chiếc bàn hoặc một cái tủ xưa cũng có thể do óc hợp đoàn gây ra (để lấy sĩ diện là nhà giàu xưa).

Người bán hoa sẽ biết gợi cảm xúc tính (thích đẹp), lòng nhân (để làm vui lòng người yêu), óc hợp đoàn (vì nhu cầu xã giao) của khách hàng.

Việc mua sắm những món hàng để làm quà căn cứ ở lòng nhân (để tặng người thân thích), ở óc hợp đoàn (để bắt cầu liên lạc, vì xã giao), hoặc ở lòng tham muốn (lấy con tép bắt con tôm).

Việc mua sắm có thể dẫn nhiều thí dụ khác. Nhưng bao nhiêu đó cũng đủ cho chúng ta thấy điểm quan trọng này là: trong việc quyết định mua một món hàng, những bảm chất thuộc trí tuệ ít khi can dự vào. Nghĩa là họ mua hàng thường do “tình cảm” hơn là do “lý trí”. *(Muốn móc tiền của khách hàng nên nhớ rằng cái ví (bóp) của họ ở gần quả tim hơn khối óc)*.

Đó là điều mà các tay bán hàng phải nhớ kỹ. Muốn bán được hàng, không cần phải biện luận với lý trí của khách hàng mà chính là phải đập mạnh vào tình cảm của khách hàng, bằng cách gợi ra sự ham thích mua hàng nó bắt nguồn từ cá tính thiên nhiên của con người.

CHƯƠNG VI - VẤN ĐỀ TUYỂN TRẠCH

Một vị thủ lĩnh, dù là một viên chủ hăng to có hàng nghìn nhân công dưới tay hay một viên cai xếp chỉ điều khiển một “kíp” thợ, luôn cũng phải đối diện với vấn đề khó khăn là tuyển trạch và chọn lựa những người giúp việc.

Người Anh nói: “Người nào ở đúng chỗ ấy”. Người Pháp nói: “Khi cần một người làm tính giỏi, thì đừng chọn một anh khêu vũ khéo”. Như vậy có nghĩa là ở mỗi chức vụ chúng ta phải biết chọn người có nhiều khả năng nhất để làm tròn chức vụ ấy, đó cũng là điều kiện tất yếu để một xí nghiệp có thể đi đến thành công, nhưng đó cũng là vấn đề khó thực hiện nhất.

Việc chọn lựa người làm cũng đặng gọi là công việc tuyển trạch nhân viên là một khoa học chưa mấy đặng phổ thông. Và cho đến hiện nay, trong việc tuyển trạch, người ta cũng chỉ áp dụng một vài điểm như xét về những khả năng thể chất hoặc về những kiến thức kỹ thuật mà một nhân viên cần phải có để hành nghề.

Những phương pháp thường dùng trong việc tuyển trạch:

Trong việc mộ lính chẳng hạn, người ta chỉ chú trọng về phương diện thể chất. Người lính tương lai phải có một vòng ngực đo bao nhiêu phân, cân nặng bao nhiêu, phải có một sức khỏe trung bình, không vướng phải bệnh tật di truyền.

Một lối tuyển trạch khác, thường đặng các công sở và tư sở áp dụng là lối xem xét cấp bằng của người xin việc. Trong lối tuyển trạch này người ta căn cứ theo sở học chuyên môn của thí sinh, theo dĩ vãng, theo cái kinh nghiệm mà người ta ước đoán rằng họ phải có. Cũng có khi

người ta buộc các thí sinh trải qua những cuộc khảo xét về khả năng chuyên nghiệp.

Thường khi người chủ hãng chấp nhận hay không chấp nhận người xin việc chỉ do theo tình ý của họ. Họ rất am hiểu rằng các giấy chứng nhận giúp việc không có giá trị mấy. Vì thường khi các chủ hãng cấp giấy chứng nhận cho người giúp việc một cách lấy lệ, không mấy khi họ bình phẩm về giá trị, về tài năng của người đã giúp việc cho họ. Lại có những người chủ quá tốt bụng, cấp những giấy chứng nhận “tán dương” người giúp việc cho họ một cách quá đáng.

Trong việc thuê nhận người giúp việc lại còn phần “rủi may” xen vào. Trong số những người đến xin việc, người chủ thường nhận những người nào đến trước nhất, nhận một người nào đó có thể tạm dùng cũng được. Họ không đủ nhẫn nại đợi khảo xét hàng chục người.

Ngoài ra còn yếu tố “gửi gắm”. Lắm khi người chủ vì nể nang một người quen biết nào đó đã gửi gắm người đến xin việc, nhất là khi người “gửi gắm” ấy lại có địa vị trên họ, nên họ phải nhận để khỏi phụ lòng người trên.

Những nền tảng trong việc tuyển trạch hợp lý:

Bao nhiêu người chủ đã phải thất vọng, bất mãn về những người giúp việc. Điều ấy chứng tỏ rằng những phương pháp xưa nay người ta đã áp dụng trong việc tuyển chọn người làm chưa đặt hoàn bị, mà như thế là bởi người ta không quan tâm đến yếu tố quan trọng này: giá trị về tình cảm và tinh thần con người.

Khi một công việc làm không còn là công việc hoàn toàn thuộc sức vóc, hoặc có tính cách máy móc thì chúng ta phải quan tâm đến cá tính của người làm việc. Các xử sự và hành động của một người, trong đời sống thường ngày cũng như trong khi làm nghề, đều lệ thuộc cá tính. Một nhân công không phải là một chiếc máy. Khi họ bước chân vào sở làm,

họ vẫn mang theo cả tâm tính và tâm trí của họ. Thường khi họ cố giấu nhẹm nó đi phần nào, khi họ thấy những bẩm chất thiên nhiên có phương hại đến việc hành nghề.

Vả lại, hầu hết các nghề nghiệp đều có vận dụng ít nhiều những bẩm chất thuộc cảm tính những khả năng tinh thần.

Một người không thích giao du, suy nhược lại kém trí nhớ làm sao trở thành một tay bán hàng giỏi? Một viên thanh tra thiếu óc phán đoán làm hại nhiều hơn là làm ích cho hãng. Giao cho người đa cảm xúc điều khiến một bộ máy, họ dễ làm hư hỏng. Chỉ có thể dùng người đần độn, lạnh lùng, kém trí tưởng tượng trong những công việc có tính cách máy móc, giao cho họ những chức vụ đòi hỏi nhiều sáng kiến hoặc sáng tạo là hỏng. Những chức vụ đòi hỏi sự tin cẩn không nên lọt về tay một người quá nhiều tham muốn. Một viên chủ sự phòng bút toán phải có “óc kỷ hà”. Một anh khờ làm sao thi hành nổi một công việc đòi hỏi óc phán đoán? Một kỹ thuật gia giàu tưởng tượng và đa cảm sẽ đưa ra những phương lược quá viễn vông v.v...

Cũng nên nhân mạnh: những bẩm chất thiên nhiên của con người dù có bị ảnh hưởng phần nào của giáo dục, của học vấn, cũng còn giữ lại cái mầm gốc. Chúng ta có thể dùng những kiến thức một cách hay hoặc dở.

Sự thịnh vượng của một xí nghiệp lệ thuộc nhiều yếu tố: tài sản của những dụng cụ, sự tổ chức nội bộ, nhưng trên hết những yếu tố ấy còn một yếu tố khác rất quan trọng nhưng ít ai quan tâm đến: cái tinh thần của xí nghiệp. Cái tinh thần nó làm các nhân viên thêm tin tưởng ở sự thành công chung, nó làm cho họ thêm sốt sắng, hăng hái, tin cậy ở công việc chung. Cái tinh thần ấy là tổng số của những tinh thần riêng của tất cả mỗi nhân viên giúp việc cho xí nghiệp.

Vì thế trong khi tuyển chọn nhân viên, chẳng những người chủ phải biết chọn người thạo nghề, hiểu nghề mà còn phải lựa những người mà xét ra cá tính của họ có thể thích ứng với công việc, những người mà xét ra bẩm chất thiên nhiên của họ có thể tạo nên sự điều hòa trong xí nghiệp.

Những trắc nghiệm tâm lý kỹ thuật:

Chúng ta đã thấy ít nhiều về cách tuyển trạch người làm trong những nghề đòi hỏi những đức tính tâm lý kỹ thuật như nghề lái xe ô tô buýt, nghề lái xe lửa, nghề lái phi cơ v.v...

Trong các ngành nghề này, khi tuyển chọn nhân viên người ta đã biết dùng những phương pháp khoa học, những máy để đo lường những phản ứng của thí sinh.

Nhờ vậy hiện nay người ta có thể đo lường một cách không mấy sai chạy khả năng “chú ý rải rác” của một người tức là khả năng làm cho một người có thể chú ý đến nhiều việc trong một lúc. Người ta cũng có thể đánh giá một người tức là khi nghe thấy một hiệu lệnh người ấy sẽ thi hành theo mệnh lệnh ấy nhanh hay chậm. Cũng có thể dùng nhiều trắc nghiệm để đo lường sức chịu đựng với sự mệt mỏi, mức độ cảm xúc, khiến ước lượng những khoảng cách của một người.

Do kết quả của những trắc nghiệm đã thí nghiệm ở thí sinh, người ta sẽ rút lấy một con số biên hiệu rồi so sánh với số biên hiệu tối thiểu mà trước đó người ta đã lập thành hầu dựa theo đó xét xem thí sinh ấy có đủ khả năng để làm nghề chăng.

Phương pháp này đã đem lại nhiều kết quả tốt trong những nghề như lái phi cơ, lái xe hỏa hoặc ô tô buýt... mà sự an ninh công cộng phải nằm trong tay của một người. Những bảng thống kê đã chứng tỏ rằng nhờ biết tuyển chọn nhân viên theo phương pháp tâm lý kỹ thuật nên những tai nạn do sự bất cẩn của người lái xe gây ra đã giảm bớt rất nhiều. Tưởng khỏi phải nói khả năng của con người có thể thay đổi bởi tuổi tác hoặc bệnh hoạn. Vì thế sau một thời gian nào đó, người ta lại buộc các nhân viên ấy trải qua một cuộc thí nghiệm mới.

Những phương pháp tuyển trạch:

Đo lường những phản ứng sinh lý của một người tương đối mà xét, có thể cho là việc dễ. Nhưng, chỉ định cách rõ rệt những hệ số tâm lý của một người thực ra cho đến ngày nay chưa ai tìm ra một phương pháp nào chắc chắn cả.

Việc khảo xét về tâm lý này rất tế nhị và đòi hỏi nhiều kinh nghiệm, nhiều đức chính xác. Tuy không có cao vọng quy định thành phương pháp, chúng tôi thấy có thể dùng bốn phương tiện say đây để khảo xét về khả năng tâm lý của một người.

- Dùng lối chất vấn.
- Dùng những trắc nghiệm.
- Dùng lối đoán tuông chữ.
- Dùng lối khảo xét cách trực tiếp.

Phải đồng thời dùng bốn phương tiện này rồi đối chiếu kết quả, sau đó sẽ rút lấy trung bình mới có thể đoán đúng sát.

Còn một phương tiện khác: xem tướng diện, nhưng chúng tôi không đề cập đến mặc dù có nhiều người tán dương nó. Ở một phần sau (*Chương: Khảo xét trực tiếp*) chúng tôi sẽ nói rõ tại sao lối xem tướng diện không có giá trị.

Dùng lối chất vấn:

Trong đời sống hàng ngày, khi muốn hiểu biết về một người nào, chúng ta thường tìm cách trò chuyện với họ, hỏi han họ về điều kia việc nọ. Quan sát cá tính con người theo lối này rất dễ lầm lạc. Vì người bị chất vấn tự nhiên biết che đậy ý nghĩ của họ, nếu gặp phải người đa cảm, suy nhược, họ lại không trả lời ngay những câu hỏi của mình.

Nhưng thay vì chất vấn bằng miệng chúng ta có thể ghi các câu hỏi trên giấy để họ trả lời cũng bằng giấy mực.

Phải đặt ra nhiều câu hỏi và những câu hỏi này phải đăng chọn lựa cách khéo léo cốt những câu đáp ít ra có liên hệ trực tiếp đến một trong những phẩm chất cốt yếu của các tính người bị chất vấn.

Thí dụ nếu chúng ta hỏi một người: “Anh có yêu trẻ con, có yêu súc vật không?”, “Anh có cho bạn bè mượn tiền chẳng?”, “Anh có tham gia những công cuộc phước thiện chẳng?”. Và nếu người ấy trả lời “có” đối với những câu hỏi ấy, chúng ta có thể cho rằng lòng nhân của họ khá nhiều.

Hỏi về những cao vọng, những ước vọng của một người chúng ta có thể phán đoán về phẩm chất “tham muốn” của họ, lẽ dĩ nhiên là phán đoán một cách tạm bợ.

Những lời thú nhận bằng giấy mực này có giá trị ra sao? Sau đây là ý kiến riêng của chúng tôi.

Trong lối chất vấn này phải biết phòng bị một vài điều. Trước hết, phải làm cho người bị chất vấn đăng an tâm, phải làm cho họ hiểu rằng họ có ích lợi mà nói thực và nhất là phải cam kết với họ rằng những lời thú nhận ấy sẽ đăng giữ bí mật. Lại nữa, đừng để người bị chất vấn có thì giờ suy nghĩ quá lâu: chỉ cho họ một thời giờ nhất định, thí dụ nửa giờ chẳng hạn khi nhận đăng câu hỏi là họ phải nộp xong những câu đáp.

Muốn nhận định giá trị những tài liệu đã nhận được cần phải biết đoán giải. Nếu đã khéo đặt những câu hỏi thì người bị chất vấn dù có nhiều óc hợp đoàn tức là hay có tính nói dối đi nữa cũng khó mà giấu giếm tâm tư của họ qua bao nhiêu câu hỏi. Chỉ nội một việc họ không trả lời về một vài câu hỏi khó nghĩ nào đó hoặc giả họ trả lời miễn cưỡng, trả lời để trốn thoát cũng đủ cho chúng ta nghi ngờ lòng thành thật của họ (bệnh khoát lác). Nếu trong những câu đáp của họ lại nhiều điểm tương phản nhau, chúng ta có thể đoán họ là người giả vờ, giả dối. Chẳng hạn một

người bị chất vấn ở một đoán trước trả lời rằng: “Họ rất dễ bị xúc động trong những công trình kỹ thuật”, rồi ở một đoạn sau lại thú nhận rằng: “Họ là người rất điềm nhiên”, sẽ làm cho chúng ta nghĩ rằng họ không thành thực.

Về mặt khác, lối chất vấn này cũng là một hương diện hay để dò xét cá tính tập thành của một con người.

Tóm lại, sau khi mới xét qua những câu đáp, chúng ta chưa nên phán đoán một cách vĩnh quyết, chúng ta chỉ nên xem, chúng ta chỉ nên gán cho những kết quả ấy một cách tạm bợ, để rồi nếu có dịp khác sẽ kiểm soát lại.

Dùng những trắc nghiệm:

Trắc nghiệm là một phương tiện khác dùng để khảo xét cá tính của con người. Trắc nghiệm là một công việc, một tác động đã định xếp đặt trước mà người ta bảo người bị trắc nghiệm làm nhưng không cho đương nhân biết trước, cốt ý để làm tỏ rõ một vài bấp bênh cốt yếu về tâm tính hoặc tâm trí của đương nhân.

Có nhiều thức trắc nghiệm, ở đây chúng tôi chỉ dẫn cứ một vài thí dụ. Muốn khảo xét về trí nhớ, người ta có thể dùng nhiều trắc nghiệm khác nhau:

Trí nhớ về thính giác: đọc một đoạn văn thật chậm cho đương nhân nghe rồi bảo họ lặp lại.

Trí nhớ về thị giác: Bắt đương nhân đọc một đoạn văn rồi bảo họ tóm luận. Bắt đương nhân đọc một loạt con số rồi bắt họ lặp lại v.v...

Một trắc nghiệm để xét về trí tưởng tượng: cho đương nhân xem một vật gì đó rất tầm thường, sau đó bắt họ diễn tả lại và nói thật dài dòng

về món đồ vật ấy trong năm mươi phút, lẽ dĩ nhiên họ phải thêm dặt thêm.

Có nhiều trắc nghiệm về óc phán đoán, sau đây là một: Bắt đương nhân đọc một bài khá dài trong đó có một ý chính đã phụ diễn, sau đó hỏi họ trong bài ấy có đoạn nào là đoạn quan trọng mà người ta không thể bỏ, vì nếu bỏ thì bài ấy sẽ mất ý nghĩa.

Những câu đố “mẹo” không đòi hỏi nhiều kiến thức có thể dùng làm trắc nghiệm để xét về óc phán đoán.

Sức chú ý là một áp dụng của óc phán đoán. Những trắc nghiệm về sức chú ý có thể gián tiếp cho chúng ta biết về giá trị óc phán đoán của một người. Sau đây là một vài trắc nghiệm về sức chú ý: Để đương nhân ngồi đợi trong một gian phòng có nhiều món đồ vật hơi lạ mắt, hoặc có một tấm bảng viết những dòng chữ hơi khác thường, sau đó đột nhiên sẽ hỏi đương họ đã nhận thấy những gì. Hoặc giả, bảo đương nhân tả lại đoạn đường họ đã trải qua để đi từ nhà họ đến sở làm. Một trắc nghiệm khác: Để trước mặt đương nhân một đồng đồ vật khác nhau rồi bảo họ xếp thành loại, thành hạng.

Có thể nhận xét về óc hợp đoàn bằng thí nghiệm sau đây: Bắt đương nhân thuật lại một việc, một biến cố nào đó mà họ đã chứng kiến và chúng ta cũng biết rõ. Nếu họ thuật lại một cách không sai chạy, không thêm bớt chúng ta sẽ biết mức độ lòng thành thực của họ đến đâu.

Có thể đo lường cảm xúc tính một cách khá chắc chắn. Sức điện trở của làn da bị thay đổi ngay khi người ta xúc động. Nếu không sẵn có những máy đo lường cảm xúc, chúng ta cũng có thể quan sát những phản ứng của đương nhân bằng cách đột nhiên đặt họ vào những tình trạng nguy biến, thí dụ thỉnh linh để rơi một món đồ kề bên họ hoặc tình cờ đốt một cây pháo.

Muốn quan sát về hoạt động tính chúng ta có thể bảo họ làm một công việc tầm thường nào đó, rồi xem các họ thực hiện nhanh hay chậm.

Thí nghiệm về lòng nhân hơi khó, tuy thế chúng ta có thể nghĩ ra một trắc nghiệm hơi tế nhị về đức liêm khiết (mà đức liêm khiết là dấu hiệu của lòng nhân). Trắc nghiệm ấy như thế này: Lập một bảng kê nhiều hành vi khác nhau, từ những tội ác đến những việc thiện, qua những hành vi gần vượt qua mức liêm khiết. Thí dụ: giết người vì muốn cướp của hoặc vì tình yêu, căn cắp vì tham lam, ăn cắp vì thích xa hoa, gian lận quan thuế, ăn cắp của chủ, nói gian dối, cứu người bị nạn v.v... Phải kể ít ra 30 hoặc 40 hành vi khác nhau. Sau đó chúng ta sẽ bảo đương nhân xếp hạng những hành vi ấy theo một trật tự nhất định. Đứng đầu những hành vi hợp với đức liêm khiết và đi dần xuống dưới, những hành vi kém liêm khiết, thiếu hẳn liêm khiết. Ngoài ra bảo họ phân định ranh giới những hành vi liêm khiết và những hành vi gian trá.

Cũng có thể dò xét lòng nhân bằng cách bảo đương nhân nói về gia thế, về vợ con, gia đình của họ v.v...

Muốn đo lường bầm chất tham muốn, chúng ta phải khéo gợi chuyện và hướng câu chuyện về những nỗi khó khăn của đời sống, về việc ăn tiêu, về tiền bạc, về danh vọng v.v...

Có thể dùng một vài trắc nghiệm để dò xét về những thứ tính tình pha trộn, thí dụ tính ân cần, hay giúp đỡ người (lòng nhân + hoạt động tính), tính nhã nhặn (lòng nhân + óc hợp đoàn).

Chúng ta cũng nhận thấy điều này: đối với những bầm chất biểu hiện một cách phát động như hoạt động tính và cảm xúc tính hoặc đối với những bầm chất có tính cách thụ động, chúng ta dễ lập ra nhiều trắc nghiệm để khảo xét. Trái lại những bầm chất như lòng nhân, tham muốn, óc hợp đoàn chúng ta phải dùng đến chước thuật mới có thể dò xét. Phải biết cách đặt người bị thí nghiệm vào một hoàn cảnh mới lạ có thể làm nổi bật bầm chất chúng ta muốn dò xét.

Dùng lối đoán tuồng chữ:

Từ lâu rồi người ta đã biết dùng lối đoán tuồng chữ làm trắc nghiệm. Nhưng người ta cũng thường gán cho nó một giá trị quá đáng trong việc nhận xét về cá tính con người.

Đành rằng viết chữ là một cử động có tính cách tự động và như thế, nó có liên quan phần nào đến những bẩm chất cốt yếu của con người. Nhưng đó là một cử động đã đặng rèn tập mà loài người mới thu thập cách đây không bao lâu, tương đối mà nói. Xưa nay đã có bao nhiêu người dốt không biết viết. Vì thế nó không liên quan đến những phản ứng diễn ra đồng thời với những cảm xúc, những cảm xúc đã có từ khi có nhân loại.

Tuồng chữ liên thuộc đến cá tính tập thành nhiều hơn cá tính thiên nhiên. Điều này dễ nhận thấy, vì tuồng chữ của mỗi người đổi thay rất nhiều qua các giai đoạn đời sống.

Vả lại tình trạng thể chất của người viết có thể ảnh hưởng mạnh đến tuồng chữ như chúng ta đã biết, trong phép đoán tuồng chữ, khi thấy những dòng chữ viết đi lên, người ta đoán đó là điểm chỉ một cá tính hăng hái, hiếu động, còn những dòng chữ đi chìm xuống dưới là dấu hiệu tinh thần suy nhược. Nhưng có lắm người hoạt động lại có thể viết nên những dòng chữ đi xuống, chẳng hạn gặp lúc họ đang trải qua một cơn đau yếu tạm thời. Xem tuồng chữ họ viết lúc bấy giờ rồi đoán họ là người kém hoạt động tất nhiên là sai.

Có người lúc ban sáng viết chữ rất đều đặn nhưng vào buổi tối lại viết cong queo, nhất là những người đã có tuổi, viết nhiều rất dễ bị mỏi tay, run tay. Nếu thấy tuồng chữ viết đều đặn mà cho rằng đó là dấu hiệu tính thận trọng, chín chắn sợ e có khi sai.

Nhưng xem nét chữ để đoán trình độ học thức của một người thì không mấy sai chạy. Người học cao viết chữ lối giản dị gần giống như lối chữ in, nhất là ở những chữ cái không đánh vòng cong queo, rắc rối. Người dốt viết tuồng chữ gần giống tuồng chữ trẻ con, những nét chữ rụt rè, mập mờ không đặng chắc chắn.

Vì thế, chúng ta phải dè dặt khi xem tuồng chữ để nhận xét về cá tính thiên nhiên. Nó chỉ có giá trị phần nào để xét đoán về những phẩm chất thuộc hoạt động tính (tức là hoạt động tính và cảm tính). Người nhanh, người đa cảm khó mà viết chữ đều đặn. Song những phẩm chất như lòng nhân, tham muốn, óc hợp đoàn không mấy khi lộ hình trong nét bút. Dù có dùng lối khảo xét trực tiếp để nhận xét về những phẩm chất ấy cũng còn khó thay. Nghe một người nói chuyện, chúng ta có thể đoán biết họ hiền động hay suy nhược, song chúng ta khó dò biết họ hiền hay dữ, ngay hay gian, nhiều tham vọng hay bất vụ lợi, vì lẽ những phẩm chất như lòng nhân, óc hợp đoàn, lòng tham muốn không biểu lộ rõ rệt.

Vả lại như ông F. Michaud đã nhận xét rất đúng: việc xem tuồng chữ chỉ cho chúng ta biết về “phẩm” hơn là “lượng” của một phẩm chất. Một người tinh thần bất định có thể có một tuồng chữ đặc biệt mà cũng có thể tuồng chữ của họ rất thông thường. Có những con bệnh tinh thần viết ra những nét chữ đặc biệt, lại có những con bệnh khác không để lộ vẻ gì trong tuồng chữ viết của họ cả.

Chúng ta có thể kết luận: lối xem tuồng chữ không phải là một trắc nghiệm chắc chắn. Có thể dùng nó để quan sát một vài phần nào đó trong cá tính con người. Và luôn luôn trong việc khảo xét chúng ta nên dè dặt, chỉ nên kết luận tạm thời, chờ khi có dịp sẽ kiểm điểm lại những nhận xét.

Về cách tuyển trạch:

Muốn tìm người giúp việc người ta thường đăng quảng cáo trên báo. Nếu phải chọn những nhân viên cao cấp, người ta đăng tìm người trong những tập kỳ yếu của các hội ái hữu cựu sinh viên các trường lớn.

Dù có dùng lối nào, cách thức viết một bài rao trên báo để tìm người cũng không khác. Phải nói rõ những điều kiện tối thiểu: tuổi tác, khả năng, tính các của chức vụ, những cấp bằng chứng chỉ v.v... Tốt hơn nên hài

thật rõ những chi tiết như thế những người xin viết xét ra thiếu điều kiện sẽ không phải mất công đến hỏi. Cũng nên buộc người xin việc trả lời bằng thư tay như vậy chúng ta có dịp xem xét tuồng chữ của họ và có một quan niệm đầu tay về họ (lẽ dĩ nhiên với tất cả sự dè dặt).

Lúc mời người xin việc đến, chúng ta nên hẹn với họ một giờ nhất định, hầu có việc nhận xét về tính thận trọng của họ (xem họ đến sớm hay muộn). Trước khi dùng những trắc nghiệm hoặc lối chất vấn mà chúng tôi đã bàn ở trước, nên tiếp chuyện với họ trong giây lát. Đó là cuộc khảo xét đầu tay.

Ở chương VIII sau đây, nói về cách khảo xét trực tiếp để nhận định cá tính của một người, chúng tôi sẽ chỉ rõ cách thức “điều tra” này.

Trong lúc tiếp chuyện, chúng ta phải chọn một hai thái độ sau đây. Hoặc giả ra vẻ nghiêm khắc, khó kính, xẵng xớm, phụ phàng, cốt làm khó người xin việc để dò xét những phản ứng của họ. Hoặc giả giữ thái độ bãi bôi, nhã nhặn để cho họ vững bụng, tin cậy. Hai chiến thuật để “thử người” này đều có một số đông chủ nhân mang dùng và mỗi phe đều có những lý lẽ rất hay. Phái trước cho rằng dùng lối “cứng rắn” như thế mới có thể đo lường tinh thần chiến đấu của người xin việc. Riêng tôi, tôi thích dùng lối “mềm dẻo” hơn. Đừng quên rằng người đi xin việc đã bị đặt để trong một tình thế “lép vế” và tinh thần họ tự nhiên bị sút phần nhiều. Bắt nạt họ chỉ làm cho họ thêm lúng túng và như thế e chúng ta sẽ phán đoán về họ một cách sai lầm. Vả lại, muốn nhận xét về sức hoạt động của họ, chúng ta có thể dùng nhiều phương tiện khác. Làm cho họ vững lòng, an tâm, chúng ta sẽ dễ nhận xét về họ hơn.

Có thể áp dụng chiến thuật “cứng rắn” khi chúng ta muốn chọn người để lãnh một vài chức vụ nào đó đòi hỏi nhiều hoạt động, nhiều cương quyết.

Những giấy chứng nhận:

Chúng tôi đã nói: Những giấy chứng nhận không có mấy giá trị. Muốn xét về quá khứ của người xin việc chúng ta chỉ cần lưu tâm ba điểm sau đây:

1) Họ đã giúp việc cho bao nhiêu sở? Thời gian họ giúp việc ở mỗi nơi này dài hay ngắn? Đối với một người năng thay đổi chỗ làm chúng ta có thể đoán rằng họ có một vài tật xấu bất trị nào đó nên bị chủ “cho về”, nhưng cũng chưa đúng lắm bởi có người thay đổi sở làm vì tính họ thích đời đổi, có người thay đổi sở chỉ vì họ gặp một bước chướng may nào đó.

2) Những lý do khiến họ nghỉ việc. Về điểm này người xin việc hay giấu sự thật và thường đưa ra những lý do không đâu. Một vài ông chủ lắm khi vô tình cũng che đậy cho nhân viên mình.

3) Những phận sự họ đã nhận lãnh trong chức vụ trước. Điểm này không cần phải giải thích.

Tóm lại, dùng lối khảo xét trực tiếp chúng ta đặng biết về những khả năng thuộc thể chất, về cá tính tập thành của người xin việc. Trong khi tiếp chuyện với họ chúng ta đã có dịp khảo xét về trình độ văn hóa, về kiến văn, về thị hiếu, về thói quen của họ, tức là về cá tính tập thành.

Về cách chọn người:

Theo nguyên tắc, nên đề phòng những người mà các phẩm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính của họ phát triển quá mức hoặc quá kém.

Như chúng ta thường thấy, đến mức độ cực đoan ấy họ đã biến thành những con bệnh.

Khó mà dùng một người thờ ơ, không biết ham thích (kém tham muốn) vì ở họ thiếu một động lực thúc đẩy họ hành động. Và ngược lại, một người quá nhiều tham muốn dễ đi đến chỗ gian xảo.

Một người giàu lòng nhân tự nhiên có tính yếu đuối, không thể dùng họ trong những chức vụ đòi hỏi nhiều uy tín, nhưng ngược lại, một người gian ác thiếu lòng nhân còn nguy hiểm hơn bội phần.

Nên dè dặt đối với người có nhiều óc hợp đoàn hay nói thêm, bớt. Đối lại, người cau có, không thích giao thiệp cũng không thể nhận lãnh một vài chức vụ (như nghề bán hàng chẳng hạn).

Phải gạt bỏ những người suy nhược qua một bên, có mong gì một người không biết hoạt động giúp đỡ chúng ta? Có thể dùng một người hiếu động trong những chức vụ cần nhiều hoạt động nhưng đừng đặt họ ở những chức vụ quá nhàn rỗi.

Lại có người hiếu động vì bị kích thích quá mạnh nên sanh ra chứng tâm thần bất định, khi thì họ hăng hái khi thì họ nằm co. Đến cái mức gần thành bệnh ấy, khó mà dùng họ.

Có thể dùng người lạnh lùng, điềm nhiên (kém cảm xúc tính) vào nhiều việc trừ những công việc đòi hỏi ít nhiều cảm xúc. Không thể giao cho những người đa cảm thái quá những công việc đòi hỏi đức điềm nhiên (nghề tài xế chẳng hạn).

Xét về những phẩm chất thuộc tinh thần, óc phán đoán luôn luôn cần thiết trừ phi những chức vụ mà công việc làm đã đặt tổ chức một cách máy móc không cần dùng đến trí tuệ.

Óc phán đoán là tính cốt yếu trong cá tính con người, nó gây ra sức chú ý và nó là yếu tố quan trọng của ý chí. Trong việc chọn người, nên quan sát kỹ về óc phán đoán, nhất là đối với những chức vụ đòi hỏi ít nhiều lương tri.

Trí nhớ luôn luôn có giúp ích trong việc hành nghề, có những nghề nó lại trở nên khẩn thiết. Không thể dùng người hoàn toàn đãng trí trong một công việc nào cả.

Óc tưởng tượng quá dồi dào có khi bất lợi. Ở những chức vụ tùy thuộc, hạ cấp tốt hơn nên chọn người chỉ có óc tưởng tượng vừa đủ thôi. Chính óc tưởng tượng đã khiến cho lắm người có những hành vi bất thường mặc dù những phẩm chất khác của họ rất bình thường. Lẽ đương nhiên trong những nghề nghiệp đòi hỏi sức sáng tạo, bất luận trong địa hạt nào, người hành nghề bắt buộc phải có một óc tưởng tượng thật dồi dào, dù có thật quá nhiều đi nữa cũng chẳng sao.

CHƯƠNG VII - BÀN VỀ CÁCH CHỌN NHỮNG NGƯỜI GIÚP VIỆC

Những điều kiện tổng quát:

Khi nhận một người giúp việc dù thuộc hạng nào, chúng ta đều đòi hỏi người ấy ít ra phải có hai đức tính cốt yếu không thể thiếu: siêng năng và liêm chính. Làm sao có thể dùng một người lười biếng, gian tham, dù là dùng họ để làm một công việc nhỏ nhất nào.

Thói lười biếng có nhiều nguyên do. Có người lười biếng vì kém tham muốn, thiếu lòng nhân hoặc thiếu hoạt động tính.

Ở một phần trước, chúng tôi đã có phác họa tâm lý của một người siêng năng. Người siêng năng, cần cù luôn luôn có ít nhiều tham muốn, nó làm cho họ nhận thấy một mục đích trong công việc làm, họ có ít nhiều hoạt động tính (thích hoạt động), ít nhiều cảm xúc tính và đôi chút lòng nhân nhờ đó họ có tính thận trọng.

Tính liêm chính không hẳn là do cá tính thiên nhiên mà ra, biết liêm chính là biết kính trọng quyền sở hữu của người khác, biết giữ lời đã hứa, biết phân biệt cái gì thuộc về người và cái gì thuộc về mình. Người đặng có đức tính ấy là do giáo dục, do những luật lệ luân lý xã hội. Những trẻ con ít biết liêm chính.

Bất cứ món gì của ai mà hễ chúng bắt gặp là chúng chụp lấy ngay, chúng xông vào nhà người khác không chút e ngại, hình cả thế giới là thuộc về chúng.

Tuy nhiên, một vài bẩm chất thiên nhiên có thể khiến con người vượt qua những luật lệ luân lý, mặc dù đó không có tính cách quyết định.

Người quá nhiều tham muốn rất dễ có những hành động gian xảo hơn người ít tham muốn. Tuy nhiên một người nhiều tham vọng vẫn có thể rất liêm chính nếu họ có chịu ảnh hưởng những nguyên tắc gặt gao của tôn giáo hoặc giáo dục. Hoạt động tính kém, óc hợp đoàn phát triển quá mạnh cũng có thể làm cho người ta gian xảo. Nói dối, tức là đã thiếu đức liêm chính về tinh thần (mà, như chúng ta đã biết: người có nhiều óc hợp đoàn thường nay nói khoác). Nhưng chỉ có bầm chất lòng nhân là ảnh hưởng mạnh nhất đến tính liêm chính. Người thiếu lòng nhân rất dễ sa ngã vào đường bất chính, trái lại người giàu lòng nhân dù có “động lòng tham” đi nữa lắm khi nhờ thấy rõ sự thiệt hại do hành vi bất chính của họ gây ra cho người khác mà không nỡ làm.

Nên dùng mỗi mẫu người để làm mỗi công việc:

Nhưng hãy tạm cho rằng những nhân viên do chúng ta tuyển chọn đã có đủ hai điều kiện căn bản tức là dù nhận lãnh chức vụ nhỏ hay lớn nào, họ cũng đủ tính siêng năng và đức liêm chính. Bây giờ chúng ta thử xét qua những bầm chất cốt yếu mà những người giúp việc cần phải có để nhận lãnh những chức vụ khác nhau.

Đối với những chức vụ thuộc hạng như “thư ký thường” (*Chúng tôi gọi “thư ký thường” để phân biệt với chức vụ thư ký giám đốc. Thư ký giám đốc là một vị trí quan trọng nó đòi hỏi nhiều khả năng*) chỉ có phần sự biên chép lặt vặt, như các nghề không cần chuyên môn hoặc những chức vụ nào khác tương tự như thế, người giúp việc chỉ cần có ít nhiều hoạt động tính, trí nhớ kha khá với đôi chút óc phán đoán là đủ. Bởi công việc của họ gần như đã đặt vạch sẵn, không mấy khi thay đổi, ít có việc bất ngờ. Dù họ có kém trí nhớ cũng không mấy hại dù họ ít phán đoán cũng không sao, miễn là họ không quá “khó tính” để gây ra bất hòa với những đồng nghiệp của họ. Chúng ta thường thấy cái mẫu người giúp việc này trong tất cả những xí nghiệp mà công việc làm đã đặt tổ chức.

Bây giờ chúng ta thử phân tách một chức vụ phức tạp hơn: chức thanh tra

thương mãi trong một hiệu buôn lớn chẳng hạn. Chức vụ thanh tra thương mãi đòi hỏi nhiều óc phán đoán vì viên thanh tra có thể gặp trường hợp phải làm trọng tài trong những vụ tranh chấp nho nhỏ giữa các nhân viên đứng bán hàng, hoặc giữa người bán hàng với khách hàng. Óc tưởng tượng không phong phú cũng chẳng sao nhưng phải có nhiều trí nhớ. Cảm xúc tính càng ít càng hay, một viên thanh tra bao giờ cũng phải trầm tĩnh. Hoạt động tính dù có kém cũng không hại, bởi chức vụ đòi hỏi nhiều chú ý, nhiều quan sát hơn là hoạt động. Óc hợp đoàn càng nhiều càng tốt, viên thanh tra lúc nào cũng phải nhã nhặn, lịch sự với nhân viên cũng như đối với khách hàng. Lòng nhân chỉ cần vừa phải, người quá nhiều lòng nhân đôi khi vì yếu lòng mà bị giảm bớt uy quyền cần thiết trong khi hành sự. Sau hết, một viên thanh tra không nên có quá nhiều tham muốn để có thể đảm bảo đức liêm chính.

Một bút toán viên hoặc thu ngân viên cần có đủ óc phán đoán, trí nhớ phải tốt, hoạt động tính khá và lễ đương nhiên phải liêm chính. Ngoài ra người giữ “kết” phải biết chú ý, biết làm việc theo phương pháp để tránh những lầm lẫn trong khi thu tiền và trả tiền. Ở những chức vụ này thà mượn người trí óc chậm chạp nhưng cẩn mật còn hơn là dùng người óc tinh nhanh song cầu thả.

Người cai ra kiếu và đứng cắt cho một nhà may y phục phụ nữ cần phải có óc tưởng tượng thật dồi dào, nguồn gốc của sáng tạo và cảm xúc tính khá cao để có thể am hiểu về thẩm mỹ. Họ cũng không thể thiếu hoạt động bởi họ đứng đầu một ngành trong cửa hiệu. Óc phán đoán phải khá đủ, trí nhớ có thể kém nhưng cần nhiều trí nhớ về thị quan để trong những buổi dạ hội hoặc tiệc trà, có thể ghi vào óc những kiếu áo mới lạ mà họ trông thoáng qua.

Một tay họa sĩ chuyên về quảng cáo, một người chuyên bày biện tủ hàng phải có óc tưởng tượng và cảm xúc tính ở mức độ khá cao. Vả lại tất cả những nhà nghệ sĩ hay nhà sáng chế đều cần có hai đức tính ấy.

Nếu cần chọn một anh tài xế, một người thợ đứng coi máy, chúng ta phải chọn người ít cảm xúc để có đủ điềm tĩnh và có óc phán đoán khá để có đủ sức chú ý.

Người giữ kho cần nhiều trí nhớ, phải có đủ hoạt động tính, một đầu óc phương pháp và những phẩm chất đảm bảo đức liêm chính mà chúng tôi đã có dịp nói qua.

Người gác cửa của một khách sạn cần nhớ giỏi, khéo xã giao và trầm tĩnh tức ít cảm xúc.

Người xếp đứng tiếp rước ở một hiệu ăn bắt buộc phải là người hoạt động mau mắn, nhanh nhẹn, có mắt ở khắp nơi. Phải có đủ óc phán đoán và trí tưởng tượng để tránh những hớ hênh, những lỗi lầm tối kỵ trong nghề.

Cá tính của những người có chức vụ chỉ huy dù ở cấp bậc nào cũng phải gần giống như bảng kê sau đây:

Óc phán đoán phải thật chính xác. Vì đó là đức tính cốt yếu của những người có phận sự chỉ huy. Có thể sánh người chỉ huy với một vị thuyền trưởng và óc phán đoán là địa bàn chỉ hướng.

Trí tưởng tượng không thể thiếu vì chỉ huy tức là tiên liệu, là luôn luôn sống ở một tương lai hoặc gần hoặc xa. Biết tiên liệu tức là biết nhìn thấy trước những hậu quả của hiện tại ở tương lai. Đoán trước hậu quả của những hành động, xếp đặt một chương trình hành động, đòi hỏi nhiều trí tưởng tượng.

Trí nhớ không quan trọng lắm vì người ta có cách khác để thay thế một trí nhớ kém, vả lại như chúng tôi đã có dịp chứng tỏ: người đặng có một nền văn hóa khá cao dù trí nhớ kém cũng vô hại.

Cảm xúc tính chỉ cần vừa phải. Một người chỉ huy bất luận trong trường hợp nào cũng cần trầm tĩnh, không đặng giận dữ. Phải có nhiều hoạt động tính. Người chỉ huy phải tỏ ra là người hoạt động để làm gương cho cấp dưới. Óc hợp đoàn chỉ cần vừa phải, người chỉ huy không nên có tính quá trắng trợn hoặc bịp đời.

Lòng nhân cũng cần ở mức trung. Người chỉ huy có tính hay thương hại người cũng hỏng việc như người quá ác.

Sau hết, người chỉ huy phải có khá nhiều tham muốn vì đó là động lực chính của những hành động. Người chỉ huy chẳng những nên có mà cần phải có nhiều cao vọng.

Cũng nên lưu ý điểm này: tất cả những người có trách nhiệm chỉ huy dù là viên cai xếp trông coi năm bảy tên thợ hay vị sĩ quan chỉ huy một tiểu đoàn có hàng nghìn binh sĩ dưới tay cũng đều phải có những phẩm chất thiên nhiên nói trên. Tâm trí và tâm tính của hai người có trách vụ chỉ huy ấy đều gần giống nhau. Chỗ khác nhau giữa họ là về cá tính tập thành.

Khi phải chọn giữa hai người mà đức tính cốt yếu gần giống nhau chúng ta sẽ chọn người nào mà có nền văn hóa, học vấn, kinh nghiệm tức là cá tính tập thành có phần trội hơn.

Xét kỹ chúng ta nhận thấy có những người do thiên bẩm có nhiều khả năng để chỉ huy. Nếu họ không tiến đến một địa vị cao là bởi vì họ kém đường học vấn về giáo dục. Nhận xét này làm cho nhiều người hiện đang nằm lèo lái trong các ngành kỹ nghệ, thương mại bớt tự kiêu, tự đắc.

Song những đức tính chỉ huy hiếm lắm. Thực ra không mấy người đáng có cái phương trình cá tính điều hòa của một vị chỉ huy mà chúng tôi vừa vạch ra ở trước đây. Hoặc giả nếu đáng có thì là do thiên ẩm, tức là do sự may rủi.

Một người có nhiệm vụ đi công cán tức là người có nhiệm vụ thay mặt cho chính phủ mình, hoặc cho xí nghiệp của mình để dò dẫm đường đất, để dàn xếp một cuộc tranh chấp, để thương thuyết một thỏa hiệp, cần phải có óc tình nhuệ tức là vừa biết phán đoán chắc chắn vừa có nhiều trí tưởng tượng và ít nhiều cảm xúc tính. Óc hợp đoàn và hoạt động tính cũng không thể thiếu.

Viên đồng lý văn phòng của một vị bộ trưởng, viên tổng thư ký của một

xí nghiệp lớn cũng cần có những đức tính nói trên.

Nếu chúng ta cần chọn một nhân viên bí thư, chúng ta phải đòi hỏi họ một óc phán đoán khá chính xác để họ không vấp phải những hố hên, một trí nhớ dẻo dai để bù đắp tính đăng trí của người chủ, trí tưởng tượng dù có kém cũng vô hại, hoạt động tính chỉ cần vừa phải, vì ở chức vụ của họ họ không phải tiếp xúc nhiều với bên ngoài, trái lại họ phải có tính kín đáo, cẩn mật, càng nhiều chùng nào càng tốt chùng ấy.

Óc hợp đoàn chỉ cần có vừa đủ để biết giữ những phép xã giao thường thức. Cần có đủ lòng nhân để đảm bảo đức thận trọng. Hoạt động tính dù có kém cũng vô hại.

Người bán hàng và người khách hàng:

Cũng nên xét qua tâm lý của người bán hàng và người khách hàng. Chúng ta sẽ nhận thấy rằng không ai có đủ khả năng để có thể vừa là một người bán hàng giỏi vừa là người mua hàng khéo, hoặc giả, người ta có tài “mua” hoặc giả người ta có tài “bán”.

Xét về những khả năng trí thức, người bán hàng không cần nhiều óc phán đoán. Họ cần có nhiều tin tưởng hơn óc phê bình. Một óc phán đoán vừa phải, đủ dùng trong đời sống hằng ngày cũng đủ rồi.

Người mua hàng (*ở đây người mua hàng nên hiểu là người đứng trông nom ngành bổ hàng ở một hiệu buôn lớn*) trái lại cần nhiều óc phán đoán, họ cần so sánh, cân nhắc để chọn nhà cung cấp hàng, để chọn hàng. Họ phải biết dự đoán khuynh hướng thị trường một cách đích xác, tất cả những công việc ấy đòi hỏi một óc phán đoán chắc chắn.

Người bán hàng cần nhiều trí tưởng tượng nó giúp họ tìm ra những lý lẽ để trau chuốt món hàng, để có thể ứng đáp với khách hàng khi bị khách hàng cật vấn, để có thể bủa vây khách hàng bằng những chiến thuật bán hàng mới lạ, bằng những lối trình bày hàng rất hấp dẫn.

Người mua hàng trái lại chỉ cần một ít trí tưởng tượng để có thể tiên liệu việc bổ hàng, vả lại công việc này một người nào khác cũng có thể làm.

Trong việc bán hàng, trí nhớ bằng mắt và bằng tai là yếu tố quan trọng để thành công. Người bán hàng có bốn phận phải nhớ mặt hàng, thuộc tên tất cả những khách hàng, nếu nhớ rõ cả những bà con, quen thuộc của người khách hàng thì càng hay. Người bán hàng phải có đủ trí nhớ để nhớ lại những gì họ đã nói, đã hứa với khách hàng. Họ cũng phải thuộc nằm lòng những món hàng họ có.

Người mua trái lại không cần nhớ giỏi. Một quyển sổ tay để ghi chép những gì họ cần mua cũng đủ rồi.

Bây giờ chúng ta thử xét về những phẩm chất thuộc cảm tính và hoạt động tính. Người bán hàng chỉ cần có một ít tham muốn vừa đủ để làm động cơ cho sức hoạt động. Nếu có quá nhiều tham muốn họ sẽ đâm ra tham lam và không biết nhân nhượng về giá cả do đó mất khách, hoặc giả họ sẽ không dám tiêu tốn những món tiền thù tạc để “câu” lấy những mối hàng “bỏ”.

Người mua trái lại phải có nhiều tham muốn. Luôn luôn họ phải mặc cả giá và tranh tròn về điều kiện bán hàng của đối phương. Xét theo định nghĩa, thì họ là người bị “tấn công” cho nên họ phải biết “đỡ gạt”, phải biết “phòng thủ”.

Người bán hàng cũng như người mua chỉ cần có phẩm chất lòng nhân ở bậc trung. Nhiều quá hoặc kém quá cũng đều có hại.

Người mua không cần cần phải có óc hợp đoàn, tuy thế không vì lẽ “có tiền là cha” mà họ phải tỏ ra quá gắt gỏng, hoặc bắt tròn bắt méo người bán. Họ chỉ cần giữ một thái độ lạnh lùng, kín đáo để người bán khó mà dò dẫm biết họ nghĩ gì, muốn gì để rồi bắt chẹt họ.

Hoạt động tính là đức tính cốt yếu của người bán hàng. Bán hàng là một cuộc chinh chiến, người bán hàng luôn luôn phải giữ thế công. Người

bán hàng cần hăng hái, nhiệt tâm, vui vẻ, lạc quan, những đức tính do bẩm chất hoạt động tính mà ra. Lúc thì tấn công rất bạo, lúc mềm dẻo, lúc thì quyến rũ khách, người bán chỉ cốt sao để đạt được mục đích cuối cùng là làm cho “khách phải mắc câu”.

Người mua không cần nhiều hoạt động tính, họ có thể đóng một vai tuồng thụ động, ngồi một chỗ, tại văn phòng hoặc ngã người trên một chiếc ghế phô-tơ êm ả họ vẫn có thể thi hành trách vụ của họ. Một người gầy yếu, một người có bệnh tật vẫn có thể là người mua hàng giỏi.

Người bán hàng không bắt buộc phải là người đa cảm, tuy nhiên nếu họ quá khô khan cũng có hại. Người bán hàng lạnh lùng, điềm nhiên không thể “câu” khách. Vả lại người bán hàng cần biết thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài, phải biết “đón gió để trương buồm”, phải biết đoán ai là người có thể mua hàng, phải có đôi chút cảm xúc tính để hòa hợp với hoạt động tính hầu tạo ra lòng nhiệt huyết cần thiết trong nghề bán hàng.

Ngược lại, đức tính quý nhất mà người mua là tính điềm nhiên. Đối với những cuộc “tấn công” dồn dập của người bán, họ phải thản nhiên và càng thản nhiên họ càng dễ thoát khỏi sức quyến rũ của người bán hàng.

Như chúng ta đã thấy, những đức tính thiên nhiên của người bán hàng luôn luôn đối ngược với những đức tính của người mua, và điều ấy tưởng không có gì lạ. Người mua và người bán há chẳng phải là hai địch thủ? Một đức tính ở người bán hàng thường là một tật xấu ở người mua hàng. Vì thế khó mà tìm ra một người vừa bán hàng giỏi vừa mua hàng khéo. Cũng vì thế mà trong các hiệu buôn lớn người ta thường giao phó hai vai tuồng ấy cho hai người khác nhau.

CHƯƠNG VIII - BÀN VỀ LỐI KHẢO XÉT NGƯỜI CÁCH TRỰC TIẾP

Bất luận một công cuộc làm ăn nào, xét theo nghĩa chung cũng phải đi đến chỗ tranh chấp về quyền lợi, dù là một cuộc mua bán, việc ký kết một tờ hợp đồng, một bản thỏa hiệp hay việc thành lập một hội buôn.

Kinh doanh là một cuộc tranh đấu mà chúng ta phải chiến thắng nhưng không đè bẹp đối phương vì trong những công cuộc làm ăn phải cố làm thế nào cho đối phương trở nên một đồng minh, một người bạn với mình, đó mới là thượng sách.

Trong cuộc tranh đấu ấy, biết rõ đối thủ là một điểm lợi không nhỏ. Lẽ đương nhiên, trong những công cuộc làm ăn to, trước khi xuất trận ai cũng biết dò dẫm đường đất trước hoặc lo thu thập những tài liệu, những điều cần biết về công cuộc ấy. Chúng ta cũng hay dò xét về bề thế, về dĩ vãng, về địa vị xã hội của những người mình định hợp tác, song về cá tính của họ thì chúng ta không mấy rõ bởi chúng ta chỉ gặp gỡ họ trong công việc làm ăn, không có dịp đi sâu vào đời tư của họ.

Những tay doanh nghiệp cừ mà người ta khâm phục và quen gọi họ là những “con cáo già” trong thương trường là những người rất hoạt động, đầu óc lại tinh nhuệ, phụ vào đó, họ rất giàu kinh nghiệm về người và việc.

Nói rằng sự thấu hiểu những định luật tâm lý có thể thay thế hẳn cái kinh nghiệm quý báu ấy có khi hơi quá đáng, song điều chắc chắn là nó có thể giúp chúng ta thu thập kinh nghiệm ấy một cách dễ dàng, nhanh chóng hơn và biết sử dụng nó một cách kiến hiệu hơn.

Trong đời sống, chúng ta thường gặp phải bài toán này: chúng ta mưu tính một công cuộc làm ăn, chúng ta nghiên cứu nó; trong giai đoạn

nguyên cứu ấy chúng ta có dịp tiếp xúc với một người nào đó mà thường khi chúng ta chỉ biết về địa vị xã hội của họ. Như vậy làm thế nào để nhận định rõ cá tính của họ? Làm cách nào để vạch ra cái phương trình cá tính của người ấy?

Những phương pháp để dò xét cá tính con người mà chúng tôi vừa chỉ ở chương trước không thể áp dụng trong trường hợp này. Chỉ có lối dò xét trực tiếp và những cuộc quan sát tinh xác mới có thể giải quyết phần nào bài toán khó giải ấy.

Trước hết phải nhận xét về cái “mặt tiền” của người:

Việc quan sát đầu tiên mà chúng ta có thể làm là quan sát cá tính tập thành, cái phần cá tính dễ nhận xét nhất. Trước khi giao dịch làm ăn với ai, lẽ dĩ nhiên chúng ta phải dò xét về người đó.

Chẳng những dò xét về cái “chân đứng” của họ trên thương trường, dựa theo những tài liệu do các ngân hàng hoặc các cơ quan chuyên môn cung cấp; ngoài ra chúng ta còn phải dò xét những thị hiếu, những thói quen, xét về tư tưởng, về trình độ văn hóa của họ.

Nội một việc phân tách cái cá tính tập thành như chúng tôi đã có chỉ ở một phần trước, cũng có thể giúp chúng ta “hiểu” đôi chút về một người nào đó.

Một nhà thể thao (*nên hiểu là người thích tập thể thao chứ không phải người thích xem những cuộc thịnh diễn thể thao*), một người hay đi du lịch, năng xê dịch, quen dậy sớm, có thể kể là người hoạt động.

Một người thích “chơi bời”, thích “ăn nhậu” ắt có ít nhiều tham muốn.

Người có óc thẩm mỹ, thích âm nhạc, thích chơi tranh, viết văn hoặc ngâm thơ ắt phải có nhiều cảm xúc tính, nhiều trí tưởng tượng.

Cứ trông vào nhà một người, nếu chúng ta thấy nơi ấy thường có những cuộc tiếp tân, tiệc tùng, chúng ta có thể đoán chủ gia là người có nhiều óc hợp đoàn, nhưng cũng đừng quên ảnh hưởng của người đàn bà; lắm gia đình có bộ mặt rất niềm nở, nhưng chúng ta đừng vội đoán rằng chủ gia là người thích giao du, vì thực ra đó chỉ là sở thích riêng của bà vợ, còn ông chồng thì tính vốn thích cô độc, kém xã giao.

Thấy một người tham gia nhiều hội hè, hoặc có chân trong hội thể thao, hội phước thiện, chúng ta có thể tạm đoán: lòng nhân người ấy khá cao. Ngoài ra nhận xét này cũng có thể là chứng chỉ của lòng tham muốn, của óc hợp đoàn bởi có người tham gia vào những công cuộc ấy chỉ vì háo danh, ham chức. Chúng ta há chẳng thường thấy những tấm danh thiếp trên đó có ghi hàng loạt chức vị nào là chủ tịch hội này, tổng thư ký hội kia, hội trưởng danh dự phong trào nọ, lại có những người bất luận ở đám nào người ta cũng thấy họ chường mặt đến.

Những tham vọng về chính trị cũng là điểm chỉ về lòng tham muốn và óc hợp đoàn.

Trái lại, người nhận lãnh chức tổng thư ký của một hội ái hữu, một chức vụ ở trong bóng tối nhưng đòi hỏi nhiều hy sinh, bởi viên tổng thư ký của một hội trường phải cáng đáng hầu hết công việc của hội, ắt phải là người biết hy sinh tức là giàu lòng nhân.

Trong một vài cuộc gặp gỡ khó mà nhận xét óc phán đoán của một người, họa chăng chúng ta biết dựa vào một vài câu chuyện người khác nói về họ rồi suy diễn ra để dò biết.

Sức khỏe:

Đã có những tài liệu đầu tiên ấy bây giờ chúng ta sẽ trực tiếp dò xét người ấy để tìm hiểu họ rõ hơn.

Công việc phải làm trước tiên là thử đoán về sức khỏe của họ. (Trong quyển tiểu thuyết “*Những Con Người*” của Pierre Hamp, một bác thợ cạo nói: “*Khi đôi tay tôi nắm giữ lấy cái đầu của một người khách, tôi tự hỏi ông ta mắc chứng bệnh gì?*”). Ở một phần trước chúng tôi đã nói qua về ảnh hưởng của toàn thân cảm giác đối với hành động và thái độ của con người. Chúng ta có ích lợi mà nhận xét về sức khỏe của những người chúng ta định hợp tác. Sức khỏe của họ dồi dào, tinh thần họ vui vẻ, bãi bồi, họ yêu đời. Thiếu sức khỏe hoặc mắc bệnh hoạn, họ sẽ là người lạnh nhạt, cau có, và lại đối với người bệnh chúng ta phải dè dặt khi mưu sinh với họ những công cuộc làm ăn dài hạn, họ có thể nằm trên giường bệnh hàng năm, để chúng ta gánh lấy tất cả công việc, hoặc giả họ dám bỏ rơi chúng ta dọc đường để bước sang thế giới khác.

Chúng ta sẽ không xin hội kiến với người đau dạ dày sau buổi ăn, vì lúc ấy họ bị dạ dày hành và họ đâm ra cáu kỉnh. Trái lại, người sung huyết rất vui vẻ sau khi ăn uống no đủ. Đối với người thuộc thần kinh chất nên tiếp xúc với họ vào buổi sáng hơn buổi tối.

Hình dáng thể chất của một người cũng có thể là những điểm chỉ về các chứng bệnh thuộc tạng phủ. Đành rằng những dấu hiệu bên ngoài ấy chưa đủ để quyết đoán về căn bệnh, một người gầy yếu lại thường ho khục khặc chưa hẳn là người bị lao, một người mập mạp, hồng hào có thể mang chứng bệnh ung thư, nhất là thời kỳ bệnh này mới phát triển.

Những triệu chứng chỉ về bệnh tật mà chúng tôi vạch ra dưới đây chỉ là những phỏng đoán, những tài liệu đầu tay, tuy thế tưởng cũng nên biết qua.

Những gân máu ở hai mang tang nổi gồ ra là điểm chỉ người sung huyết. Ở những người có tuổi, đó là triệu chứng bệnh mạch cứng.

Cái bướu thịt ở cổ (trái cấm) và mắt lồi (mắt ốc bươu) là dấu hiệu tim yếu.

Người gầy đét, nét mặt nhăn thường đau quặn ở dạ dày, sau bữa ăn bị bức rút, hay cáu kỉnh, là điểm chỉ bệnh ăn khó tiêu kinh niên, hoặc cuống

dạ dày sưng, nổi bثور, nếu không phải do gốc ung thư, có thể chữa hết bằng cách mổ.

Người bị lao thường gầy còm, đôi mắt sáng một cách đặc biệt, hay ho khan, khó thở.

Những khớp xương ngón tay nổi gồ hoặc méo mó là triệu chứng bệnh thống phong, bệnh phong thấp.

Người đau gan, con mắt thường vàng như nghệ. Nước da người yếu gan cũng thường vàng và ngăm ngăm.

Trí nhớ đột nhiên bị mất, nhất là trường hợp nó mất hẳn nhưng chỉ trong một chập là dấu hiệu bệnh kinh gián.

Trí nhớ bị mất dần dần, nhất là ở người hơi có tuổi là điềm chỉ báo hiệu bệnh lâm cảm. Bệnh tim la ăn vào óc, bệnh nghiện rượu, nghiện thuốc phiện cũng có thể làm suy giảm trí nhớ.

Những thương tích, tinh thần bị xúc động quá mạnh cũng có thể làm mất trí nhớ một phần nào hoặc mất hẳn.

Môi da chì lại có những chấm nâu nâu là triệu chứng của bệnh addison tức là chứng bệnh thuộc về thượng thận.

Người thiếu máu thì da mặt thường mét hoặc trắng bạch chán, môi trắng nhợt, mắt thiếu thần mất sắc. người thiếu máu không hẳn là người gầy nhưng luôn luôn họ cáu kỉnh và có vẻ uể oải, mệt nhọc.

Có hai mẫu người nghiện rượu, một mẫu “bợm nhậu” cổ điển: sắc mặt láo liên, gương mặt đầy da luôn luôn nhuộm màu ợt, gân máu ở mặt nổi gồ, đầu chóp mũi đỏ au; một mẫu “bợm nhậu” khác da mặt lại tái mét, khuôn mặt gầy gò, da khô lù xì. Môi và lưỡi người nghiện rượu thường bị run nên họ hay nói lắp. Lúc chưa ăn, khi họ đặt bàn tay xuống bàn và xòe những ngón tay ra chúng ta để ý thấy một vài ngón run rẩy. Nên để ý

điều này là người có thể vướng bệnh nghiện rượu mặc dầu chưa bao giờ bị say rượu.

Đặc điểm của người nghiện thuốc phiện hoặc các chất ma túy như cocain và một-phin là khi đã no say với ả phù dung thì họ trải qua một giai đoạn kích thích, nói năng huyên thuyên, cử chỉ nhanh nhẹn, để rồi một thời gian sau đó, họ lại trải qua một giai đoạn suy nhược nằm không muốn cựa quậy, lo âu, rã rượi, nếu họ không kịp tiếp tế chất độc ấy vào người.

Chứng run rẩy có nhiều nguyên do: run vì rét lạnh, vì sợ hãi, vì quá xúc động là nguyên do ở sinh lý. Song ngoài ra có những chứng run rẩy khi đều đều khi bất thường, đó là do sự suy nhược của thần kinh, cái run rẩy của những người đa cảm xúc.

Môi và lưỡi những người bị chứng tê liệt toàn diện thường run rẩy. Do đó họ nuốt mất nhiều tiếng khi nói chuyện (nói đứt đứt). Nên để ý điều này: trong giai đoạn đầu của chứng tê liệt toàn diện, người bệnh hay có những tật của trẻ con.

Người cầm ly rượu đưa vào miệng uống mà tay run rẩy đã có triệu chứng ngạnh kết. Tiếng nói hơi run, bước đi chập chững cũng là triệu chứng của bệnh này.

Tay của người bị lạm vì chất độc của thủy ngân, của thuốc lá, của thuốc phiện trắng cũng bị run rẩy như người nghiện rượu (khi bắt họ xòe các ngón tay ra).

Lúc đi mà chân bị run hoặc bước đi cứng đờ như hình nộm là triệu chứng của bệnh ta bét (tabès), một chứng bệnh có nguyên nhân xa ở bệnh tim la.

Chứng đái đường không có dấu hiệu bên ngoài, người mắc chứng bệnh ấy có khi mập mập phốp pháp, có khi lại gầy đét. Tuy nhiên, xem cách ăn uống của họ: cũ các thức ăn có chất đường, có chất bột chúng ta có thể đoán biết.

Những người bị sưng nhiếp hộ tuyến bị đau thận, bị bệnh trĩ không thể ngồi lâu một chỗ được.

Những người bị chứng tĩnh mạch trường, nổi gân xanh hoặc sưng tĩnh mạch, đứng lâu không được. Hai chứng bệnh này do máu huyết lưu thông không đều. Riêng về bệnh sưng tĩnh mạch, nếu không khéo chữa có thể gây ra bệnh tắc huyết.

Những tật giật gân cũng đáng cho chúng ta quan tâm. Nên phân biệt những tật giật gân với những tật giật thịt. Tật giật thịt thường diễn ra trên mặt và có tính cách bất thường, vô ý thức. Tật giật gân trái lại là một sự lệch lạc của vận động tinh thần. Thoạt tiên tật giật gân là một cử động có mục đích rõ rệt nhưng vì lặp lại mãi về sau biến thành một cử động tự động.

Những tật giật gân (như vuốt râu, gãi tay, cạy mũi, cắn móng tay) thường lặp lại một cách vô ý thức, tự động.

Như đã nói trước, tật giật gân thoạt tiên là một cử động ý thức (thí dụ nheo mắt, lóe nhướn mắt của người cận thị).

Phái nam hay phái nữ và ở tuổi nào cũng có thể vướng tật này, nhưng sớm nhất ít ra cũng phải từ độ lên năm lên sáu trở đi.

Những người có tật giật gân luôn luôn là người đa cảm xúc.

Những tật giật gân có tính cách hay biến đổi. Nó có thể diễn ra từng chập, từng quãng bất thường, không theo một nhịp điệu duy nhất nào cả. Nó thường diễn ra từng hồi, từng cơn. Có lúc tưởng như nó chấm dứt nhưng rồi nó lại nổi cơn lên còn mạnh hơn trước. Trong giấc ngủ nó mới dịu bớt và ngưng hẳn.

Có những tật giật gân thuộc về mặt, nó làm giật môi, miệng, lưỡi, con mắt, có những tật giật gân thuộc về cổ (tật ngoáy cổ, lật lắc đầu), thuộc về thân vai (lật uốn mình) v.v...

Lại có những tật giật gân thuộc về bộ hô hấp (ho hen, đằng hắng), thuộc về cách phát âm (thỉnh không lại phát ra những tiếng “a a”, “oa”), thuộc về lối nói (trong khi nói chuyệ*n* đẹ*m* vào những tiếng vô nghĩa).

Nói lắp (nói cà lăm) không phải là một tật giật gân.

Người nói lắp có thể là người thông minh. Người nói lắp là người nhiều cảm xúc vì muốn nói nhanh quá nên bị lắp.

Nếu biết cách huấn luyện có thể chữa được tật nói lắp.

Để chấm dứt đoạn nói về bệnh học, chúng tôi tưởng cũng nên nói qua một lối quan sát khác để đoán về sức khỏe của một người. Đó là cách xem họ đi chữa bệnh ở thành phố nào. *(Bên Pháp có những thành phố để người ta đến đó chữa bệnh hoặc dưỡng bệnh. Phần nhiều mấy thành phố này có những mạch nước thiên nhiên mà trong nước có chất thuốc chuyên trị một vài chứng bệnh nào đó khi suối Vĩnh Hảo ở miệt Phan Thiết).*

Thấy một người thường đi nghỉ ở vichy, chúng ta có thể đoán họ yếu gan đau dạ dày hoặc bị đái đường. Người đi chữa bệnh ở Vittel, Evian chắc có đau khớp xương. Người đi dưỡng bệnh ở Aix-les-Bains chắc có bị phong thấp v.v...

Quan sát về thể chất:

Ngoài việc quan sát những bẩ*m* chất thuộc về bệnh học mà chúng ta vừa duyệt qua trên, việc quan sát về thể chất của một người cũng có thể giúp chúng ta nhiều tài liệu để hiểu rõ về họ.

Điều đáng chú ý trước tiên là giọng nói, cách ăn nói của họ. Mỗi giọng nói có bộ mặt riêng của nó. Điều này ai cũng phải nhìn nhận, vì chỉ nghe

qua một giọng nói trong điện thoại chúng ta có thể nhận ra người đang nói ở đầu dây. Mỗi người đều có giọng nói khác nhau.

Người nói quá nhanh, hoặc khi nhanh khi chậm, nói những câu không đứt đoạn thường là người đa cảm xúc. Nội việc quan sát một người nói nhiều hay ít cũng đủ cho chúng ta ước đoán về óc hợp đoàn của họ. Người nói nhiều, song chỉ nói những chuyện không đâu, những câu vô nghĩa lý hăn là người có nhiều óc hợp đoàn, rất có thể là người nói dóc, nói khoác, hoặc giả đó là bị kích thích đến độ...

Người ăn nói chậm rãi, từ tốn, nói từng câu một ngắn, nhưng rõ ràng, chúng chỉ một người trầm tĩnh, điềm nhiên, kém cảm xúc tính.

Người hoạt động cũng nói nhanh song rõ ràng.

Người tự cao luôn luôn bắt đầu một câu nói bằng tiếng “Tôi”. “Tôi như thế này...”, “Tôi sẽ làm thế kia...”. Người khiêm tốn trái lại không thích đưa cái “tôi” của họ ra trước và ít hay nói về họ. Trái lại người kiêu hãnh hoặc vênh váo dù là khi họ tự quán sát về họ.

Cấp điệu của giọng nói cũng có nhiều ý nghĩa. Có những giọng nói gò bó, sửa giọng, chúng chỉ một tâm hồn giả dối. Có những giọng nói êm dịu, giàu âm điệu chúng chỉ người giàu tưởng tượng, cảm xúc tính và óc hợp đoàn điều hòa.

Lại có những giọng nói chát chúa chúng chỉ một người ích kỷ, thiếu óc hợp đoàn.

Câu nói:

Mỗi câu nói, xét trong toàn thể câu chuyện, có thể giúp chúng ta nhận định về trình độ văn hóa hoặc tình độ giáo dục của một người.

Người văn hóa khá cao trong khi nói chuyện dùng lối văn không mấy

khác văn viết. Tự nhiên họ biết tránh câu văn tầm thường, những danh từ không rõ nghĩa những câu khách sáo, hoặc những câu lặp đi lặp lại mãi. Biết dùng những danh từ sát nghĩa, dùng những câu ngắn nhưng vẫn đầy đủ ý, bỏ bớt những lời lẽ vô ích, là chúng chỉ một người vừa có văn hóa khá cao vừa có nhiều óc phán đoán. Tuy thế, trong khi nói chuyện chúng ta không bắt buộc phải hoàn toàn áp dụng lối văn viết, trong văn nói, chúng ta có thể dùng lối láy đi láy lại nó làm cho câu văn thêm mạnh, hoặc nuốt bớt những âm cuối cùng để có thể nói nhanh.

Những người lúc nói chuyện quen gò bó, uốn nắn câu văn y theo lối văn viết chúng tỏ hai điều: hoặc giả đó là người kiêu cách, hoặc là người bị ảnh hưởng của chức nghiệp. Những giáo sư, trạng sư, thẩm phán, có thói quen mang dùng lối hành văn nhà nghề trong câu chuyện hằng ngày.

Người thiếu giáo dục quen dùng những danh từ thô tục, những tiếng “lóng”, những câu văn khách sáo. Người kém phán đoán nói chuyện nhạt phèo, vô vị.

Những bác nhà quê, thiếu học thường dùng sai danh từ, nói trật cú pháp, nhưng nếu họ không thiếu óc phán đoán, họ vẫn biết nói chuyện một cách có ý nhị.

Cái cách mà một người nghe người khác nói chuyện cũng là điểm chỉ đáng quan tâm. Người có giáo dục bao giờ cũng biết nhẫn nại nghe người khác nói, không bao giờ ngắt lời của kẻ đối thoại. Người kém sức chú ý hay tỏ vẻ xao lãng trong lúc nghe người khác nói. Đừng lầm lộn với cái vẻ xao lãng của một người trầm tĩnh, họ làm tuồng như không nghe song họ vẫn ghi rõ trong trí nhớ những lời nói của người khác.

Một lối xếp loại đã lỗi thời:

Từ ngàn xưa, người ta đã biết xếp loại con người thành bốn hạng tùy theo khí chất của họ: hạng đa huyết chất; hạng thần kinh chất; hạng lâm ba chất; hạng đảm trấp chất.

Lối xếp loại ấy cổ thật, nhưng cổ kính chưa ắt đã có giá trị. Đứng về mặt tâm lý học mà xét, những danh từ: thần kinh chất; đa huyết chất; v.v... không thể chỉ định rõ ràng về một hạng người nào cả. Nếu có thể xếp những con người thành bốn loại, dù là chỉ xếp loại một cách đại khái đi nữa thì thực cũng quá giản dị. Hẳn thí dụ rằng có thể phân chia con người thành bốn hạng tùy theo khí chất của họ, và có thể phân làm bốn loại khí chất thật là thuần túy nghĩa là không bị pha trộn thì với hàng hà sa số con người đã sinh sống trên quả địa cầu này từ xưa đến giờ, chúng ta phải nghĩ rằng khí chất của những con người ấy đã từng bị pha trộn hằng bao nhiêu lượt.

Tướng học, một khoa học giả hiệu:

(Theo người dịch: Về đoạn này chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với tác giả. Dù vậy chúng tôi vẫn dịch đúng theo nguyên bản không bỏ bớt đoạn nào, cốt giữ đúng tư tưởng của tác giả).

Vì thế chúng ta không nên quan tâm đến lối xếp loại theo khí chất, cũng như đừng quá tin tưởng ở khoa xem tướng, cái khoa học mà người ta cho rằng nó có thể giúp chúng ta đoán biết tính tình và những khả năng trí thức của một người bằng cách quan sát hình thái của gương mặt, của tay chân, của thân hình, hoặc của mái tóc người ấy.

Tướng học không phải là một khoa học mới mẽ gì. Từ thế kỷ 18, ông Lavater nhân quan sát chỗ giống nhau của một vài gương mặt người với mặt của những cầm thú, đã lập ra nền móng khoa xem tướng. Nó gần giống khoa xem xương sọ người của ông De Gall, cho rằng những xương gồ trên sọ người có liên quan đến tính tình con người, phương pháp xem xương sọ này hiện nay không còn mấy ai dùng.

Thiếu cơ sở vững chắc, phương pháp xem tướng của Lavater lần hồi bị chìm trong lãng quên, nhưng trong thế kỷ vừa qua một vài nhà sinh lý học trong khi nghiên cứu về sự liên quan giữa những cử động các thớ thịt trên

mặt với những cảm xúc, đã gián tiếp làm sống lại khoa xem tướng ấy trong một thời.

Mấy nhà tướng học lập thành một bảng kê chỉ rõ sự liên quan giữa những phẩm chất thuộc tính tình và trí tuệ con người với hình dáng của mũi, miệng, tai, của lông mày, khuôn mặt v.v... Nếu chủ trương của họ đúng thì còn gì hay bằng. Chúng ta chỉ cần học nằm lòng bảng kê ấy là có thể thấu rõ tâm can bác hàng xóm và tất cả mọi người đều là quyển sách đã lật sẵn, chúng ta chỉ cần ghé mắt qua là đọc thông suốt nội dung sách ấy.

Những người chủ trương xem tướng này cả quyết nhiều điểm thật đáng kinh ngạc. Chẳng hạn họ cho rằng không cần phải nghiên cứu về tâm lý học, cũng không cần gì hiểu qua các thứ tính tình, người ta vẫn có thể dùng phép xem tướng để nhận biết đâu là một tên côn đồ, dù rằng tên côn đồ ấy ăn vận rất sang chẳng khác một trang công tử.

Hoặc giả có người cả quyết rằng: “Một người gầy yếu, cổ ốm teo, có vẻ bệnh hoạn trừ một vài trường hợp rất hiếm, khó mà trở nên một tay chỉ huy giỏi”. Thực ra người đã thốt ra câu ấy hẳn đã quên phứt những nhân vật như thánh Paul, như hoàng đế Napoléon lúc còn là tướng Bonaparte đánh trận Ý đại lợi, như Richelieu là những người không có vẻ gì là bặm trợn, lực lưỡng cả, song họ vẫn là những vị thủ lĩnh đại tài, và các nhà xem tướng ấy cũng quên hẳn rằng có rất nhiều chàng trai trẻ vạm vỡ, có bộ mặt gân guốc, nhưng khi ra trận thì nhuệ khí của họ đã bay đâu mất.

Có người cho rằng: Có thể đoán biết một người là công chức khi họ có những điệu bộ nhừa nhựa. Theo các nhà tướng học ấy, một cơ quan, mọi nét mặt đều có ý nghĩa khác nhau tùy theo chiều dài, theo chiều ngang, theo bề dày v.v... Và những đức tính tinh thần của con người thì lộ diện ở những vùng khác nhau trên khuôn mặt và nếu vùng này to rộng hơn vùng kia đó là những triệu chứng rất đáng quan tâm. Những người có cặp mắt xanh biếc thì tính tình lạnh nhạt, nếu họa hoằn cái nhìn của họ được vẻ tình tứ thì đó là giả dối. Những đôi mắt hung hung chỉ những tâm hồn nóng nhiệt. Nhận xét này làm cho chúng ta nhớ lại một thành kiến hơi ngộ nghĩnh và rất đặng phổ thông là những đàn bà người Ý-pha-nho

với những cặp mắt đen huyền của họ thường rất nồng nhiệt. Nhưng thật ra không thiếu gì đàn bà Y-phá-nhò lạnh nhạt, trái lại nhiều đàn bà phương bắc với những cặp mắt xanh biếc lại tỏ ra rất nhiệt tình.

Đọc những sách bàn luận về tướng học, chúng ta thấy không biết bao nhiêu là quyết đoán đại để theo như loại vừa kể qua. Lối khảo xét của mấy nhà tướng học này thật là tỉ mỉ: những vết nhăn của cái cằm, những chi tiết của một ngón tay, của mớ tóc và ngay cho đến cái hình dáng, cái vị trí của mép tai đối với họ cũng rất quan trọng.

Đành rằng họ cũng khéo rào đón là không nên căn cứ vào một điểm nào đó rồi ước đoán mà phải nhận xét toàn diện, kiểm soát, đối chiếu một điểm này với điểm khác, một điểm tốt có thể giảm bớt tai hại của một điểm xấu. Nhưng, chúng tôi cũng từng đã nghe mấy bà thầy bói bài hoặc mấy “giáo sư” xem tử vi dùng luận điệu ấy.

Ai muốn chứng minh quá nhiều sẽ không chứng minh được gì. Và sau đây là một ít nhận xét của chúng tôi về khoa học giả hiệu ấy.

Hình thái học không liên quan chi đến tâm lý học cả:

Trước hết chúng ta nhận thấy: những điểm tương quan giữa hình dáng bên ngoài với tâm trí của con người mà các nhà tướng học thường nêu ra không có gì làm chắc chắn, bởi trong mớ thuật ngữ họ dùng khi đề cập đến tâm lý học còn nhiều danh từ quá cổ lỗ, cái thuật ngữ còn mù mờ chưa phân biệt cảm xúc với tình cảm, còn nói đến những gì thuộc về “đầu óc” với những gì thuộc “thể chất”, hoặc còn phân loại “khí chất” con người làm bốn hạng v.v... lối phân loại mà chúng tôi vừa có dịp nhận định giá trị của nó.

Điều sai lầm của các nhà tướng học là họ tin rằng có sự liên quan mật thiết giữa những hình dáng bên ngoài, nói theo các nhà khoa học là giữa hình thái học với những bản chất thuộc tâm lý. Song thực ra chỉ có sự

liên quan giữa những “phát hiện vận động bên ngoài” tức là những phản ứng, những xung động, những hành động với một vài bẩm chất tâm lý.

Mà đó là hai điều khác nhau hẳn. Màu sắc của đôi mắt chẳng hạn, không thể ăn chịu gì đến tính tình. Những đặc điểm theo thể chất loại này (và có lẽ những hình dáng bên ngoài cũng thế) đang truyền sang từng phần riêng biệt nhau, từ đời cha đến đời con theo những định luật di truyền mà ông Mendel (*Mendel (Johann Gregor)*, *vị tu sĩ mà cũng là nhà thảo mộc học người Áo (1822 – 1884)*). Trong khi nghiên cứu về cách gây giống lai cho các loại cây, về sự di truyền của loài thảo mộc ông đã tìm ra một vài định luật về sự di truyền) đã nêu ra và sau này nhiều nhà sinh vật khác như Morgan (*Morgan (Thomas Hunt)*, *nhà sinh vật học người Hoa Kỳ (1866 – 1945) chuyên khoa khảo cứu về những đặc tính của di truyền, giải thưởng Nobel 1933*) đã chứng minh. Hơn nữa, những đặc tính thể chất này đã không lệ thuộc những yếu tố tâm lý nó đang di truyền theo những thể thức mà hiện giờ người ta chưa thể nghiên cứu tuy đó không phải là một điều bí mật mà chỉ vì người ta chưa tìm ra một thứ đơn vị nào để đo lường những bẩm chất tâm lý này.

Những đặc tính thể chất của chúng ta là kết quả một sự phối hợp mới mẻ của những yếu tố mà cha mẹ chúng ta truyền sang, chính những đấng sanh thành chúng ta đã đang thừa hưởng những yếu tố này của ông cha do một sự phân phối theo rủi may. Điều nên biết là cái di sản này chúng ta thừa hưởng một phần bên nội và một phần bên ngoại. Song cái di sản thể chất mà cha mẹ chúng ta để lại đó không hẳn là những gì mà các đấng ấy đã có sử dụng trong đời sống của họ. Rất có thể chúng ta thừa hưởng một đặc tính nó chỉ ngấm ngấm, chỉ tiềm tàng ở cha mẹ hoặc ông bà chúng ta từ bao nhiêu đời. Những đặc tính tâm lý cũng đang truyền sang theo thể thức ấy.

Trong việc di truyền chính là do rủi may định đoạt. Chúng ta dễ nhận thấy cái sự cách biệt giữa những đặc tính thể chất và những đặc tính tâm lý.

Hai anh em ruột giống nhau như đúc, tình tính có thể khác hẳn nhau. Một đứa trẻ, về thể chất có thể giống bên nội nhưng về những đặc tính tâm

lý thì lại giống bên ngoài hoặc trái lại. (Về điểm này chúng ta có nhận xét hơi tầm thường sau đây: Con cái của những bậc thiên tài thường không đặng ưu tú của cha mẹ, trái lại những bậc vĩ nhân thường xuất thân từ nơi những gia đình tầm thường. Tuy thế, luật đa số nó chỉ huy việc di truyền đôi khi cũng có thể bảo tồn những đức tính trí thức hoặc tâm thần từ đời này sang đời kia nhất là khi cả hai họ ngoại và nội đều nảy sinh những người ưu tú.. Có những gia đình mà con cháu đều là những họa sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ hoặc chánh khách có tài, song thường hơn, trải qua hai ba đời, cái “thiên tư” ấy cũng tiêu dần. Cũng có thể nó tồn tại năm bảy đời nhưng đó là những ngoại lệ nó chứng minh quy tắc). Các bà mẹ nói về con cái của họ cũng đã biết nhận xét đại để: “Về mặt, dáng người của nó thì giống tôi, nhưng về tâm tính thì nó giống cha nó”. Chỉ những người sanh đôi thực sự (tức là do một trứng nở sanh) là có thể giống nhau về thể chất cũng như về tâm thần, bởi họ đều do một nhiễm thể mà ra. Nếu khi đã trưởng thành cá tính của họ không còn giống nhau nữa đó là do cá tính tập thành, bởi họ đã sinh sống trong những hoàn cảnh khác nhau.

Những sắc mặt:

Nếu màu sắc của cặp mắt chẳng hạn, không ăn chịu gì với những phẩm chất tinh thần, trái lại sắc mặt, thí dụ cách biểu lộ của đôi mắt chẳng hạn, có liên quan mật thiết đến phần tâm lý, bởi đó là một lối phát hiện của thể chất. Nhưng ở đây chúng ta cũng nên dè dặt khi xén đoán.

Ai cũng biết những cặp mắt hay nhìn xéo là chứng chỉ người nhút nhát (nhiều cảm xúc tính), nhưng nó cũng có thể chứng chỉ một tâm hồn nham hiểm (suy nhược và ích kỷ) hoặc giả đó là một đặc tính tập thành (cái nhìn của những đứa trẻ bị đòn).

Những người mơ mộng tức là những người giàu tưởng tượng, không nhìn xéo nhưng lại có cái nhìn xa xăm, nhìn lên trời. Họ quen “nhìn lên cung trăng” như người ta thường nói. (Những nhà thủy thủ cũng có cái nhìn xa xăm ấy và trong số những người đeo theo nghề bể vì xu hướng có

lắm người có tâm hồn thi sĩ mà họ không ngờ). Song cử chỉ này - vì cách nhìn cũng là một cử chỉ - là một kết quả chứ không phải là một nguyên nhân.

Cái nhìn “thẳng thắn”, nhìn ngay vào mặt người là điểm chỉ người hoạt động, nhiều tự tin, xin nhớ chúng tôi không nói là điểm chỉ một tâm hồn “ngay thẳng”, chân thành. Bởi không có gì chứng tỏ rằng cái nhìn “thẳng thắn” là dấu hiệu tính cách ngay thẳng. Điểm chỉ ấy cần phải đặt kiểm soát lại. Không thiếu gì gã lưu manh có cái nhìn đáng ngờ hoặc những đàn bà trắc nết có đôi mắt “thiên thần”.

Về mặt của một người bạc nhược, thiếu nghị lực, tự nhiên lần hồi sẽ đâm ra bí xị. Luôn luôn buồn bực, họ có thói quen trề môi nhú mào, thét rồi những nét mặt bị ủ rũ. Một người hay suy nghĩ, quen chú ý sẽ sớm có những vết nhăn trên trán. Một tay hoạt động, yêu đời và hay cười thét rồi niềm hân hoan của họ cũng biểu lộ trên gương mặt.

Cũng nên để ý là chỉ có một vài phẩm chất tâm lý có thể biểu lộ ra ngoài, đại khái như cảm xúc tính và hoạt động tính.

Muốn xét đoán về một gương mặt chúng ta nên nhớ rằng con người rất dễ bị ảnh hưởng của lối trang điểm, cách ăn mặc và cái khung cảnh bên ngoài. Lấy một người thuộc hạng phong lưu, có vẻ là người lương thiện đứng đắn, cho họ ăn mặc quần áo tả tơi, để tóc tai bờm xờm, dơ dáy, khi nhìn lại họ chúng ta sẽ có cảm tưởng khác ngay. Hoặc giả khi chúng ta có dịp nhìn thấy một người đàn bà xinh xắn nhưng không son phấn đang lau nhà, quét bếp...

Như chúng ta thấy, giữa hai hình thái và cá tính con người không có sự liên quan nào chắc chắn cả. Chúng ta vẫn tìm thấy nhiều tâm hồn cao thượng ẩn núp sau những bộ mặt “trời đánh”, hoặc chứa đựng trong nhiều thân hình xấu xí.

Điều đáng kể là cái sắc mặt, nhưng đừng quên rằng không gì chóng thay đổi bằng sắc mặt. Còn một nhận xét nữa, là sự vui vẻ, sự khoan khoái cũng như một mối đau khổ vô hạn có thể thay đổi hẳn sắc diện của con người, làm chúng ta không còn nhận ra họ nữa.

Ngoài ra, trong khi nhận xét chúng ta còn phải lưu ý đến triệu chứng của các chứng bệnh. Chúng tôi thấy một quyển sách dạy xem tướng cho rằng: người có đôi mắt lồi là người thiếu tự tin (thế là không hay cho những người vì yếu tim nên có bướu ở cổ và mắt lồi), còn người có đôi mắt sưng húp là người không biết kiềm chế thú tính, người đa vật dục. Nhưng hồi ôi, những người đau gan mắt cũng thường bị sưng húp.

Đã có bao nhiêu tội nhân ra trước tòa đại hình với vẻ mặt rất lương thiện và đã có bao nhiêu đàn bà có đôi mắt bồ câu, gương mặt trong sáng như thiên thần nhưng thực ra là... quỷ.

Nên xếp khoa tướng học vào hàng các trò chơi ở khách tỉnh là hơn. Chỉ có việc quan sát một cử chỉ, một cái nhìn, một điệu bộ, một sắc mặt mới có thể dẫn dắt nhà tâm lý học vào con đường chân lý.

Những bẩm chất tâm lý thiên nhiên không bao giờ lộ diện trên nét mặt, kể ra như thế cũng có chỗ hay vì nếu trái lại thì thực khó sống trên cõi đời này.

Việc một người để râu hay không để râu hoặc cách họ để râu cũng có ý nghĩa đối với nhà tâm lý học vì đó là một sự quyết định của người ấy.

Ngoài trừ trường hợp những người vì bị thương tích làm méo mặt hoặc lẹm cằm thường để râu dài che lấp vết thương, thói quen những người để râu dài là những người tốt bụng, hoặc là người bất chấp những ràng buộc của xã hội, những dư luận của quần chúng, cũng có thể là người có óc châm biếm (để râu theo lối nhà hiền triết Socrate) (*Bộ râu của nhà văn châm biếm Pháp Trisian Bernard*) hoặc giả là người hay giả vờ. Vì bộ râu là một thứ mặt nạ người ta mang lên mặt để làm cho nó có vẻ điểm nhiên.

Những tay hoạt động, những nhà thể thao thường để râu mép (râu Clark Gable) (*Cũng nên bàn thêm: Ở Sài Gòn hiện nay có nhiều chàng trai trẻ thuộc hạng “cà lơ” chỉ biết thả rong ngoài phố và thân hình ốm teo như cọng sậy nghĩa là không hoạt động và không chơi thể thao nhưng cũng*

tập tễnh để râu “Clark Gable) cho giống mấy ông kép xi-nê. Vậy chúng ta có thể nhận xét thêm: rất có thể mấy sợi râu mép lún phún đó là chúng chỉ một tâm hồn a dua, hay bắt chước). Một bộ mặt nhẵn nhụi, trơn bết không râu ria tuy không hẳn là một điểm chỉ về tính ngay thẳng nhưng rất có thể là điểm chỉ một người thành thực không có gì phải giấu giếm, hoặc giả là một người giả vờ ít cảm xúc.

Nhận xét về cách ăn mặc:

Không có câu tục ngữ nào sai lầm bằng câu “Áo mặc không làm thành một vị thầy tu”. Thực ra, xem về cách ăn mặc của một người chúng ta có thể đoán biết ít nhiều về tâm tính của họ. *(Người Việt chúng ta có câu: Quen sợ dạ, lạ sợ áo).*

Người ở địa vị xã hội khá cao nhưng ăn mặc lôi thôi tỏ ra tính keo kiệt, thiếu óc hợp đoàn. Trái lại, lối ăn mặc lôi thôi thường chứng chỉ người kém tham vọng hoặc người lẩn thẩn hay lãng trái, trường hợp của một vài nhà thông thái.

Người nhiều óc hợp đoàn luôn luôn biết chải chuốt, áo quần lúc nào cũng bảnh bao, đó cũng là chứng chỉ lòng tham muốn vì bộ cánh là cái mặt tiền có thể giúp ta trong công việc giao thiệp làm ăn.

Người không biết cách ăn mặc: mang những cà vạt lòe loẹt hoặc đeo vòng vàng đồ chói là người thiếu nhân thức. Mà những lỗi lầm về nhân thức là do óc phán đoán sai lầm hoặc do sự khuyết kém về giáo dục.

Thấy một người vắt chiếc khăn túi màu sắc rực rỡ hoặc ở túi áo trên có một cặp bút máy đứng xếp hàng cho ra vẻ người làm ăn dù là bút hiệu Parker hay Evershap chính cớ chúng ta có thể đoán: tư cách người ấy rất tầm thường.

Người ăn mặc quá nghiêm chỉnh, luôn luôn vận “đồ lớn” cà vạt màu xậm, chứng chỉ một tâm hồn đạo mạo, bi quan, đôi khi đó cũng là dấu hiệu của người kém óc hợp đoàn, không thích giao du.

Người đầu có điều hòa cũng ăn vận theo thời trang nhưng một cách kín đáo, không theo đòi một cách mù quáng, thái quá. Brummel (*Một trang hào hoa phong nhã người Anh có tiếng bên Âu Tây thế kỷ 19*) đã chẳng từng nói đại để: người phong nhã là người ăn mặc lịch sự nhưng kín đáo, nên lối phục sức của họ không “đánh” vào mắt ai cả.

Người chỉ đeo một món tư trang nhưng thật quý hay thật hiếm chứng chỉ người có óc thẩm mỹ cao và nhiều cảm xúc.

Có cách khác để xét lại điểm chỉ nói trên có đúng chẳng, là quan sát cái khung cảnh người ấy sinh sống hàng ngày. Người có óc thẩm mỹ tự nhiên biết chọn cái khung cảnh sống thích hợp với mình tức là đúng thẩm mỹ. Dù rằng một người giúp việc, không có quyền trang trí bài biện cái phòng văn cho thích hợp với ý thích của mình song nếu người giúp việc ấy có óc thẩm mỹ họ rất có thể tô điểm cái phòng văn đôi khi quá tầm thường ấy bằng một vài món đồ trang trí riêng của họ: một bức tranh, một lọ hoa, một món đồ vật bày biện bàn giấy mà kiểu vở rất độc đáo v.v...

Tính đúng mực:

Tính đúng mực là một điểm hay để chúng ta quan sát. Bắt một người khách mà chúng ta đã hẹn một giờ nhất định phải đợi chờ là thiếu lễ độ. Người quá bận vì công việc có thể sai hẹn vài phút hoặc mười lăm phút. Nhưng một người để sai hẹn cả giờ hẳn là người thiếu trật tự, thiếu cả phương pháp. Điều ấy cũng có thể giải thích: đó là người bị kích thích, người quá giàu tưởng tượng.

Khi chúng ta lỡ bắt ai phải chờ đợi mình một cách vô lý, và nếu chúng ta biết nói một câu xin lỗi điều đó chứng tỏ chúng ta có giáo dục và biết nhã nhặn (có lòng nhân lại có óc hợp đoàn).

Nên biết rằng có khách đến viếng và tuy chưa tiếp người đặng nhưng

chúng ta vẫn bước ra phòng để xin lỗi và yêu cầu khách chịu khó đợi trong chốc lát, cử chỉ ấy cũng tỏ ra chúng ta có nhiều lòng nhân, nhiều óc hợp đoàn.

Cái khung cảnh:

Người nhà nhận bao giờ cũng mau mắn đứng lên đón khách khi khách bước vào và lúc khách cáo từ cũng biết chịu khó tiễn khách đến tận ngõ. Trái lại người không thích giao du (kém óc hợp đoàn) vẫn điềm nhiên ngồi người trên ghế phêu-phơi, lạnh lùng mời khách ngồi và để cho khách tự mở đầu câu chuyện, không có một cử chỉ nào để đánh tan không khí tẻ lạnh buổi sơ giao.

Còn bao nhiêu dấu hiệu khác có thể giúp chúng ta nhận xét về một người mà chúng ta mới gặp gỡ lần đầu để bàn tính công việc làm ăn. Nếu chúng ta có dịp gặp họ trong cái khung cảnh làm việc hằng ngày thì việc nhận xét có phần dễ hơn vì nơi đó, trong cái không khí họ sinh sống hằng ngày ấy họ không gò bó, trái lại rất cởi mở, do đó chúng ta dễ nhận xét cá tính của họ hơn.

Chúng ta đều biết trong giới doanh nghiệp có những quy tắc về phép xã giao. Chẳng hạn người ở địa vị xã hội kém hoặc người muốn xin xỏ hay cầu cạnh ai một điều gì thì tự nhiên phải đích thân đến viếng người ấy trước nơi gia cư hoặc nơi phòng văn của họ. Mà như thế người khách có nhiều điểm lợi hơn người chủ, vì người khách muốn giấu giếm tâm tư của mình chỉ có một việc là đề phòng, giữ gìn “con người” của mình thôi, trong khi đó họ có thể chẳng những là nhận xét về “con người” của chủ gia mà còn có thể quan sát cái khung cảnh, cái ngõ ngách trong nhà, hoặc giả khi ngồi đợi ở phòng khách họ có thể gọi chuyện với các gia nhân để hiểu thêm về người chủ nhà. Có ai ngờ rằng trong mười lăm phút chờ đợi ở phòng khách ấy, người ta lại có thể biết được rất nhiều điều.

Những viên chủ hãng tiện tặn không dám dành riêng một căn phòng tiếp khách hoặc giả chỉ dọn một phòng khách sơ sài cho lấy có, thật đã tiết kiệm không phải lỗi. Nếu họ lại đặt viên gác điện thoại ngồi ở ngay lối

bước vào phòng khách, hoặc giao cho người ấy thêm phần sự rước khách thì họ lại thiếu dè dặt, bởi viên gác điện thoại thường biết rất nhiều điều trong nhà chủ, lỡ hấn ta có tính hay bép xép...

Nghe một người chủ hãng nói chuyện với người giúp việc chúng ta cũng có thể đoán biết ít nhiều về tâm tính ông ta. Có những cách nói, những giọng nói nó thốt lộ tình giao hảo giữa chủ và nhân viên.

Trong lúc viên chủ hãng tiếp chuyện với chúng ta, nếu họ phải ngưng câu chuyện nhiều lượt để trả lời điện thoại, điều ấy chứng tỏ viên thư ký của họ không rành nghề. Hoặc giả nó chứng tỏ người chủ ấy qua tham quyền, tham việc nên ngay trong những công việc nhỏ như việc trả lời điện thoại chẳng hạn họ cũng không dám để người khác làm thay họ... Về mặt tâm lý điều ấy chứng tỏ quá nhiều tham muốn nhưng óc phán đoán kém. Thiếu sự tin cậy ở người là do lòng nhân kém.

Cái bắt tay cũng có ý nghĩa. Đành rằng nhờ giáo dục người ta có thể tập tành cách bắt tay đúng lễ lối xã giao nhưng thường hơn, cái bắt tay ấy để bộc lộ cá tính con người vì nó là một cử chỉ tự động.

Cái bắt tay chắc nịch, nhưng không siết quá mạnh chứng chỉ người hoạt động, thành thật, cảm tính vừa phải.

Cái siết tay quá mạnh, quá chặt (theo lối võ sĩ nhu đạo) chứng chỉ người rất nhiều hoạt động tính nhưng lại kém lòng nhân, ít cảm xúc tính.

Cái bắt tay hờ hững có vẻ miễn cưỡng lấy lệ (hoặc chỉ chìa hai ngón tay ra hoặc đưa tay trái) chứng chỉ người tự kiêu, tự mãn (nhiều tham muốn).

Những cách chào hỏi khác cũng có thể giúp chúng ta nhiều nhận xét hay.

Nhận xét về cách nói chuyện:

Trong khi hầu chuyện nếu chúng ta nhận thấy người đối thoại hiểu chúng ta rất nhanh, đó là do những chu kỳ tâm lý ở họ hoạt động rất mạnh. Và điểm này chúng chỉ văn hóa của họ khá cao, guồng máy trí thức của họ thường đang vận dụng. Cũng có thể đoán: óc phán đoán họ rất tinh xác bởi họ ước lượng rất nhanh.

Khi chúng ta trình bày một vấn đề nào với người nào mà họ biết nhận định ngay vấn đề, rồi kết luận một cách đích xác, ta có thể đoán: họ có nhiều óc phán đoán.

Trái lại khi chúng ta nêu ra vấn đề cho người giàu óc tưởng tượng là họ thường tán rộng thêm, bước sang nhiều vấn đề khác lắm khi không ăn chịu với vấn đề chính. Nếu họ lại vừa có nhiều cảm xúc tính, họ có thể đi đến ảo tưởng. Còn nếu đồng thời họ lại bị kích thích nên nói rất hăng, nói huyên thuyên (vì quá nhiều hoạt động tính) điềm ấy chúng chỉ một đầu óc lộn xộn, vô tổ chức, thiếu phương pháp.

Người lĩnh hội chậm không hẳn là người kém óc phán đoán. Một trí khôn chậm lụt, lâu hiểu thường là do sức khỏe không dồi dào (toàn thân cảm giác không tốt) nên các chu kỳ tâm lý diễn ra rất chậm. Một người đi đến kết luận chậm nhưng biết kết luận chính xác vẫn là người biết phán đoán.

Nhưng cũng nên đề phòng chính mình. Lắm khi chúng ta đinh ninh rằng những ý kiến hoặc những vấn đề chúng ta nêu ra là hay là đúng mà người đối thoại với chúng ta lại không đồng ý. Ở trường hợp này không nên vội cho rằng người ấy thiếu phán đoán, rất có thể chính chúng ta sai lầm. Điều đáng cho chúng ta quan tâm không phải là việc họ có đồng quan điểm với chúng ta chẳng mà phải xét xem cách lĩnh hội của họ, lẽ đương nhiên trước đó chúng ta phải biết trình bày vấn đề một cách minh bạch, đầy đủ.

Như chúng ta đã thấy, một cuộc đàm luận về công việc làm ăn là một cuộc tranh đấu giữa hai óc phán đoán. Nếu chúng ta phán đoán kém tất nhiên chúng ta sẽ nhận định sai lầm về người đối thoại.

Người có óc phương pháp biết trình bày vấn đề cách rõ ràng, có lớp lang nhưng có vẻ máy móc, khô khan. Trong bài trần thuật của họ có ba phần: khai đề; phụ diễn; kết luận. Nó rõ rệt, minh bạch nhưng cộc lốc, khô khan.

Trong khi trần thuật người có óc tinh nhuệ trái lại biết đưa ra nhiều khía cạnh, những nét xuất sắc của vấn đề và cũng biết gia vị thêm chút thi vị hay trào lộng, hoặc đậm thêm chút màu sắc. Người có tinh nhuệ đáng cho chúng ta “ngán” hơn người có óc kỹ hà là ở điểm đó. Họ có thể thâm phục chúng ta chỉ vì những tư tưởng, những ý kiến họ đưa ra gói ghém cách khéo léo, rất quyến rũ tuy rằng chưa ắt chính xác.

Người biết suy nghĩ không bao giờ thâm nhận một ý kiến mà không khảo xét lại. Luôn luôn họ biết nhận xét vấn đề ấy dưới mọi phương diện cho đến khi họ không còn tìm ra lý lẽ để chống đối. Lúc bấy giờ họ mới chịu thâm nhận. Nếu óc phán đoán họ chắc chắn họ có thể kết luận nhanh chóng.

Người nhút nhát ít khi dám quyết định ngay mặc dù không có lý do chính đáng họ vẫn dờ lại mãi cái giờ phút quyết định, như thế là bởi óc phán đoán của họ không tinh xác hoặc giả họ có tính nhút nhát (kém hoạt động tính nhưng nhiều cảm xúc tính).

Một người tuy trong thâm tâm đã quyết từ chối điều gì đó nhưng vẫn ưỡm ờ không dám nói thẳng ra là người giả dối hoặc nhút nhát.

Người thành thật dù không tìm ra lý lẽ để từ khước vẫn nói thẳng ý định của họ.

Người nhiều hoạt động và đa cảm xúc khi vớ đặng một ý kiến hoặc tư tưởng nào đó là họ vô chạp lấy ngay một cách tin tưởng và nồng nhiệt dù họ chưa kịp suy nghĩ. Tuy nhiên, dù họ có quả quyết như thế nào chúng ta cũng đừng vội tin rằng họ đã chấp thuận tư tưởng ấy một cách vĩnh viễn.

Nhưng nếu người ấy có một óc phán đoán thượng đẳng rất có thể họ đã

nhận định tất cả vấn đề. Vì thỉnh thoảng người ta cũng gặp một vài đầu óc siêu đẳng, có óc tổng hợp, óc tưởng tượng rất dồi dào lại có đủ hoạt động tính và cảm xúc tính. Những đầu óc ấy nhờ biết phán đoán tinh xác nên chỉ cần xét qua một lượt là có thể nhận định cách đúng đắn toàn khối vấn đề. Và rất có thể họ dám quyết định ngay. Song những bậc ưu tú ấy hiếm lắm.

Như chúng ta đã thấy, nếu biết áp dụng tâm lý học người ta có thể rút tủa nhiều bài học khá hay trong những nhận xét nhỏ nhặt. Nếu để tách riêng ra những nhận xét ấy hình như không có giá trị là bao song nếu biết gom lại nó để nhận xét tổng quát nó có thể giúp chúng ta nhiều điều đáng biết về những người chúng ta cần biết.

Tóm lại khi muốn phán đoán về một người trước hết chúng ta phải xét xem những phẩm chất thiên nhiên của họ ở mức độ nào, nhiều hay ít. Song song theo đó chúng ta sẽ thử phác họa con người của họ, nhìn theo cá tính tập thành của họ mà vẽ lại.

Phối hợp hai phương diện quan sát ấy chúng ta sẽ có một nhận định tổng quát về cá tính của họ và do đó chúng ta sẽ biết cách ứng phó với họ khi cần.

CHƯƠNG IX - TÂM LÝ HỌC ÁP DỤNG VÀO VIỆC CẢI TẠO BẢN THÂN

Nếu tâm lý học có thể áp dụng trong việc tìm hiểu cá tính những người đồng loại, nó cũng có thể giúp chúng ta trong việc tu bổ cá tính của chính mình trong việc cải tạo bản thân.

Đã biết rằng cá tính thiên nhiên con người là bất di bất dịch, nhưng chúng tôi đã giải thích bằng cách nào chúng ta tuy không thể sửa đổi giá trị của những phẩm chất cốt yếu ấy lại vẫn có thể hướng dẫn cách sử dụng và hành động của mình đến những kết quả mong muốn.

Mọi người cần thấu đáo cá tính thiên nhiên của mình. Chúng ta phải tìm hiểu chính mình một cách thành thực để có thể chỉ định giá trị của những phẩm chất thuộc cảm tính hầu biết rõ rệt hệ số của những phẩm chất tham muốn; lòng nhân; óc hợp đoàn; hoạt động tính và cảm xúc tính. Để đánh giá những phẩm chất thuộc tinh thần như trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán. Đành rằng cá tính thiên nhiên chúng ta ẩn núp trong phần vô thức và như thế muốn quan sát nó không phải dễ. Tuy thế chúng ta có thể quan sát nó một cách gián tiếp, bằng cách xét dĩ vãng tìm xem nguyên nhân và hậu quả những hành động của mình. Hoặc giả chúng ta nhờ những bạn thân vừa thành thực vừa có óc phán đoán cho biết ý kiến của họ về chúng ta.

Người biết nghĩ đến việc cải tạo bản thân tức là đã biết gia tăng vận may của họ trong công cuộc tranh thủ thành công trên đời. Nhưng trước khi xét về vấn đề này chúng ta hãy xét qua về vấn đề **vận may**.

I. VẬN MAY

Trong những yếu tố có liên quan đến sự thành công trên đời, vận may là yếu tố kém quan trọng nhất. Nói thế sẽ có nhiều người phản đối nhưng chúng ta hãy bình tĩnh mà nhận xét vấn đề.

Trước hết, hãy thử định nghĩa vận may là gì? Đó là những dịp, những cơ hội thuận tiện nó không tùy thuộc chúng ta, nó đến đúng dịp, đúng lúc để giúp chúng ta thực hiện những công cuộc chúng ta trù liệu. Vận may, cái vận may thuần túy là những loạt cơ hội thuận lợi.

Cái vận may thực sự ấy mà chúng tôi gọi là vận may thuần túy nó không tùy thuộc con người, nó hoàn toàn khách quan.

Luật xác suất căn cứ trên thuyết đa số cho rằng cái vận may ấy nó không bạc đãi ai cả, nghĩa là mỗi người đều có hên hạnh đáng nó đến viếng một số lần gần như nhau. Xem thế, trước cái vận may thuần túy ấy mọi người đều bình đẳng. (Người xưa đã chẳng nói: “Mặt trời soi sáng chung cho mọi người” còn gì).

Tuy nhiên cái vận may trong đời sống có khác cái vận may trong những trò đồ bạc có tính cách “rủi may hoàn toàn” như đánh chắn lẻ hoặc xóc đĩa chẳng hạn, vì trong đời sống chúng ta ít có dịp gặp vận may, bởi trong bao nhiêu biến cố của một kiếp sống có mấy biến cố đáng gồm có sự ngẫu nhiên may mắn mà chúng ta vừa nói trên? (Chúng tôi nói những trò đồ bạc có tính cách “rủi may” vì có những trò đồ bạc mà nhà cái gác hơn nhà con phần nào. Thí dụ trong môn roulette nhà cái gác ở tụt ngôi sao và trong môn tài xỉu thì nhà cái gác ở tụt bảo, nhưng vậy ngay trong luật lệ của những trò chơi ấy nhà con đã có ít phần may hơn nhà cái rồi đó là chưa kể phần lấy xâu của chủ chứa. Vì thế những người thử thời vận trong những trò đen đỏ ấy thật không có óc phán đoán, bởi khi vào cuộc đã thấy rõ “vận may” họ kém hơn đối phương rồi mà còn thử làm gì? Nếu quả thật hai người muốn thử thời vận thì nên sát phạt nhau trong những môn cờ bạc hoàn toàn may rủi như đánh chắn lẻ, đánh xấp ngửa, những trò chơi mà phần ăn thua của hai bên đồng nhau không ai gác ai. Song như luật xác suất đã chứng minh thì cái vận may thuần túy của hai người ấy đều như nhau, nghĩa là không ai hơn ai kém, nếu chỉ sát phạt nhau trong một thời gian ngắn rất có thể có một người ăn một người thua, nhưng nếu kéo dài canh bạc trong một thời gian dài thì hai người sẽ hòa nhau. Người có óc khoa học có thể “giỡn” tiền trong giây lát để giải trí chứ không bao giờ ngu xuẩn định “làm tiền”

bằng cách đánh bạc).

Cái hy vọng để gặp những ngẫu nhiên may mắn ấy đã kém cỏi, chúng ta cũng không có cách gì giúp cho vận may ấy nảy nở, thì trong những cuộc mưu tính làm ăn chúng ta nên gạt bỏ yếu tố ấy là hơn. Nếu chúng ta vừa thất bại năm bảy keo liên tiếp đừng căn cứ theo luật may rủi mà hy vọng rằng sau vận “đen” ấy thời vận chúng ta sẽ “đỏ” trở lại.

Những vận may chưa ắt đã hoàn toàn do may rủi:

Xét kỹ vấn đề, chúng ta sẽ thấy rằng những gì mà chúng ta thường cho rằng do vận may đưa đến thực ra không phải do sự ngẫu nhiên tạo ra. Có thể tìm thấy nguyên do của một cơ hội may mắn trong cái dĩ vãng xa xăm.

Cái vận hội tốt đẹp mà ngày nay chúng ta hưởng lấy kết quả biết đâu là chẳng do hành động của chúng ta trong thời gian đã qua, lúc bấy giờ chúng ta đã hành động một cách bất vụ lợi không nghĩ gì đến kết quả tốt đẹp mà chúng ta có thể rước lấy.

Xét ngay trong việc làm ăn chẳng hạn, lắm khi chúng ta làm nên là nhờ sự giúp đỡ của một người bạn hoặc nhờ biết dùng đúng nhịp chỗ quen biết. Nhưng không phải vô cớ chúng ta đã may mắn gặp vị “quối nhờn” ấy. Rất có thể họ giúp chúng ta vì trước đó lúc chúng ta chưa bao giờ nghĩ đến sự giúp đỡ của họ chúng ta đã thâm phục cảm tình của họ, hoặc bởi lòng thành tín chúng ta đã làm cho họ cảm mến.

Có thể nói “vận may” của chúng ta có liên quan trực tiếp đến cá tính chúng ta. Chính những khả năng thể chất và tinh thần chúng ta đã giúp chúng ta thành công. Cái vận may thực sự là cái di truyền chúng ta thừa hưởng của ông cha. Như khoa học hiện nay đã chứng minh, di truyền này là do một sự phân phối hoàn toàn may rủi. Ở một đoạn sau chúng ta sẽ có

dịp xét lại vấn đề di truyền này một cách kỹ hơn.

Cái vận số không may thực sự:

Không ai chối cãi rằng một người lúc ra chào đời đã mang tật què chân, mù mắt, gù lưng hoặc rất xấu xí thật quả có một vận số không may. Song đó chỉ là một điều thu thiệt mà người ta có thể vớt vát lại phần nào bằng cách phát triển tận độ cái cá tính tập thành. Trong doanh nghiệp chẳng hạn, cái vẻ đẹp thể chất thiên nhiên không ảnh hưởng quan trọng lắm. Đành rằng người bán hàng xấu xí khó lấy lòng khách hơn người bán hàng bảnh trai. Nhưng có biết bao nhiêu người không đặt tạo vật hậu đãi song họ vẫn rất khả ái, có biết bao tâm hồn siêu đẳng đã lướt thắng những khuyết kém thể chất.

Trong lịch sử không thiếu những thí dụ ấy. Hoàng đế Napoléon người vốn thấp bé và sức khỏe rất kém, Thánh Paul người đã xây đắp nền móng cho đế quốc giáo hội La Mã là người gầy yếu. Nhà cách mạng Mirabeau rất xấu xí. Ai cũng rõ suốt trận đại chiến thứ nhất thống chế F. Foch mắc phải bệnh đau thận. Cố tổng thống Hoa Kỳ F. Roosevelt là gương mẫu đáng ngợi của một người đã lướt thắng sự suy đồi của thể chất (ông bị tê liệt ở chân). Và gần chúng ta hơn, cũng không thiếu những thí dụ. Chúng ta đã từng thấy nhiều thương phế binh thích ứng lại cuộc đời một cách can đảm. Họa sĩ Lemordant bị mù, bị tê liệt nhưng vẫn hoạt động đắc lực. Một vị trạng sư nổi tiếng ở tòa án Paris, ông M. Bloch bị mù mắt từ lúc mới lọt lòng. Và hẳn chúng ta còn nhớ gương đáng ngợi của một đàn bà Mỹ, bà Helen Keller vừa mù vừa câm lại vừa điếc nhưng với một nghị lực không bờ bến bà đã tự tạo một nền học vấn uyên thâm.

Dù thể chất của một người có khuyết kém đến đâu, nếu cá tính họ có giá trị họ vẫn chưa đến nỗi tuyệt vọng.

Vì thế chúng ta nên quan tâm đến những phẩm chất cốt yếu hợp thành cá tính thiên nhiên và thử xem những phẩm chất ấy đã định truyền sang cho

chúng ta như thế nào.

Vấn đề di truyền:

Những năm gần đây khoa sinh vật học và khoa di truyền học đã tiến bộ khá nhiều, nhưng trong đại chúng ít ai để ý đến những tiến bộ ấy.

Ở một chương trước nhân đã có dịp đề cập đến khoa tương học chúng tôi đã có dịp nói sơ qua về vấn đề di truyền, nhưng muốn hiểu rõ vấn đề vận may tưởng cũng nên xét kỹ về việc di truyền.

Cách đây 70 năm (*sách này xuất bản năm 1956*) một vị tu sĩ người Áo mà cũng là một nhà thảo vật học trứ danh, ông Johan Mendel đã nêu ra những định luật đầu tiên về cách di truyền. Nhưng thời đó không mấy người nhận thấy sự quan trọng những công trình của ông. Phải đợi cho đến đầu thế kỷ 20 này người ta mới nhận thấy giá trị của những công cuộc tìm tòi ấy. Chính ông đã tìm ra những định luật về cách gây giống lai trong khi ông thí nghiệm về cách gây giống những cây trong khu vườn nhà ông.

Bắt đầu từ đó nhiều nhà khoa học như Morgan bên Mỹ và Cuénot bên Pháp đã nghiên cứu về vấn đề di truyền.

Nghiên cứu về một giống ruồi tên Drosophile, tục gọi là giống ruồi bu theo giấm chua, người ta đã tìm ra định luật chỉ huy việc di truyền sang những đặc tính. Nhưng ở đây chúng ta không cần biết rõ cách khảo cứu của những nhà bác học ấy mà chỉ cần biết những kết luận của họ ra sao.

Xưa nay người ta vẫn đinh ninh rằng những gì mà ông cha chúng ta đã thu thập, những tính tốt cũng như những tật xấu về trí thức cũng như về tinh thần sẽ đặng di truyền lại cho con cháu. Nghĩa là chúng ta chắc chắn thừa hưởng hoặc ít hoặc nhiều những cố gắng để cải tiến của ông cha chúng ta về phương diện trí thức hoặc tinh thần.

Song những kết luận của các nhà khoa học hiện nay đã làm cho chúng ta

vỡ mộng. Đành rằng trong cái di truyền mà chúng ta thừa hưởng của ông cha, một nửa thuộc bên nội và một nửa thuộc bên ngoại. Nhưng khoa sinh vật đã chứng minh một cách không chối cãi rằng: khi cái trứng (cái trứng do sự phối hợp những tế bào của người cha và người mẹ kết thành) đã bị chia đôi thì nó đã trở sinh những tế bào mới thuộc hai nguồn gốc khác nhau. Một hạng tế bào mang tên là tế bào thuộc thể chất, có nhiệm vụ tạo nên những phần khác nhau trong thân thể của một con người mới. Một hạng tế bào khác mang tên tế bào tính dục có nhiệm vụ sinh sản, truyền giống. Trong những tế bào thuộc hạng sau này lẽ dĩ nhiên có những chứa chất trong mầm giống của người cha và người mẹ đã mang khi hai giống ấy phối hợp nhau để kết thành cái trứng. Những tế bào này chỉ có tính cách sinh sản, do một sự kết hợp mới của mầm giống bên nội và bên ngoại và chỉ có cái mầm giống này là đặng di truyền từ đời này sang đời khác. (Và như Jean Rostand đã nói rõ, khoa học tìm ra một lý lẽ xác thực để chứng tỏ rằng những đặc tính về thể chất cũng như về tinh thần lại có thể tiêm nhiễm vào những tế bào sinh sản tức là những tế bào truyền giống. Đã không ảnh hưởng đến những tế bào này, những đặc tính ấy không thể di truyền lại).

Có hiểu như thế mới có thể giải thích tính cách bất biến của cá tính con người và chúng ta mới hiểu tại sao bản chất con người xưa nay vẫn không thay đổi. (Chỉ có những hiện tượng “ngẫu biến” là có thể làm mất tính cách bất biến này, làm thay đổi một cách đột ngột cái di sản của cha ông, song những hiện tượng “ngẫu biến” ấy rất hiếm thấy trong loài người. Vả lại thường nó chỉ ảnh hưởng đến những đặc tính phụ thuộc. Điều nữa là nó diễn ra một cách may rủi và thường ảnh hưởng một cách không hay cho nòi giống, có khi lại hủy diệt nòi giống ấy bằng cách tạo nên những con người thác loạn). Chẳng hạn tâm lý các nhân vật trong những vở hài kịch của Aristophane (nhà soạn kịch trứ danh người Hy Lạp) vẫn còn giá trị đối với người thời nay. (Xét về những nhân vật trong các truyền Tào cũng thế. Những Tào Tháo, Lưu Bị trong “Tam Quốc”. Những Hàn Tín, Quản Trọng, Trương Nghi trong “Đông Chu Liệt Quốc” vẫn rất gần gũi với người thời nay). Những thị dục, những khuynh hướng, những tâm tính con người thời “cổ” vẫn không khác với con người thời “văn minh” này.

Mỗi đứa trẻ mới ra chào đời quả là một con người hoàn toàn mới, bởi do một sự phối hợp duy nhất khác những phối hợp đã có từ trước đến giờ, song những yếu tố cấu thành con người mới ấy xét về nguyên thể, xét về những yếu tố cấu tạo vẫn không khác gì những yếu tố đã cấu thành các bậc tổ tiên của nó. Tất cả những gì mà các bậc tiền bối ấy đã thâm nhập trong đời sống của họ đã tiêu tan đi một khi họ lìa cõi thế. Họ chuyển sang cho con cháu cái mầm giống còn những đặc tính về thể chất cũng như về tinh thần mà họ đã thâm nhập họ không thể truyền sang cho con cháu.

Bởi, chỉ có sự liên tục giữa mầm giống này đến mầm giống khác từ là trên phương diện vật chất mà thôi, nên về phương diện tinh thần có một sự gián đoạn rõ rệt giữa hai thế hệ này và thế hệ khác. (*Người Việt chúng ta có câu “cha làm thầy con đốt sách”*). Hai phần này hoàn toàn biệt lập nhau cho đến nỗi chúng ta có thể nói rằng mỗi người khi sanh ra đời đều phải bắt đầu “học lại” tất cả những gì cần thiết để sinh sống. Những công trình, những cố gắng chúng ta chỉ có giá trị với chúng ta. Con cháu chúng ta không thừa hưởng đặng những gì mà chúng ta đã có hoặc đã thâm nhập. Chúng ta không thể truyền sang cho con cháu thứ “tài sản” ấy. Tất cả những gì chúng ta đã có hoặc đã thâm nhập đều mất đi một khi chúng ta chết. Chúng ta tiến bộ hay chẳng là do ở sức mình và chỉ có chính mình là hưởng lấy.

Xem thế, chúng ta chỉ thừa hưởng của ông cha cái cá tính thiên nhiên, mà những yếu tố tạo thành cá tính này lại đặng phân phát cho chúng ta một cách may rủi trong số những yếu tố di truyền mà ông cha chúng ta đã mang trong người họ và họ không thể thêm thắt hay sửa đổi chi cả. Những tiến bộ của họ về tinh thần, cái vốn liếng văn hóa họ đã thâm nhập, tất cả cái cá tính tập thành của họ đối với chúng ta kể như con số không.

Có thể sánh việc truyền sang sự sống với một cuộc thi chạy rước đuốc. Duy có điểm khác là mỗi lần có dịp chuyển bó đuốc sang tay người khác thì người cầm đuốc lại không thể chuyển trọn bó đuốc ấy mà phải chia nó ra làm hai phần bó đuốc đều nhau để chuyển sang và sau đó hai phần

bó đũa ấy lại kết hợp lại để tạo nên một thứ ánh sáng mới.

Cái vận may thật sự của chúng ta:

Cái vận may thực sự của chúng ta là ở phần cá tính thiên nhiên mà chúng ta đã thừa hưởng của cha mẹ. Chúng ta đã nhận thấy vai trò quan trọng của nó. Trong cái phần cá tính thiên nhiên ấy, tổ tiên chúng ta đã truyền lại cho chúng ta hoặc ít hoặc nhiều khả năng, một mớ vật liệu hoặc tốt hoặc xấu, nói tóm lại một mớ dụng cụ hoàn hảo hay chẳng. Nhưng nó còn vấn đề trọng yếu khác là chúng ta có biết sử dụng những dụng cụ ấy chẳng. Chính cách sử dụng những khả năng ấy mà mọi người có thể lèo lái con thuyền đời của mình theo ý mình.

Đối với người khéo sử dụng, dù những dụng cụ của họ không hoàn hảo họ cũng có thể tạo nên món đồ khá tốt. Với những vật liệu tầm thường người ta vẫn có thể xây dựng những tòa nhà kiên cố cũng như có lắm người sẵn có những tảng đá cẩm thạch tuyệt đẹp để xây dựng nhà lại làm sút mẻ đi.

Khi bước ra thi đua với đời, mọi người trong chúng ta tương đối mà sánh, đều có chỗ hơn kém nhau ít nhiều.

Nếu không bị “vận số” bạc đãi thậm tệ thì mỗi người đều có thể về đến mức với một địa vị khả quan. Không phải những người về tốp đầu luôn luôn là những người chiếm ngao đầu.

Ở một phần trước chúng tôi đã có nói: điều đáng kể là ở cách phản ứng của bẩm chất lòng nhân đối với những bẩm chất khác. Nói rõ hơn: công lao của một người chính ở chỗ họ biết cố gắng nhiều hay ít để sử dụng những bẩm chất thiên nhiên hoặc khuyết kém hoặc phát triển quá độ.

Một người đa cảm xúc biết giữ bình tĩnh trước những biến cố trong đời lẽ dĩ nhiên có công khó hơn một người tính vốn bản nhiên. Một người có tính tham nhưng nhờ ảnh hưởng của giáo dục, biết giữ mình đặng

liêm chính hẳn đáng ngại hơn người vì kém tham muốn mà không biết tham lam v.v...

Như chúng ta đã thấy, những điều kiện để thành công trên đời cốt ở chỗ biết tu bổ và biết sử dụng mớ vật liệu về thể chất cũng như về tinh thần mà ông cha chúng ta đã truyền lại.

II. VỆ SINH THÂN THỂ

Đành rằng cái toàn thân cảm giác chưa thể gọi là sức khỏe, bởi nó còn tùy thuộc trạng thái bộ thần kinh, nhưng không ai chối cãi rằng nếu biết giữ gìn sức khỏe cho kiện toàn thì đồng thời người ta cũng đã gia tăng năng suất của cá tính phần nào, hoặc ít ra người ta cũng đã diệt trừ những nguyên nhân làm suy kém sức hoạt động.

Công việc làm bằng trí não dù là dưới hình thức nào cũng tiêu dùng một lượng sinh lực quan trọng chẳng kém những công việc làm bằng tay chân nặng nhọc nhất. Lịch sử văn học cho chúng ta nhiều thí dụ. Nếu Victor Hugo không không phải là một người “khỏe” thì dù có thiên tài như ông cũng chưa đủ để tạo nên một văn nghiệp đồ sộ như chúng ta đã biết. Nhà đại văn hào Balzac mặc dù rất cường tráng cũng thọ không quá năm mươi vì làm việc quá nhiều. Nhà soạn kịch Molière (*Molière là một người thuộc hạng “tính bất định”*) cũng ngã gục trên công việc làm. Chúng ta đã thấy gương bao nhiêu nhà doanh nghiệp thọ yếu, sức khỏe họ chóng hao mòn vì những công trình sáng tác.

Như chúng ta thấy, cái cơ sở thể chất cũng rất hệ trọng. Trừ khi lúc sinh ra đã vướng phải một chứng bệnh do bẩm sinh, ai cũng có thể giữ gìn sức khỏe bằng cách tuân giữ những quy tắc vệ sinh thích hợp, càng có tuổi càng phải tuân giữ nghiêm ngặt.

Vai trò của ông thầy thuốc:

Nhắc lại câu mà người ta thường nhắc: “Con người không chết, chính con người đã tự sát” sợ e quá nhảm tai. Tuy đây không phải là nơi

để giảng về y học chúng tôi tưởng cũng nên nói sơ qua về lẽ lối sống của một nhà hoạt động.

Nguyên tắc của lối sống này gồm ở câu cách ngôn La tinh “In medio stat virtus”. (Có nghĩa là: “Đức tính chỉ đứng ở mực trung”, cũng một ý với thuyết Trung Dung của Khổng Tử). Không nên khinh thường sức khỏe cũng như không nên để cho thói “sợ mắc bệnh” ám ảnh, hơi nhất động nhất tĩnh là réo thầy, chạy thuốc. Người hoạt động không bắt buộc sống theo lối dưỡng sinh khổ hạnh của vị tu sĩ nhưng cũng không nên khinh thường lời khuyên của y sĩ.

Thật ra ít người biết cách “dùng thầy, dùng thuốc”. Bình thường không ai chịu hỏi han ý kiến của y sĩ, chờ đến khi lâm bệnh người ta mới chạy đến họ để cầu cứu. Và lúc bấy giờ, người ta lại đòi hỏi y sĩ phải chữa bệnh sao cho chóng lành. Ông thầy nào không biết ra toa dạy dùng thật nhiều thứ thuốc sẽ bị con bệnh cho là kém tài.

Chỉ có khoa giải phẫu là có thể trừ tuyệt gốc một vài chứng bệnh. Sự công hiệu của những món “cao đơn hoàn tán” chỉ có thời hạn.

Một vài thứ thuốc chữa hoạt huyết thanh mà y học đã tìm ra cách dùng cách đây không bao lâu, ngoài một vài thứ thuốc chuyên trị mới sáng chế gần đây như các vị thuốc trụ sinh... không có bao nhiêu thứ thuốc thật linh nghiệm. Phần nhiều các món thuốc chúng ta thấy trưng bày nhan nhản ở các hiệu thuốc (nói về thuốc tây cũng như thuốc ta) chỉ có thể xem là những trợ được, nó chỉ trợ giúp chứ không thể chữa hẳn căn bệnh. Việc chữa lành bệnh hay không phải do sức cố gắng của người bệnh phần nào.

Chúng ta chỉ nên xem vị y sĩ như một người giàu kinh nghiệm, có thể đoán biết cách đích xác bản chất của căn bệnh (*Lẽ dĩ nhiên tương đối mà nói. Thực ra ông thầy thuốc không phải là ông thầy bói*), mà như thế cũng đã nhiều lắm rồi. Ngoài ra ông thầy thuốc chỉ có thể giúp chúng ta phần nào bằng cách tổ chức việc vệ sinh thích ứng để chúng ta theo hầu phục hồi sức khỏe.

Ông thầy thuốc sẽ giúp chúng ta đắc lực hơn nếu chúng ta biết nhờ đến họ lúc chúng ta còn khỏe mạnh, tức là lúc bệnh chưa phát. Một vị y sĩ giỏi có thể tìm thấy triệu chứng những bệnh thuộc tạng phủ, những triệu chứng này người thông phàm như chúng ta khó thể nhận thấy, do đó vị y sĩ có thể quy định cho chúng ta những phép dưỡng sinh thích ứng hầu chặn đứng căn bệnh trong trứng.

Câu nói hy hữu của ông Ambroise Paré (*Một vị danh sư của Pháp thời xưa (1510 – 1590) chuyên về khoa mổ xẻ*): “Tôi băng bó người bệnh, nhưng Chúa đã chữa họ khỏi bệnh” vẫn còn đúng. Những người hoài nghi, không tin thần thánh có thể nhái lại câu ấy để nói một cách khác: “Ông thầy thuốc trị bệnh, song chính người bệnh tự chữa khỏi bệnh”.

Một nhà hoạt động cần phải biết nghe lời khuyên của y sĩ để bảo vệ cái vốn sức khỏe của mình trước khi bệnh hoạn làm cho nó sút mẻ.

Khi đã có tuổi, độ một năm rưỡi hoặc hai năm nên đi thầy thuốc để khám sức khỏe một lần, xin thử máu, nước tiểu, rọi kiến v.v... Đó là một cách hay để bảo vệ sức khỏe.

Một lối dưỡng sinh khôn ngoan:

Nhiều nhà doanh nghiệp lắm khi tưởng rằng họ bị đau dạ dày hoặc đau gan. Nhưng thực ra nếu hai cơ quan này có “trục trặc” đó là do lối ăn uống hối hả, bất thường của họ, hoặc giả vì họ có thói quen ăn uống tạp nạp, ăn quá nhiều mà sinh ra.

Nếu sự vận động của dạ dày không điều hòa thường khi đó là do bộ thần kinh. Khi cái “toàn thân cảm giác” không đặng tốt, chúng ta thấy đau ở dạ dày, lúc cái “toàn thân cảm giác” ấy đặng cải thiện chứng đau dạ dày lại biến đi.

Nếu lúc ấy chúng ta lại chạy đến thầy thuốc, tự nhiên họ sẽ ra toa, bốc

thuốc và bắt chúng ta ăn kiêng này nọ. Nhưng thực ra với một vài quy tắc giản dị về phép dưỡng sinh chúng ta cũng có thể tự chữa bệnh cách nhanh chóng. Có thể gom lại những quy tắc này trong vài hàng: ăn chậm rãi, trong bữa ăn đừng uống nhiều (trước khi ăn khá lâu có thể uống vài cốc nước lã) nên dùng thứ bánh mì thật chín hoặc nướng. *(Đối với người Việt chúng ta tưởng nên nhắc lại điều này: dùng cơm gạo lúc bổ hơn cơm gạo già trắng đã mất hết cám).*

Dù không mắc bệnh gì chúng ta cũng nên tuân giữ những quy tắc chung của phép vệ sinh trong việc ăn uống.

Phép dưỡng sinh của nhà doanh nghiệp đặt nền móng trên tiết độ. Chỉ nên ăn vừa phải, có điều độ, thức ăn phải chọn những món giản dị, thịt nướng, cá nướng, rau cải hấp, quý hơn những món chiên xào rắc rối. Và lại người sành ăn bao giờ cũng thích những món ăn đơn giản. Thỉnh thoảng có “đại yến” một bữa cũng không hại gì, song ngày kế đó phải bù trừ lại ngay bằng một ngày nhịn ăn (chỉ uống nước lã) hoặc ăn khem (chỉ ăn trái cây, uống sữa và nước lã). Bộ máy tiêu hóa là một guồng máy mà chúng ta chỉ nên bắt nó vận động vừa phải và điều hòa. Lỡ có bắt nó làm việc hơi nhiều thì liền sau đó phải để nó nghỉ ngơi.

Rượu rang (rượu chát) uống vừa phải trong bữa ăn cũng có phần bổ. Lẽ cố nhiên nên tránh những thứ rượu mạnh, rượu khai vị, nhưng cũng đừng quá sợ nó như sợ thuốc độc. Người nghiện rượu thường là người có tính lo âu (kém hoạt động, óc phán đoán tệ).

Những chất kích thích như cà phê và thuốc lá có người dùng vô hại và có người dùng lại sanh độc, đó là tùy khí chất của mỗi người.

Những người thuộc thần kinh chất, những người bị thực khí, những lao tâm nên nghỉ trưa sau bữa ăn.

Thể dục và thể thao:

Phép dưỡng sinh hợp lý bao giờ cũng chú trọng việc tập thể dục, chơi thể thao. Nhưng nó cũng không khuyên ai sùng mộ hai môn này một cách mù quáng.

Bất luận môn thể thao nào làm vận dụng tất cả những bắp thịt trong người và chúng ta có dịp hô hấp thoáng khí đều tốt. Đi bộ là môn vận động vừa bình dân, vừa tốt nhất. Nếu có dịp đánh quần vợt, đi ngựa cũng hay nhưng không cần thiết, điều cần là có dịp hô hấp, có dịp làm cho các gân thịt trong người vận động.

Mỗi buổi sáng tập thể dục trong mười lăm phút là một lối vận động rất tốt. Nhiều người nói đến thể dục song không mấy người tập điều mặc dù họ có thiện chí. Phần đông chúng ta mệt mỏi vì lắm khi phải làm việc về đêm, sáng dậy rất trễ, mở mắt ra là công việc tấp tểi, chúng ta đâm ra hấp tấp, vội vã, không còn cần đảm để “phí” mười lăm phút cho việc rèn luyện thân thể. Mặc dù đó là điều kiện cần thiết, mỗi buổi sáng làm vận dụng các bắp thịt khắp châu thân, hô hấp nhiều sẽ làm vận chuyển máu trong người do đó sẽ thêm phần khởi khi bắt tay vào công việc trong ngày.

Người có tuổi nên tránh những môn thể thao dùng nhiều sức (đá banh, chạy bộ v.v...) có thể chơi các môn ấy nhưng phải hỏi ý kiến thầy thuốc. Những môn thể thao nhẹ nhàng hơn như: đi bộ, đánh quần vợt v.v... thì người có tuổi cũng có thể chơi, miễn là biết dè dặt chỉ chơi vừa phải. Nhiều người có tuổi bị đau tim mà họ không ngờ, nếu tim yếu không nên chơi môn thể thao nào cả.

Giấc ngủ:

Trong phép dưỡng sinh, giấc ngủ điều hòa là điều quan trọng. Thời thường không cần ngủ nhiều lắm, bảy đến tám giờ cũng đủ, song giấc ngủ phải thật ngon lành. Có người cho rằng địa thế của chiếc giường nằm có ảnh hưởng đến giấc ngủ. Đặt chiếc giường xoay đầu về hướng bắc sẽ đem lại cho chúng ta một giấc ngủ an tịnh hơn là để nó xoay đầu

về hướng đông. Điều này có thể là do từ trường của quả địa cầu mà những đường phát lực nó đi từ hướng bắc xuống hướng nam.

Chính tôi đã có dịp thí nghiệm thuyết này và thấy đúng. Tuy nhiên quý bạn đọc nên thí nghiệm lại thử xem. Ai cũng thừa biết phòng ngủ phải thoáng khí. Nếu không quen ngủ mà để cửa sổ mở thì cũng nên tìm cách nào khác làm cho phòng ngủ thoáng khí.

Tóm lại: giấc ngủ chúng ta cần điều hòa và chúng ta cần ngủ thật ngon giấc. Nhưng gặp lúc bị những mối lo nghĩ vô vấp thì làm sao ngủ cho ngon giấc? Lịch sử kể lại những bậc vĩ nhân như Turenne, Napoléon, Joffre, muốn ngủ lúc nào cũng đặt dù là giữa nơi trận địa. Chưa phải là vĩ nhân, chúng ta nên biết một vài phương thuật nho nhỏ những lệnh hiệu để dễ giấc ngủ.

Trước hết phải tập thói quen ngủ đúng giờ và dậy đúng giờ. Trước khi ngủ có thể xem sách nhưng nên tránh những tiểu thuyết quá hấp dẫn, quá kích thích, nên chọn những sách đòi hỏi nhiều suy nghĩ. Đọc quyển sách viết bằng một ngoại ngữ mà chúng ta mới học và nhiều nhá nhem cũng là một lối “ru ngủ” hay. Sự gắng sức để tìm hiểu làm chúng ta mau uể oải và buồn ngủ.

Song cách dễ giấc ngủ hay hơn hết là tắt đèn rồi đừng suy nghĩ gì cả. Với một tí công phu luyện tập ta có thể “quét sạch mọi tư tưởng” trong đầu nghĩa là không suy nghĩ gì cả. Có những phương thức máy móc hơn là đếm chậm chậm từ một đến một trăm, hoặc nhớ một cảnh tượng êm đẹp, một cuộc du hành lý thú v.v...

Người ngủ hay bị thức giấc hoặc bị mộng mị kinh hoàng là do ăn uống không tiêu. Người bị bệnh mất ngủ tức là khó dễ giấc ngủ thường là do một trạng thái suy nhược hoặc bị cảm xúc thái quá.

Nên tránh những thuốc ngủ. Trước hết vì các thuốc ấy dễ sanh thói quen, càng dùng lâu phải dùng thêm mới thấy công hiệu. Điều khác, tất cả các thứ thuốc ngủ không ít thì nhiều đều có chất độc, nó ảnh hưởng đến trung khu thần kinh. Gặp lúc thần kinh bị kích thích làm cho khó ngủ,

chúng ta chỉ cần tắm bằng nước hâm hãm trước khi ngủ, hoặc uống một cốc nước thuốc sắc với hoa bồ đề.

Cà phê và trà là những chất kích thích có thể làm cho những người không quen dùng nó vào buổi tối phải mất ngủ. Cũng nên đánh đổ thành này: để bụng trống sẽ dễ ngủ hơn. Các loài vật sau khi ăn no luôn luôn đi ngủ. Nhưng, lẽ cố nhiên nếu ăn quá nhiều chúng ta cũng bị mất ngủ vì bộ máy tiêu hóa có thể mệt bởi vận động quá nhiều.

Sáng thức dậy nên để cho cơ thể làm việc trở lại một cách từ từ, đừng bắt tay vào những việc nặng nhọc ngay sau khi nhảy xuống giường, nhất là đối với người bị tăng huyết áp.

Trong ngày, giữa buổi làm việc thỉnh thoảng nên nghỉ ngơi trong giây lát để cho gân thịt có dịp nghỉ xả. Một cách hay nhất để nghỉ ngơi khi thấy cơ thể mệt mỏi là rút vào một gian buồng ánh sáng mờ, ngả người ra trên ghế pho tô êm ả hoặc nằm dài trên một chiếc ghế dài, duỗi thẳng tay chân ra, cốt cho các gân thịt giãn ra, rồi nằm yên đừng động đậy, cũng đừng nghĩ đến điều gì cả. Nằm nghỉ như thế trong mười phút chúng ta sẽ thấy khỏe khoắn một cách kỳ lạ.

Ái tình:

Ái tình chiếm một phần quan trọng trong đời sống con người, thiết nghĩ cũng nên đề cập đến nó nhân dịp bàn về lối sống của người hoạt động.

Đức tinh khiết không phải là điều kiện bắt buộc để thành công trên đường đời. Và lại, các hạch sinh dục có vận dụng điều hòa, bộ thần kinh mới đặng thăng bằng. Nhưng lạm dụng nó một cách thái quá lại còn tệ hại hơn. Về điểm hơi tế nhị này thiết tưởng chúng ta nên nương theo thiên nhiên hơn là đàn áp nó. Chúng ta quan sát thấy phần nhiều các nhà doanh nghiệp lỗi lạc đều sống một đời sống khắc khổ. Cũng có một số ít người hay “cặp xách” với những ngôi sao trong “làng chơi” nhưng đó

chẳng qua là họ muốn làm ra vẻ “nhà giàu” (?), một cách họ làm quảng cáo. Không phải đa số nhà doanh nghiệp ấy, “thần thánh” gì hơn chúng ta. Sở dĩ họ không thiết nghĩ đến việc “chơi bời” vì họ cảm thấy những thú vui, những cảm xúc do công việc tranh thương đoạt lợi mang lại nó có phần hào hứng hơn những thú vui “yêu đương”. Hẳn là chúng ta có quyển nghĩ khác hơn họ.

Một mối tình cuồng si có thể là động lực thúc đẩy ta làm nên những công cuộc vĩ đại. Mối tình cuồng si thường xảy ra trong lúc kẻ si tình trải qua một cơn cuồng tính tăng lên quá độ do đó nó ảnh hưởng đến đời sống hoạt động của họ. Một tình yêu êm thắm gây ra thói yêu đời, vui tính, những điều kiện tốt để thành công. Song không phải tất cả những cuộc tình duyên nào cũng đi đến chỗ tốt đẹp đâu. Khi mà kẻ si tình bị thất vọng thì họ như mất thần, mất cái lò xo đã khiến họ hăng hái hoạt động và nguy hơn là họ có thể làm nhiều điều điên dại. *(Chúng ta thường thấy gương những người vì mê say một “bông hồng biết nói” mà bán rẻ lương tâm, trở nên gian xảo. Xin nhắc lại đức liêm chính không tùy thuộc những bả chất di truyền, nó là kết quả của những khuynh hướng, của giáo dục).* Xét kỹ lại, đã có bao nhiêu lần chúng ta quyết định về công ăn việc làm nhưng lại không đứng về phương diện kinh doanh để xét chỗ lợi hại mà chỉ nghe theo tiếng gọi của quả tim.

Điều tối kỵ mà nhà doanh nghiệp nào cũng phải tránh là đừng xen những trò chơi tình ái với những công việc làm ăn. Lẽ phải dạy chúng ta như thế.

Những thời giờ dành cho công việc làm ăn, cho chức nghiệp là những thời giờ bất khả xâm phạm. Dù gặp lúc “cảm hứng” đến đâu chúng ta cũng nên gác ngoài cửa văn phòng những “bài toán lòng”. Người khôn ngoan biết phân chia hai phần riêng biệt: những vấn đề kinh doanh và những vấn đề thuộc quả tim.

III. VỆ SINH TINH THẦN

Công cụ chính của một người hoạt động là bộ não, phải cố gắng giữ gìn bộ não ấy cho khỏi ảnh hưởng. Biết giữ vệ sinh tinh thần có thể tránh

đặng sự lao tâm.

Bộ não con người cũng bị thấm mệt và suy yếu:

Trước hết chúng ta cần phải biết thay đổi công việc làm của trí não, đừng để những công việc thuộc về nghề nghiệp hoàn toàn xâm chiếm óc não. Trong tập “Tiểu Luận” nhà hiền triết Montaigne đã có nói về điều này một cách rất hay, quả ông là một bậc khôn ngoan. Chỉ nên dành cho công việc làm ăn một thời giờ nhất định nào đó, ngoài ra nên để cho đầu óc thanh thoi. Muốn đặng thế phải biết làm việc có quy củ, có phương pháp... Chúng ta thường thấy lắm người luôn luôn bị bù đầu vì công việc làm ăn. Làm việc không biết giờ giấc, ăn ngủ không yên vì luôn luôn họ bận tâm bận trí. Luôn luôn họ phải đối những giờ hẹn với khách dù vậy họ cũng không làm hết một nửa công việc họ định làm. Và họ chép miệng than: “Đời gì mà vất vả thế. Không sao có đủ thời giờ để làm một công việc gì”.

Hãy quan sát họ: từ lúc sáng họ đã bị chậm trễ, đã mất nhiều thời giờ vì lỗi làm việc thiếu phương pháp, họ làm những công việc mà người khác có thể làm giúp họ, trái lại không lo nghĩ đến những việc thuộc thẩm quyền của họ. Năng suất của họ kém và nguy hơn là họ mất sức rất nhiều.

Ngoài trừ trường hợp đặc biệt không ai có thể làm công việc bằng trí não ròn rã bảy tám tiếng đồng hồ trong một ngày. Ngoài mức ấy ta sẽ bị mệt ngay. Có những người tưởng chừng họ có thể làm việc bằng trí não trên bảy tám tiếng đồng hồ song thực ra đó là họ không kể những thời giờ chết trong đó họ không sản xuất đặng gì mà trái lại còn làm giảm năng suất chung của họ trong khoảng thời gian nói trên. Cũng như các công việc làm có tính máy móc, trong những công việc bằng trí não chúng ta cũng có thể phân chia thời giờ đắc dụng và những thời giờ chết. Chịu khó phân tách một chút ta sẽ gặp lắm bất ngờ.

Trong tiểu thuyết “Babbit” văn hào Sinclair Lewis có thuật lại câu chuyện

ngộ nghĩnh sau đây: Nhân vật chính trong truyện vì muốn giữ sức khỏe nên đã can đảm quyết tâm không hút thuốc lá nữa. Ông ta vút mấy hộp xì gà vào một ngăn tủ, khóa ngăn tủ ấy lại, hơn nữa lại cẩn thận bỏ chìa khóa tủ ấy vào ngăn kéo bàn viết, khóa ngăn kéo bàn viết rồi giấu chìa khóa vào một cái tủ khác. Sau đó ông bước ra khỏi nhà để rồi... tạt qua hàng bán thuốc lá.

Lắm nhà doanh nghiệp giống lão Babbit nói trên. Khi bước ra khỏi sở làm họ không biết khóa chặt các “ngăn kéo” chứa đựng những vấn đề làm ăn trong óc não họ. Những mối lo nghĩ về công việc làm luôn luôn theo họ như bóng với hình, họ lo âu, nghĩ vớ vẩn và trong những câu chuyện luôn luôn họ nhắc đến công việc đang trù liệu, những hy vọng, những nỗi lo ngại của họ.

Về phương diện vệ sinh tinh thần đó là một thói quen tai hại. Não óc là một bộ máy có thể bị hao mòn nếu chúng ta luôn luôn bắt nó làm việc trong một địa hạt nhất định. Có tay chạy đua bộ nào mà suốt ngày chỉ tập chạy? Sự mệt nhọc của tâm não phát hiện ra chậm hơn sự mệt mỏi của gân thịt, song bị lao lực có thể phục hồi nhanh chóng hơn bị lao tâm.

Người ra khỏi sở làm mà còn nghiền ngẫm mãi về công ăn việc làm đã làm suy giảm cái thể năng làm việc của họ, họ bị mất ngủ và sáng dậy họ không còn khỏe khoắn để bắt tay vào những việc hằng ngày.

Tạo thêm một “công việc làm cho tay trái”:

Muốn giải tỏa trí não không phải là một việc dễ nếu không có sự trợ giúp nào. Một cách hay để giải tỏa trí não là tìm ra một công việc nào khác hơn những công việc làm hàng ngày, nghĩa là thay đổi công việc làm, tạo ra một “công việc làm tay trái”. Công việc làm phụ thuộc này có thể là công việc thuộc tinh thần hoặc về tay chân cũng không quan trọng, điều cần là nó giúp chúng ta quên hẳn công việc làm ăn chính của chúng ta.

Một hôm, anh bạn tôi cũng là một chính khách cừ, một người rất thông minh, nói: “Ở đời này muốn đăng hạnh phúc phải “say sưa”, “say sưa” một cái gì nó không làm hại mình về thể chất cũng như về tinh thần”.

Câu nói bông đùa này thực ra chứa đựng một chân lý sâu sắc: sau khi tan giờ làm việc chúng ta phải quên hết công việc làm cho đến ngày mai, và bắt đầu óc “say mê” một trò giải trí hoặc một công việc gì khác, chẳng hạn như đánh cờ, chơi ô chữ, đánh quần vợt, sưu tầm tem bưu chính, tập vẽ, tập chơi đàn, hoặc đóng sách hay tập làm đồ mộc. Tôi đăng biết một nhân vật “giải tỏa” trí não bằng cách sưu tầm những chiếc xe lửa điện nhỏ nhỏ theo kiểu của trẻ con chơi, trong giờ rỗi rãi ông ta đặt những đường ray nhỏ nhỏ khắp phòng để cho xe lửa chạy dọc chạy ngang.

Ngoài giờ làm việc nhà doanh nghiệp nên thoát ly hẳn với cái không khí, cái khung cảnh, nói tắt là cái giới doanh nghiệp, vì nếu mãi đắm mình trong giới ấy chúng ta lại phải nói, phải nghĩ đến công việc làm ăn. Mấy ông bác sĩ có lẽ nhờ hiểu rõ hơn chúng ta những nguy hại của sự lao tâm nên ông nào cũng biết tự tạo thêm cho mình một “công việc làm bằng tay trái” và khi chúng ta có dịp tiếp chuyện với họ ở ngoài đời, tốt hơn là đừng bao giờ nói đến những vấn đề y học.

Sau hết, nếu mỗi tối chúng ta cần khóa chặt các “ngăn kéo chứa đựng những công việc làm ăn” thì mỗi năm ít ra một lần chúng ta cũng nên tạm đóng cửa hiểu trong mười hôm để đi nghỉ mát tức là để nghỉ ngơi một cách hoàn toàn.

Đi nghỉ mát:

Thay đổi cái không khí chưa hẳn là đi nghỉ mát. Nhất là cái khung cảnh của nơi nghỉ mát ấy lại không mấy khác cái khung cảnh thành phố chúng ta sống thường ngày, hoặc có khác chẳng là ở những chiếc quần đùi, những chiếc áo lạnh ngoài ra nơi đó chúng ta lại gặp những hiệu ăn, những tửu quán, những nhà khiêu vũ, những “hộp đêm”. Biết đi nghỉ mát

tức là biết ngơi nghỉ hoàn toàn mà như vậy bạn phải để cho trí não nghỉ xả hoàn toàn, tức là tạm sống trở lại đời sống của người hoang dã, chỉ sống bằng thú tính. Lối nghỉ mát rẻ tiền nhất mà cũng hiệu nghiệm nhất là lối sống nào có thể làm cho chúng ta sống gần thiên nhiên nhất.

Trong mỗi người đều có bản năng du hí du ngoạn, đều có sự thèm khát những chân trời xa lạ, nó khiến chúng ta thích thú thả rong thả rêu. Phần đông ai cũng thích du lịch. Xe hỏa, xe hơi rồi tàu bay là những khí cụ mở mang nẻo tự do cho chúng ta. Nhưng hiện giờ, với những đường lộ đầy xe, cuộc hành trình không còn khỏe khoắn như xưa... Nếu phải tự mình lái ô tô trên khoảng 500 cây số ngày chúng ta sẽ thấy thần kinh mệt mỏi.

Đi tàu bay tuy không nhọc sức nhưng vì sự thay đổi khí hậu quá đột ngột cũng làm mệt người.

Chỉ có lối cắm trại (hoặc đi bộ, đi xe đạp, hoặc đi thuyền để cắm trại...) là có thể tạo cho chúng ta những điều kiện sống gần gũi với lối sống sơ khai nhất. Nó có thể chữa chúng ta khỏi “cơn sốt” do dự náo nhiệt của thành thị gây ra. Ngoài ra nó mang đến cho chúng ta một bảo vật: sự im lặng. Có lẽ sự ồn ào của thành phố làm hại cho sức khỏe chúng ta nhiều hơn là cái không khí dơ bẩn của nó. Nhà cầm quyền và nhiều hội như hội “Touring Club” có tìm cách bài trừ những tiếng ồn trong các thành phố, song những công cuộc bài trừ ấy chỉ mới ngăn ngừa, không để tai họa ấy bành trướng chứ thật ra chưa làm giảm bớt.

Bộ thần kinh căng thẳng mệt mỏi của chúng ta có thể giãn xả, ngơi nghỉ trong cái khung cảnh an tĩnh của núi rừng hoặc giữa sự im lặng khôn tả của một con kênh lách mình giữa cánh đồng hiu quạnh, lúc chúng ta ngã mình trên chiếc thuyền con, tai chỉ nghe tiếng lạch chạch của sóng nước vỗ hai bên mạn thuyền, hoặc tiếng gió rí rít trên những cụm cây mọc theo ven bờ kênh.

Chúng ta ai cũng cần ít nhiều nghị lực để vượt lên những trở ngại ở hiện tại, ở tương lai. Dù có thất bại đến đâu, dù có mất mát những gì đi nữa chúng ta cũng còn một thứ vốn liếng mà chúng ta phải bảo vệ bất cứ giá với giá nào: sự nguyên vẹn của thể chất và của tinh thần. Một khi chúng

ta còn giữ gìn đặng số vốn ấy, chúng ta chưa có quyền thất vọng. Chúng ta chưa mất mát gì cả, bởi với số vốn ấy chúng ta có thể gây dựng lại tất cả.

IV. NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ THÀNH CÔNG

Như chúng ta đã rõ, trí tuệ có ba thành phần: trí nhớ, trí tưởng tượng và óc phán đoán. Ai cũng biết muốn thành công trên đời này cần phải đủ óc thông minh, tức là phải có đủ ba yếu tố cấu thành nên trí tuệ. Nhưng thực ra chỉ có óc phán đoán là cần thiết.

Đôi khi cũng nên đề phòng cái trí tuệ:

Lắm khi chúng ta cũng nên đề phòng cái trí tuệ ấy. Có những người rất thông minh, tức là có đủ ba phẩm chất nói trên ở mức độ khá cao, văn hóa cũng không thiếu nhưng lại thất bại liên miên. Chúng ta có thể hiểu vì đâu:

Người thông minh, văn hóa cao có thể hiểu mọi vấn đề một cách nhanh chóng. Họ có thể ước lượng ngay phương diện tốt và xấu của sự vật, có thể chỉ định bao nhiêu yếu tố mà người thông phàm không thể nhận định. Tuy nhiên họ khó lòng mà nhận định những phản ứng của hạng người thuộc bậc trung bởi họ lầm nghĩ rằng những người ấy cũng thông minh như họ. Cũng như lão hà tiện không bao giờ “biết” rằng mình keo kiệt, hoặc người hoạt động không thể “nhận” rằng người ta có thể ở không, một người thông minh có thể nhận rằng có lắm người đần độn. Đối với họ việc gì cũng dễ dàng, do đó họ lại tưởng rằng đối với người khác nó cũng phải dễ dàng như thế. Mà phần nhiều những công cuộc tranh thương lại đặt nền móng trên sự phản ứng của quần chúng mà trình độ trung bình rất thấp. *(Một anh bạn tôi, vốn là họa sĩ vẽ quảng cáo, kể lại rằng trước khi ông cho đăng báo một tranh quảng cáo hoặc cho in một bích chương do anh sáng tạo ra, luôn luôn anh hỏi ý kiến của mụ gác cửa nhà, để xem mụ ta có hiểu qua ý nghĩa của những quảng cáo ấy chăng).*

Người thông minh rất có thể phạm những lỗi lầm, hoặc giả họ chủ trương một cuộc làm ăn mà họ định ninh rằng đa số quần chúng sẽ biết

tán thưởng, hoặc giả họ gác bỏ những công cuộc kinh doanh mà họ nghĩ rằng quần chúng sẽ không quan tâm đến.

Người quá thông minh cũng đâm ra ngờ vực. Người hiểu quá nhiều sẽ không tin tưởng điều gì cả mà đức tin lại rất cần thiết cho người hoạt động. Nếu họ không tin tưởng những gì ở những gì họ chủ trương thì làm sao họ có thể làm cho người khác tin tưởng?

Chính đó là bí quyết sự thành công của nhiều nhân vật. Họ biết tạo ra chung quanh họ một thuận thuyết. Lòng tin mà họ truyền ra, tạo nên một không khí tín ngưỡng mà dù họ đã bị sụp đổ rồi vẫn còn lăm lăm tin đồ sùng bái.

Một óc phán đoán tốt:

Chính óc phán đoán mới là điều kiện cần thiết để thành công. Trước một bài toán nêu ra người biết phán đoán tự nhiên sẽ cho giải pháp hay nhất.

Óc phán đoán là cơ sở của “tinh thần ước lượng sự vật” với tinh thần này người ta có thể chỉ dùng trí mà ước lượng với bao nhiêu đơn vị trong một đại lượng có thể đo lường. Đó là sự tinh mắt.

Thí dụ khi viếng sơ qua một xưởng may, người tinh mắt rất có thể độ biết, lẽ dĩ nhiên chỉ phỏng độ: xưởng may ấy chiếm bao nhiêu thước đất, dùng bao nhiêu nhiên liệu, có bao nhiêu máy móc và số thương vụ hàng năm là bao nhiêu.

Sự tinh mắt ấy giúp cho viên thư ký tòa soạn ngồi trước đồng bài vở có thể ước lượng, biết phải đưa bao nhiêu bài vở cho thợ xếp chữ mới đủ một khuôn báo, giúp cho nhà buôn chỉ nhìn vào số khách ra vào có thể biết độ món tiền tiêu trong ngày, giúp cho viên đốc công biết liệu phải dùng bao nhiêu kíp thợ là đủ dùng để hoàn thành một công việc trong một thời hạn nhất định v.v...

Cái tinh mắt ấy không ăn chịu với sự hiểu biết về toán học, bởi nó do một bẩm chất thiên nhiên của chúng ta: óc phán đoán. Lắm viên kỹ sư không đặng cái tinh mắt ấy, họ không thể làm một bài toán nhỏ nào mà không rút cây thước dùng để tính ở trong túi ra.

Trái lại, phép tính nhẩm mà mọi người đều cần biết, có thích giúp ích chúng ta nhiều.

Óc phán đoán vốn là một đức tính thiên nhiên do đó chúng ta mới có thể giải thích vì sao có nhiều người kém nhưng lại thành công rực rỡ trên đời: óc phán đoán của họ tốt.

Điều nữa, óc phán đoán giúp chúng ta biết áp dụng những quy tắc của tâm lý học. Một người biết phán đoán tiến bộ rất nhanh trong việc tìm hiểu người đồng loại và chính mình.

Có thể nào chúng ta cải thiện óc phán đoán chẳng? Về cái giá trị của nó lẽ dĩ nhiên là không thể thay đổi, tuy nhiên sự học vấn, những trí thức nói chung và văn hóa có thể giúp chúng ta biết cách sử dụng óc phán đoán một cách đúng đắn và ích lợi. Người có học tự nhiên sẽ biết nhận định ngay họ phán đoán sai hay đúng và sai nhiều hay ít. Nếu họ nhận thấy đã phán đoán sai, sau đó họ sẽ biết tìm cách sửa lại, hoặc để kiểm điểm lại những nhận xét của họ.

Vì thế một người hoạt động cần bồi bổ sở học phổ thông của mình, nên tò mò tìm hiểu mọi điều, dù là những điều không dính dáng đến nghề nghiệp của mình. Sự học hỏi không có bờ bến. Càng đi sâu vào việc học họ càng thêm đặng đà tiến.

Phải có ít nhiều trí tưởng tượng:

Muốn hoạt động phải có ít nhiều trí tưởng tượng. Làm việc, không những là hành động mà còn phải biết tiên liệu. Trước khi bắt tay vào

việc chúng ta phải biết rõ những gì mình phải làm và xếp đặt trước một chương trình hành động, bằng không những cố gắng chúng ta sẽ bị tản mát và do đó năng suất cũng sẽ kém đi.

Nếu công cuộc hoạt động của chúng ta không thuộc phạm vi sáng tác, thì trí tưởng tượng quá dồi dào sẽ làm hại hơn là giúp ích chúng ta, bởi nó sẽ đưa đến những ảo vọng, điều tối kỵ trong doanh nghiệp.

Người có óc tưởng tượng quá dồi dào có thể nhờ óc phán đoán để kiềm hãm “mụ điên trong nhà” ấy. Cũng có thể nhờ giáo dục, học vấn, để cải biến trí tưởng tượng quá kém hoặc để hãm bớt một trí tưởng tượng quá sung mãn.

Trí nhớ:

Trí nhớ dai là một khí cụ hữu ích nhưng không cần thiết.

Nếu trí nhớ kém chúng ta có thể bồi bổ nó một cách gián tiếp bằng cách dùng những kỹ thuật luyện trí nhớ hoặc giả dùng một cuốn sổ tay ghi chú những gì cần nhớ.

Có cách hay để sử dụng một trí nhớ kém là gạt bỏ ra khỏi trí óc những gì không hữu ích cho đời sống hằng ngày và chỉ tập nhớ kỹ những điều cần biết.

Nếu chúng ta không có trí nhớ về những con số thì cần gì phải mệt trí để nhớ số điện thoại của những người quen biết? Khi cần dùng, chỉ lật quyển niên giám hay quyển sổ tay ra cũng đủ.

Cảm xúc tính:

Trong trường đời cũng như trong doanh nghiệp, người kém cảm xúc tính có lợi hơn người đa cảm. Người có tính điềm nhiên ít bị khổ hơn và cũng tự chủ hơn dù gặp bất cứ hoàn cảnh nào. Tập dượt đức tự chủ mà người Anh gọi là “self control” là đã nắm được một ưu thế. Đành rằng người có nhiều cảm xúc thì đời sống bên trong của họ cũng đa dạng phong phú hơn, nồng nhiệt hơn. Nếu họ dễ bị đau khổ thì họ cũng dễ thưởng thức những thú vui mà người có tính điềm nhiên không thể hưởng.

Nhưng, ở đây chúng ta đứng về mặt thực tiễn mà xét, chúng ta có thể khuyên những người đa cảm xúc nên kiềm hãm bớt những bùng nổ của con tim. Vả lại, tập tự chủ không có nghĩa là hủy diệt mọi cảm xúc mà chỉ là ngăn ngừa đừng để bộc lộ quá rõ rệt. Nhưng đó là công việc của giáo dục, của văn hóa.

Nên nói thêm: điềm nhiên thái quá cũng là một tật xấu. người không biết cảm xúc gì cả tự nhiên sẽ có một thái độ trung lập trong những hoàn cảnh đòi hỏi sự hành động, thành thử họ đâm ra bất lực.

Cần nhiều hoạt động tính:

Lẽ dĩ nhiên, thuốc thành công không thể thiếu hoạt động tính. Ở những chương trước chúng tôi đã nói rõ về những thứ tính tình có chịu ảnh hưởng của hoạt động tính nhất là về một thứ tính tình rất đặc biệt: tính bất định.

Xét về phương diện hoạt động tính chúng ta có thể xếp thành mấy hạng người sau đây: hạng bạc nhược, người lừ đừ, người kích thích, người ẩu tả, người hoạt động. Lại có những người tính bất định, khi thì họ hăng hái vui vẻ làm việc rất hăng, lúc thì dă dượi, rầu rầu, nằm co để rồi sau đó lại hoạt động mạnh.

Tính bất định vốn là một bẩm chất tùy thuộc cá tính thiên nhiên nên khó mà cải biến. Tuy nhiên nếu tính bất định ấy chỉ ở mức độ vừa phải nó không phương hại gì đến năng suất của một người. Có khác chăng là ở

tiết điệu làm việc của họ. Trong giai đoạn kích thích người có tính bất định sẽ làm việc gấp đôi để bù trừ lại những lúc họ ngồi khoanh tay rảnh.

Không ai lại khiển trách một người có tính bất định vì như thế chẳng khác nào quở trách một người mù mắt hay một anh què chân. Bộ thần kinh của người có tính bất định đã bị lệch lạc, hay dao động, thăng trầm dù có quở trách họ đến đâu cũng không sửa đổi dạng phần nào. Tuy thế người ta vẫn có thể giảm bớt những hậu quả của bẩm chất thiên nhiên ấy.

Trước hết phải “săn sóc những dây thần kinh” như người ta thường nói. Song về điều này nói thì dễ mà làm thì rất khó. Cho đến ngày nay y học chưa tìm ra một phương pháp chắc chắn nào có thể điều hòa bộ thần kinh bị lệch lạc.

Khi tính bất định còn ở trạng thái nhẹ, gặp hồi thần kinh suy, tinh thần con bệnh đang xuống dốc, người ta có thể tạm chữa bằng cách cho họ thay đổi cảnh sống hoặc cho họ giải trí, đôi khi chỉ cần một vài người bạn vui tính gây ra một không khí vui vẻ là họ có thể chống lại cơn khủng hoảng ấy dễ dàng.

Song ở trạng thái trầm trọng thật khó lòng mà giúp người đỡ bệnh. Và lại chính họ cũng không mấy rõ về trạng thái của họ. Lúc họ bị những tư tưởng đen tối ám ảnh họ ngỡ rằng sẽ bị nó xâm chiếm mãi mãi không bao giờ “trời có thể sáng trở lại” mặc dù họ vẫn còn nhớ mang máng rằng vừa rồi mới trải qua một giai đoạn vui tươi.

Trong lúc này những người xung quanh họ phải hành động một cách kín đáo, nhất là đừng bao giờ lý luận hoặc quở trách họ. Như thế chỉ làm cho họ thêm bi quan. Tốt hơn là để họ ở yên và làm ngơ như không biết về tình trạng của họ.

Cơn suy nhược của người tính bất định không sớm thì muộn rồi cũng sẽ chấm dứt, song chúng ta có thể giúp cơn khủng hoảng ấy chóng qua bằng cách thay đổi nhịp sống của con bệnh, bằng cách đưa họ đi du lịch, để họ giải trí, chơi thể thao, nói tóm lại dùng những phương tiện nào có

thể giải thoát họ khỏi cái không khí, cái hoàn cảnh đã làm cho họ ưu tư. Và ở đây cũng nên dè dặt, đừng bao giờ cho họ biết rõ ý định chúng ta bắt họ thay đổi lối sống như thế cốt giúp họ diệt trừ “những ý tưởng đen tối đang ám ảnh họ”, bởi như thế họ sẽ chống đối ngay.

Y học cũng có thể giúp họ phần nào với những thứ thuốc chỉ thống. Giấc ngủ, dù là giấc ngủ giả tạo vẫn còn là một thứ thuốc hay. Nhưng cũng đừng quá tin tưởng ở thuốc men và sự công hiệu chỉ là tạm bợ, nhất thời.

Óc hợp đoàn và lòng nhân:

Óc hợp đoàn và lòng nhân chỉ cần thiết trong một phần nhỏ. Người muốn thành công phải biết tự tạo những dịp may hiển nhiên mà chúng tôi đã nói ở một phần trước. Những dịp may ấy mà do những phẩm chất phức tạp mà ra: tính hòa nhã là do sự pha trộn của óc hợp đoàn và lòng nhân; tính hay giúp đỡ là do sự phối hợp của óc hợp đoàn và hoạt động tính.

Người thiếu óc hợp đoàn khó mà thành công. Không một ai có thể làm việc một cách đơn thương độc mã mà dựng nên nghiệp lớn. Tất cả những công cuộc làm ăn đều đòi hỏi sự hợp tác của nhiều người. Có thể nào chúng ta làm nên khi chúng ta thù ghét người đồng loại? Ít ra chúng ta phải biết chịu đựng họ.

Một lòng “tham muốn” vừa phải:

Tham muốn là một động lực cần thiết cho những ai muốn thành công trên đời. Vả lại thành công là gì? Phải chăng là đặt ra một mục đích và cố gắng đạt lấy mục đích ấy. Người thiếu phẩm chất tham muốn làm gì có mục đích?

Phải biết dùng cá tính tập thành, sự giáo dục để khích động phẩm chất tham muốn nếu nó quá kém cỏi, hoặc hãm bớt nó lại nếu nó quá sung

mãn, để nó phát triển vừa đủ hầu nuôi nấng một ảo vọng chính đáng.

Tính kiên nhẫn và tính lạc quan:

Kiên nhẫn là sức chú ý đang kéo dài ra một cách bền bỉ. Chúng ta cũng đã biết sức chú ý chỉ là một áp dụng của óc phán đoán. Đây là một đức tính rất hữu ích gần như cần thiết.

Người hoạt động có quyền và có bốn phận suy nghĩ thật lâu, thật kỹ một khi đã quyết định thì phải ra tay hành động ngay và nhất là hành động một cách bền bỉ.

Nhà hiền triết Hy Lạp Bias nói: “Lúc mưu toan thì phải trầm tĩnh mà khi hành động thì phải nhiệt tâm và kiên chí”.

Tính lạc quan là do ảnh hưởng của hoạt động tính và của toàn thân cảm giác. Nó là một yếu tố của đức kiên nhẫn giúp chúng ta san bằng mọi trở ngại.

Lạc quan không phải là nhìn thấy ở đời cái gì cũng tốt đẹp cũng dễ dàng. Lạc quan là nhận định rõ những nỗi khó khăn có thể xảy ra trên đường đời song tin chắc rằng chúng ta sẽ lướt thắng.

Nhưng dù lạc quan đến đâu cũng phải có một giới hạn: khi sự thất bại đã quá hiển nhiên. Cũng như trong lúc hành động chúng ta phải biết quyết định thật nhanh thì khi phải đương đầu với những trở ngại chúng ta biết chắc không thể lướt qua, chúng ta cũng biết ngừng lại ngay, đừng cố lì một cách vô ích.

Lắm lúc, thật là một khổ tâm khi phải quyết định cách tiêu cực như nói trên. Gặp trường hợp này chúng ta phải nhờ óc phán đoán, xét lại mọi khía cạnh của tình trạng hiện hữu, cân nhắc tất cả chỗ lợi hại, đo lường những nguy cơ, những thua lỗ cũng như một ít dịp may còn sót lại, sau khi cân nhắc kỹ chúng ta phải quyết định chọn lấy giải pháp nào ít hại nhất. Kinh doanh cũng như kiện tụng, khi còn trong vòng tranh chấp nếu

thấy rõ mình bất lợi thì tốt hơn nên điều đình. Sự cố lý là tật xấu nguy hại nhất cho nhà doanh nghiệp.

Vả lại trên đời này có mấy ai là người chỉ thành công mà không thất bại? Khi trù liệu một công cuộc làm ăn chúng ta phải tiên liệu cái ngày ảm đạm ấy. Vị đại tướng tài danh nhất lắm khi cũng nếm mùi thất bại. Bại trạng cũng chưa sao, điều nên tránh là một cuộc đại bại toàn diện như Napoléon ở trận Waterloo.

CHƯƠNG X - MÊ TÍN, TẬP TỤC VÀ TÍN NGƯỠNG

Những sự tin nhầm như tin “chuột rúc, chim cú kêu, nhện sa v.v...” là do óc phán đoán khuyết kém thêm vào đó một cảm xúc tính quá mạnh, hoặc giả là do một trạng thái áy náy nó làm tê liệt óc phán đoán, có thể đó là do sự thiếu học. Thời xưa ở đồng bái, người ta tin “ma đuốc” vì thỉnh thoảng về đêm người ta thấy những đám lửa nhá nhem trên mặt ao hồ, nhưng bây giờ ở trường sơ học các trẻ con đều biết rằng ao hồ có thể bốc lên một thứ khí gọi là khí ao hồ (gaz) và thứ khí này tự nhiên có thể phát lên cháy. Vì thế hiện nay người có chút học thức không ai còn tin ở “ma trời, ma đuốc” nữa.

Những “điềm xui”:

Bởi không am tường về những nguyên tắc của khoa số học sơ đẳng hoặc của khoa tính xác xuất nên số đông quần chúng hay tin tưởng ở những “điềm lành” hoặc “điềm xui”. Một độ nào báo chí có nói đến vụ “Tchaikowsky”. (Nhà soạn nhạc trứ danh người Nga). Nhiều nhà báo kể rằng: nhạc phẩm mà Tchaikowsky đã soạn ra trước khi quá vãng, có “huông” vì người ta nhận thấy rằng nó mang “họa” cho những người đã tham gia trong những buổi hòa tấu bản nhạc ấy tức là những nhạc công, những nhà tổ chức hoặc những người quen thuộc của họ. Người ta cũng đưa ra bằng cứ là có nhiều người trong nhóm nói trên đã chết. Tuy rằng không ai dám nói rõ những thính giả đã từng dự những buổi hòa nhạc ấy có phải chịu số phận không may ấy chăng?

Xét theo những định luật của phép tính xác xuất điều ấy chẳng có gì đáng cho chúng ta kinh ngạc. Những nhà bảo hiểm đều biết: nếu chúng ta lấy số 100 người, tuổi trên dưới từ 35 đến 40 ra mà xét thì mỗi năm đầu trong số 100 người ấy ít ra cũng có một người chết. Sở dĩ người ta

cho rằng tác phẩm của Tchaikowsky có “huông” bởi đó là một nhạc phẩm tuyệt vời, lại nữa đó là công trình cuối cùng của ông ta (ông đã soạn ra trước khi lìa trần) do đó nó dễ làm người ta chú ý đến. Nếu người ta chịu nhận xét về các nhạc phẩm khác theo lối ấy, thì kết quả sẽ không mấy khác.

Cũng bởi tin nhầm theo lối này nên độ nào thiên hạ đã đồng đại rằng những nhà khảo cổ tìm ra mồ mả của Tou-Ank-Ammon (*Vị vua Ai Cập mà một số nhà khảo cổ chuyên nghiên cứu về Ai Cập thời xưa đã tìm ra mồ mả vào khoảng năm 1922*) đều bị ông thần hay ông thánh nào đó vật chết. Thực ra cũng có một vài nhà khảo cổ ấy chết, nhưng người ta quên rằng các nhà khảo cổ ấy phần nhiều tuổi đã gần đất xa trời vả lại khí hậu miền thượng Ai Cập lại không mấy hợp với người ngoại quốc, đó mới là những lý do thực tế giải thích tại sao trong những nhà khảo cổ đã đào mả vua Tou-Ank-Ammon lại có nhiều người chết.

Thực ra con người chỉ chết vì những nguyên do rất tự nhiên: chết già, chết bệnh, chết vì tai nạn, giặc giã, đôi khi chết vì đau khổ hoặc giả nói theo người tin đạo, vì Chúa Bà xét chúng ta đã làm xong nhiệm vụ ở dương thế này nên cất chúng ta đi. Ngoài ra những nhạc phẩm và những mồ mả các vị vua Ai Cập không ăn chịu gì đến sự chết chóc con người. Kể ra như thế cũng hay, bởi loài người đã sáng chế rất nhiều phương tiện để giết lẫn nhau, bày thêm một lối giết chóc theo kiểu nói trên tưởng không ích lợi gì.

Những món nữ trang có “huông”:

Lại còn có thứ mê tín khác cho rằng có những món nữ trang “có huông” tức là người nào mang nó sẽ bị tai họa. (Đại để người ta cho rằng: những người làm chủ hạt kim cương “Régent” một trong những hạt kim cương to nhất thế giới đều bị tai họa”). Đánh đổ thói mê tín này không khó: suốt một đời người mấy ai không bị “tai bay họa gửi” ít ra cũng một lần, lắm khi lại nhiều lượt, bị tang chế, đau ốm, bị tai nạn hoặc hao tài. Khi một biến cố không may xảy đến cho người chủ món nữ

trang ấy tự nhiên họ nhận thấy một mối liên quan giữa việc xui xẻo ấy với việc đeo món nữ trang đó, rồi họ cho việc xảy ra sau là nguyên nhân việc trước và “đổ tội” cho món nữ trang ấy “có huông” nhất là khi người chủ trước cũng gặp cảnh không hay như thế. Thực ra món nữ trang kia có dính dáng gì đến những tai họa đã xảy ra cho người mang nó đâu. Người hiểu luật xác xuất có thể phỏng đoán những tai họa này sẽ diễn ra bao nhiêu lần trong một đời người. Sở dĩ món nữ trang ấy bị người ta “đổ vạ” vì lúc tai họa ấy xảy ra “rủi” cho nó là chính lúc ấy người ta có mang nó trong mình.

Gần đây một tờ báo có thuật lại việc “xui xẻo” đã xảy ra cho tài tử Michel Simon mà chúng ta đã từng có dịp thưởng thức tài nghệ trên màn bạc. Ông ta mua một búp bê Trung Hoa mặc dầu nhà bán đồ cổ mách trước với ông rằng con búp bê ấy “có huông”.

Ít hôm sau đó, người giúp việc cho ông bị té gãy chân, con khỉ ông nuôi chết và vở kịch ông đang diễn bị thất bại. Ông hoảng hốt vứt bỏ con búp bê “có huông” ấy.

Giá ông giữ nó lại cũng không sao. Bị gãy chân không phải là một tai nạn hiếm xảy ra, giống khỉ nuôi ở trời tây tự nhiên dễ đau ốm vì không hợp phong thổ, còn những vở kịch “bị gãy đổ” tưởng cũng là việc rất thường...

Những thói mê tín khác:

Nếu có ai hỏi tôi: “Ông có tin rằng những người dự bữa tiệc có 13 người khách thì trong năm ấy thế nào cũng có một người chết?”. Tôi sẽ đáp: “Cái đó còn tùy tuổi tác và tình trạng sức khỏe của những người khách dự tiệc”. Lẽ dĩ nhiên nếu tuổi của những người dự tiệc ấy đều đã quá thất tuần hoặc giả nếu có một người trong đám có bệnh ung thư hay bệnh héo gan thì rất có thể sẽ có một người mất phần trong năm đó. Bằng nếu 13 người ấy đều là những gã trai tráng “cọp vật không ngã” thì có phần chắc họ sẽ thọ thêm một tuổi nữa.

Thỉnh thoảng, có báo nhắc đến những vụ “nhà có ma”, “người chết hiện hồn về”. Nếu có dịp điều tra kỹ lưỡng người ta sẽ thấy những hiện tượng ấy hoặc có những nguyên do rất tự nhiên, hoặc giả đó là do một người “chơi trác” muốn phá phách xóm giềng cho bõ ghét, cũng có thể là do một người “khoác lác” muốn cho thiên hạ để ý đến mình nên phao tin “lạ”. (Như ông nào đó ở Gò Vấp “phóng tin” là Phật và Đức Mẹ hiện trong nhà ông).

Và những lối tin nhảm khác như ra ngõ gặp gái thì xui, gặp đám ma thì hên, hoặc nhện sa là có tin, chim cú kêu là trong nhà có người chết v.v... đều có thể giải thích là do lối nhận xét quá nông cạn của một số người lấy hiện tượng cho là nguyên nhân.

Nằm mộng và đoán mộng:

Từ thời xưa đã có những bậc tiên tri đoán điềm giải mộng và hiện giờ những sách đoán mộng vẫn bán chạy như tôm tươi.

Mặc dầu hiện nay các nhà khảo về thần kinh học đã vạch rõ nguyên nhân của giấc mộng. Trước hết nên biết trong lúc ngủ mê rất có thể chúng ta nằm mộng mà chúng ta không hay biết cũng không nhớ rõ đã thấy những gì. Những giấc mộng mà chúng ta còn nhớ lại và chỉ nhớ mù mờ lúc tỉnh giấc là những giấc mộng trong lúc “tỉnh”. Theo sự giải thích của các nhà thần kinh học thì những giấc mộng là những chu kỳ tâm lý vô trật tự đã diễn ra trong cái khoảnh khắc từ giấc ngủ mê đến lúc chúng ta lần hồi tỉnh trở lại. Có nhiều nguyên do làm cho chúng ta nằm mộng. Hoặc do những cảm giác nội thần như đau thắt ở dạ dày chẳng hạn, hoặc bởi lối nằm ngủ không đặng thông thả (nằm ép ngực, nằm nghiêng) cũng có thể là do một biến cố bên ngoài như tiếng chuông reo, cảnh cửa đập mạnh, hoặc những tiếng động dưới đường mà người đang ngủ lại đoán nhận biến cố ấy một cách hết sức nhanh, cho rằng đó là kết quả của một trạng huống.

Một nhận xét khác, ít khi chúng ta nằm mộng về những biến cố mới xảy ra dù là những biến cố quan trọng đáng cho chúng ta ghi nhớ.

Có điều hơi lạ: những sách đoán mộng xưa nay mà hầu hết là quyển này chép nhặt theo quyển kia đều giải thích loanh quanh mấy “điểm” như: nằm mộng thấy nước, thấy “phân người” là có tiền vào, thấy rắn là bị phản bội, thấy rừng rậm là bị bệnh v.v... nhưng không thấy quyển nào thử giải thích về tàu bay, về ô tô, máy điện thoại, máy vô tuyến điện hoặc về bom nguyên tử...

Từ mấy “lốc - cốc - tử” tiên sinh đến mấy ông “giáo sư” đoán mộng:

Mấy ông thầy bói dù đã dùng phương tiện nào để đoán tương lai vận mạng đi nữa: hoặc bói bài, xem chỉ tay, xây đồng lên cốt hay đoán theo những vết mực v.v... cũng chỉ là những người khá sành về tâm lý con người. Nhờ khéo quan sát họ có thể thấu hiểu cá tính của người đến nhờ họ đoán vận mạng (xem lại chương nói về cách khảo xét trực tiếp). Trong lúc tiếp chuyện họ khéo thăm dò ý tưởng của khách bằng cách gợi chuyện. May ra gặp người khách nhiều cảm xúc thì họ dễ dàng khai thác “bầu tâm sự” của khách.

Vả lại nội cái việc một người thích đi xem bói cũng đủ chứng chỉ họ có nhiều cảm xúc tính và đang trải qua một trạng thái áy náy. Bởi đó chúng ta vẫn thấy lắm người thông minh có ăn học lại thích đi xem bói. Mấy người “giáo sư” có tiếng há chẳng từng quảng cáo rằng họ xem vận mạng cho chính khách này, nhân vật kia. Trí tuệ không ăn chịu gì với những phản ứng của cảm tính, nó chỉ kiềm hãm những phản ứng ấy đặt phần nào khi những phản ứng ấy chưa đến mức mãnh liệt. Vì thế xưa nay có những bậc thông minh, học rộng lại bị những đam mê lôi cuốn: mê đánh bạc, hoặc mê gái lẽ ra đã có đủ khí giới để tự vệ họ phải dễ lướt thắt những đam mê ấy hơn người thông phàm.

Chúng ta cũng nhận thấy mấy ông “lốc – cốc – tử” hay “giáo sư” ấy thường chỉ đoán về những việc tổng quát, họ khéo dè dặt bằng cách đoán úp mở, chiết trung. Xét theo luật xác xuất trong số một trăm việc họ đoán ắt phải có một hai việc xảy ra. Người đi xem chỉ nhớ đến hai việc đoán trúng ấy thôi, còn bao nhiêu lời tiên đoán khác bị “lạc quẻ” thì không ai nhớ đến.

Ngoài ra lối tiên đoán của họ cũng rất mập mờ chỉ ước lượng về “phẩm” không bao giờ đề cập đến “lượng”. Đại khái họ chỉ nói với khách: “Ông sắp có tiền”, “Bà sẽ có dịp đi” nhưng có bao giờ họ đoán rõ số tiền là bao nhiêu, hoặc nói rõ đi xa hay đi gần, đi trong thời gian bao lâu? Cái ngữ vựng họ dùng rất khéo chọn lọc để đoán theo lối “hàng hai” đại để: “Bà sẽ có một người đàn ông tóc đen giúp”, “Ông sẽ gặp một người đàn bà hơi lẳng lơ”, “Cô sẽ có tin”, “Có người đàn ông để ý đến cô”...

Một khi đã nhận rõ cái phương trình cá tính của một người, đã biết rõ về tình trạng sức khỏe của họ chúng ta cũng rất có thể, không phải tiên đoán từng chi tiết, từng điểm một về tương lai của họ, nhưng ít ra cũng đoán đặng đại khái về cách họ phải hướng cuộc đời như thế nào, về những tai nạn, bệnh tật có thể xảy ra cho họ. Cũng như khi nhìn vào những gì đã diễn ra trong lịch sử của một nước chúng ta có thể tiên đoán về tương lai của nước ấy, lẽ dĩ nhiên chỉ đúng phần nào thôi, bởi chúng ta là người phàm chứ phải đâu là thần thánh.

Nhiều người hỏi chúng tôi: “Ông có tin tưởng ở khoa thông thần học chẳng?”. Chúng tôi luôn luôn đáp: “Nếu quả thật người ta có thể đàm đạo với một người thân yêu đã quá vãng thì đó là một giáo lý rất hay để vỗ về lòng người”. Song tiếc thay, xưa nay khi người ta gọi hồn người chết về, bằng cách này hay cách khác người ta chỉ nhận những câu trả lời rất sáo, rất vô vị, điều này càng dễ nhận thấy khi người ta gọi hồn một bậc danh nhân.

Còn về những “ông đồng”, “cô cốt” chúng tôi chỉ tin ở quyền lực của họ khi giữa thanh thiên bạch nhật và trước mắt mười người chứng vô tư có ai làm cho chúng tôi đặng thấy cái “hồn” hay cái “vía” từ trong một người xuất ra hoặc giả đặng thấy những món đồ không ai sờ động đến lại có

thể bị dời đi.

Chiêm tinh học:

Chiêm tinh học, cái khoa học giả hiệu cho rằng xem vị trí các hành tinh trong những chòm sao là có thể đoán về tương lai của người, thực ra chỉ là một trò bịp bợm.

Trước hết, nên biết rằng các hành tinh đều vận chuyển theo một vòng quanh, nếu sự vận chuyển ấy có vẻ phức tạp thì đó là do sự vận chuyển của địa cầu sánh với sự vận chuyển của mặt trời.

Lại nữa, như ông Paul Courdec đã nhận xét trong quyển “Những chặng đường của thiên văn học”:

1) Những hành tinh không phát ra thứ ánh sáng nào khác hơn là ánh sáng của mặt trời. Mặt trời đã chiếu ánh sáng vào hành tinh và ánh sáng này phản chiếu lại địa cầu. Song thứ ánh sáng mà những hành tinh đã phản chiếu vào địa cầu nó kém hơn ánh sáng mà mặt trời chiếu thẳng vào địa cầu muôn triệu lần.

2) Những chòm sao chỉ là những ảo ảnh nó làm cho chúng ta thấy một số ngôi sao luôn luôn hiện ra trên một góc trời nào đó mà thực ra những ngôi sao này ở cách xa nhau hàng bao nghìn “năm ánh sáng”. Nếu có thể vượt ra ngoài địa cầu, đứng ở một góc vòm trời nào khá xa địa cầu để nhìn thì chúng ta sẽ thấy vị trí các chòm sao không còn sống như chúng ta đứng ở địa cầu mà nhìn.

3) Một hành tinh không thể “ở trong” một chòm sao, nói theo lối các nhà chiêm tinh học, vì rằng một hành tinh bao giờ cũng ở gần địa cầu hơn một ngôi sao. Và lại vị trí các ngôi sao vẫn thay đổi từ thế kỷ này sang thế kỷ khác bởi một hiện tượng mà thiên văn học gọi là sự “tuế sai của tiết cân phân”.

Xét ngay về mặt trăng, nó rất gần chúng ta, nó có ảnh hưởng đến những con nước, đến sự xoay hướng của cành cây, chiếc lá tuy thế cho đến nay chưa ai có thể chứng minh một cách khoa học rằng nó có ảnh hưởng đến khí tượng học hoặc đến nông nghiệp.

Hiện nay các báo chí (ở nước ta cũng như ở ngoại quốc) thường có những trang “tử vi, đẩu số”. Điều này cho chúng ta thấy rõ sự ngu muội vô cùng tận của loài người.

Tại sao lại sợ chết?:

Người ta đã bày vẽ lắm điều mê tín xung quanh cái sự chết. Hiện giờ ít ai dám “phiêu lưu” vào trong một nghĩa địa lúc đêm thanh vắng. Thực ra còn nơi nào an tĩnh hơn các nghĩa địa. Thời xưa người La Mã chôn xác dọc theo các đường lộ như hiện giờ chúng ta vẫn còn thấy ở các vùng gần thành Ajaccio thuộc đảo Corse. Ở Thổ Nhĩ Kỳ nghĩa địa là nơi để dân chúng đến hóng mát. *(Ở thành Gênes (Ý) có một nghĩa địa mang tên là “Campo Santo”, trong đó phần nhiều các ngôi mộ (lẽ dĩ nhiên là của những bậc phú gia) đều là những công trình mỹ thuật đáng kể. Du khách thập phương ai đã đặt chân lên thành Gênes đều có đến viếng).*

Chúng tôi không hiểu tại sao hiện giờ người ta lại rào kín các nghĩa địa. Những người đã nằm trong đó dù có thành “ma” họ cũng chưa ắt có phương tiện để trốn thoát, còn những người hiện còn ở ngoài vòng thì có ai lại muốn nhảy vào nơi “an nghỉ cuối cùng” ấy?

Thói sợ những người chết cũng là một điều khó hiểu, đối với những ai tin theo thuyết “sự sống bất diệt” thì người chết chẳng qua là một nắm tro bụi còn linh hồn của họ thì đang tiêu diêu nơi cõi xa xăm nào; còn đối với những người vô tín ngưỡng đã không tin gì cả thì tại sao lại sợ một nắm xương tàn?

Phải vận dụng nhiều tưởng tượng mới có thể suy niệm trước một nắm mồ. Người quá vãng đâu có ở dưới ba tấc đất. Họ chỉ sống trong trí nhớ

chúng ta. Nếu đó là những người thân yêu họ sẽ sống mãi trong trí óc chúng ta cho đến khi người đời không còn nhớ đến họ nữa thì họ sẽ bước vào cõi hư vô.

VỀ NHỮNG TÂM TIẾNG CỦA MỖI THỜI ĐẠI:

Người đời thường gán cho mỗi thời đại cũng như cho mỗi một người một thứ tiếng tâm. Có những thời đại đặng người ta khen tặng là “đức hạnh” như thời vua Louis XIV, lại có những thời đại bị mang tiếng là trụy lạc như thế kỷ XVIII và nhất là thời “Nhiếp Chính” bên Pháp. (Ông quán trong *Lục Vân Tiên* đã chẳng phê phán:

“Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang”

...

“Ghét đời Thúc, Quý phân bang
Sớm đầu tối đánh, lăng quăng rỗi dân”

...

“Thương là thương Đức thánh nhân
Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần lúc Khuông
Thương thầy Nhan Tử dẫu dương”)

Thực ra không có thời đại nào là “tốt” hay “xấu” hơn thời đại nào. Làm gì nền phong hóa của loài người có thể thay đổi một cách nhanh chóng như thế? Có những thời đại hỗn loạn (đại đế như các thời hậu chiến) mà tội lỗi và sự khốn khổ con người đặng phơi bày ra trước mắt mọi người một cách không thẹn thùng. Và có những thời đại mà thói hư nết xấu của con người bị luật lệ kiểm hãm một cách quá chặt chẽ, làm cho chúng ta ngỡ rằng ở thời ấy đạo đức đã cả thắng tội lỗi. Nhưng thực ra cái vẻ đạo đức ấy chỉ đượm ở lớp ngoài. Bất luận ở thế hệ nào, cái tỷ lệ giữa những người “tốt” và những người “xấu” cũng vẫn không mấy khác nhau. Bởi, như chúng tôi đã nói ở trước, dù loài người có “văn minh tiến bộ” (?) thật song con người lúc nào cũng là con người. Những nhiệm thể của tế bào sinh sản chúng ta hiện nay vẫn không khác những nhiệm thể đã cấu tạo tổ tiên chúng ta ở vào thời đại Thạch khí, tuy có một vài

biến đổi do hiện tượng đột biến gây ra song nó chỉ ảnh hưởng đến những đặc tính phụ thuộc. Mỗi con người sinh ra đời là một con người hoàn toàn mới. Nếu con cái chúng ta có giống chúng ta phần nào đó là do sự ngẫu nhiên.

Cá tính thiên nhiên của chúng được tạo thành do một sự hòa trộn hoàn toàn mới của những đặc tính mà chúng ta đã thừa hưởng của tổ tiên và chúng ta di truyền lại cho con cái sau khi đã mang dùng một phần nào để thực hiện đời sống chúng ta. Những đặc tính tổng quát này rất ít tuy rằng những sắc thái của nó thì rất nhiều, vì thế tính theo luật xác suất, tỷ lệ về các loại cá tính con người vẫn không thay đổi dù ở thế hệ nào.

Dù ở thời đại nào, cái tỷ lệ giữa những người tham ăn và người tiết độ, người hiền lành và người hung ác, người hoạt động và người nhu nhược, người đa cảm và người điềm nhiên, người biết phán đoán và người nông nổi, người khôn ngoan và người khờ dại vẫn không thay đổi.

Như chúng tôi đã nói ở phần trước, chỉ có những cá tính tập thành là biến đổi do ảnh hưởng của bao nhiêu yếu tố: phong tục, tập quán, luật lệ xã hội, giáo dục, những biến cố tang thương hay tốt đẹp, chiến tranh, sự thịnh, suy v.v... Chính cá tính tập thành này đã tạo ra cái đặc tính của mỗi thời đại. Vả lại cái đặc tính này chỉ tạm bợ và chỉ có ở mặt ngoài bởi những cá tính tập thành ấy chỉ là những lớp mặt nạ, nó không được di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nó chỉ có giá trị riêng đối với mỗi người. Hơn nữa, ngay đối với mỗi người nó vẫn có tính cách tạm bợ, nhất thời. Nội một việc thay đổi khí hậu cũng có thể thay đổi cá tính tập thành của một người, để rồi những đặc tính thiên nhiên phát lộ trở lại.

Lấy một thí dụ, hạng người “ái nam ái nữ” ở thời đại nào cũng có ít nhiều, bởi sự nghịch đảo của tính dục không phải là một đặc tính tập thành mà là do một bản chất thiên nhiên đã bị một trạng thái cảm xúc quy định theo một điều kiện nào đó. Những công trình khảo cứu của giáo sư Pavlov về những phản ứng có điều kiện, của các giáo sư Ernest Dupré, Delmax, Marcel Boll về cảm xúc đã chứng tỏ rằng thói đồng tính ái luyến và những chứng thác loạn của tính dục đều do một thể tạng đa

cảm xúc và một phản ứng đã bị quy định theo một cảm xúc riêng của tính dục gây ra.

Vì thế ở thời đại nào cũng có hạng người “ái nam ái nữ”. Sống ở những thời đại mà “căn bệnh” ấy bị xã hội khép vào tội tử hình thì những “con bệnh” tự nhiên vì sợ sệt phải giấu nhem “tật bệnh” của họ, không dám để nó chường ra một cách công khai. Các sử gia thời sau rất dễ lầm tưởng rằng ở thời đó những chứng thác loạn của tính dục đã bớt đi hoặc bị tiêu diệt. Thực ra nó vẫn tồn tại, song nó chỉ phát lộ một cách kín đáo mà thôi.

Thời xưa, ở La Mã luật Julia kết án tử hình những đàn bà ngoại tình. *(Và thời đó bên nước ta những hạng đàn bà ấy cũng bị “voi chà, ngựa xé” hoặc bị “kết bè thả trôi sông”)*. Ở thời Trung Cổ, đạo Công Giáo cũng đặt ra những luật lệ rất khắc khe để bảo vệ thuần phong mỹ tục, những luật lệ mà trải qua các thời đại sau đó đã bớt gắt gao dần dần và hiện nay người ta còn thấy dấu vết trong bộ dân luật. Nhưng không phải vì thế mà số những ông chồng “bị cấm sùng” đã suy giảm. Lúc những luật lệ khắt khe ấy còn hiệu lực nó chỉ làm cho các cặp nhân tình “bất hợp pháp” thêm dè dặt.

Cũng như vào đầu thế kỷ XVII bên Châu Âu có rất nhiều thầy tu sa đọa. Song đồng thời lại có những bậc thánh thiện như Vincent de Paul, Francois de Sales, Bossuet, Bourdaloue v.v...

Căn cứ vào đó để buộc tội hay đề cao đạo Công Giáo cũng đều lầm lạc. Lấy trung bình mà xét, các đoàn viên của giáo hội thời đó không xấu mà cũng không tốt hơn những người thời ấy. Thời ấy có những thầy tu “ngã mện” vì sự tuyển trạch chưa đặt chu đáo cho lắm. Có những người không bẽ thế, chọn con đường tu hành để làm bước tiến thân, vì lúc bấy giờ đạo Công Giáo rất có thế lực, đó là tôn giáo đặt chính quyền nhìn nhận. Nhưng từ cuối thế kỷ XVII và nhất là hiện giờ, việc tuyển trạch các vị tu sĩ đã gắt gao và sáng suốt hơn nhiều. Nhưng phải đợi một thời gian lâu nữa mới thấy kết quả tốt của công cuộc chấn hưng ấy.

Như chúng ta thấy, một chánh quyền mạnh mẽ, một tôn giáo có đủ uy

quyền rất có thể dùng luật lệ để tạo nên một lớp sơn “đạo đức” ở mặt ngoài, nhưng ở dưới, lòng dục con người vẫn ngấm ngấm sôi sục. Khi những chế độ nghiêm khắc ấy đổi thay thì những mặt nạ ấy cũng rơi xuống. Lúc bấy giờ những nguồn lực bị đè nén quá lâu bèn bốc dậy thêm mạnh mẽ và sự phản ứng này có thể đưa đến mức thái quá tạo nên một phong thái hoang dã phóng túng để rồi người ta lầm tưởng đó là đặc tính của thời đại.

Lòng tin ngưỡng của con người là một thiên bẩm:

Do những nhận xét trên đây, chúng ta có thể hiểu tại sao ở thời đại nào cũng có những người vô tín ngưỡng, ngay ở những thời đại có tiếng là sùng tín như thời Trung Cổ bên Âu Châu cũng thế.

Nguồn gốc của sự vô tín ngưỡng là óc phê bình nó do sự liên kết của một vài bẩm chất thiên nhiên mà ra. Nói một cách khác, có những người trí tuệ kém hoặc tầm thường nên dễ chấp nhận những tín điều mà không cần suy xét, lại có những tâm hồn mộ đạo, tự nhiên họ có “giác quan thánh linh” và cũng có một số ít người thiếu giác quan ấy. Như thế cũng dễ hiểu, bởi những người có óc phê bình già dặn bao giờ cũng hiếm, người ta thường bảo: “Con người là một con vật biết tín ngưỡng”.

Nhưng lắm khi óc phê bình ấy không thể tự do phát huy, chẳng hạn ở những thời mà ai không chịu tư tưởng đúng theo đường lối của thời thượng lại bị đưa lên giàn hỏa. Chúng ta rất hiểu tại sao lúc bấy giờ những người mà văn hào Montaigne bảo rằng họ “ngã đầu vào chiếc ghế êm ả của hoài nghi” lại câm miệng. Chúng ta có thể tin rằng trong thời mà những giáo đường đồ sộ dựng dựng lên, số người mộ đạo, tín đạo cũng vẫn tương đương với số người giữ đạo cách lạnh nhạt, hoặc vô đạo y như hiện giờ.

Có nhiều bằng cứ khác để chứng tỏ rằng sự tín ngưỡng là do một thiên bẩm. Ở thế kỷ XVII, trước thời cách mạng Pháp, việc học vấn đều do

giáo hội đảm nhận. Tuy thế nền học vấn thiên về đạo ấy vẫn ung đúc ra lắm nhà triết học vô thần, lắm nhà cách mạng. Ngay hiện giờ vẫn có những người nghịch đạo xuất thân từ những nhà tu và lắm bậc giáo sĩ trừ danh lại đăng huấn luyện ở các trường ngoại đạo.

Ta cũng thường nhận thấy trong nhiều gia đình, hai anh em chịu ảnh hưởng một nền giáo dục như nhau, song người anh thì rất mộ đạo còn người em thì “vô tín ngưỡng”. Giáo dục không đủ sức để cải biến những bản chất thiên nhiên.

Bởi những lẽ nói trên các nhà chính trị chủ trương “tục hóa các trường học” tức là không để cho tôn giáo xen vào việc giáo dục, là một chính sách sai lầm. Không đếm xỉa đến tôn giáo hoặc giả có ý bài trừ các tôn giáo như chính sách Nga-Sô hoặc của một vài chính khách cũng đều lầm lạc như muốn lập ra một tôn giáo duy nhất cho toàn dân. Xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng của dân chúng là một chính sách bạo ngược thất sách, không thể thành công, cũng như bao nhiêu chính sách bạo ngược khác.

Cũng nên nhận xét về điểm này là bao giờ giáo hội (*Tức là Thiên Chúa Giáo Hội La Mã*) cũng “ngán” những người tà giáo hơn những người vô thần. Điều ấy kể ra cũng dễ hiểu vì người vô thần không mấy khi có cái tinh thần “sốt sắng truyền bá tư tưởng” của những người mới nhập đạo, bởi óc hoài nghi không thể truyền dạy đặng, người vô thần vốn không tin rằng có thể làm cho người ta “trở lại đạo”.

Bởi thế, giáo hội để yên những kẻ vô thần, biết rằng không chầy thì kíp cũng sẽ có dịp đem họ về “mối đạo”, lúc họ lâm chung. Dưới mắt giáo hội những kẻ tà đạo mới thật là nguy hiểm hơn. Bởi họ chủ trương những điều sai lạc với giáo điều chính thức do đó họ phá ngay cái nền móng của đạo. Và lại họ cũng là người có tín ngưỡng.

Mà thói thường làm cho một người thay đổi tôn giáo bao giờ cũng khó hơn là truyền đạo cho một người chưa biết tin tưởng ở đạo nào cả.

Chúng ta cũng nên dè dặt với những vụ trở lại đạo ở giờ chót. Lúc gần

mệnh chung, trí tuệ và tính khí con người thường suy yếu hoặc không còn đủ sáng suốt như thời thường do đó ảnh hưởng đến sự quyết định sau cùng.

Trước giờ chết con người có những thái độ khác nhau bởi cá tính con người có lắm thứ chính trong giờ lâm tử ấy những khuynh hướng thiên nhiên lại phát hiện ra một cách rõ rệt. Giữa thái độ của một người mộ đạo xưa nay nhờ ân sủng mà có một lòng tín ngưỡng mãnh liệt, thần nhiên chờ đón tử thần tước sang cõi thiên đàng và thái độ của người vô thần bất trị, đến giờ chót vẫn không chịu tin ở đạo, chúng ta còn thấy lắm thái độ khác nhau. Có người tính vốn hiền lành, xưa giờ không biết đạo hạnh là gì nhưng trước giờ chết chỉ vì không muốn làm buồn lòng người thân quyến nên nghe theo lời họ mà trở lại đạo. Lại có lắm người lưng chừng, suốt đời lưỡng lự nan phân, nửa muốn sống theo đà những thị dục của mình cho thỏa thuê, nửa sợ những hình phạt ở địa ngục nên lúc gần chết họ trở lại đạo, vì muốn “ăn chắc” họ đánh cuộc theo lối nhà triết học Pascal dạy tức là cứ tin theo thuyết có thần thánh có thiên đàng đi, vì lỡ không có cũng chẳng thua thiệt gì.

Có những triết gia suốt đời sống một cách thanh thiện đúng theo lẽ luật của đạo nhưng lúc gần chết họ vẫn hoài nghi sự bất diệt của linh hồn bởi cái vũ trụ vô biên họ nhận thấy con người chẳng qua là một hạt bụi, và họ xét rằng linh hồn có vĩnh cửu bất diệt hay chẳng, đó cũng không phải là điều đáng kể. Lúc lâm chung những người ấy rất có thể nhận chịu đủ các phép theo nghi thức đạo chỉ vì họ muốn giữ đúng lễ. Lại có những người tầm thường và đây là số đông, suốt đời cố tình gạt bỏ qua một bên cái lòng tín ngưỡng hồn nhiên mà họ đã tiêm nhiễm tử thuở bé để rồi đến giờ chết lại bám víu vào đó.

CHƯƠNG XI - NHỮNG THỨ THUỐC ĐỘC GIẾT NGƯỜI

Ở một chương trước bàn về văn chương chung tôi có đề cập đến ảnh hưởng của các chất ma túy (á phiện, một phin v.v...) trong việc sản xuất những công trình của trí thức và chúng tôi đã chứng tỏ rằng ảnh hưởng ấy kể như không có. Những chất ma túy không mang lại cho nhà văn nghệ sĩ một ý kiến mới mẻ nào, nó chỉ làm tê liệt thần kinh, giúp cho người tinh thần đang suy nhược tạm thoát khỏi một cơn ám ảnh.

Ở đây tưởng nên bàn thêm vấn đề này vì nó có dính dáng rất gần với tâm lý học.

Bằng cách nào người ta trở nên nghiện ngập:

Tật nghiện, nghiện thuốc phiện hay nghiện rượu là một thói quen đặng tập thành như bao nhiêu thói quen khác người ta nhiễm lấy bằng cách lập đi lập lại mãi một hành động mà người ta xét ra có ích hoặc có mang lại một thích thú nào.

Nhưng trong cái “thói quen” nghiện này lại thêm ảnh hưởng của cơ thể, một cơ thể đã thâm nhiễm, đã quen với chất độc, nếu đột nhiên cơ thể ấy bị thiếu chất độc ấy, nó sẽ mất thăng bằng và trở lại hành hạ, công phạt người nghiện một cách dữ dội làm cho họ bị đau đớn khó chịu do đó nó càng tăng cường tính cách tự động trong hành động của họ.

Tất cả những thói quen của chúng ta và tật nghiện cũng thế, đều có nguồn gốc ở những bản chất thiên nhiên. Chúng ta khó thể tiêu diệt một thói quen không hợp với xu hướng thiên nhiên chúng ta. Một người có nhiều hoạt động tính dù có muốn tập thói quen “ăn không ngồi rồi” cũng không thể tập, cũng như người suy nhược tự nhiên “ghét” tập thể

dục, người có tính tiêu hoang khó lòng mà tập tính cần kiệm cũng như người thiếu óc hợp đoàn tự nhiên rất “sợ” những cuộc hội họp, những chốn đông người.

Có thể nói người sẵn có những bẩm chất thiên nhiên không thích hợp với việc dùng chất ma túy khó mà trở nên nghiện ngập.

Thí dụ một người vốn hiếu động, dù có muốn tập nghiện thuốc phiện cũng khó thành, bởi sau khi đã hút thỏa thuê, người hút luôn luôn trải qua một giai đoạn suy nhược, uể oải mà người hiếu động tự nhiên cảm thấy khó chịu. Đã không thấy thú họ sẽ không muốn tìm dịp hút nữa nhờ đó thói quen ấy khó thể tập thành.

Xét về những người tham vọng (vốn có nhiều bẩm chất tham muốn), người điềm nhiên (vốn kém cảm xúc tính), người biết suy xét (vốn có nhiều óc phán đoán) cũng thế. Người tham vọng không thích nghiện ngập vì họ thấy rằng tật ấy làm ngăn cản bước tiến của họ. Người điềm nhiên không cảm thấy thích thú nào trong việc “đi mây về gió”. Người biết suy xét nhờ thấy rõ những nguy hại của bệnh ghiền nên xa lánh nó.

Những người nghiện thường là những người suy nhược và đa cảm tính (kém hoạt động tính và nhiều cảm xúc tính). Do bẩm sinh họ luôn luôn buồn thảm và tinh thần suy kém do đó họ thích tìm lãng quên trong men rượu, trong khói thuốc. Không cảm thấy sinh thú, họ tìm hết mọi cách để thoát ly cuộc đời dù có hại đến sức khỏe của họ cũng mặc.

Như chúng ta thấy, chất ma túy chưa hoàn toàn chi phối nhân loại, kể ra cũng là điều may. Tuy nhiên những công cuộc bài trừ ma túy vẫn là công việc cần thiết vì số người “suy nhược và đa cảm” tức là những người dễ bị nghiện ngập bao giờ cũng là số đông trong nhân loại.

Cocaine:

Nếu phải xếp hạng các thứ thuốc độc giết người chúng ta phải đặt chất cocaine tục gọi là á phiện trắng ngay lên hàng đầu. Người nghiện nó chẳng khác người đã lãnh án tử hình. Ảnh hưởng khốc hại của chất cocaine vừa nhanh chóng vừa mãnh liệt, ngoài ra nó còn đưa người nghiện đến những hành vi phản xã hội. Sự kích động mãnh liệt do chất ma túy ấy gây ra lắm lúc làm cho người nghiện “nổi cơn giận dữ” một cách khó hiểu, có thể đưa đến tội ác. Cách dùng chất độc hại ấy lại dễ dàng, bất luận ở đâu và lúc nào người nghiện cũng có thể “hít” một hơi chất “tuyết”. *(Tiếng lóng chỉ chất cocaine vì nó là một thứ bột trắng tinh giống như tuyết. Người nghiện bỏ chất “tuyết” ấy vào mũi rồi hít).* Có điều may cho các tay nghiện chất ma túy ấy là nó đắt hơn vàng nên thường khi bọn buôn lậu trao cho khách nghiện thứ “tuyết” giả có pha trộn những chất không độc, nhờ đó bọn nghiện cũng đỡ hại. Nhưng dù sao, người nghiện cũng đã bước vào “cửa tử” một cách chắc chắn.

Morphine (mọt - phin):

Sau đó phải kể đến chất morphine. Ảnh hưởng của nó chậm hơn á phiện trắng vì một vài cơ thể có thể “quen dần với chất độc” nên dù bị ngấm độc cũng vẫn chịu đựng nổi, không bị hại ngay. Tuy đến chậm, nhưng ảnh hưởng khốc hại của chất morphine cũng rất chắc chắn và số phận của kẻ nghiện nó cũng không may mắn gì hơn người nghiện cocaine. Ngoài ra, người nghiện nó cũng dễ sa ngã, trụy lạc. Nó ảnh hưởng đến cá tính tập thành làm cho người nghiện mất cả giác quan luân lý, không còn biết đến những nguyên tắc sơ đẳng trong việc xử thế. Tất cả những huấn điều do giáo dục tạo ra cốt làm cho cuộc sống xã hội đàng trơn tru, hòa hảo thì kẻ nghiện đều bất chấp. Thật là một tình trạng bi thảm, nhất là kẻ nghiện ấy không thiếu thông minh.

Rượu mạnh:

Kể đó là rượu mạnh. Xưa nay người ta đã từng vạch rõ những nguy hại, những bệnh tật do chất độc ấy gây ra.

Khó mà bài trừ rượu vì nó là một con dao hai lưỡi, nếu biết dùng nó vừa phải nó là một chất thuốc bổ, nhưng dùng quá mức nó lại biến thành một thứ thuốc độc. Chỗ khó là làm sao phân định ranh giới đến mức nào sự dùng rượu mới biến thành một tai họa. Sự lạm độc do chất rượu còn tùy thuộc sức chịu đựng của cơ thể của mỗi người, còn tùy lối sinh hoạt thể chất của họ và cũng tùy trong hoàn cảnh nào họ dùng rượu. Lại nữa, tật nghiện rượu có thể xâm chiếm chúng ta mà chúng ta không dè. Chỉ vì ở không nhưng hoặc vì quen “nhăm nhi” mỗi ngày mà chúng ta đắm ra nghiện rượu. Có người chưa hề biết say sưa là gì nhưng vẫn mang bệnh nghiện rượu.

Về điểm trước, phái “bên vực rượu” thường đưa ra bằng cứ có những đồ đệ trung thành của lưu linh, song vẫn sống lâu. Nhưng đó chỉ là những trường hợp ngoại lệ nó xác nhận một quy tắc. Giá những ông lão ấy không uống rượu biết đâu họ chẳng thọ như Bành Tổ.

Về điểm sau, chúng tôi có thể trưng ra một trường hợp sống như sau đây: Độ nọ chúng tôi có dịp cai quản một xưởng máy, trong xưởng có những bác phu khuân vác than đá, một nghề rất nặng nhọc. Mỗi ngày họ “nốc” sáu bảy lít rượu vang nhưng không hề hấn gì cả. Trong lúc đó có một viên chức có phận sự ngồi coi cán than, chỉ uống mỗi ngày một lít vang, ngoài ra không dùng rượu mạnh cũng không nhấp rượu khai vị nhưng lại chết về bệnh héo gan.

Mấy mươi năm về trước bên Hoa Kỳ, chính phủ đã từng ra lệnh cấm bán rượu nhưng việc cấm đoán ấy không đem lại kết quả nên về sau phải bỏ lệnh ấy. Công cuộc bài trừ rượu là thuộc vấn đề giáo dục, cưỡng ép đã không lợi còn hại thêm.

Á phiện:

Bên Âu Tây ít người dùng á phiện, kể ra cũng là điều hay. (Trái lại bên Á Đông á phiện đang thông dụng hơn cocaine và morphine). Chất á phiện sánh với chất morphine hoặc cocanin tương đối ít độc hơn. Vả lại theo cách dùng thuốc phiện người ta thường chỉ hút chứ không tiêm thẳng chất độc vào máu như lối dùng morphine. Những chất alcaloides tức là chất độc trong á phiện sẽ tan theo mây khói hoặc tồn tại trong mớ nhựa nhót còn sót lại nhờ đó cũng đỡ hại. (Vĩ thế, mấy “ông tiên” nghèo vì không đủ tiền hút thuốc hộp phải hút thuốc xái, hoặc nuốt nhựa để bị “hư” người hơn mấy “ông tiên” dư tiền hút ròn thuốc hộp). Về phương diện sinh lý khói thuốc phiện vẫn làm hại cơ thể nhưng ảnh hưởng chậm. Nếu bộ thận và lá gan của người nghiện tốt họ có thể chịu đựng chất độc ấy trong nhiều năm cũng chưa sao. Giá thay vì hút, họ lại uống thì ¼ số thuốc phiện họ dùng hàng ngày cũng đủ đưa họ về chầu “Diêm Vương” từ lúc nào. Cũng như chất nhựa nicotine chứa đựng trong một gói thuốc lá đủ làm thành một liều độc giết người, song xưa nay lắm người đã từng hút gói thuốc lá này đến gói thuốc lá khác mà không sao cả.

Mối hại của á phiện trên phương diện tinh thần còn độc hại hơn trên phương diện thể chất. Người nghiện mất bao nhiêu thời giờ nằm quanh bàn đèn, mơ mộng và... ngủ. Họ không còn thiết tha gì cả: công ăn việc làm, gia đình, bè bạn, đối với họ kể bằng không. Họ tự đào thải họ ra khỏi vòng nhân loại, họ đã biến thành những cái xác không hồn tuy rằng họ không làm hại ai cả.

Có thể nào chữa bệnh ghiền chẳng?:

Hẳn là có thể chữa, song phương pháp tẩy độc đòi hỏi nhiều thời giờ, lắm công phu; trong lúc chữa người bệnh lại bị hành hạ khổ sở mà kết quả thì chỉ tạm thời thôi. Muốn tẩy độc phải đến nhờ các vị y sĩ chuyên môn. Các nhà chuyên môn đều biết rằng sau khi tẩy độc, nếu không kiểm soát nghiêm ngặt các “ông tiên” có thể ngã trở lại vào tay “ả phù dung”. Vốn tính suy nhược và đa cảm, sau khi ra khỏi bệnh viện, họ

vẫn bị những trạng thái lo âu, áy náy giày vò, tự nhiên họ lại đi tìm lãng quên trong chất độc.

Chưa từ tuyệt diệt nguyên nhân thì cũng chưa trừ tuyệt căn bệnh. Chúng ta nên thương hại hơn là buộc tội những người nghiện. Hiện giờ y học vẫn chưa tìm ra phương pháp kiến hiệu nào để lập lại sự điều hòa cho bộ thần kinh do bẩm sinh bị lệch lạc, mất thăng bằng.

Một khi đã cho họ tấy độc còn phải chăm nom săn sóc họ luôn luôn, đừng để họ có dịp sa ngã lại. Trong việc này sự chăm nom đầy âu yếm của một người vợ, sự săn sóc đầy hiểu biết của những bè bạn có hiệu lực hơn sự cưỡng bức.

CHƯƠNG XII - CẦN LAO, TỰ DO VÀ HẠNH PHÚC

Trong phim “Tự do là thuộc về chúng tôi” (à nous la liberté) nhà điện ảnh René Clair đã chỉ trích một cách cay độc lối sống tân thời. Bằng một lối châm biếm vừa ngông nghênh vừa trào lộng, ông cho chúng ta thấy rằng các xưởng máy tối tân hiện giờ mà công việc sản xuất được tổ chức theo lối dây xích thật chẳng khác nhà tù và ông khéo làm cho chúng ta thêm thuồng lối sống phiêu lãng, ham thích những thú vui trong sạch của kẻ lãng tử sống trên vỉa hè hoặc dưới gầm cầu.

Trước ông, đã từ có những nhà kinh tế học đạo mạo lên án lối tổ chức công việc làm theo khoa học hiện giờ tức là lối làm việc theo dây xích. Các nhà kinh tế học ấy cho rằng bắt nhân công làm việc như một cái máy theo lối Taylor là hủy hoại cá tính của con người, thét rồi con người sẽ đâm ra điên loạn. (Trong tạp chí “Europe” số tháng 3 năm 1932, O. Lavand cũng đã lên án một cách hơi kỳ dị phương pháp làm việc của Taylor. Ông Lavand cho rằng đó là một phương pháp áp bức của tư bản. Ông làm như dân Nga-Sô người ta không áp dụng phương pháp Taylor. Thật ra Nga-Sô vẫn dùng phương pháp đó nhưng lại đổi tên là Stakhanovisme chứ không gọi là Taylorisme nữa).

Vấn đề cần lao:

Hiện giờ trong tất cả mọi ngành hoạt động người ta đều hướng đến việc tổ chức công việc làm theo lối khoa học, với mục đích tăng gia năng suất và giảm bớt sức lao động.

Để đạt đến mục đích ấy người ta phải hạn chế những sáng kiến cá nhân phần nào, tức là không để cho công nhân làm việc tùy “hứng” nữa, người

ta quy định trước những lề lối làm việc và nhân công có phận sự là làm đúng theo đó.

Theo lề lối làm việc có tổ chức này nhân công đỡ nhọc sức cũng bớt mệt trí nhưng đồng thời họ lại phải hy sinh ít nhiều tự do cá nhân.

Chúng ta thử cân nhắc những điểm “lợi”, “hại” của chủ trương ấy.

Nói đến tự do của con người, chúng ta phải phì cười. Ngay về phương diện tinh thần chúng ta đã có bao giờ hưởng được tự do hoàn toàn đâu? Như đã biết, chúng ta hành động do cá tính thiên nhiên, mà cái cá tính thiên này này có tùy thuộc chúng ta đâu? Và lại, lúc nào chúng ta cũng bị lối sống văn minh chi phối.

Bước ra đường? Chúng ta phải đi theo những khoảng đường dành riêng cho bộ hành. Muốn đi xe ô tô buýt? Chúng ta phải làm đuôi đợi đến phiên lấy vé. Lái ô tô? Chúng ta phải tuân theo những hướng đi bắt buộc hoặc tuân theo mệnh lệnh của viên cảnh sát gác đường. Ông muốn đi xem hát vào ngày thứ bảy? Nên cẩn thận lấy vé từ hôm thứ năm. Ông ở phòng? Ông phải tuân theo chỉ thị của người cho thuê phòng. Ông là thương gia? Nhân viên thuế vụ lúc nào cũng có quyền lục xét những sổ sách bí mật của ông. Ông muốn du lịch? Phải xuất trình đủ bao nhiêu giấy tờ phiền phức... Xét ra, đời sống xã hội chỉ có thể tồn tại khi con người biết hy sinh phần nào những “tự do” của mình.

Vấn đề cần lao (*Danh từ “cần lao” ở đây nên hiểu là cái chức nghiệp, cái nghề chính để mưu sống*) có liên hệ đến vấn đề hạnh phúc của con người.

Chúng ta phải tìm hạnh phúc trong những giờ làm việc hay trong những giờ nhàn rỗi?

Chúng ta phải tìm thấy ý nghĩa đời sống trong việc cần lao, xem nó là một phần quan trọng của đời sống?

Hoặc giả chúng ta phải xem nó như một sự bắt buộc để thỏa mãn những nhu cầu vật chất cũng như tinh thần. Nói tóm lại chúng ta phải xem việc

cần lao như một phương tiện hay như một cứu cánh? (Chúng tôi có dịp đọc một bài báo của nhà phê bình trứ danh, ông André Rousseaux (báo Figaro số ra ngày 3-5-1950) trong số đó có đoạn sau đây: "...Lối làm việc theo dây xích là một hình thức mới để chế độ nô lệ, mà người ta cho rằng đã bị tiêu diệt, lại đào vào xã hội chúng ta..." Ông đã cả tiếng phản đối cho rằng "đó là một sự vi phạm thân phận con người", cho rằng khi người ta chỉ đếm xỉa đến năng suất thì "không còn ai nghĩ đến việc sản xuất những công trình mỹ thuật nữa mà chỉ lo tạo ra những món đồ hữu dụng", và cũng không một ai đủ thời giờ để suy tưởng. Có lẽ ông A. Rousseaux quên rằng, sự tổ chức công việc làm (mà lối làm việc theo dây xích chỉ là một phần) đã đi đến kết quả tốt đẹp là giảm bớt sự vất vả của con người và tăng thêm giờ nhàn hạ cho họ. Nhìn lại những tiến bộ do lối tổ chức việc làm mang đến trong vòng 50 năm vừa qua chúng ta phải kể: nó đã làm sụt giá nhiều món hàng nhờ sản xuất đáng nhiều nên giá bán rẻ, do đó lớp người nghèo cũng hưởng đáng nhiều tiện nghi, nó cũng đã rút bớt thì giờ làm việc trong các xưởng trước kia làm 12 giờ bây giờ chỉ làm 8 tiếng đồng hồ. Đó là chưa kể, với sự tiến bộ của khoa học, giờ làm việc này còn có thể giảm bớt được).

Nếu con người có thể chọn nghề nghiệp phù hợp với thị hiếu, với xu hướng thiên nhiên của mình thì việc cần lao quả là một yếu tố để tạo ra hạnh phúc trên cõi đời này. Đó là chưa kể những nhận xét của giáo sư M. Boll và A. Delmas cho rằng vấn đề hạnh phúc còn tùy thuộc những yếu tố bên trong tức là tùy thuộc trạng thái của bộ thần kinh mà người ta quen gọi chung dưới danh từ là "toàn thân cảm giác". Một người tinh thần suy kém do bẩm sinh, có tính áy náy, lo âu khó mong tìm thấy hạnh phúc trong đời sống hoặc trong việc làm.

Nhưng không mấy khi chúng ta biết chọn một nghề nghiệp thích hợp với những bẩm chất thiên nhiên bởi lẽ chúng ta ít biết rõ về cá tính thiên nhiên của mình. Chúng ta thường chọn một nghề nào chúng ta thích hoặc dễ làm, hoặc chọn nghề nào kiếm đáng nhiều tiền nhất, hoặc có thể đem lại nhiều danh vọng nhất. Ngoài một số rất hiếm người "bất vụ lợi" như một ít đấng chân tu, một ít nhà khoa học, có mấy người trong chúng ta tìm thấy những thích thú trong chức nghiệp của mình như các nhà truyền đạo cảm thấy khi họ thi hành thiên chức của họ.

Kể ra thật khó mà quan niệm một xã hội trong đó mọi người đều nhận lãnh một trách vụ hợp với cá tính thiên nhiên của mình. Bởi không chọn đăng một nghề nghiệp thích hợp với bẩm tính của họ nên lắm người không tìm thấy hứng thú trong việc làm và xem sự cần lao như một cực hình.

Những phương pháp tuyển trạch người giúp việc mà ở trước chúng tôi đã nêu ra có mục đích thích ứng người làm việc với công việc làm. Song như chúng ta đã rõ, sự tuyển trạch ấy không phải là việc dễ.

Lỗi tổ chức công việc làm theo phương pháp mới hiện giờ có mục đích xếp đặt những công việc đã đăng “đúc thành khuôn” cốt cho một số đông người dù khả năng thể chất có khác nhau ít nhiều vẫn có thể thích ứng với công việc. Chúng tôi không hiểu tại sao có người lại chỉ trích chủ trương ấy.

Có lẽ đã đến lúc chúng ta phải thay đổi quan niệm về vấn đề cần lao. Cái quan niệm “con người vì bị trời phạt nên phải làm việc vất vả để đền tội” đã lỗi thời. Bọn người mạn rợ chỉ làm việc để kiếm ăn hằng bữa, để cất một cái chòi đủ che mưa nắng. Ngoài ra chúng thả rong, nằm nghỉ, họp nhau để khêu vũ hoặc tìm thú “yêu đương”.

Muốn đạt đến mục đích thật của đời sống có lẽ chúng ta phải gạt bỏ những thắc mắc về vấn đề định mạng, mà chỉ lo làm những công việc mình thích thú nó phù hợp với những thị hiếu, những khuynh hướng thiên nhiên của mình, và tìm thấy những thú vui trong sạch trong sự cần lao, gạt bỏ vấn đề kiếm tiền qua một bên. Theo nghĩa đó, sự cần lao phải là một phương tiện tạo ra cho con người những thích thú mà nếu thiếu, đời sống sẽ thành ra vô nghĩa.

Nếu chúng ta không tin tưởng ở “đời sau”, ở một cõi thiên đàng mà con người có thể hưởng đăng hạnh phúc hoàn toàn và vĩnh cửu, thiết tưởng ngoài ra cần lao không còn phương thế nào khác hơn để tạo ra một đời sống hạnh phúc dưới cõi trần này, dù rằng chỉ là một thứ hạnh phúc

tương đối.

Định mệnh của con người:

Khi phải nhận xét về cuộc sống hiện tại, chúng ta chỉ có hai thái độ. Hoặc chúng ta sẽ giải thích theo thuyết siêu hình, và như thế việc đi tìm hạnh phúc ở cõi trần này không thành vấn đề vì để bù lại những hy sinh, những cố gắng để sống theo một lối sống khắt khe đúng lẽ luật của tôn giáo, chúng ta sẽ đáng hưởng “phước đời đời” trên thiên đàng.

Hoặc giả chúng ta sẽ cho rằng cuộc đời này vô nghĩa bởi xét theo khoa học, thuyết “chung cuộc nguyên nhân” (*Thuyết cho rằng trên đời này làm việc gì cũng có nhân và có quả*) không đứng vững và xét về tạo vật thì vũ trụ này chỉ là một cuộc tàn sát vĩ đại mà sự ác độc là một trong những điều kiện để sinh tồn. Sinh vật này “nuốt” sinh vật khác để sống. Tạo vật sẵn sàng hy sinh hàng triệu hàng ức sinh mạng khác mặc dù đứng trên thực tế mà xét, chúng ta không hiểu nổi tại sao sự sống lại phải trường tồn trên quả địa cầu này.

Tạo vật không có luân lý tính dục, nói đúng là nó không biết một thứ luân lý nào cả; nếu trong tạo vật có một lẽ lối luân lý để “yêu đương” thì đã có một thể cách truyền giống theo một lẽ lối nhất định. Nhưng xét theo tạo vật, cái truyền giống biến đổi tùy theo mỗi loài, mỗi giống vật. Cái tạo vật mù quáng và lãnh đạm ấy chỉ biết có một việc: lưu truyền sự sống bất cứ bằng phương tiện nào, với thể cách nào cũng được. Ở loài vật cũng có sự thác loạn về tính dục, một vài giống lại biết dùng đến phương pháp kết thai giả tạo.

Để phối hợp nhau chúng biết dùng đủ thể thức mà loài người đã biết: từ chế độ độc thê, đa thê, mẫu hệ v.v... Chúng lại dùng để một thể thức mà loài người chưa biết: lối sinh sản hàng loạt, chỉ một con mái chịu thai một lần rồi sinh ra hằng bao nhiêu con khác.

Có thể nói những hiện tượng của tạo vật là những cuộc thí nghiệm kế

tiếp và rất khác nhau. Sự sống đang lưu truyền do một sự rủi may. Tạo vật cũng không biết chọn lựa một thể thức thích ứng với môi vật, có khi lại dùng đến những thể thức có phương hại cho giống nòi. Các nhà sinh vật học nhận thấy hiện tượng “đột biến” thường diễn ra một cách bất lợi cho việc tiến hóa các sinh vật. Những hiện tượng của tạo vật thường diễn ra một cách ngẫu nhiên, không theo một trật tự nhất định nào, lại thiếu cả sự hòa hợp làm cho lắm nhà khoa học, lắm nhà tư tưởng phải suy nghĩ.

Chúng ta có thể dẫn ra hàng trăm thí dụ về sự thiếu hòa hợp trong tạo vật. Theo luật chung của sinh lý học thì có một con tinh trùng là có thể gặp noãn cầu để kết hợp và kết thai. Song trứng của loài ếch lại chứa đến ba tinh trùng. Lẽ dĩ nhiên chỉ có một tinh trùng kết hợp còn hai “anh” kia thì... ngồi xem.

Một thí dụ khác: đa số các sinh vật (thực vật hay động vật) đều thuộc hạng “lưỡng tương nhiễm thể” tức là trong những tế bào của sinh vật ấy đều có hai giống nhiễm thể. Nhưng đồng thời tế bào của một số người hoặc vài giống vật lại có nhiều giống nhiễm thể. Những giống này to lớn khác thường.

Thái độ của người hiền:

Trước một tạo vật mù quáng mà con người không đo lường nổi ý định, trước cái vũ trụ vô biên mà con người chỉ là một phần nhỏ nhút không đáng kể, những ai không may mắn đang có một lòng tin ngưỡng nhờ đó tìm thấy sự an tĩnh của tâm hồn, làm sao khỏi thắc mắc về vấn đề định mệnh của con người? Phải tựa vào đâu để tìm thấy một lẽ sống? Phải có thái độ nào để tìm hạnh phúc trong đời sống?

Trước hết, chúng ta phải căn cứ ở điểm thực tế này: sự đau khổ là cần thiết, không đau khổ chúng ta cũng không sao nếm được hạnh phúc. Nếu có thể dứt bỏ hết mọi nỗi đau khổ ở đời này chúng ta sẽ đi đến, không

phải sự thản nhiên của tâm hồn mà phải khắc kỷ đã chủ trương, song là đi đến chỗ bất động của một hòn đá, một khúc gỗ.

Hạnh phúc trên đời này vừa chóng qua vừa tương đối. Không một con người nào, một biến cố nào có thể mang hạnh phúc đến cho chúng ta. Cái hạnh phúc ấy, chúng ta phải tự tạo lấy do sức cố gắng riêng của mình. Trước hết phải biết tìm cách làm giảm bớt những mối đau khổ của riêng mình, giảm những mối khổ về thể chất bằng cách bảo vệ sức khỏe, giảm những mối khổ về tinh thần bằng cách tạo nên một cá tính tập thành đủ sức kiềm hãm hoặc làm dịu bớt những bản chất thiên nhiên nào có phương hại.

Nhưng cần nhất là đừng bao giờ gieo rắc sự đau khổ chung quanh mình, trái lại phải tìm cách xoa dịu nỗi khổ của kẻ khác. Trước sự đau khổ, mọi người đều liên đới với nhau.

Người ích kỷ ngỡ rằng có thể tạo lấy hạnh phúc bằng cách gieo họa, gửi khổ cho kẻ khác. Thật ra họ đã lầm lạc to. Không chày thì kíp những đau khổ họ đã gieo rắc sẽ quay trở lại để dày vò chính họ.

Óc khôn ngoan của loài người đã chẳng từng dạy: không ai có thể xây dựng hạnh phúc của mình trên sự đau khổ của những người khác.

Tổ chức những giờ nhàn hạ:

Chỉ trong những giờ nhàn hạ chúng ta mới có dịp mở mang kiến thức, bồi bổ tinh thần hoặc trí thức, tạo nên sự bình quân giữa nội thân và ngoại cảnh, để hướng đến hạnh phúc.

Những giờ cần lao chỉ xen vào để phát triển những công việc nói trên, đồng thời để thỏa mãn những nhu cầu cốt yếu của chúng ta.

Nếu chúng ta muốn đỡ nhọc nhằn vì cần lao chúng ta phải biết giảm bớt

công việc làm. Những người mẫn chuộng tự do thường biết hạn chế công việc làm, họ chỉ làm những công việc nào khẩn thiết thôi.

Nói thế không có nghĩa là khuyên ai xem rẻ việc cần lao hoặc cho rằng chỉ nên làm việc một cách gượng gạo, miễn cưỡng. Đã dự vào một trò chơi chúng ta phải tuân theo luật lệ của trò chơi ấy tức đã không làm việc thì thôi mà đã làm thì phải cố gắng tiến đến chỗ tận thiện, tận mỹ. Có biết làm việc với tinh thần ấy chúng ta mới có thể mong hưởng được ít nhiều tự do còn sót lại.

Như thế, tất cả những phương pháp nào có thể giản dị hóa công việc làm, giảm bớt sức người, rút bớt thời giờ đều đáng kể là một lợi ích xã hội. Đành rằng làm cho con người nhàn hạ cũng có điểm không hay, rất có thể vì quá nhàn hạ mà người ta đâm ra hư hỏng. Chưa ắt gì tất cả mọi người đều biết dùng thời gian nhàn rỗi của họ để tu tâm cải tính. Nhưng nếu họ biết dùng những giờ nhàn hạ ấy một cách vô hại kể ra cũng quý lắm rồi...

Công cuộc tổ chức công việc phải đi đôi với công cuộc giáo dục xã hội. Một khi công việc làm đã được tổ chức thì nó cũng đã mất hứng thú phần nào, đứng về phương diện tinh thần mà xét, như vậy phải tìm cho con người những thú vui khác để họ khỏi đắm mình trong những khoái lạc có hại như rượu, thuốc phiện. Tổ chức những thú vui cũng quan trọng như tổ chức công việc làm.

Mối thảm họa của thời đại này:

Nếu cho rằng hạnh phúc chúng ta tùy thuộc phần nào cái toàn thân cảm giác, tức là sự thăng bằng của bộ thần kinh thì tất cả những nguyên do nào có thể làm mất sự thăng bằng ấy đều có ảnh hưởng đến sự thư thái của tâm hồn tức là đến hạnh phúc của chúng ta. Đối với những người do bẩm sinh mà tinh thần bị suy kém thì một biến cố không hay nào xảy ra cũng có thể biến thành thảm họa. Những người tính vốn lạc quan dễ chống trả với nghịch cảnh hơn.

Song dù có lạc quan đến đâu cũng có một giới hạn. Trong khúc quanh của lịch sử mà chúng ta đang sống hiện nay, có thể nói hạnh phúc của loài người luôn luôn bị đe dọa.

Quả bom nguyên tử hủy diệt thành phố Hiroshima năm 1945 đã làm cho đa số dân chúng phải kinh ngạc. Vì ngoại trừ một số hiếm người có thực học, đa số dân chúng đều không nhận định rõ bước tiến triển kỳ lạ của khoa học trong vòng 50 năm gần đây, nó làm đảo lộn nền móng những kiến thức loài người. Các nhà khoa học hiện nay đã lật đổ nhiều giá trị cũ. Từ thuyết “tương đối” của Einstein, thuyết “lượng tử” của Plank, thuyết “cơ học ba động” của Broglie đến những cuộc tìm tòi về nguyên tử lực, những gì mà các nhà khoa học chủ trương từ mấy thế kỷ trước đều bị lật nhào. Khi nghiên cứu về những gì thuộc cái thế giới “vô cùng tiểu” người ta nhận thấy nó không mấy khác cái thế giới “vô cùng đại” mà chúng ta đã từng quan niệm khi có dịp ngước mắt nhìn lên vòm trời thăm thẳm trong đêm hè.

Xưa kia ông cha chúng ta quan niệm một cái vũ trụ rất đơn giản mà quả địa cầu là trung tâm điểm, chung quanh đó có mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Sau đó nhờ thuyết Newton chúng ta đã hiểu rõ hơn về cách cấu tạo, về một ít định luật của vũ trụ. Nhưng hiện giờ, chúng ta phải nhận rằng mấy chòm sao mà chúng ta nhìn thấy trên vòm trời ở những đêm trong sáng, thực ra đó chỉ là những tinh vân trong số bao nhiêu tinh vân khác mà chúng ta chưa rõ bởi nó cách xa chúng ta hằng bao nhiêu ức cây số. Và mỗi tinh vân như thế là cả một vũ trụ.

Đồng thời một ý thức hệ mới lại đè nén trên sáu trăm triệu người, và còn lấn le xâm chiếm cả nhân loại. Một ý thức hệ gồm có những chân lý mà người ta tự ý đặt ra sẵn, nó bắt buộc con người phải tư tưởng, phải cảm nghĩ theo định luật duy nhất, trái ngược với những gì từ bao nhiêu thế kỷ đã làm thành giá trị con người.

Một phần lớn dân chúng trên quả địa cầu này hiện đang sống trong kinh hoàng, vì nơm nớp lo sợ mỗi đe dọa ấy.

Sự tích mà phù thủy tập sự bày ra lắm phép huyền diệu để rồi những

phép ấy trở lại ám hại mình ngày nay đã thành một sự thật.

-- Hết --